

**TƯỢNG NIỆM NHÀ VĂN, NHÀ GIÁO DỤC
BÙI NHẬT TIẾN (1936-2020)**



Biên soạn: Phan Anh Dũng (Rockville, Maryland USA)

Thực hiện: tháng 9, 2020 – Hiệu đính: tháng 9, 2021

NHÀ VĂN NHẬT TIẾN QUA ĐỜI

Theo sau sự ra đi của hiền thê là nữ văn sĩ, dịch giả Đỗ Phương Khanh vào ngày 26 tháng 8 vừa qua, gia đình cho hay, 11:26 phút trưa ngày 14 tháng 9, 2020 (tức 27 tháng 7 năm Canh Tý), nhà văn Nhật Tiến vừa từ trần tại thành phố Irvine, Nam California, hưởng thọ 84 tuổi.

Nhà văn Nhật Tiến tên đầy đủ là Bùi Nhật Tiến – sinh ngày 24 tháng 8 năm 1936, tại Hà Nội – là tên tuổi lớn trên văn đàn Việt Nam. Ông là tác giả tiếp nối của dòng văn học Tự Lực Văn Đoàn; và, bằng chính đời sống và sáng tác của mình, ông mở rộng những chủ đề và cả phong cách sáng tác theo dòng lịch sử đất nước. Có thể nói, lịch sử đặt ông vào những biến cố lớn của đất nước, để từ đó, thông qua ngòi bút của mình, ông trở thành tiếng nói của thời đại mà chính ông và gia đình là những nhân chứng sống. Năm 1954 ông di cư vào Nam, sống tại Đà Lạt, rồi Sài Gòn. Vượt biển vào tháng 10/1979, và tỵ nạn tại Songkhla (Thái Lan) 9 tháng. Ông và gia đình định cư tại California (Hoa Kỳ) từ năm 1980.

Về sự nghiệp văn chương, ông đoạt Giải nhất Giải Văn Chương Toàn Quốc năm 1960-1961, với tác phẩm Thềm Hoang. Trước đó, năm 1952, truyện ngắn của ông lần đầu xuất hiện tại Hà Nội trên Nhật báo Giang Sơn và những vở kịch trên Tuần báo Cải Tạo năm 1953-1954. Tại Đà Lạt, năm 1954-1955, ông tiếp tục viết kịch truyền thanh cho đài radio tiếng nói của Ngự Lâm Quân. Từ năm 1958, tại Sài Gòn, 1958, ông tham gia Giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay do nhà văn Nhất Linh chủ biên.

Trước năm 1975, tại Việt Nam, ông từng viết cho: Giang Sơn, Cải Tạo, Thời Tập, Chánh Đạo, Bách Khoa, Văn, Tân Phong, Văn Học, Đông Phương. Tại hải ngoại, từ năm 1980 đến nay, ông được mời xuất hiện trên nhiều tờ báo và trang web. Riêng tại California, ông đã từng viết cho: Người Việt, Sài Gòn, Văn Nghệ, Hợp Lưu, Văn Học, Việt Tide, Vietstream, Khai Phóng, Chấn Hưng, Việt Nam Hải Ngoại. Ngoài ra, ông còn có tác phẩm trên Đất Mới (ở Seattle), Ngày Nay (ở Kansas City), Xác Định (ở Virginia). Xa hơn, bên ngoài Hoa Kỳ, ông có bài trên Chuông Saigon, Việt Luận, Chiêu Dương phát hành tại Úc châu, Lửa Việt tại Canada, Độc Lập tại Tây Đức, và Đường Mới, Quê Mẹ tại Pháp.

Tác phẩm của ông bao gồm nhiều thể loại: Truyện dài, Truyện ngắn, Truyện thiếu nhi, Kịch – Tiểu thuyết kịch. Đặc biệt, những năm sau này ông làm công việc khảo cứu gần như là văn học sử qua các tác phẩm Ghi chép và Tiểu luận.

Ngoài viết văn, ông còn là nhà giáo. Ông dạy học, và tham gia các hoạt động văn hóa, giáo dục và xã hội khác. Ông là người viết thỉnh nguyện thư và sau trở thành thành viên của Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển (Boat People S.O.S. Committee), từ năm 1980 đến 1990.

Đã phát hành:

Truyện dài:

- *Những Người Áo Trắng (1959)*- [PDF](#)
- *Những Vì Sao Lạc (1960)*
- *Thềm Hoang (1961)* – [PDF](#)
- *Mây Hoàng Hôn (1962)*
- *Chuyện Bé Phương (1964)* – [PDF](#)
- *Vách Đá Cheo Leo (1965)* – [PDF](#)
- *Chim Hót Trong Lồng (1966)* [PDF](#)
- *Tay Ngọc (1968)*
- *Giấc Ngủ Chập Chờn (1969)* [PDF](#)
- *Quê Nhà Yêu Dấu (1970)*
- *Mồ Hôi Của Đá (1988)*

Truyện ngắn:

Đã viết hơn 100 tác phẩm, một số được giới thiệu trong các tuyển tập...

- *Những Bước Đầu Tiên Của Tôi (1951, tuyển tập truyện và thơ chép tay đã thất truyền)*
- *Ánh Sáng Công Viên (1963)*
- *Giọt Lệ Đen (1968)*
- *Tặng Phẩm Của Dòng Sông (1972)*
- *Tiếng Kèn (1982)*– [PDF](#)
- *Một Thời Đang Qua (1985)*
- *Cánh Cửa (1990)*
- *Quê Nhà - Quê Người (1994, in chung với nhà văn Nhật Tuấn)*
- *Mưa Xuân (2013)* – [PDF](#)

Truyện thiếu nhi:

- Lá Chúc Thư (Truyện dài, 1969)
- Theo Gió Ngàn Bay (Truyện vừa, 1970)
- Quà Giáng Sinh (Truyện vừa, 1970)
- Đóa Hồng Gai (Truyện vừa, 1970)
- Kể chuyện Tâm Cám (Truyện ngắn, 1970)
- Ngày Tháng Êm Đềm (Truyện vừa, 1972)
- Đường Lê Núi Thiên Mã (Truyện dài, 1972)
- *Thuở Mơ Làm Văn Sĩ (Hồi ký, 1973)* [■ PDF](#)

Kịch & Tiểu thuyết kịch:

- *Người Kéo Màn (Tiểu thuyết kịch, 1962)* [■ PDF](#)
- Hạ Sơn (Kịch lửa trại, 1973)
- Công Lý Xã Hội Chủ Nghĩa (Kịch một màn, 1988)
- Một Buổi Diễn Kịch (Truyện ngắn kịch, 1990)
- Một Khoảnh Đời Thường (Kịch một màn, 2013)
- Ông Giáo Hồi Hưu (Kịch một màn, 2013)

Ghi chép-Tiểu luận:

- Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan (1981, viết chung với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy)
- Thuyền Nhân – Vài Trang Bi Sử (2008)
- *Hành Trình Chữ Nghĩa (2012)* [■ Tập 1](#) [■ Tập 2](#) [■ Tập 3](#)
- *Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác (2012)* [■ PDF](#)
- Sự Thật Không Thể Bị Chôn Vùi (2012)
- Một Thời... Như Thế (2012)
- Từ Hội Bút Việt Đến Trung Tâm Văn Bút Việt Nam (2016)



CÁO PHÓ

Chúng tôi xin trân trọng kính báo cùng thân bằng quyến thuộc
Bố, Anh, Em, Ông Nội, Ông Ngoại của chúng tôi là

Ông BÙI NHẬT TIẾN

Pháp danh Minh Thành

sinh ngày 24 tháng 8 năm 1936, tại Hà Nội

đã về cõi Phật ngày 14 tháng 9 năm 2020
(tức ngày 27 tháng 7 năm Canh Tý) tại Irvine, Nam California

Hưởng thọ 84 tuổi

Linh cữu được quản tại Peek Family, phòng số 5
7801 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 893 3525

CHƯƠNG TRÌNH TANG LỄ

Lễ Nhập quan:

Thứ Bảy ngày 26 tháng 9, lúc 2 giờ trưa

Thăm viếng:

Thứ Bảy ngày 26 tháng 9, từ 3 giờ chiều đến 7 giờ tối

Chủ nhật ngày 27 tháng 9, từ 10 giờ sáng đến 1 giờ trưa

Lễ Di quan & Hòa tang: *Chủ nhật ngày 27 tháng 9, lúc 1 giờ trưa*

TANG GIA ĐỒNG KHẬP BÁO

Trường nam: Bùi Nguyễn Tùng, và con Gabrielle Bùi

Trường nữ: Bùi Thị Bội Khanh, chồng Đào Xuân Hân, và con Đào Thụy Tú Anh

Thứ nam: Bùi Nguyễn Trúc, vợ Mai Hồng Yến, và con Bùi Quang Vinh

Thứ nữ: Bùi Thị Vân Khanh, chồng Don Noon,
và các con Laura Noon, Benjamin Noon

Thứ nam: Bùi Michael Trụ và con Tristin Bùi

Thứ nữ: Bùi Thị Loan Khanh, chồng Trần Khánh Hưng,
và các con Nguyễn Đình Khoa, Nguyễn Vy Khanh

Thứ nữ: Bùi Kathleen Mai Khanh và các con Trần Khánh Dân,

Amory Vincent Nguyễn, Darys Hiệp Nguyễn,

Ivy Thụy Khanh Nguyễn, Vine Thị Khanh Nguyễn

Anh: Bùi Nhật Thanh, các con và các cháu (Hà Nội, Việt Nam)

Chị: Bùi Bích Liên, các con và các cháu (Hà Nội, Việt Nam)

Em vợ: Đỗ Mai Chi, Đỗ Thị Thuận

Nghĩa tử: Trịnh Bằng Linh, vợ Nguyễn Thu Trang và con Trịnh Nguyễn Giáp

Nghĩa nữ: Phương Hồng Quế, Trang Thanh Lan

XIN MIỄN PHÚNG ĐIỀU

Kính thưa các bác, các cô chú và các anh chị,

Cháu xin trân trọng cảm tạ các bác, các cô chú và các anh chị đã nghĩ đến và chia sẻ sự mất mát quá lớn của cháu và gia đình.

Trong thời gian đại tang có điều gì sơ suất xin các bác, các cô chú và các anh chị bỏ qua cho ạ.

Kính tạ,

Cháu mai khanh và gia đình – mkbui@yahoo.com



Website của Nhà văn Nhật Tiến – <https://nhavannhattien.wordpress.com/>

Bố tôi, Nhà văn Nhật Tiến qua đời

**** Michael Trữ Bùi ****

Mẹ tôi người làng Hành Thiện, Nam Định, Ông Nội của Mẹ tôi chống Pháp bị chém đầu chung với Hoàng Hoa Thám tức Đề Thám vào năm 1913. Mẹ tôi có người anh cả tức Bác Quỳnh đi theo Việt Minh cũng chống Pháp. Việt Minh trong giai đoạn này là liên minh chính trị cánh tả mang danh nghĩa trung lập với mục đích công khai là “Liên hiệp tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái để chống thực dân Pháp”. Sau Bác Quỳnh bị Việt Minh thủ tiêu vì không phải là người của Đảng Cộng Sản mà Bác đi theo Đảng Tân Dân Chủ. Lớn lên khi dọn về Hà Nội, gia đình Mẹ rất khá giả vì ông Ngoại tôi là nhà thầu cho mỏ than Hòn Gai – tỉnh Quảng Ninh. Sau khi Việt Minh chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp Định Đình Chiến Geneve được ký kết, ông Ngoại tôi tức tốc bán tổng bán tháo tài sản để di cư vào Nam, tránh bị đấu tố khi đã biết quá rõ bản chất của người Cộng Sản là gì!

Còn Bố tôi gốc Hà Thành, có 2 anh chị cũng đi theo Việt Minh chống Pháp, nhưng người anh kế là Bác Tân thì lại đi theo chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Sau khi Bác Tân tốt nghiệp khóa Sĩ Quan Hải Quân ở Nha Trang mang quân hàm Thiếu Úy và vì tin theo Hiệp Định Geneve năm 1956 sẽ có Tổng Tuyển Cử, 2 miền Nam Bắc sẽ thống nhất, nên bác quay về Hà Nội. Khi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm làm cuộc Trưng Cầu Dân Ý và truất phế được Vua Bảo Đại vào năm 1955. Sau đó ông Diệm cũng tuyên bố sẽ không tổ chức cuộc Tổng Tuyển Cử ở Miền Nam như đã dự định vào năm sau 1956, vì ông cho rằng bầu cử ở Miền Bắc mà do Đảng Lao Động (Cộng Sản) tổ chức thì chỉ là trò bịp bợm không công bằng, vì thật sự người dân Miền Bắc làm gì có tự do mà đi bầu. Vậy là cuộc Tổng Tuyển Cử theo Hiệp Định Geneve kể như bị hủy bỏ... Bác Tân dính luôn ngoài Bắc rồi bị dập vùi cho đến cuối đời vì lỡ mang cái mác từng đi lính Quốc Gia.

Trong bối cảnh đó, một bên nhất quyết bỏ xứ vào Nam, một bên muốn ở lại. Thế là ông Ngoại tôi phải tới nhà ông Nội tôi xin cho Bố tôi đi theo, sau một Lễ Cưới gấp Mẹ tôi cho kịp ngày di cư.

Vào Sài Gòn, Bố tôi bắt đầu gầy dựng sự nghiệp qua nghề làm báo viết văn, ông hoạt động rất tích cực và cũng dần thân vào chính trị qua ngòi bút. Cuối năm 1955 khi tác phẩm đầu tay “Những Người Áo Trắng” ra đời, Bố tôi chính thức bước vào thế giới Văn Nghệ Sĩ, và đã được văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam của Tự Lực Văn Đoàn giới thiệu vào Trung Tâm Văn Bút Việt Nam vào năm 1958, để rồi sau này Bố tôi giữ chức Phó Chủ Tịch cho tới ngày mất nước. Ngày ông Nhất Linh tuẫn tiết vì chống chính phủ Ngô Đình Diệm đã thẳng tay đàn áp các phần tử đối lập, cái chết của ông là một thảm kịch và đã làm xúc động lớn cho giới trẻ Học Sinh & Sinh Viên Miền Nam đạo đó. Ở đám tang của ông vào ngày 13 tháng 7, 1963; gần 4 tháng trước khi chế độ nhà Ngô bị đảo chánh, Bố Tôi lúc đó mới 27 tuổi được hân hạnh đọc Điều Văn và đã ràn rụa nước mắt nói tới cố văn hào Nhất Linh như sau: “Văn hào đã hình thành sứ mạng cao quý của người cầm bút. Văn hào đã nêu cao sĩ khí bất khuất của truyền thống những nhà văn chân chính”.

Bố tôi tuy là nhà Văn nhưng thật sự ông kiếm kế mưu sinh nuôi nấng đàn con bằng nghề nhà Giáo. Bố tôi dạy Vật Lý-Hóa Học cho nhiều trường công tư thực ở Sài Gòn, như Nguyễn Bá Tông, Hưng Đạo, Bồ Đề, Phan Sào Nam..v.v... Đối với Quân Đội, Ông cũng là Giảng Viên đứng lớp về các khóa chính trị cho các sỹ quan QLVNCH ở Cục Tâm Lý Chiến thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị. Mỗi sáng thứ 2 hàng tuần, Bố tôi còn viết bài diễn văn cho Trung Tướng Trần Văn Trung để đọc dưới chân cột cờ trong trại Lê Văn Duyệt. Tôi còn nhớ hàng ngày Bố tôi tha về hàng xấp tài liệu đã đánh máy sẵn rồi sai tôi đi ra tiệm quay Ronéo. Quay Ronéo đại khái giống như máy Photocopy thời nay nhưng phải quay bằng tay. Hồi xưa các trường Trung Học ra Báo Xuân thường sử dụng kiểu quay Ronéo này. Nhìn vào bài học, nói chung là về “Tuyên Truyền và Phản Tuyên Truyền”. Cũng như bài vở về Lý Hóa, Bố tôi cũng cần quay Ronéo những tài liệu này ra hàng trăm copy để phát cho HS. Sau khi mang về sắp xếp trang thứ tự và hoàn thành nhiệm vụ, Bố tôi thường thưởng cho anh em tôi mỗi đứa một cái Bánh Giò hay Bánh Chưng mà có bà đội nguyên cái thúng trên đầu đi rao bán hàng ngày ngang xóm.

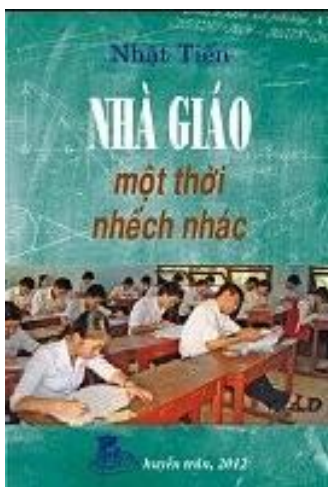
Nói chung thời thơ ấu của anh chị em chúng tôi có thể nói là rất êm đềm. Cuối tuần Bố tôi thường nhét cả một gia đình 9 người vào chiếc xe hơi của ông rồi

chờ cả đám đi chơi, tuần thì đi bát phố Bonard ăn kem Pôle Nord hay vào chợ An Đông ăn Cơm Gà Siu Siu, tuần thì cả nhà đi xem Ciné sau khi lang thang thương xá Tam Đa, Tax & Phố Sách Lê Lợi, hoặc có dịp thì Bố lôi cả lũ đi Sở Thú hay ra Vũng Tàu cho tắm biển.

Nhưng có lúc chúng tôi cũng bị Bố tôi bắt nằm xuống hết rồi quát cho mỗi đứa vài roi, từ trên xuống dưới, Bố mới giơ roi lên chưa hạ xuống là cả lũ đã bù lu bù loa khóc lóc than đau quá đau quá rồi... làm bố tôi cũng phì cười. Riêng tôi thì có một hôm tôi nhớ hoài, lần đó tôi đã sẵn sàng chịu đựng, mặc 2-3 cái quần xà lỏn dày lên cho khỏi đau. Cả ngày cứ như người mất hồn vì sợ, lần này tội quá nặng. Khi Bố tôi bước vô nhìn tôi một lúc lâu rồi không nói câu nào, bỗng nhiên ngồi phịch xuống ghế xa-lông hình như là ông đã quá chán nản, có thể nói tôi là cái thứ quá bất trị, rồi ông đứng lên bỏ ra ngoài, và đó là lần cuối cùng Bố tôi không muốn sử dụng roi vọt gì đối với tôi nữa. Bị quát tuy đau nhưng tôi vẫn lì, nhưng chính vì lần đó ông không nói gì nên tôi mới nhớ, không bao giờ tôi dám tái phạm lần nữa.

Có 2 ngày mà tôi để ý thấy Bố tôi lặng người ngồi ngoài sân hàng giờ không nói câu nào. Đó là 27 tháng 1, 1973; ngày chính thức đình chiến giữa 2 Miền Nam Bắc. Bố tôi thấp nhang ở Bàn thờ Ông Bà Nội cầu mong từ đây đất nước sẽ không còn tiếng súng, tiếng bom đạn. Nhưng mực ký chưa chưa ráo thì Việt Cộng đã trắng trợn vi phạm Hiệp Định Paris, chúng lại giở trò pháo kích, giạt mìn, quậy phá.

Rồi đến ngày 30/4/1975. Bố tôi ra lệnh cho anh em tôi đốt hết tài liệu từ trường Chiến Tranh Chính Trị mà tôi thấy từng thùng với những trang giấy plastic viết bằng bút lông màu lên trên, giống như kiểu Projector đặt trên mặt kính, có đèn ở dưới chiếu sáng lên phông vải trắng. Bố tôi còn cẩn thận lấy kéo cắt nhỏ từng tờ ra rồi quăng vào đồng lửa. Đốt hết, tài liệu, sách báo nào liên quan tới chính trị đốt sạch. Nội đồ ra sân rồi lựa ra đốt cũng đến tối mịt mới hết, bắt đầu từ lúc những binh đoàn Motolova của Cộng sản đã tràn vào tiếp quản Thủ Đô Sài Gòn.



Cũng may hồ sơ trong Cục Tâm Lý Chiến đã được thiêu hủy kịp và không bị ai chỉ điểm. Bố tôi được đi dạy học lại tại trường Hưng Đạo trên đường Cống Quỳnh. Làm nghề thầy giáo ở dưới mái trường Xã Hội Chủ Nghĩa, có thể nói Bố tôi cực kỳ chán nản, ông có viết một tác phẩm kể rõ những hỉ nộ ái ố tựa “Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác”, và giai đoạn này gia đình tôi cũng dọn hẳn về mặt tiền đường Bùi Viện chỉ cách trường Hưng Đạo 50-70 mét, mà bây giờ là Phố Đi Bộ hay họ còn gọi là Phố Tây Ba Lô.

Về đây cạnh xóm Sáu Lèo, không khí rất xô bồ vì ở trong khu vực Ngã Tư Quốc Tế (Bùi Viện & Cống Quỳnh & Phạm Ngũ Lão & Đề Thám), dân cư đông đúc thuộc giới lao động tạp nham nên không bị để ý như hồi còn ở nhà cũ đường Thiệu Trị, đã thế vì gần trường Hưng Đạo nên học trò của thầy Tiến ngày nào cũng lũ lượt ghé thăm thầy, ra vô nườm nượp. Rất tiện lợi cho Bố Mẹ tôi toan tính chuyện cho cả gia đình đi vượt biên.

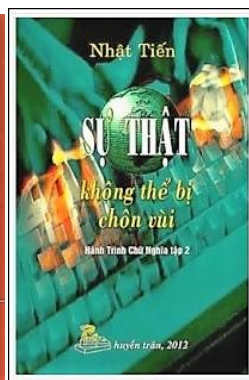
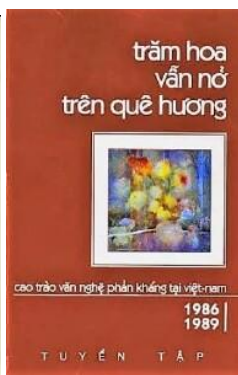
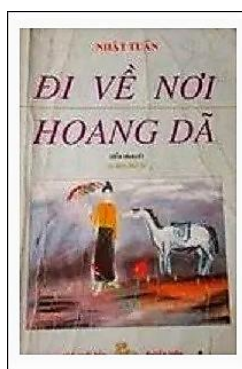
Năm 1980, Bố Tôi đi chuyến thứ 2 qua tới Songkla, Thailand. Vào thời đó, bọn Hải Tặc Thái Lan hoành hành ác độc dữ lắm. Nhập trại, Bố tôi và 2 nhà báo Dương Phục & Vũ Thanh Thủy đã cùng nhau viết lên Bản Cáo Trạng “Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan” mà chính bố tôi là 1 trong 157 nhân chứng đã bị chúng nó kéo vào đảo Kra, rồi gửi lên Liên Hiệp Quốc (LHQ). Bản cáo trạng này đã làm thức tỉnh lương tâm nhân loại, sau đó LHQ đã thành lập một Ủy Ban tạo sức ép cho Hải Quân Hoàng Gia Thái phải đi lùng bắt. Kết quả là một số Hải Tặc đã bị đồng bào ta ra Tòa chỉ mặt, phải chịu án tù, và cũng nhờ vậy mà sau này vẫn nạn Hải Tặc cũng bớt đi nhiều vì chúng nó cũng biết sợ.

Tới California năm 1981, lúc này Mẹ tôi qua được từ Mã Lai vào chuyến vượt biên thứ 3. Bố tôi mượn được 1 căn nhà ở đường King, Santa Ana, ông gom đàn con lại hết. Bố tôi may được Nhà Báo Bùi Ngọc Đường của tạp chí Khai Phóng mách cho cách kiếm tiền bằng nghề cắt cỏ. Ông tốt bụng còn chia cho Bố tôi khởi đầu bằng một số account ở vùng Glendale cách Santa Ana khoảng 50-

60 miles. Thế là Bố tôi sáng sớm phải khởi hành mang theo máy cắt cỏ, máy thổi bụi, bao rác..v..v....trên chiếc xe truck cũ rích. Đôi khi tôi cũng đi theo Bố tôi để phụ việc hay đi phát Flyer để kiếm thêm account. Ấc nổi cái vùng nhà giàu này toàn nhà lớn trên đồi. Đi bộ lên dốc quãng tờ quảng cáo “Mr. Lee Landscaping” cả block mới được có vài căn, toát cả mồ hôi. Nhưng cắt cỏ cho nhà giàu thì họ trả cao vì lắm việc và có nhiều tiền tips. Đến chiều thì xe truck đã chất đầy bao rác rồi mang ra landfill đổ. Bố tôi nói, nghề này tuy cực nhưng đó là cách kiếm tiền lương thiện chân chính vì mình mới qua, cho dù có khó khăn cỡ nào đi nữa cũng còn tốt hơn gấp trăm lần phải sống dưới chế độ Cộng Sản. Với chân lý ấy, tôi chẳng bao giờ thấy Bố tôi bực dọc hay cần nhần gì cả vì đã chấp nhận hoàn cảnh như hàng trăm ngàn người Việt đã bỏ xứ ra đi, trên đường đi tìm tự do.

Rồi khó khăn gì cũng qua đi. Sau Bố tôi cùng Mẹ tôi đi học điện tử lại ở trường Control Data Institute, cả 2 ra trường với tấm bằng Electronics Technician và cùng đi làm cho hãng Verifone chuyên sản xuất máy cà thẻ credit card cho tới ngày về hưu.

Năm 1991, nghe tin Bác Tân ngoài Bắc bị bệnh nặng thiếu thốn đủ thứ. Từ ngày đi di cư vào Nam năm 1954, Bố tôi vẫn chưa được gặp lại các Bác tính ra đã 37 năm ròng. Tôi đã tháp tùng theo Bố tôi về Hà Nội năm đó. Ôi thôi Bố tôi quá xúc động và thật sự cảm thông cho dân tộc Việt đang bị chà đạp dưới chế độ phi nhân Cộng Sản. Đờì Bác Tân đúng là sai một ly đi một dặm. Phải chi ngày ấy Bác đừng quay về Hà Nội thì cuộc đời của Bác đâu đến nỗi bị đọa đày triền miên đến thế này.



Bố tôi cũng có người em mà tôi gọi bằng Chú, tên Bùi Nhật Tuấn. Lúc này ông cũng đã thành danh ở Miền Bắc với một sự nghiệp viết văn đồ sộ không kém Bố tôi. Trong thời chinh chiến ông đi lính Bộ Đội, rất bất mãn với chế độ nên 2 ông rất tâm đầu ý hợp. Tác phẩm “Đi Về Nơi Hoang Dã” của Chú Tuấn bị đánh giá là chống Đảng chống chế độ, nó moi ra những cái vô lý của cuộc sống mà con người chỉ biết tuân theo mệnh lệnh, có chết đói rã họng cũng phải chịu đựng vì cấp trên tức Đảng ta thì không bao giờ sai, có khó khăn gì đi nữa cũng phải ráng mà khắc phục. “Đi Về Nơi Hoang Dã” có ý tưởng đả phá Cách Mạng như là tác phẩm “Những Thiên Đường Mù” của Dương Thu Hương, “Mùa Lá Rụng Trong Vườn” của Ma Văn Kháng, “Thời Xa Vắng” của Lê Lựu, “Nỗi Buồn Chiến Tranh” của Bảo Ninh. Ở thời gian này, nhờ sự cởi trói cho giới văn nghệ của Nguyễn Văn Linh nên trong Việt Nam đang nở rộ ra “Phong Trào Văn Nghệ Phản Kháng”, kiểu như “Phong Trào Nhân Văn Giai Phẩm” thời 1955-1958.

Thế là khi quay về Mỹ, Bố tôi cùng nhà văn Bùi Nhật Tuấn có viết chung một tập truyện tựa “Quê Nhà - Quê Người”. Cuốn này gom những truyện ngắn của Nhật Tiến & Nhật Tuấn có nội dung nói lên những bất công của xã hội VN dưới chế độ CS, đồng thời Bố tôi cũng tập trung truyện ngắn của 27 nhà văn Hải Ngoại cộng 67 nhà văn phản kháng trong nước để ra mắt tác phẩm “Trăm Hoa Vất Nở trên Quê Hương” ngõ hòng tiếp sức cho cao trào phản kháng trong nước đang dâng cao (sau bị cấm), gộp lại toàn là những tác giả bất mãn chế độ CS như: Tướng Trần Độ, Đại Tá Nguyễn Ngọc, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hào, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Hoài.v...v..

Với cả một công trình tim óc của cả trăm tác giả trong và ngoài nước như thế. Nhưng có một số người ở Hải Ngoại, họ đã cắt xén những câu văn qua lời giới thiệu của Bố tôi rồi vu khống tập truyện “Trăm Hoa Vất Nở Trên Quê Hương”, nào là công cụ của Đảng ta, nào là hòa hợp hòa giải với tà quyền, nào là bợ đít chế độ đương thời. Chưa thỏa mãn, họ còn đi vu cáo Bố tôi tiếp tay với nhà văn Bùi Nhật Tuấn để nhuộm đỏ Hải Ngoại ..v...v.... trong khi hỏi tới thì chính họ cũng chưa từng đọc qua tập truyện đã được gom lại của cao trào phản kháng này, mặt mũi trang bìa ra sao, màu gì, họ cũng không hề biết. Qua danh nghĩa chống Cộng họ viết bài đánh phá Bố tôi triền miên từ năm nay qua năm khác, cứ toác miệng ra vu khống chửi bới cho sướng cái mồm, khóc

liệt đến nỗi chính những tác giả ở Hải Ngoại có bài trong “Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương” cũng phải e dè, không có một lời thanh minh thanh nga trong khi Bố tôi đang bị đánh hội đồng. Diễn biến này đã làm cho Bố tôi già đi nhiều vì quá chán nản và không còn muốn dấn thân đấu tranh gì nữa cho các phong trào đấu tranh dân chủ cho Quê Hương. May sau có một nhóm bệnh vực qua “Lá Thư Ngỏ” của do nhà văn Vũ Huy Quang đưa ra và một bài viết lý luận trên tạp chí Hợp Lưu bệnh vực “Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương” do nhà văn Phan Tấn Hải viết. Khi tôi hỏi tới, thì Bố tôi nói Bố tôi sẽ trả lời những định kiến xuyên tạc khi đúng lúc. Quả tình, cách đây 6-7 năm, ông đã đi tìm lại sự thật cho “Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương”, ơn đền oán trả phải sòng phẳng qua tác phẩm: “Sự Thật Không Thể Bị Chôn Vùi” [PDF](#)

Những tác phẩm của Bố Tôi viết sau này được Nhà Xuất Bản Huyền Trân mà Bố tôi giao cho tôi làm Giám Đốc, đã tái bản lại hầu hết. Tôi có đề nghị và được ông đồng ý là gửi tặng toàn bộ Tác Phẩm của Nhật Tiến cho tất cả những thư viện ở những trường đại học lớn khắp 50 Tiểu Bang. Thế là tôi lên danh sách mấy trăm cái thư viện và đã làm trọn nhiệm vụ đó để mai sau có những học sinh cần sách Việt Ngữ sẽ kiếm được sách của Bố tôi mà trau dồi.



Hồi xưa ở Sài Gòn, Bố tôi đầu tắt mặt tối lo dạy học & viết văn & làm báo, không có thời giờ nhiều nên ít khi ngồi chơi với anh em chúng tôi. Nhưng sau này khi về hưu, Bố tôi đã dành hết thời gian cho các cháu nội ngoại. Ông đưa đón các cháu đi học, dẫn đi Pic and Save, 99 cents store mua đồ chơi, hoặc ông gấp Origami hay Photoshop các loại hình thú vật, Superman cho các cháu cất. Rồi khi chúng nó lớn lên thì thỉnh thoảng ông dúi tiền cho chúng nó xài, sợ bố mẹ các cháu không cho lấy. Có mấy năm sau này vì tuổi già, sức khỏe của Bố tôi càng ngày càng suy yếu, đến cái chữ ký tặng sách tôi xin Bố ký mà Bố tôi cầm bút cũng khó

khăn. Tôi phải đề nghị đi làm cái triện son, Bố khỏi cần ký nữa, cứ dùng triện son mà ấn vào sách thay cho chữ ký.

Lúc 1 giờ sáng đêm hôm qua nghe tin Bố tôi khó thở. Tức tốc tôi chở Bố tôi vào BV Kaiser ở Irvine, trên đường đi tôi nắm lấy bàn tay gầy guộc của Bố mà linh tính như có chuyện chẳng lành. Người Bố tôi đã nhũn ra như không còn một chút sinh lực nào hết, tôi phải bế Bố tôi mà hồi tưởng lại khi còn bé chiều chiều Bố tôi thường bế tôi ra đầu ngõ dạo chơi. Ôi sao mà ấm quá Bố ơi. Đến nơi họ cấp tốc đưa Bố tôi vào phòng hồi sinh cho thở máy Oxygen, nhưng nhịp tim của Bố tôi càng lúc càng yếu dần như ngọn đèn cây le lói chỉ chờ tắt ngúm. Đến 11:26 trưa thì tim Bố tôi ngừng đập. Bố tôi đã ra đi thanh thản chẳng làm phiền toái gì đến các con các cháu.

Thưa Bố,

Thôi vậy thì cách đây 66 năm Bố theo Mẹ xuôi Nam, Mẹ đi mới 2 tuần Bố đã nhớ, thì hôm qua Bố đã muốn theo kiếm Mẹ trên cõi Vĩnh Hằng. Con tin chắc Mẹ đang chờ Bố và Bố Mẹ sẽ được thanh thoi không còn phải vướng mắc bụi trần làm chi nữa. Riêng đàn chim sau nhà mà ngày 2 buổi Bố thường rải gạo cho chúng nó ăn, lúc nào Bố cũng sợ thiếu gạo. Bố yên chí đi, tụi nó sẽ được lo lắng đầy đủ Bố nhé.

Bây giờ con cũng xin phép được quỳ xuống vái Bố 10 lạy để tri ân những gì Bố đã cho con nhe Bố.

Con của Bố,



Michael Tru Bui

Sept 15th, 2020

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn nhà văn, nhà giáo dục:

BÙI NHẬT TIẾN Pháp danh: **Minh Thành**

Sinh ngày 24 tháng 8 năm 1936 tại Hà Nội

Tạ thế vào ngày 14 tháng 9 năm 2020
Tại Irvine, California Hoa Kỳ

Hưởng thọ **84 tuổi**

Nguyên cầu hương linh Ông Minh Thành Bùi Nhật Tiến sớm về đất Phật.

Xin thành thật chia buồn cùng toàn thể tang quyến.

Ban Điều Hành CoThom Foundation và một số văn thi hữu:

*Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Tráng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Trần Bích San, Trương Anh Thụy, Tuệ Nga, Nguyễn Lân & Diễm Hoa, Ngô Tăng Giao,
Phạm Văn Tuấn, Phạm Trọng Lệ, Trần C. Trí, Quàn Mỹ Lan,...*



Nguyện Cầu Chư Phật Chư Bồ Tát Độ Cho Hương
Linh Anh **Bùi Nhật Tiến** Siêu Thăng Tây Phương
Cực Lạc ...

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI ĐẠI TỪ
ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT. NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT ...

Thành Kính Nguyện Cầu,
Diệu Minh Tuệ Nga



MỘT CHÚT TÌNH – Nguyễn Lâm

(Kính gửi hương linh Nhật Tiến)

Anh đi rồi! Buồn... Những kỷ niệm thời trẻ, quá trẻ của hai anh em mình lần lượt xuất hiện trong đầu Lâm... cuốn phim quay chậm lại...

Không nhớ rõ năm nào... khoảng thời gian trước di cư 1954. Khoảng 51, 52 anh em mình còn mài dũa quần tại trường Hàng Vôi – trường Tiểu Học Nguyễn Du trên đường Lý Thái Tổ gần nhà Lâm. Anh vẫn nhớ. Chiều chiều tan trường, học sinh túa ra cổng hơn hồ, nhộn nhịp, vội vã lên xe nhà, xe ô tô, xe kéo về với gia đình. Một số nhỏ, cha mẹ đón trẻ, đứng tựa cửa đợi chờ, mặt buồn hiu. Anh chị em Lâm may mắn nhà gần trường, chưa đầy năm chục thước nên thỉnh thoảng

anh vẫn ghé chơi sau giờ tan học. Anh là bạn cùng lớp với Nguyễn Tường Ánh, Nguyễn Đình Toàn nên mình thấy nhau hàng ngày hồi ấy nhưng chưa bao giờ trò chuyện. Anh và anh Ánh học lớp Nhì (Moyen Un), Lân mới lớp Ba (Élémentaire). Nhưng Lân oai lắm, Lân là một trong số ba học trò của trường được đi ngoài lề, tay cầm roi mây canh chừng cô cậu nào lệch hàng la được quyền quất vào chân. Còn nhớ không anh? Anh nhớ lắm. Anh nhắc lại kỷ niệm “hách” đó lần gặp gỡ tại nhà khi Nhã Lan đưa Lân tới thăm. Nhã Lan, một cựu nữ sinh Gia Long, đang là xướng ngôn viên của Little Saigon Radio và phụ trách chương trình phỏng vấn hàng tuần trên Hồn Việt TV mà hai anh em mình đều đã lên đài truyền hình. Gặp Lân, Nhã Lan nhắc đến Nhật Tiến một cách trân trọng và anh thương cô bé như một người con. Gặp Nhật Tiến không phải dễ, nhưng Nhã Lan đã kết nối anh em mình. Vả lại, con nhà văn Hoàng Đạo, dòng dõi Tự Lực Văn Đoàn cũng là động lực thôi thúc anh, phải không anh?

Lần gặp gỡ đó thật cảm động sau mấy chục năm xa cách từ khi đất nước chia đôi năm 54 – ngày tang lễ nhà văn nhà cách mạng Nhất Linh năm 1963. Nhật Tiến đọc diếu văn trước huyệt mộ. Mình nhìn nhau nhưng không kịp trao đổi câu nào. Lân trong gia đình người quá cố còn bận lo hương khói. Anh là một nhà văn trẻ đã thành danh, đã đoạt giải văn chương toàn quốc năm 61. Nguyễn Lân là dòng dõi Tự Lực Văn Đoàn nhưng Nhật Tiến mới là người kế nghiệp. Ngày hôm ấy nhìn xuống quan tài của Nhất Linh mắt anh long lanh ngấn lệ. Mười năm xa cách... gặp nhau vào một ngày buồn, một ngày tang của dân miền Nam. Không khóc, chỉ thấy chua xót cho thân phận con người, bẽ bàng cho dân tộc Việt. Mang tang trắng trên đầu mà sao Lân không xúc động như anh? Chai đá rồi chẳng? Hay thời gian đó anh có nhiều cơ hội gặp gỡ Nhất Linh? Lân muốn tới bên anh đưa mẫu giấy bác Nhất Linh nguệch ngoạc vài dòng “Đời tôi để cho lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội các phần tử quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng Sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những chà đạp mọi tự do”. Lân nghĩ Nhật Tiến đã bước theo vết chân Nhất Linh. Nhưng anh em mình không có thời giờ trò chuyện.

Ngày qua,, tháng qua... năm qua...

Biết anh là một văn tài nhưng mới chỉ đọc có cuốn Thềm Hoang được giải văn chương. Chưa đủ thẩm định nghệ thuật của anh trong văn hoá Việt. Biết nhau từ lâu nhưng chưa một lần trò chuyện cho đến một ngày Thứ Năm 15 tháng 5 vào dịp hè 2014 được Nhã Lan đưa đến tư gia Nhật Tiến.



Cánh cổng sắt vừa mở, với ánh mắt reo vui, chăm chăm nhìn Lân, anh nói “Hồi ở Hà Nội, khi anh tới chơi với anh Ánh chắc chú còn nhỏ”. Lân cười “Thế ư? Nhưng Lân thua anh có một tuổi đời thôi”.

Ngồi chưa ấm chỗ anh đã hỏi thăm cận kề từng người trong gia đình, anh liên miên kể những gì mình đã nghe, đã thấy, đã hưởng, đã chịu ở Hà Nội hồi chung một mái trường. Anh nhớ rõ từng chi tiết ngôi trường xưa, nhớ màu tường vôi, màu cánh

cửa lớp, màu tay vịn cầu thang và những bực gỗ ọp ẹp. Anh nhớ chỗ xếp hàng từng cấp lớp, nhớ tên ba học trò được chỉ định giữ trật tự nghiêm chỉnh ngay hàng trước cột cờ khi quốc ca bắt đầu. Anh nhớ Lân là đứa oắt nhất...

*“Lòng gọi buồn theo thời dĩ vãng
Chạp chờn sống lại những ngày không...”*

Chuyện văn chương nghệ thuật bắt đầu. Anh bưng ra một chồng tiểu thuyết, truyện ngắn truyện dài đủ loại của Nhật Tiến. Anh hỏi “Chú chưa có cuốn nào?” Lân thành thật “Chưa có tập nào cả. Lân mới chỉ đọc Thềm Hoang vì nó mà anh đoạt giải văn chương 61. Trước ngày nước mất 75 Lân làm việc nhiều, dạy công ở Gia Long, tư ở Huỳnh Thị Ngà, Hưng Đạo, Nguyễn Bá Tông, lại còn luyện thi Tú Tài. Biết anh thành danh từ lâu, vẫn mếm mộ một nhà văn có gan, có chí theo đuổi con đường của Nhất Linh mà tiếc thay không có thời giờ tìm đọc những tác phẩm để hiểu hiểu chàng!” Nghe thế, anh giới thiệu từng cuốn truyện, từng vở kịch mà anh ưng ý. Anh muốn Lân dựng vở “Người Kéo Màn” vì anh biết Lân có khả năng kịch nghệ. Cả một chồng sách anh tặng thật đầy đủ ý tình. Đọc để biết đời. Đọc để hiểu con người Nhật Tiến, một cây viết lớn hiện tại về lượng cũng như về phẩm.

Quen nhau từ hồi nhỏ... xa cách... Gặp lại nhau ngày tang lễ nhà văn nhà cách mạng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, thấy anh rơi lệ... xa cách... Tìm lại nhau

một ngày nắng ấm miền nam Cali, trò chuyện như pháo về thi văn, về nghệ thuật...

Anh em dẫn nhau ra vườn để Nhã Lan chụp hình lưu niệm. Dưới gốc ngọc lan, anh nói: “Mong chúng ta liên lạc thường xuyên dù hai miền Đông Tây cách biệt. Còn nhiều chuyện phải nói”.

Hoàng hôn... mặt trời xuống dần... ánh nắng chiều, le lói... chia tay...

Trở về Virginia, anh em mình vẫn tiếp tục trò chuyện qua điện thoại. Lân gửi hình ảnh tới anh. Anh sửa lại theo ý: Lân thổi melodica, anh thổi bằng clarinette của Nhật Linh. Ngày lễ, ngày Tết, Lân gửi hình gia đình tới anh, anh lòng hình vợ chồng Lân trong khung hình trái tim, trong khung rộn rã những đóa hồng... Đặc biệt, anh tránh nói những chuyện riêng tư, anh chỉ hỏi Lân một lần duy nhất về người mà chúng ta cùng biết... người ấy không còn! Rồi chính anh cũng yếu dần, mất giọng nói đã lâu nay. Không thể giải bày tâm ý bằng âm thanh nữa. Email thay thế. Càng khó bày tỏ nỗi lòng! Anh là người gặm nhấm niềm đau riêng của mình. Đọc những tác phẩm của Nhật Tiến càng thấy rõ văn tài đàn trải trên những bất hạnh, trên xúc động đau thương. Sao mà cay nghiệt!

Ngày chị Phương Khanh, hiền thê anh qua đời. Lân gửi video diễn tả bài **“Em Đi Rồi”** (của Lam Phương) qua tiếng melodica tặng anh. Chưa đầy một giờ sau, trên màn hình Lân thấy hình bóng mình đang thổi kèn trước bàn thờ khói nhang mờ tỏa nhạt nhòa hình chị Phương Khanh trong khung kính.

Không ngờ, chưa đầy hai tuần sau anh lìa bỏ thế gian theo chị. Nợ đời rũ sạch, ân oán không còn.

Anh Nhật Tiến! Lân muốn thổi bản **“Tristesse”** (của Chopin) vọng hương linh anh. Nhưng anh đi rồi! Ai gửi hình Lân tới trước bàn thờ anh đây?

Buồn! Vĩnh biệt!

Kỷ niệm ngày 14 tháng 9 năm 2020
NGUYỄN LÂN



Kính thưa quý độc giả của Diễn Đàn Ngôn Ngữ Việt,

Chỉ cách đây hơn 2 tuần lễ, ngày 26 tháng 8 vừa qua, hiền thê của nhà văn Nhật Tiến, nhà văn, dịch giả Đỗ Phương Khanh đã qua đời. Khi gửi phân ưu đến nhà văn Nhật Tiến chúng tôi đã bày tỏ sự lo ngại cho sức khỏe của ông một khi người bạn đường của ông không còn nữa.

Hôm nay, ngày 14 tháng 9 thật bàng hoàng khi hung tin lại đến, điều lo sợ của chúng tôi đã thực sự xảy ra, nhà văn Nhật Tiến đã bỏ lại sau lưng tất cả để ra đi gặp lại người vợ yêu quý của mình.

Nhà văn Nhật Tiến

sinh ngày 24 tháng 8 năm 1936 tại Hà Nội, Việt Nam

từ trần ngày 14 tháng 9 năm 2020

tại Irvine, California, Hoa Kỳ

hưởng thọ 84 tuổi.

Thay mặt cho toàn thể thành viên của Diễn Đàn Ngôn Ngữ Việt, chúng tôi xin gửi đến tang quyến lời chia buồn sâu sắc khi toàn thể người Việt chúng ta mất đi một nhà văn lớn, một trong những đại thụ của nền văn học Việt Nam, một cây bút “chẳng tả” cho dù thời thế có đảo điên, lòng người ly tán.

Chúng tôi cũng gửi lời chia buồn đến tất cả những người Việt Nam yêu ngôn ngữ Việt Nam, yêu nền văn hóa khai phóng mà chúng ta đã được hấp thụ qua những ngòi bút vừa tình cảm vừa bất khuất như nhà văn Nhật Tiến.

Chúng ta vừa mất đi một nhà văn lớn của Việt Nam.

Quản Mỹ Lan - Diễn Đàn Ngôn Ngữ Việt

Lý Trung Tín - Moderator của Ngôn Ngữ Việt



Xin được đóng góp với Quý Anh, Quý Chị trong việc tưởng niệm nhà văn Nhật Tiến:

- 1) Câu đối tưởng niệm nhà văn Nhật Tiến,
- 2) Bản Phân Ưu của 90 thân hữu và văn hữu.

Trân trọng,
Trần Huy Bích

Phân Ưu



Được tin buồn

Anh **BÙI NHẬT TIẾN** Pháp danh **MINH THÀNH** Bút danh **NHẬT TIẾN**

Một nhà văn sáng tác bền bỉ và phong phú, đã đoạt
Giải Văn Chương Toàn Quốc năm 1961-1962 với tác phẩm *Thềm Hoang*
Một nhà giáo đầy tâm huyết, một người suốt đời hoạt động văn hóa xã hội
luôn luôn trong tinh thần một *Hương Đạo Sinh* gương mẫu

Đã qua đời vào ngày 14 tháng Chín, 2020 (27 tháng Bảy Canh Tý) tại Irvine, California.

Hương Thọ 84 Tuổi

Trong mắt mắt lớn lao này, chúng tôi những bạn bè, văn hữu của nhà văn Nhật Tiến
Xin thành kính chia buồn cùng Tang Quyển.

Nguyện cầu **Hương Linh** anh **Minh Thành Bùi Nhật Tiến** được sớm tiêu điều nơi *Cõi Phật*.

Trước sự ra đi của nhà văn Nhật Tiến, một số thân hữu từ nhiều năm đã ghép tên
các tác phẩm của anh thành một cặp câu đối tưởng niệm như sau:

***Thêm hoang Giấc ngủ chấp chờn, Những vì sao lạc Hoàng hôn,
bàn khoan Chim hót trong lồng, Ánh sáng công viên vui Bé Phượng;**
***Nhà giáo một thời nhếch nhác, Sự thật Hành trình chữ nghĩa,
hoàng hốt Tiếng kèn Cánh cửa, Mồ hôi của đá nhen Thuyền nhân.**

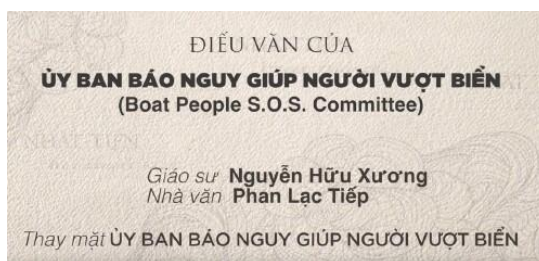
Dòng Thành Kính Phân Ưu

Bà Võ Phiến, Bà Lưu Trung Khảo, Bà Nguyễn Mộng Giác, Bắc Phong, Bùi Bích Hà, Bùi Đức Ly,
Bùi Khiết, Bùi Mỹ Dương, Chu Đức Nhuận, Đoàn Quốc Sỹ, Dương Hoàng Mai (Đức quốc),
Đàm Trung Pháp, Đào Trường Phúc, Đinh Quang Anh Thái, Đỗ Anh Tài, Đỗ Quy Toàn, Đỗ Tiến Đức,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Chính & Lưu Diệu Văn, Hoàng Xuân Sơn, Huỳnh Chiếu Đăng, Lâm Vĩnh Thế,
Lê Minh Phú, Lê Tất Diệu, Lê Thành Tôn, Lê Thị Nhị, Luân Hoàn, Lưu Nguyễn, Mai Tuyết An,
Nguyễn Thị Hiếu, Ngô Thế Vinh, Ngô Thị Vân, Nguyễn Công Thuán, Nguyễn Duy Chính,
Nguyễn Đình Cường, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Hùng Vũ, Nguyễn Hữu Bào,
Nguyễn Khoa Diệu Quyển, Nguyễn Kim Hằng, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Mạnh Trinh,
Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Ngọc Tuyết, *Trùng Dương* Nguyễn Thị Thái, Nguyễn Trung Quân, Nguyễn
Tường Thiết, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Vũ, Nguyễn Vy Khanh, Ngụ Thuýet,
Phạm Kế Viêm & Diệu Tâm, Võ Nữ Phạm Khắc Hàm, Phạm Lê Hương, Phạm Phú Minh,
Phạm Quân Hồng, Phạm Quốc Bảo, Phạm Thị Huệ, Phạm Tín An Ninh, Phan Đào Nguyễn,
Phan Huy Đạt, Phan Ni Tấn, *Song Thao* Tạ Trung Sơn, Thanh Thương Hoàng,
Trúc Chi Tôn Thất Kỳ & Nguyễn Khoa Đoan Thư, Trâm Cà Mau, Trang Châu, Trần Đoàn Nho,
Trần Huy Bích, Trần Minh Công, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Vân, Triều Giang, Trịnh Bình An,
Trịnh Y Thư, Trương Anh Thụy, Trương Cam Vinh, *Huy Văn* Trương Văn Hùng, Tường Năng Tiến,
Uông Đại Bằng (VN), Uyên Thao, Văn Tường, Võ Kỳ Điền, Vũ Ngọc Mai, Vũ Quí Hạo-Nhiên & Y-Sa, Vũ Văn Hoa.

Tưởng niệm nhà văn Nhật Tiến – Hồn Việt TV



Hội Đồng Trung Ương Hướng Đạo Việt Nam



Điều Văn

Đình Quang Anh Thái đọc bài viết của Nhà văn/nhà thơ Trương Anh Thụy




Nhà báo Đình Quang Anh Thái & Đỗ Quý Toàn



Nhà báo Đinh Quang Anh Thái & Nhã Lan

NHẬT TIẾN *tiền thân thuyết trình* TƯỜNG NIỆM Nhà Văn NHẬT TIẾN



Nhà văn Lê Tất Điều thuộc thế hệ sau của Nhà văn Nhật Tiến. Được tin người anh mình qua đời nhưng vì đường sá xa xôi và đang trong cơn đại dịch nên ông đã không thể tới tận nơi bày tỏ tâm tình trước sự ra đi của nhà văn Nhật Tiến. Vì vậy, Nhà văn Lê Tất Điều đã gửi đến Little Saigon Radio và Hồn Việt một lá thư và nhờ chúng tôi đọc hầu quý khán thính giả.

Đinh Quang Anh Thái đọc bài viết của nhà văn Lê Tất Điều



ĐÁM TANG CỦA NHÀ VĂN NHẬT TIẾN

14/9/2020 – Irvine, CA

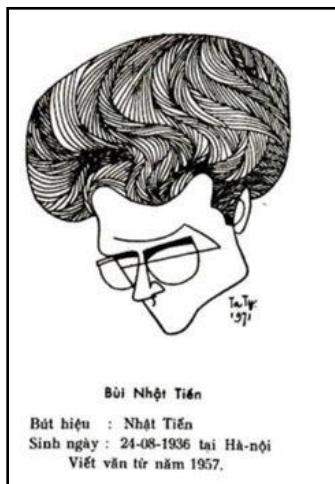
[Youtube](#) – Jimmy Nhật Hà thực hiện





Nhật Tiến Thềm Hoang Vẫn Một Tráng Sinh Lên Đường

** Ngô Thế Vinh /2015-08-20 **



(Nhật Tiến. Ký họa by Tạ Ty.

Nguồn: Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay, Tạ Ty, Nxb Lá Bối, Sài Gòn 1971)

Đã mang lấy nghiệp vào thân
Nguyễn Du

Hướng đạo thời niên thiếu

Bùi Nhật Tiến, bút hiệu Nhật Tiến sinh ngày 24-8-1936 tại Hà Nội. Năm 1946 mới 10 tuổi Nhật Tiến đã phải theo gia đình rời Hà Nội đi tản cư qua những tỉnh như Sơn Tây, Việt Trì, Hưng Hoá, Phú Thọ. Năm 1950 hồi cư, ở cái tuổi 14 không còn nhỏ nữa để sinh hoạt sói bầy, Nhật Tiến xin gia nhập phong trào Hướng Đạo làm đoàn sinh đội Ến Thiếu Đoàn Bình Than khá muộn màng. Thiếu Đoàn Bình Than thuộc Đạo Đồng Nhân, và đạo này có bài hát chính thức do đoàn sinh Cung Thúc Tiến của Thiếu Đoàn Bạch Đằng sáng tác. Cung Thúc Tiến chính là nhạc sĩ Cung Tiến sau này với những nhạc phẩm Hoài Cảm, Thu Vàng.

Ngày “Tuyên Hứa” để được gia nhập phong trào Hướng Đạo Việt Nam là một dấu ấn quan trọng trong cuộc đời nhà văn nhà giáo Nhật Tiến. Lễ tuyên hứa

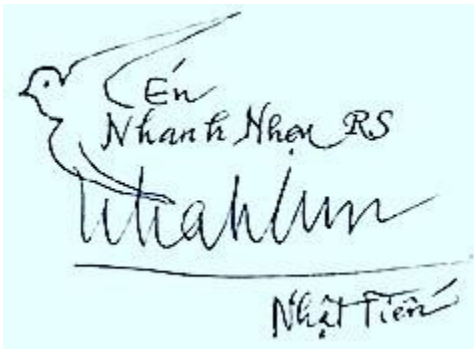
được tổ chức tại Chùa Láng cách Hà Nội 5 km. Trong Hồi ký của Nhật Tiến, tuy đã hơn 60 năm sau, anh vẫn còn nguyên vẹn xúc động khi hồi tưởng lại phút được “tuyên hứa” như điều mơ ước đã trở thành hiện thực.

“Tôi hồi hộp tiến lại lá cờ Đoàn. Tất cả các anh em đều yên lặng, nghiêm trang theo dõi cử chỉ của tôi. Tôi đứng thẳng người trước lá cờ. Tay phải tôi chào theo kiểu Hướng Đạo, tay trái tôi nắm nhẹ lấy một góc của lá cờ, và tôi cất giọng đồng dục:

Trước Quốc kỳ, tượng trưng cho Tổ quốc, trước Đoàn kỳ tượng trưng cho tinh thần Hướng Đạo, tôi xin lấy danh dự của tôi để tuyên hứa:

- Thứ Nhất : Trung thành với Tổ Quốc.
- Thứ Nhì : Giúp ích mọi người
- Thứ Ba: Tuân theo Luật Hướng Đạo.

Sau khi lấy được bằng Hạng Nhì, tôi được giao phó nhiệm vụ làm đội trưởng đội Én. Một trong những đội sinh của tôi là anh Đỗ Tiến Đức, sau này trở thành nhà văn, năm 1969 anh được Giải Văn Học Nghệ Thuật với tác phẩm Má Hồng, và còn là đạo diễn kiêm Giám Đốc Nha Điện Ảnh, anh hiện chủ trương tờ Thời Luận ở Los Angeles, trước là báo in, sau này trở thành báo Online.



Tôi lên Kha đoàn năm 17 tuổi, ở dự bị Tráng năm 18. Sau di cư 1954, tôi sinh hoạt nhiều năm trong Tráng Đoàn Bạch Đằng gồm 4 Toán: Chương Dương, Vân Đồn, Hàm Tử và Tây Kết. Tôi được giao nhiệm vụ Toán trưởng Toán Vân Đồn [trong Toán có anh Trương Trọng Trác sau này lên tới chức Ủy Viên Ngành Thiếu của Hướng Đạo Việt Nam và khi ra hải ngoại, anh là người chủ trương tờ báo Ngày Nay với bút hiệu Trọng Kim ở Houston, Texas cho đến khi anh qua đời 2009].

“Mùa hè năm 1970, tại một trại của Tráng Đoàn Bạch Đằng tổ chức tại Thủ Đức, tôi được trao cho cây gậy mà ở đầu có 2 gác của Tráng Sinh Lên Đường, cũng là đẳng cấp mà một Hướng Đạo Sinh mơ ước đạt được. Từ nay, trong giao dịch sinh hoạt Hướng Đạo tôi có thể ký tên: Ớn nhanh nhẹn. RS – RS là chữ viết tắt của Rover Scout / Anh hay Routier Scout / Pháp, cũng có nghĩa là Giúp ích / Rendre Service đúng với châm ngôn của ngành Tráng.

Hai chữ Hướng Đạo đối với tôi bao giờ cũng thiêng liêng, nó gọi cho tôi bao tình cảm thấm thiết, bao kỷ niệm khó phai mờ và bao nhiều anh em đồng đội đã không chỉ chia sẻ với nhau trò chơi Hướng Đạo mà còn ở trong sự nghiệp ở ngoài đời”.

Đến nay cũng đã trên 65 năm trôi qua, Nhật Tiến vẫn thuộc hát bài ca Đoàn, vẫn sống theo tinh thần Hướng Đạo với châm ngôn “Sắp Sẵn” và “Giúp Ích” trong bất cứ hoàn cảnh nào. Theo tôi, tinh thần Hướng Đạo ấy đã có ảnh hưởng sâu xa tới nghề giáo và trên nghiệp văn của Nhật Tiến trong suốt những năm về sau này. Hãy nghe chính Nhật Tiến kể lại: “Những người áo trắng” được sáng tác vào khoảng năm 1955 khi tôi đang dạy học ở Bến Tre. Đây là những kỷ niệm của thời hướng đạo sinh ở Hà Nội, chúng tôi thường đi làm các công tác từ thiện, như mùa đông thì đẩy xe bò qua các đường phố để quyên góp quần áo của bà con đem giúp những người nghèo. Hoặc chúng tôi tình nguyện ra đứng ở bờ Hồ Gươm bán tác phẩm của kịch tác gia Văn Thuật để gây quỹ giúp đồng bào bị bão bị lũ lụt thời đó. Chúng tôi cũng thường hay tới sinh hoạt tại trại mồ côi trên đường Hàng Đậu; trong thời gian này hình ảnh những trẻ mồ côi mặc quần áo trắng, những bức tường trắng và những cô gái lớn tuổi hơn trông đàn em nhỏ đã gây cho tôi nhiều xúc động. Và tôi đã dùng những hình ảnh ở trại mồ côi đó để viết tác phẩm đầu tay “Những người áo trắng”.

Như vậy, có thể nói một cách khá đơan chắc, nếu Nhật Tiến không có những năm sinh hoạt Hướng Đạo, sẽ không có Những Người Áo Trắng và rồi những tác phẩm khác như Thềm Hoang sau này.



Nhật Tiến và một số trưởng Hướng Đạo – Orange County, California Hoa Kỳ 2014

Thuở mơ làm văn sĩ

Nhật Tiến cầm bút rất sớm, từ thuở học sinh đã mơ làm văn sĩ, lập bút nhóm có tên là “Gieo Sóng”, có truyện ngắn đầu tay “Chiếc nhẫn mặt ngọc” được đăng trên báo Giang Sơn, năm ấy Nhật Tiến mới 15 tuổi.

Di cư vào Nam năm 1954; ban đầu sống ở Đà Lạt, Nhật Tiến viết kịch truyền thanh cho Đài tiếng nói Ngự Lâm Quân [thời còn Hoàng Triều Cương Thổ]. Ít lâu sau đó, gia đình Nhật Tiến dọn về Sài Gòn. Không tốt nghiệp trường sư phạm nào nhưng năm 21 tuổi anh đã bắt đầu đi dạy học môn Lý Hoá tại các trường trung học tư thực, ban đầu ở các tỉnh Miền Tây như Bến Tre, Mỹ Tho ba năm sau đó mới về sống hẳn ở Sài Gòn. Truyện dài đầu tay Những Người Áo Trắng được khởi viết và hoàn tất khi Nhật Tiến đang còn là một thầy giáo tỉnh lẻ.

Nghề giáo như nguồn sinh kế của gia đình nhưng có lẽ nghiệp văn mới là giấc mộng lớn của Nhật Tiến. Anh liên tục viết rất khoẻ từ truyện ngắn, truyện dài và

cả một tiểu thuyết kịch đăng trên các tạp chí: Văn Hóa Ngày Nay, Tân Phong, Đông Phương, Bách Khoa, Văn, Văn Học; chủ trương nhà xuất bản Huyền Trân từ năm 1959, chủ bút tuần báo Thiếu Nhi do nhà sách Khai Trí xuất bản từ 1971 tới 1975; năm 1979 trong một chuyến vượt biển thừa sống thiếu chết Nhật Tiến qua được Thái Lan rồi định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1980.

Tới Mỹ, không còn sống bằng nghề dạy học, Nhật Tiến đi học về máy điện toán/hardware và sau đó làm cho một hãng Nhật đủ 15 năm trước khi nghỉ hưu. Tại hải ngoại, Nhật Tiến tiếp tục viết và xuất bản sách, sinh hoạt Hướng Đạo, hoạt động cứu trợ thuyền nhân. Hiện cư ngụ ở Nam California.

Tác phẩm đã xuất bản:

– Xuất bản trong nước trước 1975: Những Người Áo Trắng (truyện dài, Huyền Trân 1959), Những Vì Sao Lạc (truyện dài, Phương Giang 1960), Thềm Hoang (truyện dài, Đời Nay 1961), Người Kéo Màn (tiểu thuyết kịch, Huyền Trân 1962), Mây Hoàng Hôn (truyện dài, Phương Giang 1962), Ánh Sáng Công Viên (tập truyện, Ngày Nay 1963), Chuyện Bé Phương (truyện dài, Huyền Trân 1964), Vách Đá Cheo Leo (truyện dài, Đông Phương 1965), Chim Hót Trong Lồng (bút k., Huyền Trân 1966), Giọt Lệ Đen (tập truyện, Huyền Trân 1968), Tay Ngọc (bút k., Huyền Trân 1968), Giấc Ngủ Chập Chờn (truyện dài, Huyền Trân 1969) Quê Nhà Yêu Dấu (Huyền Trân 1970), Theo Gió Ngàn Bay (Huyền Trân 1970), Tặng phẩm của dòng sông (tập truyện, Huyền Trân 1972), Thuở mơ làn văn sĩ (Huyền Trân 1974)...và một số truyện viết cho tuổi thiếu nhi như: Lá Chúc Thư, Đường lên Núi Thiên Mã...

– Xuất bản ở hải ngoại sau 1975: Tiếng kèn (1981), Hải tặc trong vịnh Thái Lan (viết chung với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy, 1981), Một thời đang qua (1985), Mồ hôi của đá (1988), Cánh cửa (1990), Quê nhà Quê người (viết chung với Nhật Tuấn, ấn hành ở trong nước, 1994), Thân Phận Dư Thừa (2002), bản dịch cuốn The Unwanted của Kiên Nguyễn, Hành Trình Chữ Nghĩa (2012) – Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác (2012) – Sự Thật Không Thể Bị Chôn Vùi (2012) – Một Thời... Như Thế (2012)

Với hơn 20 tác phẩm đã xuất bản, với nhiều thể loại, các tác phẩm chính của Nhật Tiến đều có liên hệ tới tuổi thơ. Nhật Tiến được mệnh danh là nhà văn của tuổi thơ bất hạnh, nhà văn của khuyh hướng xã hội. Võ Phiến trong bài viết về Nhật Tiến trong bộ Văn Học Miền Nam đã đưa ra nhận xét: “Lúc bấy giờ ai cũng biết ở Miền Nam có nhiều tác giả tên tuổi viết về giới trẻ thơ. Mỗi vị một vẻ. Trẻ

em trong truyện Duyên Anh thường là những trẻ đảo đẽ. Đám trẻ của Lê Tất Điều hầu hết đều có nét tinh nghịch. Trong Nhật Tiến là trẻ bất hạnh”. [VHMN, truyện 2, tr.1270, Nxb Văn Nghệ 1999]



Bìa một số sách Nhật Tiến xuất bản tại Miền Nam trước 1975

Quan niệm sáng tác

Năm 1961, Nhật Tiến đã thành danh với ba tác phẩm xuất bản: Những Người Áo Trắng 1959, Những Vì Sao Lạc 1960, Thềm Hoang 1961, Nhật Tiến trả lời cuộc Phỏng vấn Văn Nghệ của báo Bách Khoa do nhà văn **Nguyễn Ngụ Í** thực hiện.

– Sáng tác để làm gì, cho mình hay cho thiên hạ?

– Theo ý tôi, giữa cá nhân người viết và xã hội đã có sự liên quan mật thiết. Từ lúc có ý định xây dựng tác phẩm đến lúc hoàn thành, người viết đã bản khoăn biết bao lần trước các hoàn cảnh. Mỗi ngày một ít, mỗi chỗ một cảm hứng riêng biệt, mặc nhiên sự vật chung quanh đã đóng góp cho nhà văn một phần cảm hứng. Như thế khi một tác phẩm hoàn thành, không ít thì nhiều cũng mang lại lợi ích cho cả đôi bên: người viết được phần thưởng tinh thần (vật chất đối với nhà văn ta bây giờ quá ít, không đáng kể), còn xã hội được thêm một phần đóng góp trên phương diện văn hoá.

– Sáng tác theo đường lối nhất định nào hay là tùy cảm hứng?

Có lẽ “đường lối” ở đây là “phương pháp làm việc”. Nếu hiểu theo nghĩa ấy thì tôi không theo được cả hai. Bởi vì nói phương pháp thì phải có hệ thống, có chương trình bó buộc, còn cảm hứng thì phải có nhiều thời gian vì hứng đến với mình từng lúc. Mà riêng tôi thì vì bận bịu với nghề nghiệp [nghề giáo, ghi chú của người viết], nên có khi mệt mỗi hàng tháng không viết thêm được một dòng. Nhưng gặp trường hợp rỗi rãi, có thời gian, tôi cảm cú viết, bất kể có hứng hay không. Tuy vậy thông thường nếu có cảm hứng, lại thêm rỗi rãi thì sáng tác dễ dàng hơn.

- Những gì đã xảy ra từ khi tác phẩm thai nghén đến khi hình thành?

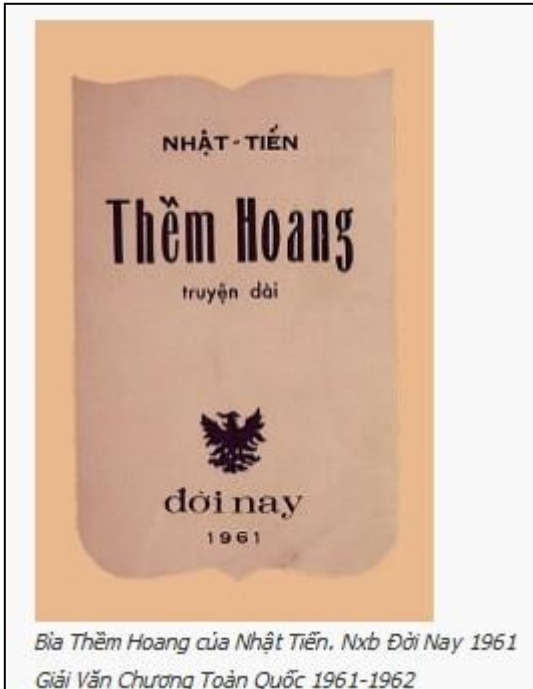
Tôi bắt đầu bằng một nhân vật sống trong một hoàn cảnh nào đem lại cho tôi nhiều rung cảm nhất. Từ nhân vật ấy tôi viết chương thứ nhất. Rồi từ đấy, tùy theo sự kiện đã viết trong chương trước (sự kiện này đến với tôi trong lúc viết), tôi dựng chương sau. Thường thường là viết được 9, 10 chương tôi mới nghĩ đến “kết”. Lối viết này, theo tôi tạo được nhiều khách quan hơn là xây dựng sẵn một cốt truyện có sắp đặt từ đầu. Vì nếu định trước, tác phẩm sẽ bị gò bó, do đó mất đi nhiều ý mới lạ.

– Kinh nghiệm sống và sáng tác thích nhất?

Về hình thức thì khi viết, tôi cố gắng giữ cho mình cái ý nghĩ là “đừng làm văn chương”, vì thật ra tả cảnh mà không sáo thì thật là khó. Để tránh cái khó đó, tôi chọn lối hành văn giản dị. Nhưng chọn là một chuyện, mà theo được hay không lại là một chuyện khác. Cái đó theo tôi nghĩ, thuộc về phê phán của người đọc. Còn nội dung tác phẩm thì thú thật tôi còn băn khoăn nhiều, chưa dám gọi là kinh nghiệm để nêu lên mặt báo. Còn về sáng tác của tôi, tôi thích nhất thì theo thiển ý, các truyện của mình tuy đã in ra, chưa hẳn là ai cũng đọc đến, để nói ra là ai cũng biết ngay; cho nên xin miễn điều ấy cho tôi. Nhật Tiến [hết trích dẫn: Bách Khoa, Số 115, 15-10- 1961, tr. 103-104]

Với bài viết ngắn giới hạn khoảng 7 ngàn chữ, với hơn 20 tác phẩm thật khó mà giới thiệu Nhật Tiến một cách đầy đủ. Trong chỗ riêng tư, khi tôi hỏi Anh nếu phải chọn 3 tác phẩm để giới thiệu, Nhật Tiến nhắc tới 3 cuốn:

Thềm Hoang, Người Kéo Màn, Giấc Ngủ Chập Chờn. Đó cũng là chọn lựa của người viết để giới thiệu tính cách đa dạng của ngòi bút Nhật Tiến.



“Thềm Hoang” ([📖 đọc toàn bộ PDF](#)) là những kiếp người trong Xóm Cỏ, một xóm lao động nghèo với bùn lầy nước đọng giữa lòng thành phố Sài Gòn. Ngay khúc dạo đầu của tác phẩm Thềm Hoang là bốn câu thơ bi ai:

*Ai đưa tôi đến chốn này
Ban đêm thì tối ban ngày thì đen
Ôm đàn gảy khúc huyền thuyên
Nghêu ngao mấy điệu
cho quên tháng ngày*

Bốn câu thơ ấy để giới thiệu nhân vật chính bác Tồn, nghệ sĩ mù kiếm sống bằng nghề hát dạo. Thằng Ích, mồ côi cha mà đã khôn lanh trước tuổi, nó là đôi mắt sáng của bác Tồn. Cô Huệ gái điếm đã hết thời xuân sắc nhưng vẫn là nỗi mơ ước của bác Tồn qua trí tưởng

tượng và sự mô tả của thằng Ích. Một U Tám goá bụa giữa chừng xuân, mê lời đường mật của một gã đàn ông, sau này trở thành Dượng Tám, hiện nguyên hình tên lưu manh sống bám vợ và cả bạo hành đối với vợ con. Lão Hói, rợu chè be bét, sống bằng bói bài tây và lúc nào cũng tin có ông trời. Tới ông Phó Ngữ goá vợ, chỉ có đứa con gái duy nhất, mong nó có được mô tấm chồng tử tế nhưng cũng chẳng xong. Rồi người lính Năm Trà phải đi đóng đồn xa, để lại vợ con cho mẹ già, người vợ trẻ đang tuổi thanh xuân không chịu được cảnh cô đơn, quyết định bỏ nhà ra đi; do không đủ tiền nuôi cháu, bà mẹ Năm Trà phải đem ba cháu nhỏ cho viện mồ côi, sau đó bà cụ phát điên... Những số phận ấy chung sống với nhau trong Xóm Cỏ tạo nên một khung cảnh xã hội nghèo khó vừa ảm đạm vừa bi thiết và không có lối thoát. Cảnh khổ là mẫu số chung của đám cư dân sống trong Xóm Cỏ. Hình ảnh bác Tồn người nghệ sĩ mù, và thằng Ích, cả hai gần như lúc nào cũng bàng bạc hiện diện trong suốt 300 trang sách. Đỉnh cao của tấn bi kịch xã hội Thềm Hoang đánh dấu bằng sự trở về của người lính Năm Trà trong bộ quân phục bạc thếp nhếch nhác, gặp lại mẹ già thì nay đã bị mất trí không nhận ra con mình. Trước thảm kịch gia đình tan nát đó, Năm Trà cũng nổi điên trả thù đốt nhà đốt xóm. Cả Xóm Cỏ tan hoang trong lửa đỏ hoà lẫn với những tiếng kêu khóc thảm thiết. Rồi một trận mưa lớn đổ ập xuống đồng tro than như muốn rửa sạch những rác rưởi của những thềm hoang trong Xóm Cỏ. Khép lại trang sách cuối, người đọc tự hỏi liệu có một ngày mai nào

tươi sáng hơn cho những Xóm Cỏ tương lai? Với nội dung ấy, với bút pháp điêu luyện của Nhật Tiến, Thềm Hoang đã được trao giải Giải Văn Chương Toàn Quốc 1961-1962.



“Người Kéo Màn” ([đọc toàn bộ PDF](#)) nhiều người cho rằng sở trường của Nhật Tiến là viết truyện ngắn truyện dài về những đề tài xã hội, về trẻ thơ bất hạnh. Thực sự Nhật Tiến cũng đã viết nhiều vở kịch truyền thanh, cả kịch được trình diễn trên sân khấu như “năm 1960, khi có trận bão lụt nặng nề ở Miền Tây, Tráng đoàn Bạch Đằng và Toán Nữ Tráng Thanh Quan đã tham gia công cuộc cứu trợ bằng một Đại hội Văn nghệ ở Rạp Thống Nhất, Sài Gòn. Trong Đại hội này, tôi đã sáng tác một vở kịch ba màn có tên là Cơn Giông mà diễn viên chỉ gồm toàn Tráng sinh Bạch Đằng hay Thanh Quan, một trong những diễn viên của vở kịch ấy là luật sư Trần Sơn Hà, anh hiện đang sống ở Quận Cam “. [Một Đời Hướng Đạo, Nhật Tiến].

Người Kéo Màn được Nhật Tiến gọi là “tiểu thuyết kịch”, là tác phẩm thứ tư của Nhật Tiến, đó là một quan niệm rất mới đối với “kịch” theo cái nghĩa cổ điển. Do đó cũng đã gây ra nhiều phản ứng và tranh luận. GS Nguyễn Văn Trung trong Lược Khảo Văn Học, tập II đã không tán thành tiểu thuyết kịch của Nhật Tiến, và cho rằng “tiểu thuyết kịch chỉ đưa đến sự lẫn lộn bộ môn, đồng thời xoá bỏ khả năng đặc biệt của bộ môn bị sát nhập”. Kịch tác gia Vi Huyền Đắc cũng không đồng ý gọi Người Kéo Màn là kịch. Nhưng với Nhật Tiến, sau hơn nửa thế kỷ, anh vẫn cứ tâm đắc với tác phẩm Người Kéo Màn. Nhật Tiến đã khá mạo hiểm vận dụng và kết hợp cả ba kỹ thuật của tiểu thuyết, của kịch, của điện ảnh để viết Người Kéo Màn. Thay vì các nhân vật chỉ diễn xuất trên sân khấu, họ còn có vai trò trải rộng ngoài đời.

Nội dung Người Kéo Màn nói lên mối tương quan giữa các thành viên của ban kịch gồm đạo diễn, lão kéo màn, chàng nhạc công thổi kèn clarinette, nữ diễn viên cho đến đứa bé, nhà mạnh thường quân với nhân vật “tác giả” của vở kịch,

mọi sự diễn ra trong những giả dối, mua chuộc, mưu toan lừa gạt nhau, mâu thuẫn, đầy ngộ nhận bi thảm ngay trong chính cuộc sống của họ, họ đây là giới hoạt động nghệ thuật. Mỗi nhân vật đều có vai trò không chỉ trên sân khấu, mà cả sau hậu trường nơi phòng hoá trang và ngoài cảnh đời thật của họ với đủ mọi hỉ nộ ái ố không thiếu sự lừa gạt đến như nhuốc. Nhật Tiến, đang từ ngòi bút đôn hậu rào rạt tình thương của Những Người Áo Trắng, Thềm Hoang, bước sang tiểu thuyết kịch Người Kéo Màn là một Nhật Tiến hoàn toàn khác, của hoài nghi bi quan tới mức tàn nhẫn.



“**Giác ngủ chập chờn**” ([đọc toàn bộ PDF](#)) được sáng tác vào giữa thập niên 1960s, lúc bấy giờ cuộc chiến ở Việt Nam do Hà Nội phát động đã bắt đầu lan ra các tỉnh Miền Nam. Nhật Tiến viết về ấp Vĩnh Hựu, hoàn cảnh của một vùng xôi đậu tức là vùng tranh tối tranh sáng. Ban ngày thì do quốc gia kiểm soát, nhưng ban đêm thì do bên kia, dân chúng sống trong vùng đó gia đình bị phân tán, có anh em thì theo bên này, có anh em thì theo bên kia, và họ chết vì cuộc chiến tương tàn. Họ sống dở chết dở giữa hai làn đạn với oán thù chồng chất vây bủa giăng mắc họ ngày đêm. Đám thanh niên và cả con nít ở cái làng đó vốn thân thiết với nhau nhưng đến lúc cuộc chiến tràn về thì hàng xóm giết nhau, anh em cũng giết nhau, gây ra bao thảm cảnh khổ đau. Nhưng người dân quê ấp Vĩnh Hựu thì vẫn cứ gắn bó với mảnh đất chôn rau cắt rốn của mình và không

bao giờ muốn xa rời. Các cụ già thường nói với tụi con cháu: “Tụi bây muốn giết nhau ở đâu thì giết, nhưng cấm bắn nhau ở trong các ngõ ngách này. Chẳng dây mơ cũng rễ má, ít nhiều gì thì tụi bây cũng có liên hệ gia đình, ruột thịt hay quê hương. Giết nhau trên phần đất ông cha là nhục nhã”. [Giác ngủ chập chờn, tr.63, Nxb Huyền Trân 1969].

Cuốn sách nói lên một sự thực là không có phong trào quần chúng bất mãn chế độ mà nổi dậy trong cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Với cái nội dung tố cáo như vậy, Hà Nội đã đánh giá cuốn sách đó là cực kỳ phản động.

Giải văn chương toàn quốc



*Lễ trao giải Văn Chương Toàn Quốc 1960-1961.
Nhà văn Nhật Tiến đứng thứ hai từ trái.*

Giải thưởng Văn Chương Toàn quốc được đặt ra từ 1957. Theo Tạp chí Văn Hữu số 21 do Văn Hoá Vụ ấn hành 1962, tác giả Hàn Phong đã viết về “Lược sử Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc” thời Đệ Nhất Cộng Hoà 1954- 1963:

Giải thưởng Văn Chương Toàn quốc với đặc tính không đòi hỏi một điều kiện nào về nội dung hay hình thức của các tác phẩm dự thi hay những tác phẩm được xem xét đến. Các tác phẩm phải được xuất bản trong niên khoá.

Theo nguyên tắc, giải thưởng được tổ chức hàng năm nhưng do số tác phẩm xuất bản chưa nhiều nên giải thưởng đã được tổ chức hai năm một lần:

– Lần thứ nhất 1955-57: Hội đồng Giám Khảo đã đọc 206 tác phẩm xuất bản từ 1954 đến cuối năm 1956, do tác giả hay nhà xuất bản gửi tới dự thi, gồm đủ các loại khảo luận, tiểu thuyết, thi ca và kịch.

Hội đồng Giám khảo gồm có học giả, giáo sư, thi sĩ, tiểu thuyết gia, kịch sĩ như: Gs Nghiêm Toản, Nguyễn Thành Châu, Nguyễn Khắc Kham, Lm Nguyễn Văn Thích, Trương Công Cừu, Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Bà Tùng Long, Vi Huyền Đắc, Đông Hồ, Trần Tuấn Khải, Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan. Chủ tịch Hội đồng là học giả Đoàn Quan Tấn. Lễ tặng giải thưởng đã được tổ chức ngày 25-8-1958 tại Dinh Độc Lập do Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà trao tặng.

Khảo luận: “Văn Chương Bình Dân” của Lm Thanh Lăng, “Xây Dựng Nhân Vị” của Bùi Tuân, “Người Xưa” của Trần Đình Khải.

Tiểu Thuyết: “Tìm về Sinh Lộ” của Kỳ Văn Nguyên, “Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử” của Nguyễn Kiên Trung [tức Nguyễn Mạnh Côn, ghi chú của người viết], “Nếp Nhà” của Bửu Kế.

Thơ: “Anh Hoa” của Phạm Mạnh Viện, “Long Giang Thi Tập” của Trần Hữu Thanh, “Nam Trung Thi Tập” của Nguyễn Văn Bình, “Kiếp Hồng Nhan” của Quang Hân.

Kịch: “Bão Thời Đại” của Trần Lê Nguyễn, “Ái Tình Bôn-Sê-Vích” của Thạch Bích, “Hai Màu Áo” của Minh Đăng Khánh.

– Lần thứ hai 1958-59: Giải thưởng Văn Chương Toàn quốc lần hai có sự đổi mới, lần này tác giả không phải gửi tác phẩm tới dự thi nữa mà do Hội đồng chọn lựa trong toàn bộ ấn loát phẩm xuất bản từ năm 1958 đến cuối năm 1959. Vì không quan niệm là một cuộc dự thi, các nhân viên Hội đồng tìm đọc tất cả các tác phẩm. Và nay Hội Đồng đổi tên thành Hội Đồng Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1958-59 [thay vì danh xưng Hội Đồng Giám Khảo, ghi chú của người viết].

Hội Đồng Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1958-59 bao gồm nhiều văn nhân nghệ sĩ, giáo sư như Hà Như Chi, Hà Thượng Nhân, Đái Đức Tuấn, Trần Hữu Thanh, Đỗ Đức Thu, Đông Hồ, Vi Huyền Đắc. Chủ tịch Hội Đồng là Gs Trương Công Cừu, Khoa Trưởng Đại học Văn khoa.

Trong suốt 5 tháng Hội Đồng đã đọc 54 cuốn khảo luận, 34 cuốn tiểu thuyết, 50

tập thơ và 3 vở kịch. Và đã trao tặng 7 giải thưởng. Lễ trao giải được tổ chức tại Phòng Triển lãm Đô Thành do Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ, đại Diện Tổng Thống chủ tọa.

Khảo Luận: “Dịch Kinh Tàn Khảo” của Nguyễn Mạnh Bảo, “Việt Nam Văn Học Toàn Thư” của Hoàng Trọng Miên.

Tiểu Thuyết: “Đò Dọc” của Bình Nguyên Lộc, “Thần Tháp Rùa” của Vũ Khắc Khoan, “Đời Phi Công” của Toàn Phong [Nguyễn Xuân Vinh, ghi chú của người viết], “Mưa Đêm Cuối Năm” của Võ Phiến.

Thơ: “Tập Hoa Đăng” của Vũ Hoàng Chương

Riêng bộ môn Kịch không có giải thưởng.

– Lần thứ ba 1960-61: Hội Đồng Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc lại thay đổi phương hướng và với danh hiệu mới “Hội Đồng Tuyển Trạch Giải Thưởng Văn Chương 1960-1961” do nhà biên khảo Thu Giang Nguyễn Duy

Cần làm chủ tịch gồm ba tiểu ban. Tiểu ban Khảo luận gồm: Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Văn Trung. Tiểu ban Thơ: gồm Vũ Hoàng Chương, Đông Hồ, Thanh Tâm Tuyền. Tiểu ban tiểu thuyết và kịch:

Vi huyền Đắc, Vũ Khắc Khoan, Đỗ Đức Thu, Bình Nguyên Lộc.

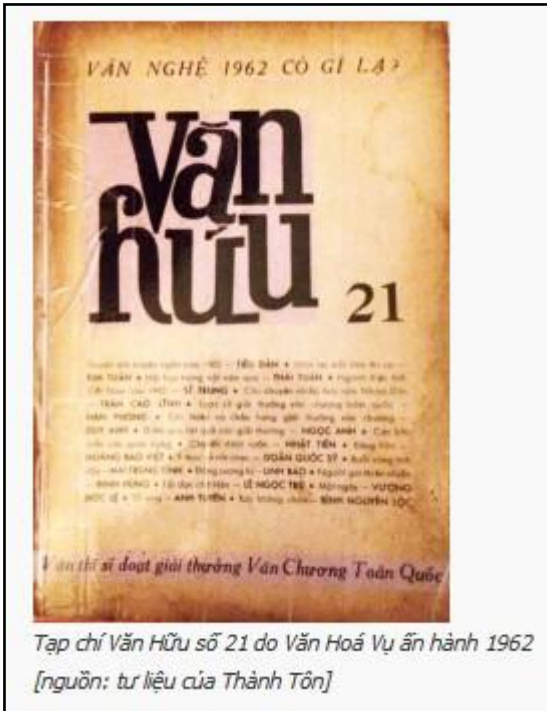
Hội Đồng đã họp 3 lần, cứu xét 112 tác phẩm gồm 37 cuốn biên khảo, 34 cuốn tiểu thuyết, 39 tập thơ và 3 vở kịch, kết quả như sau:

Biên khảo: Giải duy nhất “Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị” của Lê Ngọc Trụ
Tiểu Thuyết: “Thềm Hoang” của Nhật Tiến, “Gìn Vàng Giữ Ngọc” của Doãn Quốc Sỹ, “Tàu Ngựa Cũ” của Linh Bảo.

Thi ca: “Đường Vào Tình Sử” của Đinh Hùng, “Hy Vọng” của Hoàng Bảo Việt, “Tổ Ấm” của Anh Tuyền, “40 Bài Thơ” của Mai Trung Tĩnh và Vương Đức Lệ.

Riêng bộ môn Kịch không có giải thưởng.

[hết lược dẫn VH21, tr. 76-81]



Tường cũng nên ghi lại ở đây là luôn luôn có sự cải tiến về tổ chức sau mỗi kỳ Giải Thưởng Văn Chương. Nhưng có một nguyên tắc không thay đổi là không đòi hỏi một điều kiện nào về nội dung hay hình thức của các tác phẩm. Theo tường thuật của nhà văn Nguyễn Ngũ Í, Bách Khoa CXXXVIII- 113, chủ tịch Hội đồng Giải Văn chương Toàn quốc lần thứ ba, Thu Giang Nguyễn Duy Cần đã nêu lên tiêu chuẩn lựa chọn của Hội đồng, thâu tóm trong hai chữ Văn chương có nghĩa là ý hay lời đẹp và theo ông: “Tác phẩm được chọn sẽ là phản ánh của một nền văn hoá tự do, nghĩa là không bị bó buộc trong khuôn khổ của một hệ thống tư tưởng nào, hay phải theo một khuynh hướng văn nghệ hay chính trị nào cả”.

Sau khi phát giải, ông Lê Ngọc Trụ, đại diện cho các nhà văn trúng giải, lên phát biểu . kiến. Ông cho rằng sự lựa chọn ngày phát giải đúng vào ngày Chủ nhật Nguyễn Du thật là đầy ý nghĩa, và gọi cho ông và các bạn văn trúng giải tinh thần trách nhiệm thiêng liêng, ấy là thiên chức của nhà văn đối với tiếng Việt và nguyện vọng của nhà văn đối với tiền đồ văn hóa Tổ quốc. [Nguyễn Ngũ Í, Bách Khoa CXXXVIII – 113]

Đây là Giải Văn chương Toàn quốc lần thứ ba và cũng là giải văn chương cuối cùng của nền Đệ nhất Cộng Hoà. Do những biến động chính trị, Giải Văn Chương của Đệ Nhị Cộng Hoà 1963-75 chỉ được phục hoạt kể từ 1966.

Cũng nên ghi nhận thêm ở đây, chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi năm của nền Đệ Nhất Cộng Hoà, giới làm văn hoá đã xây dựng được nền móng vững chắc ban đầu trong sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật của Miền Nam. Các nhà văn nhà thơ được trao giải sau này đều là những tên tuổi lớn của 20 năm Văn Học Miền Nam như: các thi sĩ Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, các nhà văn Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Khắc Khoan, Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến, Nhật Tiến, Linh Bảo...

Nhật Tiến và văn hào Nhất Linh

Cuối năm 1955, qua Trương Cam Vĩnh là em nhà văn Trương Bảo Sơn, Nhất Linh nhận được bản thảo Những Người Áo Trắng cũng là tác phẩm đầu tay của Nhật Tiến. Nhất Linh nhận ra văn tài của Nhật Tiến nên đã chọn và đưa ngay Những Người Áo Trắng cho nhà Phụng Giang xuất bản. Nhất Linh giới thiệu Nhật Tiến vào Văn Bút mà lúc đó Nhất Linh đang là Chủ tịch, và đồng thời cũng mời Nhật Tiến viết cho tạp chí Văn Hoá Ngày Nay.

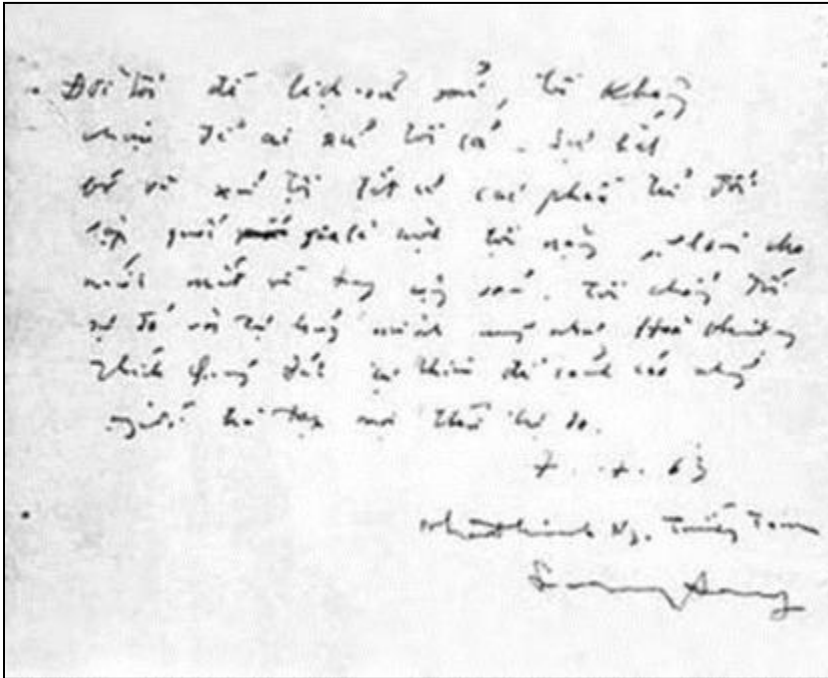
Mối giao tình giữa văn hào Nhất Linh và Nhật Tiến từ 1955 tới 1963 phải nói là sâu đậm.

Năm 1963, tình hình chính trị Miền Nam cực kỳ biến động nơi các thành phố với những cuộc biểu tình tự thiêu, giữa lúc khói lửa ngập trời do cuộc chiến tranh phát động từ Miền Bắc Bắc đã lan rộng ra khắp cả tỉnh Miền Nam. Cái chết của Nguyễn Tường Tam nhà hoạt động chính trị và Nhất Linh nhà văn là một nét của thảm kịch giai đoạn đó. Đó là một phần của lịch sử. Cái chết của nhà văn Nhất Linh thủ lĩnh của Tự Lực Văn Đoàn là một xúc động lớn cho giới trẻ Miền Nam lúc đó. Người viết muốn ghi lại ở đây một chút riêng tư liên quan tới bản Di Chúc của Nhất Linh.

Có lẽ Nhất Linh đã chuẩn bị chu đáo cái chết của mình từ mấy tuần lễ trước. Bị theo dõi, nghĩ rằng bản di chúc của ông có thể bị tước đoạt, thời điểm năm 1963 chưa có máy photocopy, scanner, internet phổ biến như bây giờ. Nhất Linh đã viết thêm một bản di chúc thứ hai giao cho nhóm sinh viên. Lúc đó tôi đang học năm thứ ba Y khoa. Vào những ngày đầu của tháng Bảy, 1963 Nguyễn Tường Quý chờ anh là Nguyễn Tường Vũ [con của ông Nguyễn Tường Thụy, người anh cả của mấy Anh Em gia đình Nguyễn Tường] xuống Đại học xá Minh Mạng tìm tôi. Quý chờ xe ở ngoài, chỉ có Nguyễn Tường Vũ vào gặp. Không nói gì nhiều, Vũ trao tay cho tôi một phong thư mỏng, cho biết đó là một trong hai bản di chúc viết tay của Nhất Linh: “Nờ Vinh giữ, khi cần Vinh đưa lại”. Khi Nguyễn Tường Vũ ra về, tôi đã lặng lẽ cất bản di chúc thứ hai ấy – như một chứng từ lịch sử, trong tủ sách giữa những trang bộ Từ điển Đào Duy Anh bìa cứng dày cộm do Nxb Minh Tân, Paris xuất bản.

Bản Chúc thư ngắn, cô đọng chỉ với 71 chữ: *“Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bất bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự huỷ mình*

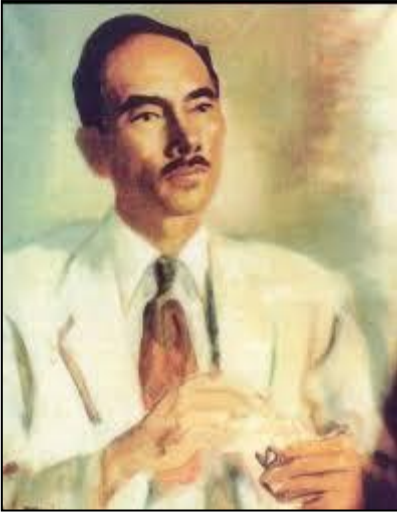
cũng như Hoà Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi tự do.”



Nhat Linh tuẫn tiết vào ngày 7 tháng 7 năm 1963. Chỉ một ngày sau bản tin của UPI/ United Press International do Neil Sheehan gửi đi sáng ngày 8 tháng 7, 1963 đã phổ biến rộng rãi trên báo chí thế giới:

“South Viet Nam Eminent Writer Commits Suicide” by Neil Sheehan, “South Viet Nam’s most eminent writer committed suicide today as a political protest on the eve of his trial for alleged complicity in the abortive 1960 coup against President Ngo Dinh Diem. Nguyen Tuong Tam [mispelled Pam by Sheehan] 58, who wrote under the pen name of Nhat Linh, left an eloquent testament protesting against Diem’s rule. The former nationalist leader died in a hospital after taking poison. The suicide of Tam, considered Viet Nam’s greatest writer of the 20th century, came at a time of growing political and religious unrest under Diem’s regime. His death was expected to stir further political repercussions, particularly among the country’s intellectuals... The text of Tam’s short testament said: “History alone will judge my life. I will allow no man to try me. The arrest and trial of all the nationalist opponents of the regime is a crime which will force the nation into the

hands of the communists.” UPI 7/8/1963 Bản Di chúc của Nhất Linh (trái), bản tin UPI (giữa), Nguyễn Tường Vũ (phải) thập niên 1960 [nguồn: Nguyễn Tường Quy, Nguyễn Tường Thiết]



Và như vậy là bản chúc thư thứ nhất của Nhất Linh đã tới tay báo giới ngoại quốc. Bản tôi hiện giữ không còn tầm quan trọng một-mắt-một-còn như lúc Vũ trao cho tôi trước đó. Sau này, qua Ls Nguyễn Tường Bá, tôi được biết bản chúc đã được nhà báo Như Phong chuyển tay cho hãng thông tấn UPI.

Đám tang Nhất Linh diễn ra ngày 13 tháng 7, 1963. Thành phần đưa đám ông đa số là học sinh sinh viên. Nổi xúc động của họ đa phần hướng về cái chết của một nhà văn, trong khi các đồng chí của ông thì muốn dán nhãn cho cái chết của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam như một “tuần tiết chính trị”.

Bấy lâu, từ những thập niên 1930, Nhất Linh đã là một khuôn mặt của quần chúng / public figure về cả hai phương diện văn học và chính trị. Phần nào văn học hay chính trị đậm nét hơn là do tâm cảnh của từng người. Tôi vẫn thấy đậm nét văn học của đám tang Nhất Linh ngày hôm đó. Bức hình chụp chân dung Nhất Linh của họa sĩ Nguyễn Gia Trí, câu đối viếng của thi sĩ Vũ Hoàng Chương với toàn tên tác phẩm của Nhất Linh: “Người quay tơ, đôi bạn, tối tăm anh phải sống, chữ sao đoạn tuyệt /Đời mưa gió, lạnh lùng, bướm trắng, buổi chiều vàng đâu chỉ nắng thu”. Cái chết của mỗi nhà văn tự thân bao giờ cũng là một bi kịch nếu không muốn nói là một thảm kịch. Theo một nghĩa nào đó, mỗi nhà văn đã chết từng phần trên mỗi tác phẩm của họ. Hãy trân trọng những cái chết đó, xem đó như một mẫu số chung hàn gắn thay vì phân hoá. Chế độ chính trị nào rồi cũng qua đi, nhà văn thì vẫn cứ trường tồn với tác phẩm của họ.

Điều văn của nhà văn trẻ Nhật Tiến lúc đó mới 27 tuổi, giữa vòng vây của mặt vụ thời ấy, Nhật Tiến đã can đảm phát biểu với tính cách một nhà văn độc lập cho dù lúc đó Anh đang là phó Chủ tịch Văn Bút. Nhật Tiến đã ràn rụa nước mắt với hết tâm can nói tới cái chết của nhà văn Nhất Linh: “Văn hào đã hình thành sứ mạng cao quý của người cầm bút. Văn hào đã nêu cao sĩ khí bất khuất của truyền thống những nhà văn chân chính.”

Ít ngày sau đám tang Nhất Linh khi gặp lại, tôi trả Nguyễn Tường Vũ và Tường Qu. bản di chúc thứ hai ấy. Nguyễn Tường Vũ rất nghệ sĩ, cũng là người trình bày cho tạp chí Văn Hoá Ngày Nay của Nhất Linh, anh đã mất ngày 19 tháng 5, 1991 khi anh đang làm công tác thiện nguyện thuộc tổ chức Liên Hiệp Quốc lo việc cứu trợ thuyền nhân ở Palawan, Phi Luật Tân.

Nguyễn Tường Qu. thì nay vẫn còn nhớ khi đưa Vũ xuống Đại học xá gặp tôi để Vũ đã giao cho tôi giữ một bản di chúc của “Bác Tam” ngày hôm đó.

Từ Sài Gòn tới đảo quỳ Ko Kra

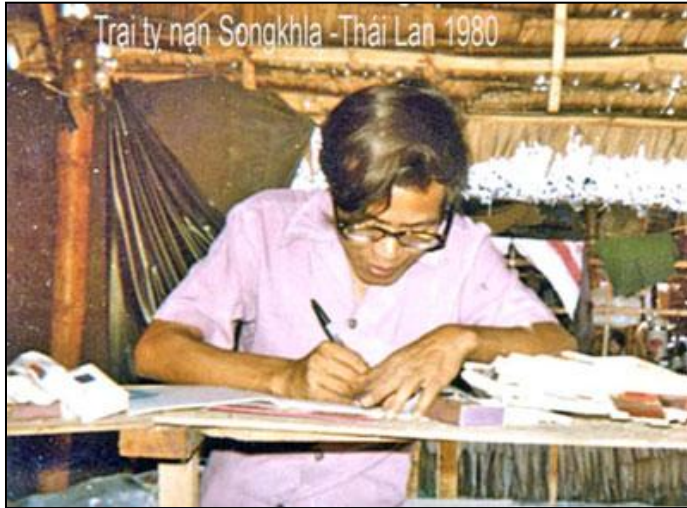
Kết lại sau năm 1975, trường ốc chưa mở, nhà in Huyền Trân phải ngưng hoạt động rồi lại phải gác bút, cả gia đình Nhật Tiến ra đường bán quán để kiếm sống.

Mai Thảo và Duyên Anh ít ngày sau 30 tháng tư 1975 đã tới ngồi ăn ở quán vỉa hè này, bên cạnh đấy là một quán khác của Loan Mất Nhung Nguyễn Thụy Long, cũng trên đường Duy Tân. Mai Thảo viết: “Cái cảnh tượng đập vào mắt tôi lúc đó, về hai cái quán liền sát cùng trước một vỉ tường thấp chạy dài, là cái cảnh tượng của một đối nghịch hoàn toàn. Mang chung sự thất thủ của văn nghệ gác bút ra đường bán quán trước hoàn cảnh mới, cái quán của Nguyễn Thụy Long với những xi đế ngổn ngang trên mặt bàn và mấy người khách hàng trẻ tuổi cùng ngất ngưỡng như Long, hiện rõ vẻ bụi đời anh chị. Cái quán của Nhật Tiến khác hẳn. Nó lành mạnh hơn và cũng gia đình hơn gấp bội, với những đĩa rau muống chẻ nhỏ đặt ngay ngắn, bên cạnh là một chảo mỡ sôi bốc khói xanh um, chị Nhật Tiến má hồng cái củi lửa chiên những cái bánh tôm vàng ngậy và đưa cháu lớn, nơ cài mái tóc, váy xếp chững chạc, đang phụ một tay với ông bố nhà văn. Nhớ hôm đó, chúng tôi đã ăn ủng hộ Thềm Hoang Quán mỗi người một đĩa bánh tôm, rất ngon, và tôi đã hỏi đùa Nhật Tiến: “Rửa bát tào ngay, giỏi nhỉ?” Và Nhật Tiến đã cười, nụ cười bình thường chừng mực, nụ cười hơi già trước tuổi một chút của một nhà giáo. Nhật Tiến bao giờ cũng trước hết xác nhận mình là một nhà giáo: “Giỏi quỳ gì. Việc phải làm thì phải làm. Để cho ai đây.” [Nhật Tiến Vẫn Đứng ở Ngoài Nắng, Tạp chí Văn California số 6, tháng 12/1982].

Nhật Tiến nhà văn cũng phải đi dự một khoá học tập chính trị một tháng cùng với nhiều văn nghệ sĩ Miền Nam khác như Hoài Bắc, Thái Thanh, Nguyễn Thị Vinh, Đỗ Phương Khanh, Nguyễn Thụy Long... Là thầy dạy lý hoá không phải môn văn, sau này Nhật Tiến được đi dạy học trở lại nơi ngôi trường tư thục cũ.

Nhưng rồi không thể tiếp tục sống làm nhà giáo của “Một Thời Nhếch Nhác”, tháng 11 năm 1979 Nhật Tiến đã quyết định vượt biển ra đi, cùng chuyến đi có thầy Từ Mẫn Võ Thắng Tiết, nguyên Giám đốc Nxb Lá Bối [và tiếp tục trên đất Mỹ điều hành Nxb Văn Nghệ những năm về sau này].

Đó là một chuyến đi của những thảm kịch khi họ gặp hải tặc Thái Lan. Họ đã sống những tuần lễ địa ngục trên đảo Ko Kra với đói khát, bạo hành. Rồi họ cũng sống sót được cứu đưa về trại tỵ nạn Songkhla, tại đây nhà văn thuyền nhân Nhật Tiến là một trong những nhân chứng sống của vụ kiện hải tặc trên Vịnh Thái Lan. Anh đã cùng hai nhà báo Dương Phục và Vũ Thanh Thủy viết và gửi ngay ra ngoài những bản cáo trạng về thảm cảnh trên Biển Đông, đã làm rúng động lương tâm của thế giới và cũng là bước đầu hình thành Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển hoạt động nhiều năm về sau này.



Nhà văn thuyền nhân Nhật Tiến ngồi viết cáo trạng thảm cảnh Biển Đông trong trại tỵ nạn Songkhla, Thái Lan 1980

Nhật Tiến Én nhanh nhẹn R.S. 80 tuổi

Còn một tuần lễ nữa 24-08-2015 là sinh nhật thứ 80 của Nhật Tiến. Sinh nhật thứ 80 ở Mỹ, cũng là tuổi Nhật Tiến phải thi lại bằng lái xe. Chuẩn bị cho ngày ấy, Anh đã tới bác sĩ nhãn khoa để được điều trị laser vông mạc mắt trái, trước đó Anh cũng đã qua hai cuộc mổ cườm mắt/ cataract, nay với kính progressive cận/ lão Anh vẫn đạt mức thị lực 20/20, Anh cũng đang chuẩn bị ráo riết thi lại phần viết của Nha Lộ Vận / DMV để đổi bằng lái xe mới. Ở tuổi nào thì Anh cũng

vẫn sốt sắng gắn bó với đời sống theo đúng tinh thần Hương Đạo. Ngay cả ở tuổi 80 mà vẫn còn chăm chỉ học bài để vắc bút đi thi! Tôi nghĩ Anh cũng sẽ dễ dàng bước qua kỳ thi này.

Bài viết vội với hơn 7 ngàn chữ gửi tới Anh, phải kể là quá ngắn so với cuộc đời rất phong phú và đa dạng của Anh: một nhà văn, một nhà giáo, và một đời hương đạo. Nhật Tiến rất trực tính và can đảm. Không phải ai cũng chia xẻ và đồng tình với cách hành xử của Anh. Và không ít lần Anh đã phải trả giá cho những ngộ nhận và cả vùi dập cho những điều Anh phát biểu.

Nhưng có điều chắc chắn đó là tiếng nói lương tâm của Nhật Tiến. Trong mọi hoàn cảnh Anh vẫn không ngừng hoạt động, Anh vẫn cứ “đứng ở ngoài nắng” – chữ của Mai Thảo. Với tôi, Nhật Tiến – Ăn Nhanh Nhẹn RS, vẫn cứ mãi là một Tráng Sinh Lên Đường.



Từ phải: Nhật Tiến, Ngô Thế Vinh. Photo by Đào Nhật Tiến, Dallas

Ngô Thế Vinh

California 24-08-2015

VĨNH BIỆT NHÀ VĂN NHẬT TIẾN

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng
chị Kathleen Bùi Mai Khanh và anh Michael Bùi và tang quyến về sự ra đi của:

Nhà văn Nhật Tiến, vừa tạ thế ngày 14 tháng 9, 2020
(tức 27 tháng 7 năm Canh Tý), tại thành phố Irvine, Nam California

Hương thọ 84 tuổi.

Nguyện cầu Hương linh Nhà văn Nhật Tiến sớm vãng sanh về miền Tây Phương Cực Lạc.

Dương Ngọc Sum, Lê Tất Điều, Nguyễn Hùng Tâm Khai Trí, Nguyễn Giang GD Tự Lực Văn Đoàn,
Nguyễn Cường GD Tự Lực Văn Đoàn, Nguyễn Tâm GD Tự Lực Văn Đoàn, Nguyễn Văn Sâm,
Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Quang, Vũ Đức Âu Vĩnh Hiền, Đào Đức Nhuận, Trần Huy Bích, Ngô Thế Vinh,
Quyên Di, Bùi Văn Phú, Đỗ Bình, Hư Vô, Vương Trùng Dương, Bô Đại Kỳ, Võ Ý, Phạm Mạnh Khuê,
Bùi Cửu Viên, Bùi Hồng Thủy, Chu Bá Yên, Hồng Nhật, Nguyễn Bá Thảo, Nguyễn Thị Hào, Cao Mỹ Nhân,
Trần Mạnh Chi, Ngọc Cường, Bích Diệp, Khiếu Long, Yên Sơn, Cát Biển, Nguyễn Hồng, Phạm Hồng Thái,
Ái Cẩm, Thái Tú Hạp, Kiều Chính, Kiều Mỹ Duyên, Bình Trương, Thủy Quỳnh, Quỳnh Giao, Cao Thanh Ngọc,
Thuy Lan, Khánh Lan, Lâm Dung, Ngọc Quỳnh, Tiểu Thu, Trần Mỹ Chương, Trần Văn Thuận Hoàng Sa,
Trường Sa, Võ Tả Hân, Kim Châu, Thiện Lý, Phiến Đan, Nam Khang, Cảnh Thiên, Bùi Bảo Sơn,
Phạm Đình Long, Bạch Yến, Trần Quang Hải, Lê Văn Khoa, Ngọc Hà, Quốc Sĩ, Đức Nguyên, Ái Liên,
Luu Nguyễn Đạt, Lam Phương, Cung Trầm Tưởng, Vi Sơn-Lucie Quế, Gina Nga Nguyễn, Ngô Thiện Đức,
Derrick Nguyễn Hoàng Dũng, Thuy Trinh, Bích Phượng, Bích Trâm, Lý Tông Tôn, Lý Kim, Phạm Gia Đại,
Nguyễn Hữu Thời, Song Thuận, Ngọc Loan, Nguyễn Văn Sâm, Lưu Anh Tuấn, Mindy Lưu, Cát Ngọc,
Thanh Mỹ, Thanh Châu, Nguyễn Đình Hải, Phạm Gia Côn, Nguyễn Đức Năng, Nguyễn Đức Nam,
Nguyễn Trọng Nho, Văn Bằng, Hồng Vũ Lan Nhi, Nhật Uyên, Hoài Thu, Bích Xuân, Melanie Nga My,
Phạm Kim, Dương Việt Điền, Bích Ty, Mộng Thủy, Nhật Uyên, Thanh Huy, Vương Đức Hậu, Vĩnh Liêm,
Phạm Anh Dũng, Vi Anh Alexander, Lê Hoa, Lê Thủy Vinh, Ngọc Mai, Ngô Tăng Giao, Đào Thảo,
Tâm Hào, Phan Anh Dũng, Trần Quốc Bảo, và Việt Hải.

Đồng Thành Kính Phân Ưu





Ngọc Ân (Hồn Việt) phỏng vấn nhà văn Nhật Tiến 2013: [■ Phần 1](#) [■ Phần 2](#)



Nhật Tiến Vẫn Đứng Ở Ngoài Nắng

**** MAI THẢO ****

Một buổi chiều Sài Gòn, ít ngày sau khi 30 tháng tư 1975, ngồi sau chiếc xe gắn máy của Duyên Anh, cùng tác giả Ngựa Chứng Trong Sân Trường dạo quanh một vòng trên những phố phường tan hoang của thành phố vừa đổi chủ, tôi bỗng nhìn thấy Nguyễn Thụy Long trên một khúc vỉa hè ở khu đại học Duy Tân. Long ngồi sau một cái quán lộ thiên mới mở, như hàng ngàn cái quán lộ thiên mọc lên như nấm ở Sài Gòn lúc bấy giờ. Tác giả Loan Mất Nhung đang nhậu, mặt mày đỏ xạm, kính trắng dày cộm. Và cạnh đó, là một quán hàng khác, với Nhật Tiến, Nhật Tiến không nhậu, không nhậu bao giờ, đang lúi húi với một chậu nước và một chõng bát đĩa nhóp trước một gốc cây.

Cái cảnh tượng đập vào mắt tôi lúc đó, về hai cái quán liền sát cùng trước một vỉ tường thấp chạy dài, là cái cảnh tượng của một đối nghịch hoàn toàn. Mang chung sự thất thủ của văn nghệ gác bút ra đường bán quán trước hoàn cảnh mới, cái quán của Nguyễn Thụy Long với những xị đế ngổn ngang trên mặt bàn và mấy người khách hàng trẻ tuổi cùng ngất ngưỡng như Long, hiện rõ vẻ bệ đờn anh chị. Cái quán của Nhật Tiến khác hẳn. Nó lành mạnh hơn và cũng gia

đình hơn gấp bội, với những đĩa rau muống chẻ nhỏ đặt ngay ngắn, bên cạnh là một chảo mỡ sôi bốc khói xanh um, chị Nhật Tiến má hồng cái củi lửa chiên những cái bánh tôm vàng ngậy và đĩa cháu lớn, nơ cài mái tóc, váy xếp chững chạc, đang phụ một tay với ông bố nhà văn.

Nhìn Long một bên, Tiến một bên, cùng đã lẫn xả ra với sương nắng thời thế với gió bụi hè đường, cũng đã trở thành hai ông chủ quán tài tử bất đắc dĩ, mà quán bạn là quán bạn, quán tôi là quán tôi, bạn anh chị bụi đời, tôi gia đình nghiêm chỉnh, tôi đã nhìn thấy một lần nữa, và lần đó là lần cuối cùng, điều tôi yêu thích và tự hào nhất cho văn nghệ miền Nam 20 năm, là cái trạng thái đa diện và đa dạng không bao giờ đồng dáng và đồng tính. Đó là cái thế giới văn nghệ của mỗi người một trời mình, mỗi kẻ một biển mình. Đó là vùng đất đai văn nghệ của mỗi người một cõi bờ, mỗi người một sông núi. Cái không đồng dáng không đồng phục nơi mỗi người trước bàn viết cũng như trong đời sống ấy, lại là điều văn nghệ miền Bắc đồ khuôn và con số thù ghét nhất. Và bởi vì thù ghét nhất nên muốn triệt hủy nhất. Đó cũng chính là nguyên nhân của đại nạn đã tới với mọi ngành văn học nghệ thuật muôn hình nghìn vẻ của ta. Và đương nhiên đại nạn ấy cũng đã đến với Nguyễn Thụy Long và Nhật Tiến.

Nhớ hôm đó, tôi và Duyên Anh đã ngừng xe lại. Đã vào ngôi xuống mấy cái ghế đầu thấp. Đã lên tiếng ca ngợi cái tinh thần quả cảm của gia đình Nhật Tiến, hàng ngày từ thật xa cổng xe lửa Số Sáu xuống, vui vẻ hội nhập được tức khắc vào nếp sinh hoạt mới ở quanh mình. Nhớ hôm đó, chúng tôi đã ăn ủng hộ Thềm Hoang Quán mỗi người một đĩa bánh tôm, rất ngon, và tôi đã hỏi đùa Nhật Tiến:

– Rửa bát tọ ngay. Giỏi nhỉ?

Và Nhật Tiến đã cười, nụ cười bình thường chừng mực. nụ cười hơi già trước tuổi một chút của một nhà giáo. Nhật Tiến bao giờ cũng trước hết xác nhận mình là một nhà giáo:

– Giỏi quý gì. Việc phải làm thì phải làm. Để cho ai đây.

Suốt thời gian những năm sau, buổi chiều hè đường Duy Tân hôm đó thường hằng trở lại trong trí nhớ tôi. Mỗi lần nghĩ đến Nhật Tiến ở xa. Mỗi lần nghe nói về Nhật Tiến. Trở lại, thời kỳ tôi nằm ẩn ở một xóm nhỏ bên quận Bình Thạnh, nghe nói Nhật Tiến cùng dự một khóa học tập chính trị với Hoài Bắc, Thái

Thanh, Lê Hằng và Nguyễn Thị Hoàng. Khi ở Tây Bắc, được tin Nhật Tiến đã cùng gia đình vượt biển. Khi nghe Ko Kra đảo quỳ. Khi đọc Songkhla trại tù. Khi thấy bản văn đầu của Nhật Tiến gửi sang từ đất Thái. Lúc nhận được bạch thư cứu nguy người vượt biển, cáo trạng gửi đi cùng khắp thế giới về cướp biển Thái Lan. Và mới đây chuyến đi Âu Châu của Nhật Tiến. Và vừa đây, một buổi trưa chủ nhật, đến gặp tác giả Thềm Hoang trong ngôi nhà mới dọn đến của gia đình ông ở đường King, một khu vực yên tĩnh của thành phố Santa Ana.

Ba giờ chiều. Nắng cuối năm có hơi lạnh lùa vào từ một triền núi xanh thẫm ở xa xa gợi nhớ tới đờ au rạo rục những gò má thiếu nữ Đà Lạt những mùa thu về trên cao nguyên và thông rừng đất nước. Ngôi nhà thấp. Thảm cỏ trên lối vào. Cửa ga-ra mở rộng. Căn phòng khách, hai họa phẩm lập thể lớn treo tới sát trần ngó xuống tám hình trẻ măng tươi cười của người đoạt Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1961, tám hình đánh dấu thời kỳ chủ bút Thiếu Nhi, thời kỳ giám đốc Huyện Trân. Mặt bàn, chân ghé bừa bộn sách báo, tài liệu và những xấp photocopy bản thảo, là phương cách cất giữ từng giòng chữ viết ra cực kỳ cẩn thận ở Nhật Tiến. Chuông điện thoại reo. Thấp thoáng một bóng con gái. Đưa cháu chiều nào nơ cài mái tóc, váy xếp chững chạc ngồi phụ bố một tay dưới gốc cây Duy Tân, đã thiếu nữ và đang quay lưng điện đàm với bạn. Rồi Nhật Tiến, tóc ngắn, kính trắng, rần rỏi từ một phòng trong nhanh nhẹn đi ra.

Một tách trà nóng. Ông tới muộn vậy. Và trong khi Nhật Tiến chọn vài tấm hình cho in trong phần chân dung, tôi nhìn ngắm người bạn đã có những hoạt động tích cực mạnh mẽ nhất trong bọn chúng tôi từ ngày tới Mỹ. Bảy năm đã trôi qua. Bảy năm thân thể tử sinh, xấp ngựa hình hài, kín trùm giông bão. Bảy năm của ở lại, của lên đường, của gặp nạn, của tới bến. Mỗi chặng, mỗi đoạn của hành trình một đời là một tầng đầu, một tầng hai địa ngục. Nhưng bản năng tồn tại và khả năng phục hồi ở Nhật Tiến thật mạnh, khiến so với ở nhà thấy ông cũng chẳng đổi thay gì mấy. Như những người có một tầm vóc nhỏ nhắn, rần rỏi, lại sống một đời sống hàng ngày rất lành mạnh chừng mực-điều này thấy thật rõ ở người bạn thân của ông là Lê Tất Điều- Nhật Tiến chưa hề bị khối đá tháng ngày đè nặng, vẫn ở giữa vùng trời sáng láng nhất của tuổi trung niên. Hèn nào đời sống vẫn băng băng, thế sống vẫn lấp lánh, dáng sống vẫn mũi kiếm, những hoạt động nhiều mặt vẫn thật đều thật khỏe. Ông nói lát nữa đi họp. Sẽ có bài thuyết trình ở hội nghị giáo giới. Ông thuật vừa ở Sacramento về, kêu gọi cứu nguy người vượt biển, tố cáo tệ nạn hải tặc Nhật Tiến vừa rời khỏi Songkhla rồi lại hoành hành dữ dội ở vịnh biển Thái Lan. Những việc làm khác, không nói,

chiếm hết thời giờ, lấp đầy được cái khoảng trống vĩ đại mọi người đều ít nhiều cảm thấy về ngày tháng trên xứ sở này. Sống và viết. Đi và thuyết trình. Đến và hội nghị. Trở lại và lên tiếng. Hai trăm trang bạch thư. Một trăm trang cáo trạng. Thơ nói sẽ trở về giòng sông xa. Truyện kể những khốn cùng xã hội. Tiếp tay cho con tàu Akuna. Đặt lại vấn đề in lại sách. Một con người toàn phần của cộng đồng. Một tham dự thường trực với tập thể. Tiếng Kèn đã in ra. Sắp in tiếp Mồ Hôi Cửa Đá. Hôm qua, theo anh em Khai Phóng đi cắt cỏ mướn trong những khu vườn Beverly Hills, vàng trán cháy nắng. Chủ Nhật chặn đoàn sói con đi cắm trại, cái khăn vàng ở cổ, hướng đạo từ ngày xưa, vẫn huỳnh trưởng bây giờ.

Đó Nhật Tiến hiện giờ, Nhật Tiến lưu vong, Nhật Tiến ở Mỹ. Nhật Tiến mà Võ Phiến: hấn còn viết được khá lắm ông ơi, mà Đỗ Quý Toàn: hấn tới rồi thúc đẩy mọi người cùng phải viết. Nhật Tiến của lát nữa ra khỏi nhà đi họp, chiều tối mới về, sáng ngày mai lại cắt cỏ dưới nắng, ngọn đèn bàn viết sáng mãi tới khuya cho bài tham luận phải hoàn tất đêm nay.

Tôi ra về, cho Nhật Tiến đi họp. Tác giả Thềm Hoang đã ra xe: Hôm nào ông tới đây ngủ lại một đêm, mình trò chuyện. Ủ, hôm nào sẽ tới.

Bốn giờ chiều. Cái nắng cuối năm của Santa Ana vẫn trải lụa trên những lòng đường yên tĩnh. Cái nắng càng về chiều càng tuyệt đẹp. Cái nắng rất mùa thu, lá lả, ngây ngây, châm kim vào da thịt, như từ một tứ thơ Đinh Hùng thả xuống, như từ một trang tiểu thuyết Nhất Linh đi ra. Cái nắng còn đuổi theo bước chân của Dũng vượt biên giới sang Tàu, tà áo của Loan vẫn thấp thoáng ở trong vườn, tình yêu lớn lao một đời thả không tiếng những nụ hoa vàng lên mái tóc. Cái nắng Chủ Nhật, cái nắng cực kỳ thanh bình, cực kỳ an toàn còn ở quanh tôi từ ngôi nhà Nhật Tiến đi ra, suy nghĩ tới những cõi nắng, những trời nắng, những cái nắng khác. Cuối cùng là con đường phải cuốc bộ thăm thăm mịt mùng qua những cánh đồng cháy nắng, những đồi trọc hoang vu đầy những hố bom. Nắng ấy, cháy rực, thiêu đốt là nắng trong “Mẹ Tới Giữa Mùa Xuân”, một truyện ngắn mới của Nhật Tiến. Từ một nhà giáo mẫu mực, hiền hòa, nhỏ nhẹ Ba Sinh đã biến thành một con người dầm mưa dãi nắng suốt ngày ngoài đường phố. Cái nắng cơ cực ấy được tả trong “Trần Đánh Cuối Cùng Của Một Kẻ Sĩ”, một truyện ngắn mới nữa, vẫn của Nhật Tiến. Nhà giáo. Ba Sinh. Nhật Tiến đó không, một phần nào trong nhân vật?

Còn bao nhiêu những cõi nắng khác chói chang, dữ dằn đổ lửa như vậy. Những cái nắng thế kỷ, bỏng cháy vai trần hàng triệu con người làm than trên trái đất, những con người mất quyền làm người, theo Nhật Tiến “nạn nhân của thế lực tiền bạc và thế lực bạo lực”. Những cái nắng Việt Nam. Ôi, cuối cùng là những cái nắng Việt Nam. Nhễ nhại trên bãi mìn Long Giao, nơi đôi chân tù đày của Phan Nhật Nam trên những mảnh thủy tinh vỡ. Ngùn ngụt ở K1, K2. Pleiku, nơi Nguyễn Sỹ Tế, Mặc Thu vác nặng lội qua suối khô trong mệt lả những trưa rừng. Rồi những cõi nắng lên đường, những giải nắng vượt tuyến, những thác lửa trại đảo. Hai ngày ở bãi đáp. Bốn phía chung quanh sinh lầy mận chát. Một tháng lênh đênh ngoài biển Đông, nắng quý mùa cười trên ngàn con sóng dữ, những da dẻ cháy xém, boong tàu lửa bỏng, hải tặc tràn sang, cái nắng kềm gai trên Ko Kra làm điên loạn thần phách, cái nắng ở Songkhla dưới những tấm tôn hực lửa trên đầu.

Những trong nắng và những ngoài nắng ấy. Nhật Tiến đã thấy đã trải qua, đã viết ra, đã thuật lại. Gọi đó là nắng cáo trạng, nắng bạch thư, gọi đó là nắng Ko Kra, nắng Nhật Tiến. Trước cái khuynh hướng muôn thuở của con người là sự kiếm tìm những tàn cây đầy bóng mát cho tâm hồn và đời sống, văn chương bây giờ của Nhật Tiến, những vận động, những lên tiếng không ngừng của Nhật Tiến cho thấy ông vẫn lựa chọn đứng ở đó. Ngoài nắng. Dưới nắng. Thái độ đó có thể bị nhìn thấy là khô cứng quá khích. Hoặc với những tâm hồn đã bóng rợp, một đọa đầy vô ích. Tôi chỉ nhìn thấy tự nhiên và bình thường nơi người nhà văn lưu đày ở Nhật Tiến một ý muốn. Cái ý muốn được đứng cùng, đứng mãi với vượt biển thê thảm như đứng với quê nhà, với Việt Nam.



MAI THẢO

(trong tác phẩm Chân Dung, trang 154-157)

Hồ Trường An viết về Nhật Tiến và Đỗ Phương Khanh

Vào những năm 1969, 1970, 1971, Tô Thùy Yên thường bảo tôi:

– Các nhà văn có khuynh hướng xã hội, nghiêng xuống kẻ bất hạnh, người cùng đinh lại thường khá giả, có xe hơi đi. Còn các nhà văn có khuynh hướng mới thì nghèo hơn, chỉ đi xe gắn máy.

Đúng như lời anh nói, các nhà văn xã hội thời đó đều sắm xe cả: Lê Tất Điều, Vũ Hạnh, Minh Quân và cặp vợ chồng Nhật Tiến, Đỗ Phương Khanh.

Ở Việt Nam, tôi quen rất sơ đôi uyên ương cầm bút này nhưng tôi đọc hầu hết tác phẩm của họ. Về tác phẩm của Nhật Tiến, đầu tiên tôi đọc Những Vì Sao Lạc đăng từng kỳ trên tạp chí Tân Phong do chị Nguyễn thị Vinh chủ trương. Về truyện của Phương Khanh, tôi đọc một vài truyện ngắn của chị đăng rải rác trên Văn Hoá Ngày Nay và Tân Phong: Đi Mua Giày, Giận Nhau, Con So, Hương Thu.

Trên hành trình viết về xã hội, trước hết Nhật Tiến viết về các trẻ em mồ côi qua các tác phẩm: Những Vì Sao Lạc, Những Người Áo Trắng, Chuyện Bé Phương, Chim Hót Trong Lồng. Sau đó anh mới viết về xã hội nghèo khó như: Thềm Hoang, Vách Đá Cheo Leo ... Khi chiến tranh sôi động, anh có các tác phẩm: Tặng Phẩm của Dòng Sông, Giấc Ngủ Chập Chờn.

Cuốn Thềm Hoang đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật toàn quốc nâng tên tuổi Nhật Tiến lên hàng đầu. Nhưng truyện kịch Người Kéo Màn của anh mới là tác phẩm gây xôn xao và có giá trị nghệ thuật.

Nhật Tiến là nhà giáo, nhà văn. Anh nghiêm trang, đạo mạo nên có vẻ già trước tuổi. Cái nhìn của anh như có vẻ thờ ơ, lãnh đạm sau cặp kính cận, nụ cười của anh nhẹ nhàng, lạt lẽo. Nhưng thật ra anh là người làm việc rất hăng say, nghiêm chỉnh và nồng nhiệt với văn nghiệp, với sự tranh đấu chống bất công, bạo lực. Gia nhập Trung Tâm Văn Bút, được bầu vào ban chấp hành, anh sát cánh với Linh Mục Thanh Lãng vận động cho hội viên thêm đông. Vào quân đội, được phái làm giảng viên ngành Chiến Tranh Chính Trị cho các sĩ quan, anh là kẻ giảng bài tỉ mỉ nhất, lời giảng hùng hồn lưu loát. Năm đó, vừa tốt nghiệp khoá 26 trường Bộ Binh Thủ Đức, tôi được biệt phái qua Địa Phương Quân ở Bình Dương và được cho theo học một khoá chiến tranh chính trị tại đường Đặng Đức Siêu, Sài Gòn. Ông thầy dạy tôi là nhà văn Nhật Tiến.

Tôi đã gặp nhà văn Nhật Tiến vào dịp dự bữa tiệc do chị Hoàng Hương Trang và Thụy Vũ thiết đãi tại nhà cụ Vi Huyền Đắc ở Ngã Năm Bình Hòa. Sau đó là bữa tiệc tại nhà chị Nguyễn thị Vinh ở cư xá Lữ Gia. Gần tàn bữa tiệc thì chị Phương Khanh bỗng con tới. Chị không đẹp lắm nhưng hoạt bát, thông minh, duyên dáng. Hôm đó chị mặc chiếc áo xắm cụt tay bằng gấm đen nổi hoa xanh đỏ. Ít lâu sau, nhà xuất bản Ngọc Minh thực hiện tuyển tập các nhà văn nữ do chị Nguyễn thị Vinh cố vấn việc chọn bài. Các nhà văn nữ có mặt trong tuyển tập gồm: Nguyễn thị Vinh, Linh Bảo, Minh Quân, Vân Trang, Trúc Liên, Đỗ Phương Khanh, Hoàng Hương Trang, Minh Đức Hoài Trinh, Trùng Dương, Nguyễn thị Thụy Vũ Trong tuyển tập ấy, truyện Vàng Son của Đỗ Phương Khanh rất hay, có khuynh hướng xã hội rõ rệt.

Nhật Tiến không ưa lối viết bạo của Thụy Vũ. Trên các tạp chí xuân năm Mậu Thân 1968, anh nạo Thụy Vũ tới bời, cho rằng văn chương Thụy Vũ tục tĩu, ngang ngược, không có một chút giá trị căn bản của nghệ thuật. Song song với Nhật Tiến chà láng Thụy Vũ, nhóm Tin Văn pháo kích Nguyễn thị Hoàng tới bời mạnh giáp. Nhưng trong hai năm liền, sách của hai nữ tác giả này bán chạy như tôm tươi.

Xét cho cùng, Nhật Tiến nạo sát ván Thụy Vũ chẳng phải vì tư thù. Anh có đường lối văn chương xã hội nên không thể nào chịu nổi lối viết mạnh bạo tả chân của Thụy Vũ. Dù bị phê bình tàn mạt, Thụy Vũ vẫn không có chút thù hận Nhật Tiến. Bốn năm sau, hai chị em tôi có dịp đến Trung Tâm Văn Bút để gặp Linh Mục Thanh Lãng thì gặp lại cặp Nhật Tiến – Đỗ Phương Khanh. Giữa hai bên hầu như chưa hề có bài phê bình nặng lời đó. Chị Đỗ Phương Khanh rủ Thụy Vũ gia nhập Văn Bút trở lại.

Vào năm 1968, nhà xuất bản Huyền Trân do Nhật Tiến chủ trương, cho xuất bản tập truyện Hương Thu của Đỗ Phương Khanh. Tôi đã viết bài điểm cuốn ấy trên tạp chí An Lạc do Đại Đức Thích Thông Bửu làm chủ nhiệm.

Năm 1973, tôi ăn dầm nằm dề tại nhà ký giả Lê Khiêm (con trai nhà văn Lê Trương). Mỗi sáng chúng tôi ra cổng xe lửa số 6 đón xe lửa đi Biên Hoà làm việc ở Quân đoàn 3. Chiều, hai đứa cùng về, tụ tập với lũ ký giả ăn nhậu tán dóc lu bù mà không ngờ Nhật Tiến ở gần đó (ngã ba Trương Minh Giảng – Nguyễn Huỳnh Đức). Thời gian đó, tôi đang theo dự lớp tôi ở đại học Minh Đức, phân khoa điện ảnh. Một hôm khi ra tới đường để đón xe lam đi học, tôi gặp chị Đỗ Phương Khanh. Cả mừng, chị rủ tôi đến chơi cho biết nhà và anh chị cho tôi một lô sách.

Sau ngày 30-4-75, tôi có tháp tùng nhà văn Vũ Mai Anh đến thăm Nhật Tiến. Anh có dịp hiểu tôi hơn, dù ba tôi thân Cộng, giữ chức cố vấn Hội Văn Nghệ Sĩ Giải Phóng đồng với cụ Á Nam Trần Tuấn Khải, nghệ sĩ Bảy Nhiêu (Huyền Năng Nhiêu) và nhà thơ nữ Ái Lan, nhưng tôi vẫn là sĩ quan nguy, đang trốn học tập và phải rời bỏ xóm cũ.

Rồi tôi cùng cặp Nhật Tiến, Đỗ Phương Khanh học khóa I Bồi dưỡng Chính trị vào năm 1976. Trong lúc bàn về sách vở, báo chí miền Nam, tên cán bộ văn hoá Mai Quốc Liên đã khinh miệt chê bai văn chương miền Nam là văn chương chợ trời, văn chương bán “sôn”. Chị Phương Khanh dần không nổi, thét lớn: “Sao anh dám nói thế? Anh đã xem hết sách vở miền Nam chưa? Anh nói thế là do ý anh hay anh nhân danh Bác và Đảng của anh?”

Chị bật lên khóc và ngồi xuống ghế . Sau đó, khi nghe một nhà văn nữ van xin Cộng Sản:

“Hãy để cho chúng tôi viết lại. Chúng tôi là kẻ bị chế độ cũ đầu độc, yếu đuối. Chúng tôi cần có sự diu dắt của các anh”, chị Đỗ Phương Khanh đã đồng dạng nói: “Cô có xin thì xin cho cô ấy. Đừng có xin cho chúng tôi làm gì !”

Về phần Nhật Tiến, sau khi làm tự phê tự kiểm, anh vào phòng rửa mặt khóc nước nức nở. Anh bị tên Bùi Đức Ái (tức Anh Đức, tác giả truyện dài Hòn Đất) nạo sát ván nhưng anh vẫn không chịu nhận đường lối văn chương xã hội của anh là sai, ngay cả những gì anh viết trong cuốn Giác Ngủ Chập Chờn là bịa đặt (cuốn này tổ Cộng khá nặng). Trước sau anh vẫn khăng khăng trả lời cán bộ Cộng sản rằng anh chỉ là kẻ ghi chép những gì mắt thấy tai nghe và anh cũng đã viết về những băng hoại, thối nát của chế độ miền Nam.



Hồ Trường An

(trong “Những Khuôn Mặt Văn Nghệ”)

TRẢ LỜI PHÒNG VẤN của nhà báo Đinh Quang Anh Thái
về NHÀ VĂN NHẬT TIẾN
**** Trương Anh Thụy ****



Hỏi: Bà và nhà văn Nhật Tiến thân nhau là do cùng trong giới cầm bút hay lúc làm chung Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển?

Đáp: Cả hai. Tôi gặp nhà văn Nhật Tiến và nhà văn Phương Khanh lần đầu tại nhà in Trường Sơn, Sài-Gòn, hồi thập niên 50, nơi cũng có nhiều nhà văn tên tuổi khác gặp gỡ nhau gần như hàng ngày, kể cả văn hào Nhất Linh. Nhà in Trường Sơn tọa lạc trên đường Nguyễn An Ninh, ngay sau chợ Bến Thành Saigon, vốn là cơ sở thương mại của người anh con bác tôi, nhà văn, dịch giả Trương Bảo Sơn và nhà văn Nguyễn Thị Vinh (vợ anh, lúc bấy giờ), cho nên song thân tôi và tôi tới lui nơi này như người trong nhà. Riêng cặp Nhật Tiến-Phương Khanh còn có chân trong ban biên tập của tạp chí Tân Phong, một giai phẩm văn nghệ do Trương Bảo Sơn làm chủ nhiệm, Nguyễn Thị Vinh làm chủ

bút ở đây nữa. Hai gia đình thân nhau đến độ năm anh chị Trương Bảo Sơn tôi mất ở Canada, chị Phương Khanh lúc đó đã đi lại khó khăn mà cũng lặn lội sang viếng anh chị tôi lần cuối. Về văn nghệ thì Tổ Hợp XB Miền Đông Hoa Kỳ của anh Nguyễn Ngọc Bích và tôi luôn luôn được nhà báo Mai Khanh tận tình hỗ trợ, tổ chức cho tại Little SaiGon Radio tại Quận Cam, cơ sở truyền thông của cô và nhà báo Vũ Quang Ninh thành lập.

Năm 1961 tôi sang Hoa Kỳ du học. Bẵng đi một thời gian khá lâu chúng tôi không có liên lạc cho đến ngày thảm họa xảy ra cho quê hương Việt Nam... Vào khoảng cuối năm 1979, thấy các báo hải ngoại tới tấp đăng các lá thư kêu cứu của Nhật Tiến từ đảo Kra, nơi anh phải chứng kiến hàng ngày những cảnh địa ngục trần gian xảy ra cho đồng bào mình do bọn hải tặc Thái Lan gây ra, tôi, một mặt mừng được biết anh chị và gia đình đã thoát, mặt khác không khỏi mỉm cười hãnh diện, nghĩ đến một Nhật Tiến chẳng khác xưa chút nào! Vẫn lại «giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha.» Rồi ngay sau đó nghe “Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển” được thành lập ở San Diego, do Giáo Sư Nguyễn Hữu Xương và nhà văn Phan Lạc Tiếp ra đời ở cùng thời điểm đó. Đến năm 1981, cuốn sách đầu tiên, Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan do nhà văn Nhật Tiến và hai nhà báo Dương Phục-Vũ Thanh Thủy viết chung được ra mắt đồng bào hải ngoại, gồm các Thư Ngõ của 3 tác giả và các Bản Tường Trình của các thuyền nhân sống trong các trại tỵ nạn.

Riêng với nhà văn Nhật Tiến, chúng tôi nối lại tình văn nghệ ngay khi anh đến định cư tại Quận Cam. Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ của GS Nguyễn Ngọc Bích, Tạp chí Xác Định và tôi mới thành lập năm 1984, thì năm 1985 chúng tôi được nhạc sĩ Phạm Duy và nhà văn Nhật Tiến cho xuất bản tập nhạc Thấm Thoát Mười Năm và tập truyện Một Thời Đang Qua của các ông. Hai cuốn sách này đã được chúng tôi trân trọng tổ chức ở Hoa Thịnh Đốn với sự hiện diện của hai tác giả và được đón nhận nồng nhiệt của độc giả hải ngoại thời bấy giờ.

Đến năm 1987, các luật cho thuyền nhân đã thay đổi, việc vớt người trên biển không còn thực hiện được nữa. Cao Ủy Tỵ Nạn ban hành «Kế Hoạch Hành Động Toàn Diện», rồi «Cưỡng Bách Hồi Hương... » áp dụng cho tất cả các trại tỵ nạn Hồng Kông và Đông Nam Á. Ủy Ban nhanh chóng nhận thấy công việc cứu thuyền nhân ở thời điểm này phải đổi chiều hướng, phải vận động Bộ Ngoại Giao và Quốc Hội, do đó Ủy Ban cần một văn phòng đại diện ở Hoa Thịnh Đốn... thì Nhà văn Nhật Tiến là người giới thiệu tôi cho Ủy Ban. Đó là lý do «Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển-Chỉ nhánh Hoa Thịnh Đốn» ra đời. Hồi năm 2018, có buổi ra mắt cuốn sách “Vớt Người Biển Đông”, trong đó tác giả Phan Lạc Tiếp ghi lại toàn bộ những hoạt động cũng như những vui buồn trong

suốt đoạn đường “vớt người” của Ủy Ban. Về liên hệ giữa Ủy Ban, nhà văn Nhật Tiến và tôi đã được cô Lưu Na gói ghém bằng một câu trong bài tường thuật của cô như sau: “Nhật Tiến chính là nhân tố đầu tiên đưa đến việc hình thành Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển. Khi việc vớt người biển Đông không còn có thể tiếp tục, Trương Anh Thụy là người cầm đuốc chạy đoạn đường chót của công cuộc cứu người vượt biển.” Tôi cảm ơn cô Lưu Na đã dành cho tôi những lời ưu ái, nhưng tôi chỉ xin nhận làm một cây cầu nối giữa San Diego và Hoa Thịnh Đốn để tiếp tay Ủy Ban trong việc làm đầy ý nghĩa và nhân đạo này. Rồi cũng lại vào năm 1990, khi Ủy Ban quyết định ngưng hoạt động, vì xét ra Ủy Ban không còn đóng vai trò gì nữa trong hoàn cảnh mới, chúng tôi ở chi nhánh Hoa Thịnh Đốn cũng phải đóng cửa theo, mặc dù vấn đề Thuyền Nhân vẫn còn, chỉ chuyển qua một hướng khác. Các thành viên ở Chi Nhánh Hoa Thịnh Đốn quyết định tiếp tục con đường dở dang này. Ngày 22 tháng 9 năm 1999, tại San Jose, trong kỳ Đại Hội «Chiến Dịch Tình Thương Dưới Ánh Mặt Trời 6», Giáo sư Nguyễn Hữu Xương, chủ tịch Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển đọc diễn văn giã từ và tuyên bố ngưng hoạt động, và tôi, đại diện chi nhánh Hoa Thịnh Đốn tuyên bố quyết định tiếp nối công việc và lý tưởng mà Ủy Ban nguyên thủy đã đi, dưới một cơ cấu tổ chức mới và một danh xưng mới. Đó là lý do mà Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển (Boat People S.O.S.) ở Virginia ra đời.

Hỏi: Nhật Tiến nhà văn và Nhật Tiến Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển có khác nhau không?

Đáp: Không! Ở Nhật Tiến, con người viết văn và con người “cứu người vượt biển” bổ túc cho nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Là nhà văn thì vốn dĩ (thường) có ba đặc tính: nhạy cảm, đa cảm, thông cảm... cho số phận của mọi sinh vật, mọi sinh linh... Nhật Tiến lại còn là huynh trưởng hướng đạo, làm sao có thể làm ngơ trước những cảnh ỷ mạnh hiếp yếu? Là nhà giáo làm sao có thể làm ngơ trước những cảnh tồi bại do những kẻ nửa người, nửa thú gây ra? Nhiều người sẽ cho rằng Nhật Tiến là một nhà văn thì “đương nhiên” mang một sứ mệnh. Với tôi, viết là thở. Trước một cảnh tượng gây xúc động mạnh thì ngọn bút tuôn trào... , ngừng làm sao được!? Cũng như không thở thì chết!

Hỏi: Điều gì bà cho là nổi bật nhất ở Nhật Tiến?

Đáp: Nếu phải mô tả nhà văn Nhật Tiến bằng 3 câu ngắn gọn thì tôi nói, ông là:

- Nhà văn lớn
- Nhà giáo dục lớn
- Nhà xã hội có trái tim lớn

- Là nhà xã hội: Tôi vẫn tâm đắc với câu nhà văn Mai Thảo mô tả: “Nhật Tiến là người đứng ở ngoài nắng”. Đọc câu này đã lâu rồi tôi không còn nhớ ý nhà văn Mai Thảo là gì, nhưng dựa vào câu nói đó tôi có thể hình dung một Nhật Tiến lúc nào cũng đưa lưng ra che nắng cho những người yếu chịu nắng.
- Là nhà giáo dục thì gần suốt cuộc đời anh là nhà giáo, đào tạo biết bao nhiêu mầm non Việt Nam. Ông làm báo Thiếu Nhi cùng với hiền thê Đỗ Phương Khanh, mà đã có các độc giả, các học trò của họ nay đã thành đạt viết lời tri ân: “Thầy cô đã dạy chúng em nên người.”
- Là nhà văn, Nhật Tiến đã để lại cho đời một gia tài đồ sộ với 100 tác phẩm giá trị. Ai cũng có thể nói là văn Nhật Tiến chịu ảnh hưởng Tự Lực Văn Đoàn. Tôi cũng đồng ý ở phương diện «khuôn vàng thước ngọc», nhưng văn phong Nhật Tiến mới hơn văn Tự Lực Văn Đoàn nhiều. Điều đó cũng dễ hiểu, Nhật Tiến sống thời bây giờ, ông có lối suy nghĩ và ngôn ngữ của thời bây giờ... nhưng cái mẫu mực của câu văn thì vẫn còn nguyên vẹn.

Ba đặc tính trên, không có cái nào trước, cái nào sau, cái nào nhiều, cái nào ít, mà cả ba đã nhào nặn nên một Nhật Tiến con người./.



Nhật Tiến – Còn Đứng Giữa Thềm Hoang

(Kính tặng sinh nhật nhà văn Nhật Tiến 24/08 –
Một ngòi bút Nhân Bản của nền Văn Học Miền Nam)

*Như Tặng Phẩm Của Dòng Sông
Đời đời còn chảy trong lòng nhân gian
Như cây thông đứng trên ngàn
Trở ra hoa lá thênh thang giữa trời.*

*Cảm ơn Người bước tới đời
Hành Trình Chữ Nghĩa vun bồi tha nhân
Mồ Hôi Của Đá ân cần
Nhỏ xuống óng ả nhân văn cội nguồn.*

*Tay Ngọc gióng một hồi chuông
Đã đồng vọng tận khúc đường trần ai
Để Những Vì Sao Lạc loài
Gọi nhau tỉnh thức cùng quay lại gần.*

*Cảm ơn Người đã dẫn thân
Tươi Thêm Hoang giọt Mưa Xuân diệu kỳ
Nở vàng rực lối tường vi
Mở ra Cánh Cửa Thiếu Nhi rạng ngời.*

*Quê Nhà Yêu Dấu xa xôi
Còn lại di sản Một Thời Đang Qua
Giấy mực dầu có phôi pha
Nhưng hồn ngôn ngữ đâu già, đâu phai!*

*Như thức dậy mỗi sớm mai
Nghe Chim Hót Trong Lồng ngày khai sinh
Mà văn sử đã tạc hình
Một thời chữ nghĩa còn in bóng Người...*

Hư Vô

(Những chữ viết hoa là tựa sách của nhà văn Nhật Tiến)



Nhật Tiến, Hư Vô

Nhà Văn Nhật Tiến Đã Rời Khỏi Thềm Hoang

(Kính dâng hương linh nhà văn Nhật Tiến)

Tiếng chim hót trong lồng thảng thốt
Báo tin Người bỏ cuộc trần ai
Tháng chín bàng hoàng như chiếc lá
Vụt lia cành theo gió ngàn bay.

Người đi một chuyến không quay lại
Hà Nội – Sài Gòn chưa kịp chào nhau
Bốn mươi năm mang đời tỵ nạn
Giọt máu trong tim vẫn dạt dào.

Từ thuở xuôi nam vào đất lạ
Đã khai nguồn văn học nhân văn
Hồn ngôn ngữ như mây bàng bạc
Còn thơm tho tận cõi vĩnh hằng.

Cảm ơn Người một thời chữ nghĩa
Cuộc lữ hành vào chốn nhân gian
Dâng đời những sợi tơ óng ả
Rời phũ tay nhẹ bước lên ngàn.

Tiến đưa Người cuối đường nhang khói
Hương trầm bay lãng đãng mênh mang
Người đi đã khuất bên kia núi
Dấu chân còn bỏ lại thềm hoang...

Hư Vô





Nhã Lan & LS Nguyễn Hoàng Duyên
Tản Mạn Văn Học về Nhà văn Nhật Tiến 1/2020: [Youtube](#)



Dũng Khí Của Một Nhà Văn – Nhật Giang

Với qui luật bất di bất dịch của tạo hóa thì “Sinh-Lão-Bệnh-Tử” là những ngã rẽ cuộc đời của tất cả mọi con người – vậy mà tôi vẫn không khỏi bàng hoàng khi hay tin nhà văn Nhật Tiến vừa qua đời vào lúc 11 giờ 26 phút trưa ngày Thứ Hai 14 tháng 9 tại California Hoa Kỳ – ông hưởng thọ 84 tuổi.

Như vậy là chỉ trong một khoảng thời gian ngắn ngủi hay chính xác hơn là chưa tròn ba tuần lễ, anh chị Nhật Tiến đã lần lượt nắm tay nhau ra đi về cõi Vĩnh Hằng – vì trước đó, vào hôm 26 tháng 8 – Hiền thê của ông – chị Nhật Tiến tức nhà văn, dịch giả Đỗ Phương Khanh cũng đã từ trần và cũng hưởng thọ ở cái tuổi 84.

Có thể nói giữa đám rừng của những cây đại thụ của nền Văn Học Miền Nam Việt Nam trước năm 1975 – nhà văn Nhật Tiến cũng là một trong những cây đại thụ đó – ông một mình một chiếu với tên tuổi thành danh thật lừng lẫy của mình với gia tài đồ sộ là gần 100 tác phẩm gồm truyện ngắn, truyện dài, biên khảo, khảo luận, tiểu luận v.v...

Ông cũng là người đã đoạt giải Văn Chương toàn quốc vào năm 1960 -1961 với tác phẩm Thềm Hoang, đồng thời ông cũng là một nhà văn tiêu biểu để tiếp nối dòng văn học của Tự Lực Văn Đoàn vì từ năm 1958 ông là một trong những cây bút của tập san Văn Hóa Ngày Nay do nhà văn tiền chiến Nhất Linh chủ biên.

Ngoài ra, Nhật Tiến còn để lại thêm một gia tài đồ sộ khác nữa đó là việc ông làm chủ bút của tuần báo Thiếu Nhi – một tờ báo duy nhất dành cho lớp đọc giả đang ở tuổi học trò do ông Nguyễn Hùng Trương – Chủ nhân của nhà sách Khai Trí xuất bản và làm Chủ nhiệm.

Với cá nhân tôi, anh Nhật Tiến là một nhà văn thuộc thế hệ đàn anh – một “Thái Sơn Bắc Đẩu” mà mình chỉ là một con đom đóm lập lòe – tuy nhiên, tôi may mắn được hân hạnh quen biết với cả hai anh chị Nhật Tiến và Phương Khanh. Cái tình thân đó càng được thấm thiết hơn khi chúng tôi gặp nhau sau ngày 30 tháng 4 1975 – nhất là lúc chúng tôi cùng “được” chế độ mới sắp xếp cho “học tập” chung trong một khóa “học tập cải tạo” của Hội Văn Nghệ Thành Phố dành cho giới Văn Nghệ Sĩ Miền Nam. Ngoài ra, cũng có mặt trong khóa “học tập” này còn có nhà văn nữ Lệ Hằng hiện đang định cư ở Úc.

Đó là khoảng thời gian mà sau khi đã cưỡng chiếm được Miền Nam, những người Cộng Sản muốn “dần mặt” giới Văn Nghệ Sĩ Miền Nam bằng cách tổ chức những khóa “học tập cải tạo” ngắn ngày – mỗi khóa diễn ra khoảng trong vòng 3 tuần lễ. Họ ra thông cáo bắt buộc những người “được coi như là” đã hoạt động trong lãnh vực Văn Học Nghệ Thuật ở Miền Nam – họ chia ra thành nhiều bộ môn: Văn – Thơ – Nhạc – Kịch – Ca nhạc v.v... và sắp xếp thành những nhóm nhỏ, mỗi nhóm khoảng hai chục người rồi chia ra làm nhiều khóa học liên tiếp – hết khóa nọ đến khóa kia, mỗi bộ môn có một “Ban hướng dẫn” mà thành phần là những cán bộ Cộng Sản chính thống ngồi làm chủ chốt để chủ trì những buổi “học tập và thảo luận tư tưởng”.

Những lớp học này được diễn ra ở ngôi nhà riêng của thân phụ Cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tọa lạc ở số 80 đường Trương Minh Giảng – nay con đường này đã đổi tên mới là đường Trần Quốc Thảo.

Chủ trì phụ trách bộ môn Văn là ông Cao Huy Khanh – bí danh Hai Khuynh – ông này được giới thiệu là vừa từ ở “Cục R” (tức Bộ Chỉ Huy của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) về. Phụ tá ông này là những ông nhà văn cán bộ như Ba Thành, Viễn Phương, Trần Bạch Đằng, Xuân Hồng, Hoàng Liên, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Văn Bông v.v... Sau này có thêm một số nhà văn ở ngoài Bắc

vào tham dự, trong đó có một số nhà văn nổi tiếng của thời tiền chiến như Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Bùi Hiển, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi và một số tên tuổi khác nữa mà tôi không nhớ hết.

Có một điểm khá thú vị là trong số các học tập viên này, khóa nào “Ban Chỉ Đạo” cũng âm thầm lén cho “cài” vào những “ngòi bút” đã có mặt trong giới sinh hoạt văn nghệ của Miền Nam Việt Nam trước năm 1975 nhưng lại là những cây bút “nằm vùng” tức là thuộc phe người của họ như những “cây bút” Thái Bạch, Cử Tạ, Hoàng Song Liêm, Thế Nguyên v.v... hoặc những “cảm tình viên” của họ, tức là những cây bút đã được họ “đả thông tư tưởng”.

Mục đích về sự hiện diện của các thành phần này được sắp xếp trà trộn vào những lớp học là dùng để làm những “ngòi nổ”, họ có nhiệm vụ “nêu lên vấn đề để mổ xẻ” khi muốn lên án một nhà văn nào hoặc để “phản pháo” ở những trường hợp căng thẳng khi có sự tranh luận về một vấn đề nào đó mà họ cảm thấy cần phải “dập tắt ngòi nổ” về sự phản ứng của những “học tập viên” bị ban chỉ đạo đem ra “mổ xẻ”!

Tuy nói là “học tập” nhưng trên thực tế những buổi học tập này là những cuộc “đấu tố” rất bài bản để lên án và dấn mặt giới Văn Nghệ Sĩ Miền Nam. Cứ mỗi một buổi học thì một nhà văn và những tác phẩm của người này được đưa lên “bàn mổ” để phân tích và kết án – có lẽ họ đã chuẩn bị rất kỹ nên khi một tác giả được “chiếu cố”- những người ở trên bàn chủ tọa mà thường là Hai Khuynh – liền đem một trong những tác phẩm tiêu biểu của tác giả đó ra, tóm tắt nội dung rồi bắt đầu phân tích về những tính cách “đòi truy hoặc phản động” của người viết và tiếp theo là những màn “lên án” của các học tập viên để rồi đi đến kết luận là yêu cầu tác giả bày tỏ cảm nghĩ và tự “kiểm điểm”.

Một kỷ niệm mà tôi còn nhớ mãi cho tới tận bây giờ và càng làm cho tôi kính phục anh Nhật Tiến hơn đó là buổi “học tập” mà Ban Chỉ Đạo đã đem các tác phẩm của nhà văn Nhật Tiến ra để mổ xẻ và “đấu tố”!

Hôm đó, đích thân Hai Khuynh – với hơn một giờ đồng hồ – “mổ xẻ, phân tích những tình tiết và tư tưởng của tác giả trong từng tác phẩm” đã lớn tiếng lên án nhà văn Nhật Tiến là một ngòi bút “phản động có tư duy rõ ràng” và là một cây bút cực kỳ nguy hiểm, cần phải cải tạo tư tưởng thật triệt để mới có thể được chế độ mới khoan hồng và chấp nhận!

Tôi còn nhớ sau khi bị Hai Khuynh và đám đàn em “đấu tố hội đồng” – trong phần được yêu cầu phát biểu cảm tưởng – anh Nhật Tiến đã đồng dục nói:

Thưa quý vị,

Tôi rất cảm ơn về sự chiếu cố tận tình của quý vị đã dành cho tôi, tôi cũng xin cảm ơn quý vị đã cho phép tôi được phát biểu cảm tưởng – vì vậy, những lời tôi sắp nói ra ở đây là những cảm tưởng thật chân thực của tôi mà tôi nghĩ rằng với lương tâm và danh dự của một người cầm bút tôi không thể nào nói khác đi được. Mặc dù tôi biết rằng sau khi tôi nói ra quý vị có thể bắt tôi hoặc tệ hại hơn, có thể bắn tôi, nhưng tôi nhất định vẫn phải nói!

Ngừng lại một chút, anh Nhật Tiến chậm rãi rồi gằn giọng nói tiếp: “Bây giờ, là những người thắng trận nên quý vị muốn nói gì thì nói, tha hồ lên án và mạt sát theo sở thích ngạo mạn của quý vị, nhưng xin quý vị nhớ cho rằng với cá nhân tôi – một công dân của nước Việt Nam Cộng Hòa – một quốc gia độc lập, tự chủ và có chủ quyền được gần hai trăm thành viên là những quốc gia khác ở trên toàn thế giới công nhận – cái Quốc Gia đó có lãnh thổ riêng, có quân đội, có chính phủ, có hiến pháp. Nay quý vị là những người đến cưỡng chiếm lại đem một công dân của cái quốc gia đó ra đấu tố để kết tội về sự trung thành của người công dân đối với cái quốc gia mà mình đang sinh sống bình thường thì thật quả là một chuyện quá phi lý, không thể nào chấp nhận được! Bởi vì với tư cách là một người công dân – tôi phải có nhiệm vụ bảo vệ cái Quốc Gia của tôi!”

Cả hội trường gằn như vỡ òa lên với những tràng vỗ tay như sấm rền sau những lời phát biểu hùng hồn và đanh thép của anh Nhật Tiến khiến cho Hai Khuynh và những người ngồi ở trên bàn chủ tọa xám mặt lại, cùng ngượng ngùng nhìn nhau cười nhạt!

Sau đó một khoảng thời gian thì anh Nhật Tiến và gia đình đã cùng nhau đi vượt biên – gia đình anh đã phải trải qua những tháng ngày kinh hoàng ở trên đảo hải tặc Ko-Kra trên vịnh Thái Lan. Sự việc này đã được hai phóng viên chiến trường Dương Phục và Vũ Thanh Thủy tường thuật lại rất chi tiết ở trong quyển hồi ký “Tình Yêu – Ngục Tù – Vượt Biên”, quyển sách này cũng đã được ra mắt bạn đọc tại Úc cách nay không lâu.

Gia đình anh Nhật Tiến sau khi đến Hoa Kỳ định cư, anh đã lập tức lớn tiếng tạo lên một phong trào lên án tệ nạn hải tặc cướp bóc và hãm hiếp người vượt biển đi tìm tự do ở trên Biển Đông – đồng thời anh là tác giả viết những bản thỉnh

nguyệt thư và sau đó là thành viên của Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển từ năm 1980 đến năm 1990.

Giờ đây thì hai anh chị Nhật Tiến đã thanh thản ra đi sau một cuộc đời vàng son mà chúng ta – nhất là riêng với bản thân cá nhân tôi – thật kính trọng và trân quý. Anh chị đã ra đi sau khi làm tròn sứ mạng của một người cầm bút trong sáng và một sự nghiệp để đời cũng như trách nhiệm của những người con dân nước Việt con Rồng-cháu Tiên.

Xin kính chúc vong linh anh chị phiêu phiêu siêu thoát ở nơi cõi Vĩnh Hằng...

Ít Hàng Ai Điều (Kính dâng hương hồn anh chị Nhật Tiến)

*NHẬT nguyệt vàng vặc cõi Trời Nam
TIẾN lên dõi nhìn về phương Bắc
tên anh – tác phẩm anh: riêng một bản sắc
sự nghiệp anh sẽ được nhắc đến Thiên thu
giữa cõi hồng trần – rẽ đám mây mù*

*Nhật Tiến cái tên mãi sẽ không khuất
Quê nhà anh thênh thang một cõi
Quê người anh thanh thản rong chơi
một mình một chiếu anh ngồi
thanh danh khí tiết không lời thị phi*

*Trước kẻ thù anh nêu cao khí tiết
với hải tặc anh đánh giặc bằng lời
bút anh: bén sắc, sáng ngời
xứng danh sĩ khí của người Nước Nam*

*Thế là hết kiếp trầm luân
rời cõi hồng trần cưỡi hạc anh bay
chúc anh giấc ngủ thật say
nơi miền Miên Viễn tháng ngày bình yên...
không buồn – không giận, chẳng ưu phiền
Hồn anh có linh thiêng: hãy về Thượng hưởng!*

Nhất Giang – Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Chiêu Dương ở Sydney, Australia

NHẬT TIẾN VÀ NHỮNG MÓN QUÀ

**** Trần C Trí ****

Đề tưởng nhớ nhà văn Nhật Tiến vừa tạ thế ngày 14 tháng 9, 2020 và hiện thể của ông là nhà văn Đỗ Phương Khanh, tạ thế ngày 26 tháng Tám, 2020. Xin chân thành phân ưu cùng đại gia đình của ông bà.



Những món quà mà tôi muốn nhắc đến ở đây không phải riêng gì là những cuốn tiểu thuyết quý báu mà nhà văn Nhật Tiến đã ân cần tặng cho tôi vào dịp năm ngoai, 2019, tôi đến thăm và diện kiến ông lần đầu tiên, mà cũng là lần cuối. Tôi muốn nói đến hơn một trăm tờ tạp chí Thiếu Nhi, mỗi tờ mỗi vẽ, với hình bìa sắc sỡ, đẹp mắt và nội dung súc tích, bổ ích đã làm say mê hàng trăm ngàn độc giả nhỏ tuổi như tôi trong những tháng ngày đẹp nhất của tuổi thơ trong cuộc sống êm đềm của xã hội miền Nam Việt Nam thuở đó.

Như một phân cảnh đẹp trong một cuốn phim không thể nào phai nhòa trong ký ức, đó là hình ảnh 45 năm trước của tôi, một cậu bé chớm vào tuổi mới lớn, đang bước đi một cách khá lạc lõng

trên một đường phố Sài Gòn đông đúc, trong mấy tuần lễ cuối cùng của Việt nam Cộng Hoà vào tháng Tư, 1975. Gia đình tôi ở Nha Trang, khoảng hai tuần lễ trước đó đã dắt díu nhau lánh nạn vào Sài Gòn trên một chuyến bay quân sự C-130. Trong khi các thành phố còn lại chưa bị cộng quân chiếm đóng và những người lớn trong đại gia đình của tôi tại thủ đô miền nam Việt Nam đang vô cùng lo âu trước viễn cảnh đen tối của đất nước, tôi lên ra ngoài đi tìm mua tờ báo Thiếu Nhi của tháng Tư, không ngờ rằng đó là tờ báo cuối cùng mà hai nhà văn Nhật Tiến và Đỗ Phương Khanh ngậm ngùi gửi tặng đến tất cả những thiếu nhi còn rất đối hồn nhiên của một miền đất tự do đang giã chết.

Sau lần gặp gỡ giữa “Chị Phương Khanh” và “thiếu nhi” Trần C. Trí qua một cuộc hạnh ngộ vào cuối năm 2018, tôi có đến nhà thăm nhà văn Đỗ Phương Khanh trong năm 2019 và có một buổi nói chuyện thật đáng nhớ (đó cũng là lần cuối tôi được gặp bà). Sau đó, bà thường gửi cho tôi nhiều email theo kiểu “forward”, về nhiều đề tài khác nhau, nhưng đa số là về Phật học, và thỉnh

thoảng mới có một vài bài về tình hình chính trị hiện thời của nước Mỹ. Bà nói: “Cháu xem bài nào thích thì đọc, không thì cứ bỏ qua, cô không buồn đâu.”

Thế rồi những mẫu email của bà vẫn tiếp tục xuất hiện đều đặn trong hộp thư hằng ngày của tôi. Về phần mình, tôi chỉ liên lạc với hai nhà văn vào các dịp lễ tết, gửi lời thăm hỏi và chúc sức khỏe đến hai ông bà, và cũng nhận lại những lời cảm ơn và chúc tụng tương tự.

Đến khoảng trung tuần tháng Sáu, 2020, đột nhiên một hôm tôi để ý thấy những email của bà Đỗ Phương Khanh không còn đến với tôi nữa. Tôi đâm lo lo, bảo với vợ tôi rằng không biết bà có sao không vì chẳng thấy bà thư từ thường xuyên như trước. Khoảng mười ngày sau, đúng vào ngày 26 tháng Tám, tôi viết thư cho nhà văn Nhật Tiến để hỏi thăm về nhà văn Phương Khanh. Ông hồi đáp ngay, nhưng chỉ viết vắn tắt: “Hồi này cô yếu đi nên ít vào mail.” Tôi cũng trả lời ngay cho ông, nhờ ông chuyển lời giùm tôi kính thăm bà và chúc bà sớm khỏe lại.

Cùng ngày đó, tôi sực nhớ lại là mình vẫn muốn hỏi ông Nhật Tiến một điều mà cứ quên mãi. Số là trong lần tôi đến thăm ông cách đây hai năm, sau một lúc ngồi nói chuyện với tôi, ông trở vào trong một lúc rồi quay trở ra, trên tay cầm mấy bài thơ ngày xưa của tôi đăng trên báo Thiếu Nhi mà ông vừa mới in trong máy ra để làm quà cho tôi. Tôi nhớ lúc đó mình rất đỗi ngạc nhiên nhưng vì câu chuyện cứ đi từ đề tài này đến đề tài khác, tôi không tiện hỏi ông làm thế nào mà ông có thể nhớ các bài thơ của tôi đăng trong số báo nào trong hơn cả trăm số Thiếu Nhi đã xuất bản!

Thắc mắc đó cứ ở mãi trong đầu tôi, cho đến hôm tôi hỏi thăm ông về nhà văn Phương Khanh, tôi mới nhớ lại. Sau khi nhờ ông chuyển lời thăm hỏi bà, tôi lại viết cho ông một cái mail khác, hỏi ông về chuyện đó, và nhân tiện nhờ ông xem giùm một bài thơ khác của tôi nằm trong số báo nào (tôi có gửi kèm theo phóng ảnh mà ông đã làm kỳ trước). Tôi muốn ông giúp kiếm ra số báo đó để tôi có thể in ra hình bìa và để chung với bài thơ, như tôi đã làm được với những bài thơ khác đã đăng trên Thiếu Nhi để giữ làm kỷ niệm). Sau khi gửi mail đi, tôi hồi hộp đợi. Mãi đến chiều tối (chắc là ông phải loay hoay lục cả trăm tờ báo để tìm lại bài thơ của tôi), ông mới trả lời: “Chú chào thua, vì không có cả bộ báo nên không tìm được bài thơ đó. Link này có bài thơ khác.” (Nhà văn lại nhớ ra một bài nữa của tôi và gửi cho tôi xem!)



MỘT TRONG NHỮNG EMAIL CUỐI CÙNG CỦA NHÀ VĂN NHẬT TIẾN GỬI ĐẾN ĐỘC GIẢ

Nhưng chỉ đến sáng hôm sau, ngày 27 tháng Tám, tôi bàng hoàng nhận được email của nhà văn Nhật Tiến dưới tiêu đề “Ngày Vui Qua Mau”, trong đó báo tin nhà văn Đỗ Phương Khanh vừa qua đời hôm trước, tức là đúng vào ngày tôi hỏi thăm về bà! Trong tâm trạng hoang mang đó, tôi vội gửi đến nhà văn Nhật Tiến lời chia buồn của tôi, và ông đáp lại ngay, cũng vắn tắt như những lần trước: “Rất cảm ơn cháu.”

Những lời ngắn ngủi mà thân tình của ông, có ngờ đâu lại là những dòng chữ cuối cùng mà tôi nhận được. Vào ngày 14 tháng Chín, 2020, khi tôi tình cờ mở trang báo Người Việt online, một lần nữa tôi lại bàng hoàng thấy tin nhà văn Nhật Tiến đã qua đời. Ngay lúc ấy, ngoài cảm giác bàng hoàng ra, tôi gần như không thấy được cảm giác nào khác nữa, vì hai nhà văn, hai người bạn đời của nhau, vừa ra đi tưởng chừng như cùng một lúc, chỉ cách nhau chưa đầy ba tuần lễ.

Thuở nhỏ, tôi thấy mình gần gũi với “chị Phương Khanh” vì “chị” từng trả lời tôi trên tờ báo Thiếu Nhi để giải đáp một số thắc mắc hoặc đáp lại những lời tôi tâm sự, cũng như đã chọn đăng những bài thơ hay truyện ngắn của tôi trong tờ tạp chí. Tuy nhiên, về mặt văn chương, nghĩ lại, tôi thấy mình cũng gần gũi với nhà văn Nhật Tiến không kém. Tác phẩm của ông thật nhiều, tôi đọc gần hết, nhưng tôi nhớ nhất là hai cuốn “Chim Hót Trong Lòng” và “Quê Nhà Yêu Dấu”.

Cuốn thứ nhất tôi đọc lúc còn bé, tâm hồn thơ ngây của tôi chịu ấn tượng mạnh mẽ về tâm sự của cô bé tội nghiệp ở nội trú, ngày đêm mong đợi người mẹ đến

thăm. Thuở đó, tôi thật hạnh phúc với cuộc sống đầy đủ trong gia đình, có đủ cha mẹ, chị em, nên không khỏi rưng rưng thương cảm thân phận hẩm hiu của cô bé viết những dòng chữ đầy khắc khoải mà lẽ ra không đứa bé nào phải để tuôn trào ra trên những trang nhật ký như thế.

Lớn lên chút nữa, tôi lại ray rứt theo dõi “Quê Nhà Yêu Dấu” đăng từng kỳ trên nguyệt san Tuổi Ngọc. Ở tuổi vừa lớn, tôi lại một lần nữa thấy xót xa cho thân phận của những người dân Việt trong chiến tranh qua ngòi bút với một văn phong bình thản mà chứa đựng bao cảnh thương tâm của nhân vật, ngòi bút của nhà văn Nhật Tiến.

Ông vừa qua đời, không những là một người vừa qua đời, mà còn là một nhà văn vừa qua đời. Trong tâm trạng tiếc thương nhà văn mà tôi đang trải qua, cũng như tâm trạng của rất nhiều người khác quen biết ông qua con người hay tác phẩm, thốt nhiên tôi thấy một chút gì làm ấm lòng trở lại: nhà văn đã mất, nhưng tác phẩm của ông sẽ còn sống mãi trong văn học Việt Nam, trong lòng của những người yêu văn chương và yêu quê hương như chính ông. Tôi nghĩ, đó là niềm an ủi lớn lao nhất, phần thưởng cao quý nhất cho tất cả những ai góp một phần, dù nhiều dù ít, vào những công trình sáng tạo nghệ thuật cho quê hương, cho nhân loại. Con người mất đi, nhưng những sáng tạo của họ sẽ còn mãi mãi.

Trần C. Trí



Trần C Trí, Cẩm Tâm, NV Nhật Tiến – 2019

CHÚT KỶ NIỆM VỚI TUẦN BÁO THIẾU NHI

**** PHẠM CÔNG LUẬN ****

Năm 1972, Sài Gòn đang vui vẻ trẻ trung với hippy choai choai đầy đường phố. Nhạc Phạm Duy đang được hát khắp nơi và nhạc ngoại quốc lời Việt thịnh hành với những bài Đồng Xanh. Trong nắng trong gió. Những mùa nắng đẹp. Xã hội đầy lo lắng từ các bậc phụ huynh khi con cái bị ảnh hưởng văn hóa phương Tây, yêu cuồng sống vội.

Lúc ấy tôi còn là đứa con nít đang học lớp Nhứt (bây giờ là lớp Năm) ở trường Võ Tánh, Phú Nhuận. Tuy còn nhỏ nhưng nhờ có sẵn tủ sách của Ba và ông anh học Văn khoa nên tôi đọc được nhiều.

Đã vậy, các hiệu sách cho thuê mượn truyện đang phổ biến. Tôi ngốn từ sách của nhà xuất bản Phương Giang với truyện của Thạch Lam, Khái Hưng, nhà xuất bản Huyền Trân với tác giả Nhật Tiên. . . đến sách của Tủ sách Tuổi Hoa. Sách dịch có Con Nai Tơ của Rawlings, Phiêu lưu trên lưng ngỗng của Selma Lagerlof, cả lô truyện trinh thám Z28 như Kashmir sông máu thuyền hoa, Bhutan đêm dài không sáng, Hồng Loan Hồng Ngọc . . . Tôi đọc mà nhớ nhớ quên quên, nhưng ham quá nên đích thị là con mọt sách.

Biết tôi ham đọc nên dù học không giỏi giang gì tôi được Cô giáo lớp Năm giao cho trọng trách là “quản thủ tủ sách” của lớp. Thời đó, mỗi lớp được một khoản tiền hằng tháng để mua sách báo thiếu nhi xếp loại là lành mạnh (không dùng ngôn ngữ lóng thò tục hay có cảnh đấm đá) để học trò đọc bên cạnh ổ bánh mì to và ly sữa hằng ngày cho mỗi đứa (chương trình viện trợ từ nước ngoài). Sách thì có cô lo còn báo, tôi được giao mua hằng tuần.

Từ đó, tôi phát hiện tờ Tuần báo Thiếu Nhi.

Trước đó, tôi toàn đọc ké sách người lớn nên một ấn phẩm được coi là báo dành cho thiếu nhi đẹp nhất nhì miền Nam khiến tôi mê tít. Tranh màu nước của họa sĩ Vi Vi trên tranh bìa, do được in trên khổ lớn nên đẹp hơn mấy bức của ông vẽ in trên tạp chí Tuổi Hoa của linh mục Chân Tín.



Bài vở thì do nhà văn Nhật Tiến chăm sóc cùng vợ là nhà văn Đỗ Phương Khanh, vốn là cây bút của các tạp chí Tân Phong, Văn Hóa Ngày Nay từ cuối thập niên 1950 nên rất có nghề. Mỗi kỳ báo có bài viết của “ông Khai Trí” Nguyễn Hùng Trương cũng là chủ nhiệm báo, nhẹ nhàng và sâu sắc trong mong muốn định hướng lối sống lành mạnh cho giới trẻ.

Truyện tranh thì có truyện Tin tin của Hergé, Tí hon thần lực của Peyo. Bài của các nhà văn Thúy An, Minh Quân, Kim Hải, Vũ Hạnh, Phan Khương Thái viết hay, sâu và luôn có tính giáo dục. Nhà văn Nhật Tiến thì đăng phôi-ơ-tông dạng như Thuở mơ làm văn sĩ. Mỗi tuần, tôi mua báo trên đường đi học về và sáng hôm sau mang vào lớp cất vào tủ sách để các bạn xem vào mỗi cuối buổi.

Qua suốt năm đó và đến đầu hè sau năm lớp Đệ thất (lớp 6), dù nghỉ học nhưng tôi vẫn được đọc báo Thiếu Nhi vì ông anh bắt đầu lo tôi sẽ ham mấy truyện tranh gọi là nhảm nhí như Quỷ một giò, Chú Thòong bán đầy vỉa hè. Với tiền anh cho, tôi tiếp tục mua báo Thiếu Nhi và đọc được thông báo là tòa soạn sẽ mở một khóa học đặc biệt ở trụ sở tòa báo số 159 Thiệu Trị (nay là đường Trần Hữu Trang Phú Nhuận). Lớp mang tên “căn bản gấp giấy Origami” cái tên Nhật Bản

này không lạ vì trên báo Thiếu Nhi đã đăng lai rai dăm kiểu xếp giấy và gọi đích danh như vậy.

Ba má tôi, quá ngán thẳng con lêu lổng suốt ngày ngoài đường trong ba tháng hè nên đồng ý ngay khi tôi mở miệng xin học. Tôi cùng ba thằng bạn trong xóm lần mò đến Tòa soạn mà lòng hồi hộp, hoặc có mình tôi cảm thấy vậy vì ba thằng kia chẳng quan tâm gì, đi theo tôi cho vui. Chúng tôi ghi danh và học luôn buổi đầu.

Lớp bắt đầu khi một ông nhỏ người đeo kính bước ra chào mừng đám học viên, đa số là người lớn ra dáng giáo viên. Ông giới thiệu là Nhật Tiến, thần tượng của tôi, người từng làm khổ tôi vì phải soạn bài “trần thuyết” (tập cho học sinh thuyết trình tác phẩm văn học) cuốn Thềm Hoang của ông trong năm lớp 6.



Sau đó, có một ông đầu hói, dáng bệ vệ trong bộ vest, da ngăm đen và có nụ cười như ông Địa bước ra. Đó chính là ông chủ nhà sách Khai Trí, tức Chủ nhiệm báo Nguyễn Hùng Trương. Một ông thứ ba là người Nhật từ Đại sứ quán Nhật Bản tại Sài Gòn. Cả ba ông phát biểu ngắn gọn, ca ngợi môn nghệ thuật và cũng là thú vui gấp giấy này. Sau đó ông Nhật Tiến giới thiệu chương trình học trong suốt ba tuần, tuần vài buổi, giấy thì ban tổ chức lo. Ai gấp đầy đủ các mẫu hình và nộp cho thầy sẽ được cấp bằng tốt nghiệp.

Học được vài buổi thì ba thằng bạn của tôi, dù không có “mưa một ngày” nào nhưng lại bỏ tôi đi chơi đá dế, tạt lon, dễ hiểu hơn là ngồi chọc ngoáy mấy tờ giấy.



Phần tôi tiếp tục ngồi học, tuần mấy lần đi ngang qua nghĩa địa Phong Thành (nay là chợ Trần Hữu Trang) là nơi yên nghỉ của bà ngoại tôi để đến Tòa soạn. Ở đó tôi học từ các mẫu căn bản đến xếp được những con phức tạp như con cọp, con gà trống bằng hai mẫu giấy và xếp dần đến con cua, con rồng rất khó. Thầy Nhật Tiến hiền hậu, kiên nhẫn và luôn hết lòng khi hướng dẫn học viên. Thỉnh thoảng cô Đỗ Phương Khanh cũng ra giúp thầy. Cô Phương Khanh có làn da trắng, dáng dầy đặn và sang trọng. Đám con thầy khá đông, con trai thì gầy, con gái trắng bóc và mũm mĩm.

Con trai đầu của thầy, hình như tên Khiết, thỉnh thoảng ra ngồi cùng chúng tôi và xếp biểu diễn những con vật rất khó.

Ra vô tòa soạn, thỉnh thoảng tôi xem được những bức tranh bì chuẩn bị cho số tới của họa sĩ Vi Vi rất nổi tiếng ở miền Nam lúc đó. Có lần, tôi thấy anh bước ra, dáng cao ráo và hơi nghiêm nghị. Một anh học viên quay về lớp khoe là đã xin chữ ký của anh. Lúc khác thì thấy báo chờ về tòa soạn bằng xe ba gác, xếp đều tăm tắp và mới tinh tươm. Không khí làm báo lúc đó đối với đứa con nít mười một tuổi như tôi thật lạ lẫm, hấp dẫn và gây ấn tượng đến nỗi lớn lên tôi lỡ bước theo nghề này luôn.

Kết thúc khóa học, chỉ còn mỗi mình tôi là đứa con nít duy nhất được cấp chứng chỉ tốt nghiệp vì học đủ, nộp bài đủ. Vài học viên lớn tuổi được tặng quà vì xếp đẹp quá. Còn tôi thì thấy buồn vì hết được lui tới tòa soạn thân yêu này, và chưa có lần nào dám nói được một câu với chú Nhật Tiến hay anh Vi Vi.

Tám tháng sau thì đến 30 tháng 4 năm 1975 và tờ báo Thiếu Nhi ngưng hoạt động. Nhiều năm sau tôi nghe nói gia đình nhà văn Nhật Tiến đã ra nước ngoài sống. Năm 1979, tôi được dự trại tổng kết hè dành cho những cá nhân ưu tú trong đợt hoạt động hè.

Mỗi trại viên được một họa sĩ vẽ ký họa chân dung để triển lãm trong trại. Tôi được một họa sĩ tên Giang, tự là “Giang Chảy” vẽ chân dung. Bên cạnh tôi, một đứa chưa chắc đẹp trai hơn tôi lại do chính họa sĩ Võ Hùng Kiệt tức Vi Vi vẽ. Tôi ghen tức biết chừng nào, nhất là khi nhìn lại bức chân dung một thanh niên mười tám tuổi quá đạo mạo do ông Giang Chảy thể hiện.

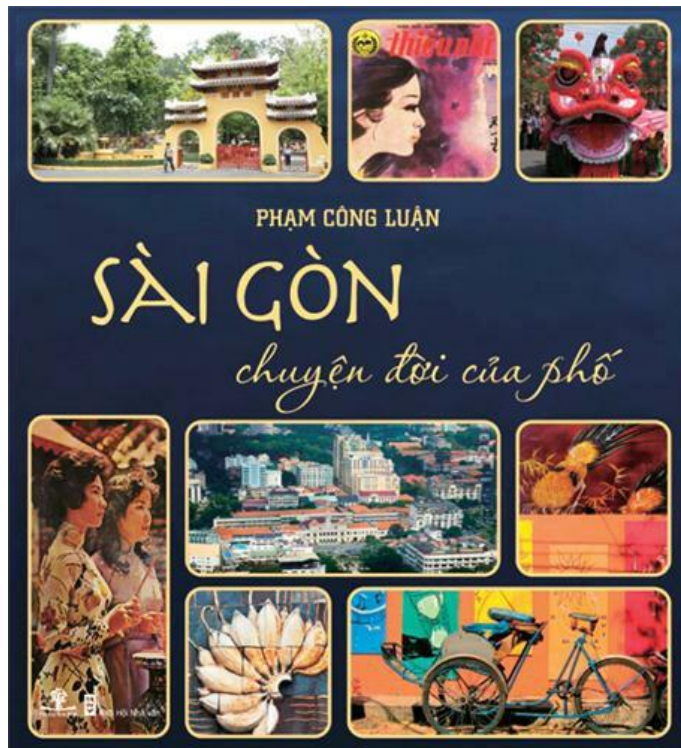
Cách nay vài năm, khi dọn nhà, tôi soạn lại sách vở giấy tờ và tìm được tấm chứng chỉ tốt nghiệp rất đẹp này, dù giấy đã úa vàng qua hơn ba chục năm. Tờ chứng chỉ do họa sĩ Vi Vi trình bày, có chữ ký của ông Khai Trí và nhà văn Nhật Tiến toàn những người tôi ngưỡng mộ.



Kể chuyện này cho chị Thư bán sách cũ trên đường Lê Văn Sỹ, chị bảo bà Đỗ Phương Khanh có về Việt Nam, tìm mua lại dăm tờ báo Thiếu Nhi ngày xưa. Tôi mang ra nhờ chị gửi tặng bà vài số. Tờ báo hay cái chứng chỉ cũ này đều gợi lên những ngày tươi đẹp và trong trẻo, mỗi duyên nhỏ giữa những người tâm huyết làm báo cho thế hệ tương lai và số đông độc giả, là tôi và bạn bè đồng lứa.

PHẠM CÔNG LUẬN

(trong cuốn “SÀI GÒN, chuyện đời của phố”)



Lời tiễn biệt thầy Nhật Tiến

**** Phạm Công Luận ****

Tin buồn lại đến khi biết tin nhà văn Nhật Tiến già biệt cõi đời, chỉ sau cô Đỗ Phương Khanh hơn hai tuần. Riêng tôi, cảm thấy mình như vừa mất đi người thân.

Thế hệ 6X ở miền Nam sẽ không quên bộ tuần báo Thiếu Nhi do thầy chủ biên, in ấn đẹp, bài vở thiết thực và tính giáo dục đậm đà. Cũng không quên cuốn sách “Thềm hoang” của thầy mà học trò trung học Đệ nhất cấp đã phải thuyết trình trước lớp. Tôi vẫn nhớ nhiều chi tiết cuốn sách đặc sắc “Thuở mơ làm văn sĩ”, gần như là hồi ký mà thầy kể về thời học trò tập tành làm báo ở Hà Nội. Cuốn sách này đã thúc giục tôi đi vào con đường làm báo sau này. Những cuốn sách đó, cùng cuốn “Những người áo trắng”, vở kịch “Người kéo màn”, khi gặp nhau, thầy đều tặng cho vợ chồng tôi, luôn ghi trang trọng: “Tặng cô chú....”, dù chúng tôi chỉ ở tuổi con của thầy.

Cách nay đúng một năm, tôi xin phép phỏng vấn thầy qua email. Bài trả lời khá dài, sau đó thầy còn viết bổ sung thêm phần cảm nghĩ về Hà Nội xưa, về Sài Gòn...

Có vài đoạn tôi muốn chia sẻ:

Thầy kể kỷ niệm đáng nhớ với nhà văn Nhất Linh: “*Do quen biết với gia đình nhà văn Nguyễn Thị Vinh nên sau khi Văn Hóa Ngày Nay đình bản, tôi còn có vài cơ hội gặp gỡ Nhất Linh ở nhà in Trường Sơn, đường Nguyễn An Ninh Sài Gòn do bà Nguyễn Thị Vinh làm chủ. Có một buổi gặp gỡ mà mãi sau này trong ký ức của tôi vẫn thấy như là mới mẻ, đó là buổi tối của hôm trước khi xảy ra cuộc đảo chính ngày 11-11-1960. Nhà tôi, Đỗ Phương Khanh thì đã lên lầu trò chuyện với anh chị Trương Bảo Sơn và Nguyễn Thị Vinh. Ở tầng dưới, nhà văn Nhất Linh thì ngồi trầm ngâm bên một cái bàn nhỏ, chung quanh đầy những cột ram giấy của nhà in chất cao nghệu.*

Thấy tôi, ông mỉm cười và rủ tôi chơi bài domino. Thế là tôi sà vào bên ông, vui vẻ đổ cỗ bài lên mặt bàn và ngắm nhìn ông xếp những con bài nhựa bằng đôi bàn tay đã bắt đầu thấy hơi run run. Có lẽ đấy là lần đầu tiên tôi có cảm giác gần gũi với ông nhất. Bởi vì sự liên hệ giữa tôi và ông lúc này chỉ là hai con người trong một trò giải trí chứ chẳng phải là giữa một nhà văn vốn đã lừng lẫy trong

suốt một chiều dài của lịch sử Văn học Việt Nam, với một thanh niên mới chỉ có 24 tuổi đời, vừa chập chững đi vào thế giới của văn chương. Tôi nhớ là mình đã “gí” ông tận tình và rất thích thú nhìn đôi lông mày rậm của ông nhíu lại, vầng trán cao ngất phẳng phất nhiều nếp nhăn, và mỗi khi phản công lại thì ông mỉm cười, nụ cười nom rất hiền từ và bao dung khiến tôi thấy lòng mình như ấm áp hơn lên. Trong những giây phút thân ái đó, tôi thật đâu có ngờ là đầu óc của ông lại còn đang suy tưởng về một cuộc đảo chính sắp sửa xảy ra, chỉ trong vài giờ sau đó!”.

Trong bài, ông nhắc về Hà Nội, nơi sinh ra: “... đối với tôi có quá nhiều kỷ niệm. Hồi tôi còn bé (thập niên 40s thế kỷ trước) nhà tôi ở ngõ Thanh Miến mà đầu ngõ bên này tiếp xúc với trường tiểu học Sinh Từ, tên khi đó là trường Pierre Pasquier, còn đầu ngõ bên kia thì trông ra cổng sau của Văn Miếu hay Quốc Tử Giám hồi đó quen gọi tắt là Giám. Lũ bạn bè còn trẻ nhỏ chúng tôi rất thường theo cổng sau vào Giám để cưỡi lên cổ những con Rùa mà trên lưng của chúng có những bia đá ghi khắc sự nghiệp của những vị Tiến Sĩ thời xưa”. Một đoạn khác sau khi hồi cư: “Nhưng chỉ hơn một năm sau, mọi sự được phục hồi nhanh chóng. Tiếng xe điện leng keng đã bắt đầu rộn rã. Người hồi cư trở về buôn bán tấp nập. Và nhiều trường học đã mở cửa lại. Chỉ trong vòng 5 năm sau đó, cho đến 1952, 1953 thì mọi sinh hoạt đã trở lại bình thường. Hà Nội đã xuất hiện nhiều tiệm sách với khung cửa kính sáng choang, bên trong bày đầy ắp sách báo mới ra chen giữa những văn phòng phẩm đủ các loại như tập vở học sinh in hình nữ tài tử điện ảnh tuổi nhỏ xúu Shirley Temple, bút máy Kaolo vỏ ngoài là bút máy nhưng bên trong thì chỉ cắm ngòi bút phải chấm mực. Loại bút máy thứ thiệt như Wearever, Pilot, Chatodo thì phải mãi sau này, khoảng năm 1952, 1953 mới thấy có”.

Trả lời câu hỏi về những suy nghĩ gì về cuộc sống, cùng những triết lý nhân sinh mà ông đúc kết lại trong đời: “Với tôi, tôi cứ sống hết lòng với những gì mình theo đuổi. Mỗi khi thất bại, tôi không cho là trò may rủi mà chỉ tại mình chưa vận dụng hết khả năng đó thôi. Và sau cùng, nếu có đạt được thành quả nào đó thì cũng chẳng nên coi là quan trọng. Vì theo kinh Phật thì đời người như mộng, như huyễn, bèo nổi, ảnh hiện, như sương mai, chớp nhoáng... mà thôi”.

Tôi đọc câu cuối mà thương cho hai nhà giáo dục của một thời Sài Gòn ngày xưa, hai nhà văn Nhật Tiến và Đỗ Phương Khanh, mà chúng tôi đã may mắn thụ hưởng những thành quả văn chương báo chí của ông bà, và từ những vị có tâm huyết khác thời đó, ông Nguyễn Hiến Lê, ông Nguyễn Hùng Trương, nhà văn Minh Quân, v.v.

Lần cuối ông bà Nhật Tiến – Đỗ Phương Khanh về chơi năm 2016, chúng tôi đưa ông bà ra Đường Sách. Sau khi ghé nhiều cửa hàng, tôi thấy ông bước ra gần đầu đường, móc bóp lấy tiền lẻ ra để mua gói đậu phộng luộc của chị bán dạo, vừa đọi mức đậu vào bao vừa tươi cười hỏi chuyện. Hình ảnh đó sao mà thương! Chào lần cuối để ra về, cô Đỗ Phương Khanh đọc hai câu thơ của Lý Thương Ẩn thời văn Đường: “*Tương kiến thời nan biệt diệc nan,/ Đông phong vô lực bách hoa tàn*”. Câu dịch là “Gặp gỡ nhau đã khó, chia lìa nhau lại càng khó/ Gió xuân không đủ sức, để trăm hoa tàn úa”. Sau, về đọc tiếp hai câu của bài thơ này, càng khiến tôi nhớ thầy cô nhiều hơn: “*Xuân tàn đáo tử ty phương tận,/ Lạp cụ thành hôi lệ thủy can*” (Xuân tàn đến chết mới nhả hết tơ/ Ngọn nến thành tro mới khô nước mắt”.

PHẠM CÔNG LUẬN



PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn

Ông BÙI NHẬT TIẾN

Pháp danh **Minh Thành**

Tạ thế ngày 14 tháng 9 năm 2020

(Tức ngày 27 tháng 7 Âm lịch, năm Canh Tý)

tại thánh phố Irvine, California

Hương thọ 84 tuổi

Chúng tôi, nhà sách Khai Trí – Saigon trước 1975, với sự cộng tác thân tình và mật thiết của 2 gia đình trong chủ trương về Văn hóa Việt Nam; đặc biệt về giới trẻ và Thiếu Nhi, gia đình chúng tôi rất đau lòng với sự ra đi của Ông **Bùi Nhật Tiến**, một nhà văn lớn trong văn học Việt Nam.

Chúng tôi xin THÀNH KÍNH PHÂN ƯU cùng gia quyến. Nguyên cầu cho hương linh của Ông **Bùi Nhật Tiến** sớm về cõi an lành.

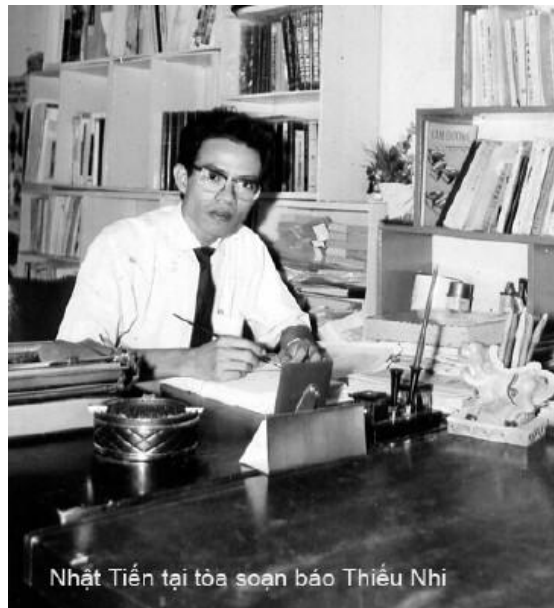
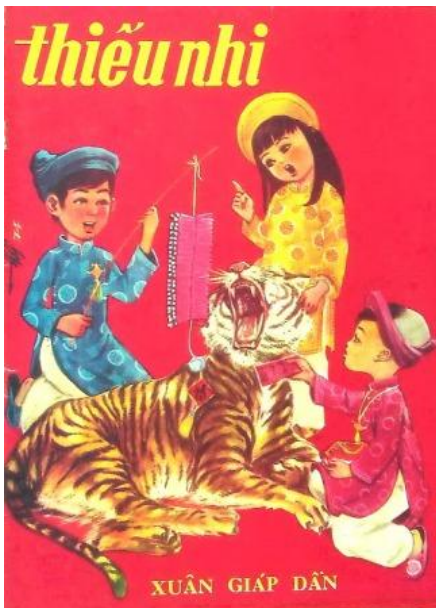
Thay mặt gia đình nhà sách Khai Trí - Saigon trước 1975

Nguyễn Hùng Tâm





Nhà văn Nhật Tiến (chủ biên) đọc diễn văn nhân 1 năm thành lập tuần báo Thiếu Nhi do Ông Nguyễn Hùng Trương (chủ nhiệm) – ông là Giám Đốc nhà sách/nhà xuất bản Khai Trí



Chuyến Xe Cuối Cùng Chiều Ba Mười – Nhật Tiến

Chiều ba mươi tết, chuyến xe cuối cùng từ chợ quận lên tỉnh của anh Năm Tài vừa ra khỏi ngã ba Sân Gòn được bốn năm trăm thước thì nước trong thùng máy bốc khói lên mù mịt. Cái xe gầm gừ như một con thú dữ bị thương. Nó vùng vằng, vật vã mình mẩy, xô giạt đám hành khách dồn tới dồn lui. Rồi nó khựng lại. Nhìn vào kính chiếu hậu, anh Năm Tài thấy một luồng khói trắng bốc lên che mờ cả đám hành khách đang bu đen lấy cái xe ọp ẹp như một đám ruồi. Thằng con trai anh Năm la lên. Giọng nó thất thanh làm át cả tiếng ồn ào hỗn độn:

– Rồi rồi, ba ơi!

Cái thằng con khỉ. Ai mà không biết là đã “rồi rồi”. Nhưng cái gì đã xảy ra chớ. Anh Năm tháo sợi kềm giàng ở cánh cửa xe, vội vã bước xuống. Anh thoáng thấy thằng con dáng gầy gò, cao lều đều ở trên nóc đang bấu những ngón chân vào cửa sổ bên thành xe để tìm cách tụt xuống. Giọng một người hành khách gần đó trở xuống đường:

– Cái gì vậy anh Năm?

Năm nhận ra tiếng của ông Sáu Râu. Nụ cười của anh méo sệ như để trấn an cho chính anh, chớ không phải cho hành khách:

– Đâu có hề gì... chút đỉnh thôi bà con!

Một vài người cũng đang ló đầu xuống định chất vấn, chợt nghe thấy nên thụt vào. Tiếng loan truyền “chút đỉnh, chút đỉnh” lan ra khắp dọc lòng xe dài không quá bốn thước, rộng hai thước, người chật ních như nêm cối. Nhưng có mấy người bám ở thành xe ở mé ngoài đã vội vã nhảy xuống chạy theo anh Năm. Họ tiến lại đứng lố nhố quanh chỗ thùng máy. Nhiều tiếng bàn ra tán vô:

– Xe với cộ, dục nó đi cho rồi.

– Nghỉ chút cho nguội lại đi, ăn nhằm gì?

– Đổ thêm nước vô! Đổ thêm nước vô!

– Đùng có xúi dại! Đổ nước bây giờ là vứt tiêu dàn máy đó cha!

Năm Tài bỏ tất cả ngoài tai những tiếng ồn ào. Trong lòng anh nhen nhúm nỗi lo âu. Sôi nước thì có ăn nhằm gì. Nếu chỉ có vậy thì làm sao làn khói mới phụt lên chút đỉnh cái xe đã liệt rũ như con thú bị trúng thương rồi. Anh quơ cái khăn nhớp nháp đầy mồ hôi vắt ở cổ xuống, đệm vô tay rồi nghiêng răng vặn cái nắp thùng nước. Một luồng khói mù mịt được dịp phụt ra như bị tức nước vỡ bờ. Mùi dầu theo đó bốc lên khét lẹt. Rồi rồi. Anh chép miệng một câu nghe còn nặng

nhọc hơn là lời tuyên phạt của một ông chánh án:

– Cháy “cu lát”!

Cháy cu lát! Ba tiếng đó ủa ra lẹ như điện set, chỉ một giây sau đã loan truyền khắp cái thế giới nhỏ nhoi mà bốn bề thu gọn trong cái khung xe ọp ọp. Có tiếng cất lên:

– Trời! Vậy là rồi rồi!

– Cu lát là cái gì vậy cà?

– Máy đó! Xe hơi đó mà, chứ đâu phải xe thổ mộ.

Lời giải thích thật giản dị. Người vừa hỏi ra chiều thỏa mãn:

– Ờ... máy là đương nhiên rồi mà điều chữa được không?

– Hừ! Chữa được thì cũng là qua Xuân!

– Ôi chao! Thế là chết mẹ tôi rồi!

Một bầu không khí thất vọng ngự trị rất nhanh trên mặt mọi người. Thiên hạ bắt đầu nhốn nháo. Tên bác Năm Tài được réo lên nhiều lần. Có cả tiếng chửi đổng. Bác Năm tài rầu rĩ ra mặt. Ruột gan bác cũng nóng sôi lên như thùng nước đang réo trong lòng máy. Bác trút cơn bối rối lên đầu thằng con. Giọng bác đầy bản gắt:

– Xớ rớ cái gì đó hả mậy? Vô kêu chú Thạnh đem ra đổi xe coi!

Thằng nhỏ gân cổ lên cãi:

– Đòi nào chú đi giờ này, ba. Chiều hôm nay ba mươi rồi.

– Ba mươi bốn mươi gì cũng mặc xác. Vô nói là xe tao kẹt. Nhờ chú giùm cho đám bà con này đi đi.

Thằng nhỏ vẫn còn ngậm ngừng. Anh Năm cảm thông ngay sự ngậm ngừng đó. Lý do giản dị là tiền vé xe của khách hàng chị Năm đã vỡ sạch ngay từ khi còn ở bến xe. Tới lúc khởi hành, sau khi đã ních đầy một bao chị biến ngay vào đám đông trong chợ quận. Thu trước còn có cái mà mua sắm. Chờ lúc về, sức mảy mà “con nhỏ nọ” nó không vét cho túi giã sạch trơn. Con nhỏ nọ ấy chính là cái đùm đề thêm thất của anh Năm vậy. Đèo bong tham lam thì ráng mà nhận lãnh. Nhưng anh quen rồi. Có điều là cái xe từ trước vẫn trung thành còn hơn là anh trung thành với chị. Có “banh” thì cũng chỉ vật mình vật mảy sơ sơ. Đâu có cháy cu lát “tàn nhẫn” đến như bạn này. Thôi ráng mà điều đình với anh Thạnh. Năm hết tết đến rồi, không lẽ để cả đám đông họ đốt cháy rụi cái xe rất đáng đem thiêu rụi này. Thằng nhỏ ù té chạy đi. Anh Năm ở lại cười cười. Anh nói với bà con:

– Ờ... Không sao! Còn lẹ nữa bà con. Cái xe của thằng Thạnh ngon quá cỡ mà, nó chạy tới hơn chục kilô mét lặn. Từ đây tới đó, mấy hồi.

Nghe nói có xe tốt hơn đến thay đổi, mọi người dịu lại. Đã bắt đầu có tiếng cười. Nhưng cũng xen những tiếng cãi cọ vì chen chúc nhau. Tất cả túa xuống ngòi la liệt trên mặt đường. Nắng nung nấu từng viên sỏi nhỏ lổn nhổn trên con đường đầy những ổ gà và mô đất. Một số đông khác chen nhau lên nóc xe rời những sọt đồ đầy ắp hàng hóa. Cảnh hỗn độn không khác một cái chợ nhỏ. Có cả tiếng heo kêu, tiếng gà vịt đập cánh, tiếng than vãn, tiếng chửi thề. Anh Năm bỏ mặc tuốt luột. Anh còn bận lui cui ở dàn máy. Trên mặt những cơ phận xám xỉ, từng giọt dầu đen sánh trộn lẫn với thứ nước đầy rỉ sét vàng úa văng vãi tứ tung. Rồi rồi. Anh thảm nhắc lại hai cái tiếng cay nghiệt một lần nữa và cơn lo lắng ủa đến tràn ngập cõi lòng nóng như lửa bỏng của anh. Cái xe sẽ phải nằm áp ít ra là hai tuần. Lại còn chạy tiền mua đồ thay thế, tiền công thợ, tiền tiêu pha hàng ngày. Nỗi khó khăn cứ theo sự tính toán dâng lên chát ngất như một bức tường mà anh thấy rõ ràng anh khó có thể vượt qua. Thế là bao nhiêu dự tính tốt đẹp trong đầu óc của anh sụp đổ. Ve nước thơm phức anh định mua tặng Nhà tan biến theo mùi dầu khét lẹt vẫn âm ỉ từ đầu máy bốc lên. Miệng anh se đắng. Anh nuốt cục nước miếng qua cổ họng một cách khó khăn. Rồi anh rửa thảm: Cái thằng chạy từ đây tới đó sao lâu dữ vậy cà. Anh ngược mắt về phía hàng cây xanh mướt ở đó chỉ có đầu ngọn cột cờ là vươn lên cao nhất, ngất ngưỡng giữa khoảng trời xanh khô bông. Hình dáng cái xe sơn màu vàng khé quen thuộc của chú Thạnh cũng chưa thấy tăm dạng. Cầu trời cho nó đừng nhậu nhẹt cái gì chiều hôm nay. Bây giờ là ba giờ. Phi hết tốc lực, thì cũng chỉ sáu giờ tới tỉnh. Quay trở về ngay, trễ lắm thì 8 giờ nó cũng có thể đã tới nhà. Dư xăng đón được giao thừa. Anh Năm khẽ nhếch một nụ cười cầu tài như chính chú Thạnh đang đứng trước mặt anh. Nhưng nụ cười ấy bị một bà cụ già bắt gặp, và bà cụ dẫu mòm quay đi, phản đối. Cái xe chết tiệt. Vậy mà cũng đòi thu tiền, lỡ dở hết công chuyện của người ta. Cùm mai vàng do cụ khư khư trên tay từ hồi trưa, bây giờ héo quắt. Mỗi lần một cánh rụng xuống là thêm một nỗi tiếc xót gặm nhấm thêm trong lòng. Cảnh mai đẹp thế bây giờ đã xơ xác. Nó tro trên như khuôn mặt tro trên của gã Năm Tài. Thôi, nếu có phải xui thì cho nó xui luôn cho hết chiều hôm nay. Ngày mai qua năm mới, chắc hẳn sẽ hanh thông hơn nhiều. Nguồn hy vọng mong manh chớm nở trên vẻ mặt già nua cằn cõi. Bà cụ liếc qua hàng ghế kế bên. Vãn thằng nhỏ bụ bẫm đó ngủ vùi từ lúc chiếc xe khởi hành. Đầu nó ngoẹo qua một bên. Hai con mắt chòen ngoèn thu hút mạnh mẽ những con ruồi tấp lên tấp xuống. Mẹ nó còn trẻ. Khuôn mặt lăm lị, lạnh lẽo như tảng băng. Vành khăn tang xô lệch trên mái tóc bơ phờ. Bà cụ tiếc xót chép miện quay đi. Có tiếng động cơ ù ù vọng lại. Mọi người reo lên làm bà cụ cũng nhòm hăn người dậy.

Cành mai trên tay cụ đựng phải cái thành ghé trước mặt làm rung rinh toàn bộ những nhánh lá xác xơ. Vài ba nụ non rớt xuống lộp bộp. Lòng bà cụ chột tái tê. Cảm giác tiếc xót lại gia tăng gấp bội phần. Mé bên ngoài, mọi người đã đứng lố nhố ở hai bên đường. Có kẻ nhẩy quẩng lên, khoa cả hai cánh tay lên trời như hân hoan nồng nhiệt chào đón một vị cứu tinh. Trong khoảnh khắc cái xe tiến tới. Máy nổ ầm ỹ. Chàng thanh niên tên Thạnh với mái tóc bồm sồm như bồm ngựa vừa nhận kèn inh ỏi vừa thò đầu ra. Miệng gã la bài hải:

– Cháy cu lát hả, cháy cu lát hả.

Chiếc xe chưa kịp ngừng thì mọi người đã chen tới. Tiếng chửi thề, la lối lại vang lên ồ ào. Có tiếng chân chạy rậm rịch ở trên nóc xe. Bụi tủa xuống văng tứ tung ngũ hoành. Thạnh la lên:

– Chậm chậm! Chậm chậm kẻo chết xe tui...

Tiếng của gã bị làn sóng ồ ào át hẳn đi. Khuôn mặt của gã thoáng vẻ bức dọc. Gã mở bung cánh cửa ở phòng lái nhẩy xuống. Hai thằng con nhỏ bám theo sau. Gã đụng bác Năm Tài ngay trên đường lộ. Gã chỉ vô cái xe sạch bóng một nửa, bụi bặm kết thành tảng ở nửa còn lại:

– Chết tôi bác Năm. Tôi đã rửa xe ăn tết rồi. Làm sao tôi đi.

Bác Năm xuống giọng năn nỉ:

– Thôi giúp dùm đi anh Tư. Kiếm thêm chút tiền tết xài chơi.

– Mà điều tôi hứa với hai đứa nhỏ dẫn đi sắm đồ. Chiều ba mươi rồi nè.

– Cho nó lên tỉnh sắm luôn.

Thạnh nhe hai hàm răng vầu ra chỉ hai thằng nhãi đang đứng lớt tớt ở phía đằng sau, cười khè khè:

– Phải vậy chứ biết sao. Chúng nó bám sát tui từ hồi trưa tới giờ nè...

Bác Năm cho đó là một sự chấp thuận thay xe của gã đàn ông. Bác kéo Thạnh ra một chỗ vắng người, thì thào:

– Thu được bốn ngàn rưỡi đó. Anh lấy hết đi.

Thạnh nhìn đám đông đang chen chúc hỗn độn bằng cặp mắt nghi ngờ. Bác Năm Tài vội vã nói tiếp theo:

– Tôi nói thiệt đó. Hồng tin anh tập hợp bà con kiểm từng người coi.

Nói rồi bác vội vã móc một cái bóp nhỏ giấu tuốt tận sâu trong làn áo lót lôi ra một xấp giấy bạc ủ đầy hơi dầu hôi và dầu máy, đếm ra 9 tờ giấy con cua dúi vô

tay gã đàn ông, rồi an ủi:

– Bạn về xe tha hồ đông. Có trên chục ngàn rồi, phải hôn.

Thạnh cầm lấy xấp bạc không nói. Có lẽ gã cũng cảm thông với cái xe còn nằm lì đó chưa biết tốn kém bao nhiêu của Năm Tài. Rồi gã làm lúi quay đi. Năm Tài gọi giật lại:

– Nè, vợ tui có hỏi thì anh nói tui chưa trả đồng cắc nào hết nha. Tiền vé xe mụ thu tuốt tận ngoài bến rồi đông tuốt từ hồi nào còn gì.

Thạnh quay lại nhớn một nụ cười. Gã gục gặc cái đầu ra chiều thông cảm. Năm Tài lại nói với theo:

– Tới tỉnh, ráng nhín chút thì giờ ghé vô mé chợ nhẩn Nhài dùm tui. Biểu tui kẹt. Ra giêng tui tới.

Thạnh dễ dãi:

– Có gởi gì hôn?

Năm Tài sung sướng, xĩa phạch ngay tờ năm trăm nữa, nói một hơi như sợ gã đàn ông đổi ý:

– Ui! Vậy còn gì hơn. Ghé mua giùm tui ve nước hoa. Thứ Im-mọt-teng ba số 7 đưa giùm. Nhớ nhãn hiệu Im-mọt-teng ve bịch vàng đó. Đừng có lựa thứ Im-mạc-teng ba số 1 mà trúng của giả, hắc xì đó cha.

Thạnh đón lấy tờ giấy bạc cười hình hích. Gã nhìn Năm Tài với vẻ mặt chế riếu. Con người béo ú nú, lùn tịt, đen đúa như da sành vậy mà cũng đào hoa quá cỡ. Biết phân biệt nước hoa hiệu này với hiệu kia, đâu phải tay mơ!

Lúc này mọi người đã tự động thu xếp xong chỗ ngồi. Kẻ đổi được chỗ tốt hơn, miệng cười phớn phở. Người trước kia được ngồi, nay chậm chân phải đứng, nom uất hận ra mặt. Nhưng không có gì uất hận hơn là gã tài xế mới choang ngay một câu:

– Xe tôi chạy êm êm, xin mỗi bà con thêm 5 chục nữa nhe.

Có tiếng nói đồng:

– Êm, gi mà êm cha! Chỗ này lòi cả rét so lên nè.

Thạnh vẫn ngón ngoئن:

– Ôi chà! Xe chưa chạy bà con chưa biết. Nó dọt ngon hết cỡ. Từ đây tới đó rút ngắn nửa thời giờ. Năm hết tết đến lời biết bao nhiêu.

Có người sốt ruột:

– Thôi cho chạy đi, muốn nhiều thì nhiều.

Thạnh vợ ngay được câu đó, nhoen một nụ cười phớn phở:

– Chạy chớ... chạy chớ... Thời giờ là vàng bạc mà...

Vừa nói gã vừa mở cánh cửa xe, đem hai thằng nhỏ vô trước. Rồi gã leo lên. Cái máy nổ rồn rảng. Mọi người hài lòng, vẻ cau có hơi dịu lại. Rồi Thạnh nhấn một tiếng còi. Chiếc xe sang số loạch xoạch. Bụi bốc lên mù mịt, che kín cả một khoảng đường.

Bà cụ có cảnh mai ruỗi tay lên cao làm một cử chỉ thoải mái. Bây giờ cảnh mai không được giữ gìn nữa. Sau cuộc chen lấn đợt hai, còn bao nhiêu nụ tươi đã rụng hết ráo trọi. Cụ quăng nó vô một góc bên thành xe. Dầu sao thì cụ cũng còn hài lòng. Nếu dại dột đi xuống hóng mát, bỏ chỗ ngồi thì không khéo bây giờ phải đu ở rìa ngoài chắc! Đường xa cả mấy chục cây, dễ gì bám được tới nơi tới chốn.

Một lát sau, khoảng bụi mù mịt tan dần. Bác Năm Tài mới nhìn ra thằng con trai, với khuôn mặt đen ngòm đứng ở bên kia đường. Nó nhìn theo cái xe đang nhỏ dần trên con đường gập ghềnh, khô bong. Tiếng Năm Tài hét lên:

– Phụ đẩy cái này về, còn đứng xơ rớ chi đó.

Thằng bé giật mình quay lại. Mắt nó bị ánh nắng làm hoa lên. Nó thấy bóng dáng bác Năm Tài rung rinh trước cái xe cồ lổ. Nó uể oải bước qua đường. Hai bố con khòm lưng xuống đẩy. Cái xe nhúc nhích chút đỉnh. Rồi bánh trước trèo qua được hòn đá nhỏ. Bốn bánh lăn đi. Cổ lên qua khúc đường kia toàn nhựa để đi hơn. Năm Tài nói thế và bác lại gồng mình lên đẩy mạnh. Mồ hôi vã ra ướt đầm dề. Nắng phả xuống mặt. Bác thấy như có sương khói che mờ ở trước mặt.

Rồi chiếc xe ốm yếu, rũ liệt cũng về được tới khu vườn nhỏ. Bốn bề chung quanh có những gốc mai đang trở hoa vàng ối. Số phận của nó vẫn còn may mắn hơn chiếc xe cuối cùng đã rời quận lỵ để thay thế nó. Bởi vì chỉ sáng hôm sau, mọi người đều hay tin xe Tư Thạnh đã trúng mìn cách đó ngoài hai mươi cây số...

NHẬT TIẾN

Saigon, ngày 19-12-1973

(Trích tuần báo Thiếu Nhi số 118-119, Xuân Giáp Dần, 1974)

Truyện Ngắn Cô Giáo Xóm Nhỏ

*** NHẬT TIẾN ***

– Ê! Tụi bay có im đi không nào. Nghe tao nói đây.

Tiếng ồn ào như chợ vỡ chợt lắng đi, nhưng tiếng khóc lè nhè ở một vài chỗ thì vẫn còn. Lần này tiếng bà Hiệu trường trở nên gay gắt hơn:

– Chết đờn bây giờ. Đứa nào có em sao không dỗ cho nó nín đi.

Rồi dường như cảm thấy sự đòi hỏi cả lớp phải im lặng đến đó là mức tối đa, bà đổi giọng:

– Hôm nay các em có cô giáo mới. Cô giáo cũ bận công chuyện, không tiếp tục được. Vậy phải ngoan mà học, cô giáo đây hiền lắm, nhưng chỉ hiền với đứa ngoan. Đứa nào hư sẽ chết đờn. Nghe rõ không?

Hơn năm chục cái miệng cùng la lên:

– Nghe!

Bà Hiệu trường gật đầu hài lòng, rồi bà đảo mắt một lần để quan sát toàn thể lớp học. Bỗng ngón tay của bà chỉ về phía góc trong cùng và nói lớn:

– Ai cho tụi bay ngồi lộn xộn thế kia! Thăng On lớp Ba ngồi ở đâu? Thăng Tư, thăng Thịnh lớp Tư ngồi ở đâu? Con Sương học Mẫu giáo sao mà leo tới đó mà ngồi! Cha! Tụi bay hết đường rồi đó!...

Lớp học lại nháo lên như ong vỡ tổ. Những đứa ngồi lộn xộn vội vã di chuyển để về chỗ của mình. Vài đứa leo qua mặt bàn. Vài đứa khác đi chênh vênh trên ghế. Có đứa đã chen lại phải bé một thằng nhỏ hầu như chỉ mới vừa cai sữa, làm nó quai mồm khóc ré lên. Ở góc này có hai đứa giằng nhau tắm giẻ lau bảng. Ở góc kia mấy đứa khác đang chơi trò búng dây thun trên mặt bàn. Ngay sát vách tường ba bốn đứa tay vẫn còn ôm khư khư cái cặp ở nách chưa thềm giở ra, vì trên tay chúng nó còn nguyên khúc bánh mì hay nắm xôi, mồm miệng nhai nhồm nhoàm.

Thì ra đây là một trường học! Ngôi trường nằm ngay giữa một xóm lao động đông đúc, nghèo nàn. Cả trường chỉ vồn vẹn có một căn buồng dài rộng mỗi bề hơn bốn thước, nền đất, vách ván thùng, mái lợp tôn thấp lụm sụp.

“Trường” có ba dãy bàn, qui tụ một lúc đủ các trình độ, đủ các loại tuổi: vài đứa Mẫu giáo, vài đứa lớp Năm, non chục đứa lớp Tư, chục đứa lớp Ba, kèm thêm đám bầy đứa chưa đến tuổi đi học, nhưng cũng được gửi đại vô ngồi lê la chừng giỡn, bởi như thế còn hơn là khóa cửa nhốt nó một mình ở nhà trong thời gian bố mẹ đi làm suốt buổi.

Trường ở ngay bên lề một lối đi hẹp, trên mặt đường đi la liệt những hàng quà buổi sáng: mẹt xôi, gánh bún, thúng bánh mì, có cả quầy kính quay xổ số ăn những túi đựng khô bò hay đậu phụng chiên nữa. Đây là nơi tập trung của các hàng quà bánh, vì thế buổi sáng rất ồn ào. Còn ồn ào hơn cả lớp học cách nhau chỉ bằng một cái vách đóng bằng ván thùng. Trong khi đám người lớn ở bên ngoài cũng trò chuyện, cườì đùa, chửi bới, khích bác nhau, hò hét như họp chợ thì Cô giáo dù tận tâm đến mấy cũng không có cách gì cai quản lớp học cho xuể. Cho bài lớp Ba làm thì lớp Tư ngồi nghịch. Gò được bọn lớp Tư vào kỷ luật chép tập trên bảng thì lớp Năm, lớp Mẫu giáo còn đó, làm sao bắt chúng ngồi được yên. Thế cho nên người dạy ở đây phải lì, có thể ngồi đan đôi vớ trong khi chúng nó hò hét, hoặc khảo bài cho một đứa mà bắt cần những đứa khác đang làm gì.

Cô giáo cũ vì có bệnh đau tim nên không thể kham nổi quá một tháng rưỡi.

Bây giờ là Thúy thay thế. Thúy nhận lời thay thế là do sự giới thiệu của chú Phong!

* * *

Bà Hiệu Trường hò hét một lát rồi rút lui, sau khi hát hàm ra hiệu cho Thúy bắt đầu làm nhiệm vụ. Thúy nhìn theo bà ta với cảm giác như mình vừa bị tuyên án khổ sai và sắp sửa bắt đầu phải thọ hình. Mới chỉ vô đây không đầy năm phút mà lưng áo của bà ta đã ướt đẫm mồ hôi, thì không biết giam hãm ở đây một ngày hai buổi, Thúy sẽ có thể chịu đựng được bao nhiêu ngày. Mơ hồ, Thúy như thấy bao nhiêu mộng đẹp do mình xây đắp hồi đêm trước đang thi nhau sụp đổ. Khi nghe chú Phong nói sẽ giới thiệu cho mình một chân làm cô giáo, Thúy đã mừng tưng đến ngay một ngôi trường xinh xắn có nhà gạch, mái đỏ, bốn bề có sân rộng, có tàn lá che rợp sân, đầy bóng mát, lớp học khang trang, có cửa kính, cửa chớp, nhìn qua bên kia bờ tường là những giàn hoa leo rực rỡ. Đó là quang cảnh ngôi trường mà Thúy đã in sâu vào tâm trí từ hồi nhỏ còn đi học, phải học thuộc lòng bài “Trường tôi”.

Ngôi trường xinh đẹp đã không đến với Thúy như Thúy đã ấp ủ từ bao nhiêu năm. Bây giờ nó là đây, một căn phòng tồi tàn, chật chội, một lũ học trò nghèo khó, rách rưới, bẩn thỉu và nghịch như giặc. Nó không phải trường, cũng chẳng ra lớp học, nó là một tập thể hổ lốn, tạp nham, và tất nhiên chẳng còn cái ý nghĩa gì của danh từ giáo dục.

Nghĩ đến chú Phong, Thúy cảm thấy vừa tức lại vừa tủi. Chú nói chú quý mình, mà thật ra chú coi thường mình hết sức. Nếu chú chịu khó hơn một chút, có thể chú sẽ thừa sức tìm cho mình một chỗ dạy khá hơn, ít ra thì cũng là một lớp học đúng nghĩa. Ít ra thì cũng có thể biết mình phải dạy chương trình nào, soạn bài nào, giảng bài nào, và bọn học trò có dốt lắm cũng chẳng đến nỗi chênh lệch quá đáng như ở đây. Vào đến đây, trong lớp học giữa đám con nít hỗn loạn này, Thúy có cảm tưởng như mình bị ném vào một cơn lốc khủng khiếp, tối tăm mặt mày và không biết đằng nào mà định hướng hết cả. Thúy muốn cất tiếng nói, nhưng cảm thấy ngay giọng của mình quá yếu ớt so với tiếng cãi cọ của người lớn bên ngoài và tiếng ồn ào ở bên trong. Ở góc này, mấy thằng nhóc vẫn búng dây thun trên mặt bàn, ở góc kia thêm một đứa nữa khóc còn to hơn vì bị một đứa nào đó lấy mất cây bút chì hay bút mực gì đó, còn ở sát vách thì đứa ngồi xỏm ăn bánh mì, đứa ngồi xỏm ăn xôi vẫn tiếp tục nhai, chiếc cặp sách còn y nguyên ở trong lòng, chưa được mở ra. Tự nhiên Thúy muốn bật lên tiếng khóc, muốn gào tên chú Phong thật to, muốn có chú ở ngay trước mặt để hét vào tai chú “Cháu ghét chú! Cháu ghét chú!”.

Nhưng rồi Thúy cố nén được lòng mình để đàn áp cơn xúc động. Những giọt nước mắt ngưng lại trên bờ mi, chỉ vừa đủ để Thúy cảm thấy hơi cay cay ở mắt. Thúy nén lồng ngực để thở một hơi dài. Rồi Thúy tiến lại cái bàn ọp ẹp kê sát vào vách tường là bàn dành riêng cho cô giáo. Lúc ngồi yên vị, Thúy ngẩng mặt lên nhìn. Mái tôn không cách đầu Thúy bao xa. Hơi nóng hầm hập bắt đầu phả xuống. Thúy cảm thấy mồ hôi đang rịn ra từ khắp các chân tóc. Thúy mở thử chiếc ngăn kéo ra xem. Bên trong có vài hòn phấn, dăm ba cái quản bút gãy, một đồng vỏ đậu phộng luộc, và một hòn đá xanh, nhẵn bóng. Thúy cau mày moi óc để suy nghĩ về công dụng của hòn đá ở trong chiếc ngăn kéo xộc xệch này. Và Thúy mỉm cười tìm thấy lời giải đáp không khó khăn gì. Thúy lôi nó ra, đem gõ lên mặt bàn. Tiếng động chát chúa làm tiếng ồn ào hỗn loạn bỗng vơi hẳn đi. Nắm được giây phút lợi thế đó, Thúy mới bắt đầu cất tiếng nói:

– Bây giờ tất cả các em yên lặng nghe cô hỏi nhé. Các em có biết hát không?

Nghe thấy vấn đề hát hồng thú vị, cả bọn có vẻ chú ý hơn. Một vài đứa nhao nhao:

- Hát bài gì cô?
- Cô hát trước, tụi em hát sau.
- Phải đấy, cô hát trước!...
- Cô hát trước !...

Thúy như thấy lòng nhẹ đi một phần nào nỗi ưu tư, bức dọc. Nụ cười hồn nhiên làm khuôn mặt của Thúy rạng rỡ hơn. Thúy nói:

- Được rồi! Cô hát trước! Nhưng tất cả phải im lặng. Hoàn toàn im lặng!..

Lớp học bỗng chìm hẳn đi. Mấy đứa đang nói vội ngừng lại. Mấy đứa đang cựa quậy vội ngồi ngay ngắn lại. Bọn ăn sáng ở sát vách tường cũng ngừng nhai. Chúng giương cặp mắt thật to lên nhìn Thúy. Thúy chợt thoáng thấy một cảm giác hồi hộp như mình đang sắp sửa ra trình diễn trước khán giả, mặc dầu đây chỉ là một lớp khán giả tí hon, chưa đứa nào vượt quá tuổi lên mười. Thúy nhìn một lượt khắp lớp học một lần nữa rồi cất tiếng hát:

- Kìa đàn vịt bơi dưới ao hồ, thẳng bờm xồm vác que đuổi đánh...

Bài hát quen thuộc với lũ trẻ làm cả bọn không ai bảo ai cất tiếng hát theo:

- A... a... a... nó kêu quác quác, quác quác. Chạy xơ xác tan đàn...

Bài hát ngắt ngứi chấm dứt bằng một tiếng reo hò. Thoảng qua tai, Thúy nghe thấy một vài đứa la “Quê! Bài hát cũ rích à ơi!...”. Quả nhiên khi tiếng hò chấm dứt, một đứa nói to:

- Cô phải hát bài khác. Bài nào tụi em chưa biết hát thì tụi em mới chịu.

Thúy chăm chú nhìn nó. Nó trạc lên bầy. Đầu trọc, trán dô, mắt xếch, vẻ mặt ngỗ ngược, nước da đen đúa, thân hình còm cõi. Nó mang đầy vẻ một con nhà bị thả rông, ít được chăm sóc. Thúy chỉ về phía nó và hỏi:

- Em tên là gì?

Thằng nhỏ rụt rè đứng dậy, trả lời một cách ngượng nghịu:

- Dạ tên Tư!
- Gì Tư?
- Dạ, Tư là Tư, không có gì Tư hết.
- Ồ, phải có họ chứ. Nguyễn Văn Tư, Trần Văn Tư hay Lê Văn Tư chẳng hạn.

Một đứa khác nhanh nhẩu đáp theo:

- Thừa cô, nó là Huỳnh Văn Tư!

Thúy nhắc lại:

– Huỳnh văn Tư phải không?

Thằng bé gật đầu. Thúy hỏi tiếp :

– Em muốn cô hát bài gì? Bài Làng Tôi nhé.

Thằng bé có vẻ cảm động. Nó không ngờ lời yêu sách của nó lại được đáp ứng một cách dễ dàng như vậy. Nó lại gật đầu một cách bẽn lẽn. Trong khi ấy Thúy đã cất tiếng hát:

– Làng tôi có cây đa cao ngất tầng xanh, có sông sâu lờ lững vờn quanh...

Tiếng hát của Thúy vừa bay bổng lên cao thì một đám thanh niên ở phía ngoài đã chồm lên vách ván vừa đập thành thịch lên mặt gỗ vừa la:

– Hay! Hay!...

– Ca sĩ hay ác!...

Mặt Thúy đỏ bừng, Thúy nhìn ra phía ngoài. Trước mặt Thúy là cả chục con mắt nhìn Thúy hau háu như muốn ăn sống nuốt tươi. Thúy vừa mắc cỡ, vừa tức ứ lên tận cổ, chỉ thiếu chút nữa thì nước mắt lại trào ra. Lần này Thúy có cảm giác như vừa bị dội vào một bức tường đá mà Thúy thấy khó có thể vượt qua, nhất là đối với đám thanh niên du đãng, ít học ở khu xóm hỗn độn này.

Thúy lại nghĩ đến chú Phong và cơn oán giận chú lại nổi lên dữ dội. Tại sao chú lại đẩy Thúy đến cái chốn cơ cực này. Chú phải biết Thúy đâu có chết đói. Thúy cũng chẳng tha thiết gì đến đồng lương ít ỏi mà bà Hiệu trường đã so kè, bắt Thúy phải dạy đủ ba tháng tập sự mới trả cho bằng cô giáo cũ. Thúy tự nhủ hôm nay đã chót vô đây rồi ta sẽ ở lại cho đến hết giờ. Nhưng ngày mai đừng hòng cho ta quay trở lại. Ta khinh bỉ những nhân vật ở đây, thù ghét bầu không khí xa lạ này. Ta sẽ chỉ coi như vừa sống qua một cơn ác mộng. Tìm được giải pháp đào nhiệm ấy rồi, Thúy thấy lòng thanh thản hơn. Thúy ngưng hát và quay về phía bọn trẻ con và nói:

– Thôi để ngày mai hát tiếp. Bây giờ chúng ta tiếp tục học đi nhé.

Lệnh của Thúy vừa ban ra, thì ba bốn đứa đã xô ghé, thi nhau ủa đến chỗ bàn Thúy ngồi. Chỉ trong một chốc, chúng đã bu đen kín lấy Thúy, làm Thúy không thấy gì hơn là những mái đầu bần thiu, chốc lờ đưa thoảng qua mũi Thúy một mùi tanh tươi chen lẫn mùi mồ hôi chua nồng. Thúy lại phải đập hòn đá lên mặt bàn lia lịa để trấn áp làn sóng hỗn độn cứ mỗi lúc mỗi lúc một gia tăng. Lại phải một thời gian lâu, Thúy mới bắt được chúng nó trở về yên vị. Lần này Thúy bảo

những đứa cùng một lớp phải giơ tay lên cho Thúy kiểm soát và phân biệt được đâu là ranh giới của lớp Ba, đâu là ranh giới của lớp Tư cũng như lớp Năm và lớp Mẫu giáo. Tuy vậy sự phân chia này cũng chỉ là tương đối. Bởi vì có những đứa nhỏ nhất định không rời anh hay chị của nó. Cho nên có nhiều bàn thắng lớp Tư ngồi cạnh con em học Mẫu giáo. Đứa lớp Ba ngồi chung với đứa lớp Năm. Thúy cảm thấy mình điên cái đầu và không hiểu cô giáo cũ đã dùng phương pháp nào để có thể cai trị được cái đám hỗn độn này đến hơn một tháng. Cuối cùng Thúy lấy phần chia bảng ra làm bốn ô. Cái bảng thật nhỏ, bằng một tấm carton nhàu nát được sơn đen lên bằng những nét chổi cầu thủ. Ở ô thứ nhất, Thúy cho bọn học lớp Ba tập viết câu “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Một đứa hỏi:

– Ăn quả gì hở cô?

Vài đứa khác trả lời thay:

– Xoài!

– Dừa xiêm!...

– Im đi! Tụi bay tầm bậy, tầm bạ. Nói giỡn hoài cô đánh cho bây giờ.

Thúy nghe thấy hết, nhưng lờ đi. Ở ô thứ nhì, Thúy cho bọn lớp Tư làm hai bài tính cộng. Còn hai ô dưới Thúy vẽ hình cái nhà bằng những nét thẳng và nét gãy rồi bắt bọn lớp Năm cũng như lớp Mẫu giáo phải vẽ theo y hệt như vậy.

– Vẽ cho đúng, cho sạch rồi cô sẽ chấm điểm. Đứa vẽ đẹp nhất được 10 điểm nghe không.

Lớp học nhờ thế bớt hỗn loạn đi. Nhưng Thúy thấy mình rõ ràng là vừa sử dụng một phương pháp dối trá và trốn trách nhiệm. Thúy tự hiểu rằng dạy đến nơi đến chốn thì không thể nào làm như thế. Đây chỉ là một cách giết thì giờ cho qua buổi và chế ngự một phần nào sự hỗn loạn của đám trẻ gồm đủ mọi thành phần. Niềm kiêu hãnh, tự tin của một cô giáo mà Thúy nuôi dưỡng từ bao lâu bây giờ hoàn toàn sụp đổ. Thúy thấy rõ lúc này mình chỉ là một vú em có bổn phận trông nom đám con nít này trong khi bố mẹ chúng nó vắng nhà. Làm gì cũng được, miễn là cho qua thì giờ. Dạy thêm được vài ba chữ càng hay, mà không thì cũng chẳng có ai trách móc, la rầy. Có lẽ cô giáo lúc trước cũng đã nhìn ra được vấn đề như vậy, và chắc bí quyết của cô khi phụ trách lớp học này là phải bịt mắt để khỏi nhìn cái cảnh nháo nhào, cũng bịt luôn cả tai để không cần nghe bất cứ một lời ồn ào của lũ trẻ con trong này, cũng như người lớn ngoài kia.

Nhưng đối với Thúy thì sự việc không có giản dị như vậy. Thúy nhìn thấy trước

mắt Thúy là cả một đám mầm non. Thúy cảm thấy như các mầm non này đang trông cậy vào bàn tay vun tưới của Thúy. Vàng trán cao này, cặp mắt sáng long lanh kia, khuôn mặt nụ cười, ngây thơ, hồn nhiên đó, tất cả đều được giao phó cho Thúy ở những bước đầu chập chững trên đường học vấn. Thúy không thể tàn phá tương lai chúng nó bằng phương pháp giảng dạy là chỉ đi tìm mọi cách để hoãn binh sự nghịch ngợm nỏ đùa của lũ trẻ. Đưa bé cắp sách đến đây từ lúc tám giờ, cặp sách vẫn còn y nguyên đó chưa được mở ra, nó vẫn ngồi xồm ở bên cạnh vách và miệng vẫn nhồm nhoàm gặm nhấm từng hạt đậu phụng lẫn giữa đám xôi óng ả và thơm phức mùi hành mỡ. Thế mà nó đã đi học. Ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác và cả năm này qua năm khác. Thúy không muốn nhận lãnh trách nhiệm đã giam hãm sự học hành của nó vào cái khung cảnh hỗn độn này. Thúy cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Thúy muốn chạy bay về nhà úp đầu vào tường mà khóc lên rung rức. Thực tế đối với Thúy đã quá phũ phàng. Chú Phong đối với Thúy đã quá tàn tệ. Cháu oán chú. Càng lúc cháu càng oán chú. Chú nói thì rất hay, nhưng chú làm thì thật là dở ẹt. Việc làm mà chú giới thiệu cho cháu đây là một minh chứng hùng hồn và cụ thể.

Thúy như nhược thêm ngườì ra. Phải cố gắng lắm Thúy mới lê được lại phía bàn và ngồi phịch xuống. Mái tôn trên đầu như đã xuống thấp hơn. Mặt trời lên cao làm cơn nóng mỗi lúc một gia tăng dữ dội. Chiếc áo dài của Thúy đã ướt đầm mồ hôi. Thúy nhìn đồng hồ. Hãỵ còn quá sớm để rung chuông loan báo đã tan học. Ở lớp Năm đã có mấy đứa đòi góp hình vẽ cái nhà. Thúy hoảng sợ bầu không khí ồn ào lúc trước lại sắp sửa trở lại nên vội vàng điểm thêm vài nét nữa cho kéo dài thêm thì giờ ra. Có nhà thì phải có sân. Đây là cái sân lát gạch đang hoang. Phía trước là cổng ra vào. Phía sau là hàng rào. Chung quanh có cây cối. Thúy vừa giảng vừa vẽ lia lịa. Mấy đứa ở lớp Tư thích quá, bỏ luôn làm tính cộng, xé giấy soàn soạt để ngồi vẽ cái nhà. Chúng đòi nhau gôm, đòi nhau thước, bút và cãi nhau ỏm tỏi. Thằng nhỏ này cái trán khá thông minh, không biết sau này nó sẽ làm gì và nó làm thế nào để phát triển được trí thông minh của nó. Con bé kia có đôi mắt thật đen, khuôn mặt thật bầu bĩnh, dễ thương. Nó sẽ khá, nhưng Thúy không biết sẽ khá bằng cách nào? Đột nhiên Thúy nghĩ đến những đứa em của mình. Chúng nó đồng một lứa tuổi. Tâm hồn trong sáng và hồn nhiên như nhau. Nhưng chắc chắn các em của Thúy không thể bị dòn vào những cái “lò sát sinh” theo kiểu như những lớp học tương tự lớp học này. Bỗng nhiên lòng Thúy nhen nhúm một cảm giác hổ thẹn về tính ích kỷ của mình. Giữa các em Thúy và bọn trẻ này có điều gì khác nhau đâu. Chúng nó cũng có quyền được lớn lên và làm người theo đúng ý nghĩa cao quý ấy. Bàn tay của Thúy nhỏ bé, hẳn nhiên không thể che được mặt trời. Vậy ít ra Thúy cũng không thể tiếp tay cho những tên lái lái buôn giáo dục như bà Hiệu trưởng mà Thúy mới chỉ gặp

mặt cách đây không quá một giờ với một loạt ý nghĩ rằng ta sẽ nghỉ, ta sẽ tránh thật xa cái xã hội kỳ quặc này. Rồi sẽ không nhờ đến chú Phong nữa. Ta sẽ tự lực đi tìm ra một ngôi trường lý tưởng ở trong có một lớp học lý tưởng và một đám học trò lý tưởng cho đúng với lý tưởng mà ta hằng mong thực hiện. Thúy lan man suy nghĩ và quên bẵng hẳn đi tiếng ồn ào trước mặt. Hình như vài đũa ở ở góc tay mặt vẫn đang nằm bò xoài trên mặt bàn búng dây thung. Hai đũa nhỏ ngồi mé sát vách vẫn chưa ăn hết gói xôi và khúc bánh mì của chúng. Bây giờ Thúy mới nhận ra rằng các chỗ ngồi trong lớp đã chật cứng. Chúng nó không còn cách nào khác hơn là ngồi xôm, tựa lưng vào vách gỗ. Kìa con bé thật dễ thương. Da nó trắng nhưng cổ đầy ghét bản. Khuôn mặt nhếch nhác mũi và râu. Nếu chú ý nhìn thật kỹ, Thúy thấy nó như một viên ngọc quý còn nằm vùi trong cát sỏi. Ai sẽ làm công việc của người thợ rửa? Chính là kẻ đang ngồi trên bàn này. Ít ra là trên lý thuyết. Còn trong thực tế thì chắc gì viên ngọc đã được lôi ra ngoài ánh sáng. Có bao nhiêu viên ngọc tương tự chưa được lôi ra ngoài ánh sáng.

Thúy khẽ rùng mình khi thấy mình chột đối diện với một tương lai đen tối khủng khiếp, không chỉ riêng với em bé này, nhưng mà là của cả hàng trăm, hàng ngàn những đũa trẻ khác đang lớn lên và được trao phó vào những ngôi trường tương tự như thế này đã mọc lên đầy rẫy ở khắp các hang cùng ngõ hẻm. Đã một lần chú Phong nói: “Xứ mình nghèo, lại thiên miên trong chiến tranh. Thế cho nên làm hết bổn phận của mình chưa thể coi là đủ. Mỗi người nên cố gắng hơn một chút nữa, bởi chính những nỗ lực phụ trội này sẽ mau chóng đem được quẻ hương đau khổ này ra khỏi cảnh lầm than.” Ở một vài khía cạnh, Thúy thấy chú Phong tuy lý tưởng, nhưng có lý một phần nào. Cũng như câu nói của một danh nhân đã nhiều lần đi qua ý nghĩ của Thúy: “Các bạn trẻ, tương lai của xứ sở là ở trong tay các bạn đó”.

Tâm hồn của Thúy bỗng thoáng qua một cơn xúc động nhẹ nhàng. Thúy có cảm giác như giữa mình với em bé hồn nhiên này chột nảy ra một sự liên hệ tuy xa vời nhưng thấm thía. Có phải chẳng đây là sự liên hệ của Thúy với một thế hệ mầm non vừa bắt đầu nảy nở. Thúy nhìn nó một cách chăm chú hơn. Và con bé giương cặp mắt thật to lên nhìn lại. Ánh mắt trong vắt và sâu thẳm thẳm. Thúy muốn bồng nó lên, lau thật sạch khuôn mặt nhếch nhác của nó và chắc chẳng hình ảnh nào đẹp cho bằng những giây phút Thúy cầm bàn tay xinh xắn kia của nó để tập tô lên trang giấy trắng ngần những nét chữ đầu tiên. Thúy bỗng quay lại nhìn tất cả đám học trò nhón nháo trước mặt. Thúy so sánh nhiệm vụ chần dặt đám trẻ thơ này với bất cứ nhiệm vụ nào khác mà Thúy ước ao. Chẳng hình ảnh nào khác làm Thúy hãnh diện hơn khi Thúy tưởng tượng ra lúc mình chu

toàn công việc ở khung cảnh thiếu thốn chật chội này. “ Xứ mình nghèo, lại thiên miên trong chiến tranh...” Vậy hãy bắt đầu từ mọi sự thiếu thốn, điều đó quả thực là đã mang một ý nghĩa sâu xa.

Thúy lan man suy nghĩ và quên bẵng hẳn đi tiếng ồn ào ở trước mặt. Ngoài đường, lác đác đã thấy một vài người lớn đến đón vào giờ tan học. Thúy nhìn thấy một bà cụ già với nước da sù sì, nhăn nhúm, mái tóc bạc phơ, thân hình còm cõi, đôi vai gầy nhô lên sau lần áo mỏng rách vá tứ tung. Chỉ còn đôi mắt của bà cụ là thấy sáng lên một niềm vui, niềm hãnh diện có cháu đi học. Đứng cạnh bà cụ là một người đàn bà xanh rớt, vẻ mặt đầy nét cần cỏi, lo âu, cặp mắt lơ dờ của sự thiếu ngủ thường xuyên. Thịnh thoảng bà ta lại nghe đầu nhìn vào lớp học để dò tìm đứa con yêu dấu của mình. Chắc bà ta hài lòng khi thấy nó cũng sinh hoạt như ai trong cả tập thể này. Chắc đầu óc bà ta xây dựng biết biết bao nhiêu mộng đẹp. Con sẽ học hành chăm chỉ. Con sẽ lớn lên về vang. Con sẽ mang má ra khỏi đời sống tối tăm khổ cực này. Nguồn hy vọng tràn ngập làm tươi thêm đôi môi đượm chút cuộc đời héo úa, quanh năm không thấy nhếch lên một nụ cười.

Rồi số người đến đón mỗi lúc một đông hơn. Họ đứng xúm xít ở ngay cửa ra vào. Người nào cũng cố chen vào để được nhìn thấy con mình, cháu mình đang thực sự hòa mình vào đời sống tập thể. Mỗi người đều nhen nhúm lên một nguồn hy vọng vô biên. Con bé ăn nắm xôi ở sát tường bây giờ đã ăn xong nắm xôi của nó. Cái cặp sách vẫn chưa được mở ra. Nhưng nó nhảy quăng lên gọi “Má ơi, Má ơi” bằng một giọng to nhất. Một người đàn bà xò xề cố chen vào, giơ tay vẫy và nhoẻn với nó một nụ cười. Ánh mắt của bà ta đầy triu mến. Bà ngắm cái cặp trên vai nó một cách hãnh diện. Ôi, cái cặp đã chưa được mở ra, và cả một buổi sáng trong tuổi ấu thơ của nó đã qua đi với chỉ một nắm xôi nhai ở trong miệng. Ai hay được điều đó, ngoại trừ Thúy. Thúy tự hỏi trong những giờ của cô giáo cũ trước đây, đã có bao nhiêu buổi sáng tuổi ấu thơ của nó vẫn chỉ qua đi không ngoài một gói xôi sáng, và đã có bao nhiêu lần vẻ mặt của người đàn bà kia bùng lên một tia hy vọng sáng ngời, vành môi héo úa kia nhoẻn lên một nụ cười triu mến, kiêu hãnh.

Lúc đúng giờ tan học, Thúy giơ tay cho học trò ra về. Thúy đi giữa những tiếng động ồn ào. Bọn trẻ chúm đầu qua chân của Thúy để lần đi như những con chuột. Chúng nó chạy huỳnh huých trên con đường đất gồ ghề, hai bên có rãnh, cống đen sì chảy róc rách. Nếu nhắm mắt lại để khỏi trông thấy cảnh nghèo khó chung quanh, thì tai Thúy chỉ còn nghe thấy muôn ngàn tiếng cười của giọng trẻ hồn nhiên và thơ ngây. Những giọng trong trẻo biểu lộ cả một thế hệ mầm non

đang bắt đầu nhô lên giữa lòng cuộc đời. Vậy chúng nó có gì khác đâu so với những đứa trẻ cùng lứa mà Thúy mừng tượng qua ý nghĩ về ngôi trường lý tưởng của mình. Dù ở đâu, trong hoàn cảnh nào, thì chúng nó cũng chỉ là một. Một thể hệ của tổ quốc, một tương lai của đất nước, một nguồn hy vọng của quê hương. Thúy chợt nghĩ đến nỗi gian nan trong những công cuộc khai sơn, phá thạch của cha ông vẫn được mô tả trong sách vở. Hãy nói gót cha ông, thầy cô giáo của Thúy hồi mấy năm trước vẫn nhắc nhở như thế.

Vậy thì riêng với Thúy, nơi bắt tay khởi sự “nói gót cha ông” là ở đây rồi. Thúy sẽ vất vả, Thúy sẽ tủi cực, nhưng chắc chắn Thúy sẽ được bao dung bằng những nụ cười hy vọng như nụ cười của bà cụ già với mái tóc bạc phơ, ánh mắt trìu mến, hy vọng chứa chan, hay của người đàn bà gầy còm với vành môi héo hắt, chỉ trông vào sự lớn lên của con mình làm nguồn vui bất tận.

Dưới ánh nắng chói chang, lũ trẻ ùa đi như đàn ong vỡ tổ. Khung cảnh của giờ tan trường không giống bất cứ một cảnh tan trường nào đã được tả trong sách vở. Bởi quê hương mình nghèo. Bởi đất nước mình triền miên trong ba mươi năm khói lửa. Hãy bằng lòng với hiện tại và khởi sự từ những gì mình đang có. Chính vì lẽ đó, ta còn đáng kiêu hãnh hơn người. Những ý nghĩ đã làm cho Thúy cảm thấy mình như đang lớn lên. Thúy đứng lại nhìn đám đông quanh Thúy tản mác dần. Bên tai Thúy tiếng nước róc rách chảy vang lên từ hai bên cống rãnh đen sì. Những mái nhà tôn thấp chói lòa ánh sáng. Hình ảnh lớp học chật hẹp hiện ra với đám học trò chen nhau hỗn loạn. Bàn tay của Thúy tuy bé nhỏ nhưng thừa sức nắm chặt và lôi đi những bàn tay xinh xắn và bé nhỏ hơn. Lớp học này phải tiến bộ để tránh xa hố thẳm chôn vùi những viên ngọc quý của đất nước.

Chú Phong,
Bây giờ thì cháu hiểu chú rồi. Chú có thể xếp cho cháu một chỗ dạy học tốt đẹp hơn, nhưng cháu lại thấy không nơi nào cần cháu bằng lớp học nghèo nàn mà cháu đã nhận từ sáng hôm nay. Có thể nhiều người sẽ cho sự lựa chọn của cháu là kỳ quặc. Nhưng có như thế mới đúng nghĩa là sự lựa chọn của tuổi trẻ. Và chỉ có thế cháu mới xứng đáng là cháu của chú, phải không chú nhỉ.

NHẬT TIẾN (1970)

MỘT SỐ HÌNH ẢNH - GIA ĐÌNH









MỘT SỐ HÌNH ẢNH – Văn thi hữu



MỘT SINH HOẠT CỦA VĂN BÚT TRƯỚC 1975:
BẢN TÁC PHẨM ĐỂ CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO LỤT
Từ trái qua phải : PHẠM VIỆT TUYẾN-
NGUYỄN ĐÌNH TOÀN- NHẬT TIẾN-
MINH ĐỨC HOÀI TRINH- VŨ HOÀNG CHƯNG

Câu thơ dán trên tường :

*Dân ta khổ sở bơ vơ
Nỡ nào ngoảnh mặt làm lơ cho dành.*





Nhà văn Nhật Tiến thuyết trình tại Đại hội Cựu Giáo Chức VNHN * Nam California 26-11-1982
Hình do Nhà Giáo Trần Cảnh Xuân chụp





Nhật Tiến & văn nghệ sĩ ở California



Kịch tác gia VI HUYỀN ĐẶC và Nhà văn NHẬT TIẾN
(Hình chụp tại tư thất của Kịch tác gia ở Ngã Năm Bình Hòa, Gia Định năm 1964)



Nhật Tiến & Nữ sĩ Mộng Tuyết (phu nhân của thi sĩ Đông Hồ)



ÔB Nhật Tiến & Đỗ Phương Khanh và ÔB Võ Phiến



Hình chụp tháng 4-1990, từ trái qua :
CAO XUÂN HUY - NHẬT TIẾN - THỤY KHUẾ và Phu Quân



ÔB Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến, Hoàng Khởi Phong



Từ trái qua phải: Tổng Giám Đốc đài Little Saigon Radio Ông Vũ Quang Ninh, Mai Khanh, Nhật Tuấn, Nhật Tiến, Bùi Bảo Trúc, Cao Xuân Huy, 2007.



Nhật Tuấn & Nhật Tiến



Trần Phong Vũ, Nhật Tiến, Uyên Thao

Thế-giới nhân-bản của Nhật Tiến

**** Nguyễn Vy Khanh ****

” ... Thế giới tiểu thuyết của Nhật Tiến (sinh ngày 24-8-1936 tại Hà-Nội) có hai đặc điểm chung: một thế giới của những con người bất hạnh và một không gian của nhân phẩm, con người! Tác giả của chúng là một con người đầy lòng nhân ái và ông muốn mọi người chia xẻ cái nhìn của ông! Trước 1975, ông đã xuất bản 19 tác phẩm gồm 11 tiểu thuyết hoặc truyện dài: Những Người Áo Trắng (1959), Những Vì Sao Lạc (1960), Thềm Hoang (1961), Mây Hoàng Hôn (1962), Chuyện Bé Phượng (1964), Vách Đá Cheo Leo (1965), Tay Ngọc (1968), Giấc Ngủ Chập Chờn (1969), Đóa Hồng Gai, Lá Chúc Thư (1969), Quê Nhà Yêu Dấu (1970); ba tập truyện ngắn: Ánh Sáng Công Viên (1963), Giọt Lệ Đen (1968) và Tặng Phẩm Của Dòng Sông; một tiểu thuyết kịch: Người Kéo Màn (1962); một tiểu thuyết dưới hình thức nhật ký: Chim Hót Trong Lòng (1966, đăng Văn số 1, 1-1-1964), một hồi ký viết cho thiếu nhi: Thuở Mơ Làm Văn Sĩ (1973, tb Westminster CA: Huyền Trân, 2013) và ba truyện cho thiếu nhi mỗi truyện từ 30 đến 40 trang: Đường Lên Núi Thiên Mã, Quà Giáng Sinh (1970), Theo Gió Ngàn Bay (1970), Săn Trong Thành Phố, Lá Chúc Thư. Giai đoạn đầu tác phẩm ông do các nhà Phượng Giang, Đồi Nay và Ngày Nay của Tự-Lực văn-đoàn xuất bản, về sau do nhà xuất bản Huyền Trân (1959-) của ông và nhà văn phu nhân Phượng Khanh. Ông từng làm chủ bút tạp chí Thiếu Nhi (1971-1975) do nhà Khai Trí xuất-bản và cộng tác với các tạp-chí Văn-Hóa Ngày Nay, Tân Phong, Đông Phương, Văn, Bách Khoa, Văn Học,... Nhà văn Nhật Tiến từng là Phó Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt-Nam và là Hội viên Hội Đồng Văn Hoa Giao Dục Việt Nam Cộng Hòa (nhiệm kỳ II, 1974).

Nhà văn của tuổi thơ bất hạnh

Nhật Tiến khởi đầu sự nghiệp viết văn với những đứa trẻ mồ côi trong cô nhi viện, một thế giới trầm lặng, có thể nhàm chán đơn điệu đối với những người ở ngoài, bên cạnh những bà Phước, nhưng qua ngòi bút của Nhật Tiến, người đọc khám phá con người, tâm lý, hoàn cảnh, nếp sống của những đứa trẻ mồ côi, những học sinh nội trú và cả những vị tu hành. Đó là Những Người Áo Trắng , Những Vì Sao Lạc, Tay Ngọc, Chuyện Bé Phượng, Chim Hót Trong Lòng,...

Những Người Áo Trắng là chuyện của Quỳnh, một nữ tu trẻ. Từ thân phận mồ côi, được thương giúp, Quỳnh đã trở nên nữ tu để thương lại những đứa trẻ cùng phần số hẩm hiu. Quỳnh đã đưa lên trang giấy thế giới đó. Thể loại bút ký đưa người đọc đến với những đứa trẻ, đến với một thế giới đằng sau bức tường kín cổng, ngoài kia là cuộc đời, là sự sống; trong này là một sức sống khác, sức sống tinh thần. Con đường đưa Quỳnh đến với đời sống tu hành đã phải qua nhiều chặng đường. Nàng đã nhìn thấy những đứa bạn chỉ vì muốn thoát ly đã phải chết như Hoà, chịu nghiệt ngã như Liễu. Đã theo đường tu hành, nhưng tim nàng đã có lúc xúc cảm mạnh vì tình yêu dù đơn phương với một sinh viên đeo kính gập ở vườn hoa – tình yêu ở Nhật Tiến nói chung có thể mãnh liệt trong lòng nhân vật chứ tác giả không chi tiết dài dòng! Và khi đã tận hiến cuộc đời cho Chúa và những đứa trẻ cùng số phận, nàng cũng đã phải chịu sự đố kỵ đôi khi nghiệt ngã của một số đồng tu. Chỉ vì nàng thương trẻ, qua Phượng, qua Lucie, với một tình đồng cảm...

Nhà văn xã hội

Chiến tranh khiến cho người nghèo càng nghèo khó hơn, càng thêm trẻ bụi đời, mồ côi, Nhật Tiến ghi lại trong Giác Ngủ Chập Chờn, Giọt Lệ Đen, Quê Nhà Yêu Dấu,... Nhân vật của Nhật Tiến rời mái ấm cô nhi, trường các dì phước, trở thành những người nghèo khó vật chất cũng như tinh thần. Thềm Hoang, Giải văn chương toàn quốc 1962, viết về một thế giới người nghèo ở Xóm Cỏ, một xóm cận biên ở thủ đô Sài-Gòn mà cũng có thể ở một nơi khác. “Dạo ấy dân xóm Cỏ làm đủ mọi nghề của một tầng lớp thấp kém” (2). Nơi đó có đủ mọi hạng người, đĩ điếm, đập xích lô, thông cầu tiêu, bán hàng rong, ăn xin, v.v. Một sống chung với những thói hư tật xấu, với lòng ngay và tình đùm bọc khi hoạn nạn. Một mối tình vô vọng nhưng chân thật của bác Tồn mù hát rong xin ăn với cô Huệ gái giang hồ: “Cô Huệ ơi... Nếu cô lấy tôi thì tôi xây nhà gạch hai tầng / Tôi mua ô tô cho cô ngựa, mua váy đầm cho cô thay”. Nhưng cô Huệ sẽ chết thảm, bác Tồn chung tình tự đứng ra lo cho đứa con lai có với lính Tây lê dương. U Tám cũng chết buồn thảm, mẹ Nết thì trở thành điên cuồng vì con cháu. Những thằng Ích, cái Ngoan, cái Hòn,... lê lổng. Chuyện tình đơn sơ dễ tính của Hai Hào đập xích lô với Đào con Phó Ngữ. Năm Trà qua Lào làm ăn trở về mất vợ mất con, mẹ điên, hấn lên cơn đốt nhà không ngờ cháy tan rụi cả xóm! Cơn mưa to ở cuối truyện phải chăng đã đến như hy vọng quét sạch những tàn tích của tội

lỗi lẫn khó nghèo? Xóm Cỏ sống động dưới ngòi bút Nhật Tiến, tình người, nếp sống linh hoạt không ngừng biến cố, diễn tiến. Khi nói đến những vấn-đề xã hội là đã ngầm chứa đòi hỏi công bằng, Nhật Tiến làm kẻ quan sát và ông tỏ ra có tài trong công việc này, cả rành tâm lý. Tả sự cô độc của bác Tồn mù, một lần bác ôm đàn ngồi ở bậc cửa hát chờ cô Huệ đi ngang qua: “Bóng tối vây quanh như nổi cô độc của bác trong sự mù lòa” (tr. 28). Lúc khác bác ghẹo hát cho mọi người nghe cười cho vui. “Tiếng cười của họ khiến bác nghĩ rằng mình không cô độc” (tr. 29). Tiếng cười của một nhân vật khác, dưỡng Tám, thời tán u Tám thì “tiếng cười lỗ mãng và ngay thẳng. Vì thế u tìm thấy ở dưỡng cái vẻ gì gọi là chất phác, đáng yêu” (tr. 33). Nhưng khi đã về với nhau thì chỉ có tiếng hét, la mắng, vói tiền, lừa gạt! Cảnh lão Phó Ngử gậy với Đào, con gái lão, đã dám thất thân với Hai Hào đập xích lô, rồi đến bàn chuyện đám cưới, cũng như những cảnh đứ đờn tình tứ của đôi nhân tình này, là những bức tranh thật linh động!...

Hướng về dân tộc và tương lai

Cả sự nghiệp viết văn, Nhật Tiến luôn tin tưởng nơi con người, dù đó là đứa trẻ mồ côi, trẻ đánh giày, người đập xích lô, hay một nữ tu, một trí thức, nhà văn,... Nhân vật của ông dù tuổi đời, hoàn cảnh, địa vị xã hội khác nhau nhưng tất cả đều có một niềm tin hoặc lạc quan nơi tình người và những giá trị nhân bản. Tâm hồn nhân ái của Nhật Tiến hướng thượng, tin ở đáng toàn năng sáng tạo vũ trụ hoặc có liên hệ nhân quả với con người ở trần thế. Niềm tin này mãnh liệt, bền vững. Với một cái nhìn tinh đời, hiểu biết nhưng không tàn độc. Nhật Tiến có một ngôn ngữ trong sáng, rõ rệt, như tiếp thừa văn phong của Tự-Lực văn-đoàn – các tác phẩm đầu của Nhật Tiến được các nhà Phụng Giang, Đời Nay và Ngày Nay của Tự-Lực văn-đoàn xuất bản và ông có nhiều truyện đăng trên giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay. Một lòng chân thành, với cái nhìn tinh tế, thấu suốt. Với ngôn ngữ đó, một lối hành văn đó, dù để tả hồn nhưng nhớ một thời ấu thơ hay biện hộ quan điểm xã hội cấp tiến của nhà văn. Văn Nhật Tiến hiền, kết thúc vui, lạc quan hoặc tránh nói đến cái bi đát thường dễ xảy ra, và ở những cảnh tả phụ nữ, tác giả tránh đi sâu vào chi tiết sắc đẹp thể chất, hình như người nữ “hấp dẫn” nhất dưới ngòi bút của ông là chị Sinh trong truyện Kể Nỗi Dậy (“cả một nửa người trắng như sữa”, “sức nóng như muốn làm nổ tung bộ ngực đầy đặn căng lên như hai cái bình sứ”, “bộ ngực của chị dính sát

vào những khoảng áo ướt sũng, căng tròn như hai cái cồng sứ”). Trong các tác phẩm đã xuất bản của Nhật Tiến, người đọc tìm thấy những vấn-đề lớn nhỏ của xã hội Việt Nam, của dân tộc Việt Nam, nhưng sẽ không tìm thấy dấu vết của những trào lưu thời thượng như hiện sinh, Tiểu thuyết mới, cả những phân-tâm mà Võ Phiến, Dương Nghiễm Mậu, Duy Lam đã thử nghiệm. Nhật Tiến khởi nghiệp với những trẻ mồ côi, nói lên tấm lòng của ông đối với những đứa trẻ bất hạnh, trong cái bất hạnh chung! Giới văn-ngệ cũng được ông hơn một lần đưa vào tác-phẩm như nhân-vật Tân và Vũ trong Vách Đá Cheo Leo. Những bước tư tưởng của Nhật Tiến chứng tỏ thêm một điều rằng nghệ thuật phải đi một nhịp với thời đại, và nếu được vậy nghệ thuật mới có thể sống lâu!...”



NGUYỄN VY KHANH

[Văn Học Miền Nam 1954-1975 Quyển Hạ; Nhân Ảnh tb, 2019, tr. 1332-1338]



Mời xem [toàn bài viết của Nguyễn Vy Khanh](#) (PDF)

ĐỌC “Tiếng Kèn” của Nhật Tiến

**** Thụy Khuê ****

Từ khi đọc *Những Vì Sao Lạc, Thềm Hoang* của Nhật Tiến đến nay đã trên hai mươi năm. Mới đây, tôi tình cờ tìm được *Tiếng Kèn* trong một hàng sách. *Tiếng Kèn*, tác phẩm thứ hai mươi của Nhật Tiến là tập truyện ngắn viết tại trại tỵ nạn Songkhla, Thái Lan, và những ngày đầu tiên trên đất Mỹ (1980-1981). Song những sách xuất bản bên Mỹ tới tay người đọc bên Pháp là cả một hành trình, tùy theo hên xui, may rủi, có khi một vài tháng, đôi lúc vài năm, rất có thể không bao giờ. *Tiếng Kèn* đến như một kỷ niệm cũ, lưu lạc từ lâu, có lẽ vì hình ảnh *Thềm Hoang* trong tôi chưa bao giờ phai nhạt.



Tiếng Kèn ([Toàn bộ PDF](#)) kể lại đời sống tầm thường của người dân miền Nam, sau ngày đổi chủ. Nhưng từ những tầm thường đó, xói lên, bóc lên bao nhiêu hơi hướm bất thường, trụ lại những hồ hởi xót xa, lây lất những thế đứng trật đường của những con người gọi là vừa-được-giải-phóng. Mù mù một mẩu đời tầm thường, đôi khi tuyệt vọng, đôi khi tan tác đôi khi cười ra nước mắt, nhưng đã nói lên biết bao sự thực không tên tuổi, phô bày những lộ trình không lối thoát của con người.

Những lời biện bạch nhỡ nhẽ của một gã mù để gỡ cái ‘tội’ thổi nhạc “lãng mạn” của mình hực lên tử khí vực thẳm chôn những con người bị “cướp đoạt dĩ vãng”, mất bản quyền tư tưởng.

Dưới vực ấy, chúng ta lại chơi với bất được đôi chút khoái trá tạm thời, cái “ranh vặt” của một bà già “gân” muốn “phá chơi” chiếc máy phóng thanh phờng. Chừng nó hỏng thật, bà Năm tung hứng: *Gặp chuyện ngon lành (bản củi, nước mắm ngoài tiêu chuẩn v. v. . .) tổ cha chúng nó cái miệng êm rơ, hỏng thêm nói với ai một tiếng để dễ bề tẩu tán. Hỏi đến nơi đến chốn thì chúng nó lại khai bị cái loa hư.* (*Ước Vọng Của Bà Năm* trong tập *Tiếng Kèn*, NXB Văn Học, Hoa Kỳ 1982, trang 97)

Rồi chất phi lý trào tiếu, tiết ra từ những kiếp người đã một-thời là anh hùng dân tộc (*Chuyến Tàu Ngày Cuối Năm*). Cái cười ở đây là cái cười chết yểu, chưa ra

khởi miệng đã tắt ngấm. Không đóng khố, tắt cả bi kịch của con người, của chế độ trần trụi hiện ra.

Nồi Cháo Thịt là một truyện rất buồn, đưa người đọc vào tận cùng biên giới giữa trần gian và cõi chết; cái “thảm” này đến một cách tự nhiên, không kịch chút nào.

Nó đến như hai giọt nước mắt đọng mí đã lâu, từ từ lăn trên má, âm thầm, thấm thía, lặng lẽ như đoạn kết câu chuyện.

Ám khí lại hiện về, lờn vờn, chập chờn trong *Chiếc Áo Tây Vàng*. Từ sự lợm giọng, buồn nôn của người thiếu nữ vô tình cuộc phải con cóc một nhát chết tươi, đến cái nghề hắc ám nàng làm, tất cả đều chưa lấy gì làm quái đản: cái quái đản nằm trong lời khai của nàng trước tòa án, nhờ đó mà nàng được trả tự do.

Chúng ta đã lạc bước quá sâu vào thế giới tuyệt vọng của những kiếp người: Từ gã thối kèn dạo mù lòa bị cưỡng đoạt dĩ vãng ở trong Nam, đến cô gái hành nghề đào mả kỳ dị ở chợ trời ngoài Bắc, đâu là ranh giới phân chia hai miền, đâu là địa phận ngăn cách âm ty và trần thế?

Dù có những đoạn có thể là còn chưa thực nhuần nhuyễn, còn có thể được viết kỹ hơn đối với một ngòi bút như Nhật Tiến, nhưng *Tiếng Kèn* vẫn là một tác phẩm giá trị nói lên sự thực của một thời kỳ và sự thống khổ của con người trong thời kỳ ấy: Thời kỳ đất nước vừa hợp nhất nhưng ranh giới lại rõ nhất. Tiếng Kèn xóa ranh giới tinh thần giữa hai miền Nam Bắc, giữa những kiếp người: Người lính VN Cộng hòa trốn trại cải tạo “gặp” người lính nhân dân đào ngũ từ chiến trường Kampuchia; người vợ đại úy ngụy cùng đường, cho các con ăn nồi cháo thịt bỏ thuốc độc trong Nam “gặp” cô gái đào mả, ăn cắp áo người chết, đem bán chợ trời ngoài Bắc. Tất cả xáo trộn trong môi trường cười khóc của kẻ thắng, người thua. Tất cả đều mất dĩ vãng, cho nên không có hiện tại, nói gì đến tương lai!

Tất cả đều lang thang như tiếng kèn của gã mù, lạc lõng, không có người nghe, trôi lên rồi âm thầm rớt xuống trong đêm như những giọt sương tuyệt vọng.

Tiếng Kèn trung thành với tâm thức xã hội của một nhà văn mà tên tuổi đã gắn bó với những định mệnh lạc loài ngay từ những tác phẩm đầu tay như *Những Người áo Trắng*, *Những Vì Sao Lạc*.... ***

Tiếng Kèn là một tác phẩm chứng nhân không khí buổi giao thời dưới ngòi bút một nhà văn đích thực. Hình ảnh lão mù trong *Tiếng Kèn* phản ánh một cách khôi hài đớng đầu hiện tượng xóa bỏ con người trong “giải phóng”. Tập truyện mở ra trước chân dung gã mù thổi kèn trong ngõ hẻm. Nhật Tiến viết: “ *Gã có vóc dáng của một tay đồ vật nhà nghề. Đôi vai như vai gấu. Hai cánh tay thật dài [...] vàng trán rộng và phẳng. Cả khuôn mặt vuông chữ điền của gã như bị nước bôi đôi kính đen gắn trên cái gọng đôi mắt già. Gã mù. [. . .]. Hình như ngày trước gã đã đi lính. Hình như gã đã bị hỏng mắt sau một cuộc hành quân. Hình như vợ gã đã bỏ [...]*”

Gã lau cây kèn thật lâu. Thời gian lâu lắc đó vừa đủ để cho trẻ con trong xóm bu đen lại. Gã nhếch miệng cười. Hai hàm răng nhe ra trắng nhờn. Lần này nụ cười của gã tươi rói. Gã biết mình đang được tiếp đón một cách nồng nhiệt. Rồi gã nâng cây kèn bằng cả hai tay. Cặp môi dầy tụp của gã chụm lại, đặt vào ống thổi, chúm chím một cách điệu nghệ kiểu cách. Rồi hai má của gã phùng to lên. Gã dồn tất cả làn hơi phong phú của mình vào đó [. . .] Bài Lòng Mẹ qua điệu nghệ của hắn nghe rền rĩ như một lời than van [...] Gã dồn thêm hơi sức vào cây kèn. Hai hàm của gã bạnh thêm ra. Những hàng gân ở cổ căng lên như những mối dây chàng chịt. Mười ngón tay của gã như múa trên hàng nút đồng [...]

Từ bài Lòng Mẹ, gã chuyển sang bài Xuất Quân. Hết bài Xuất Quân gã quay về chơi nhạc cổ điển với bài Thiên Thai, bài Bến Cũ, rồi hứng chí, gã quay ra thổi nhạc Tây, nhạc Mỹ với những bài như Cầu Sông Kwai, Que Sera Sera...

Nhưng đúng vào cái lúc gã đang gân cổ thổi theo lời “ Vài hàng gởi anh trù mền, vừa rồi nàng mới được tin...” thì bỗng một bàn tay khồ khan nắm cứng lấy bờ vai của gã . Gã hốt hoảng quay đầu lại. Tiếng kèn của gã đang lên một nốt cao bỗng oằn xuống rồi tắt ngấm [. . .]

– Công an khu vực đây. Đi theo tôi.

(*Tiếng Kèn*, trang 11)

Trên đây là trích đoạn mở đầu truyện ngắn *Tiếng Kèn*. Cuộc phiêu lưu của gã mù cứ thế tiếp tục, mặc dù bà con bênh gã nhưng gã cũng ngoan ngoãn theo công an về trụ sở khóm. Rồi những biện bạch nhân nhờ của gã mù để gỡ cái tội thổi nhạc “đồi trụy” của mình, đại loại: “ *Hì hì , thưa đồng chí, em mù, em đâu có nợ máu gì !*” Hoặc hắn xuống nước nữa: “*Trăm lạy các đồng chí, cháu là nghệ sĩ, cháu có biết chính trị chính em gì đâu. “*

Cuối cùng gã cũng được hưởng khoan hồng, gã được thả sau khi phải ký cái giấy cam đoan từ nay xin chừa, không được thổi nhạc ngụy nữa.

Hình ảnh gã mù đột nhập chúng ta không gỡ cửa: cái cặp môi dày tụt ấy, cái lý luận cù nhầy ấy, nụ cười cầu tài ấy... Rồi đến những bản nhạc tiền chiến, “đòi trụ” như Thiên Thai, Xuất Quân, Bến Cũ... hấn thổi. Ngay cả đến miếng bánh mì hấn ăn chung với con chó, nhân vật duy nhất thông cảm và chia xẻ tâm sự với hấn trong những đêm tối âm u giữa thanh thiên bạch nhật triền miên của hấn. Tất cả báo hiệu và bắc cầu mối tương quan chên vênh giữa sáng và tối, giữa thua và được, giữa “ngụy” và “ta”. Tất cả phản ánh cái bi-hài của những kẻ bị phải quên dĩ vãng, bị phải đánh mất dĩ vãng, bị phải gột rửa trong phút chốc tất cả những gì tàng trữ trong đầu từ nhỏ, và bị phải tiếp thu cái mới, lập tức và toàn diện: Cái bi hài của những kẻ bị được “giải phóng”, nằm gọn trong vài câu nói lém lỉnh, liến thoắng của gã mù để gỡ tội thổi kèn:

– Chèn ôi. Bài hay của cách mạng em có nghe chớ. Mà điều em có sol-phe sol-pheng gì đâu. Em phải nghe lâu, riết rồi mới thuộc. Thuộc rồi mới lần mò ra nốt nhạc, có nốt nhạc rồi mới lên bổng xuống trầm, mới lôi cuốn được bà con. Em cũng đang tập đó. Em thích nhất bài Tiếng Chày trên Sóc Bom Bo” (Tiếng Kèn, trang 14)

Sự chao đảo từ bi sang hài, từ hài sang bi rất chớp nhoáng. Và cũng chỉ trong khoảnh khắc ngôn ngữ, thoát thai những biến độ trong thân phận con người: Từ một gã trai tráng, khỏe mạnh, lực lưỡng, gã bị chiến tranh cướp hai con mắt thành kẻ tàn tật mù lòa. Gã bị tước những bài hát trong ký ức thành kẻ không được quyền có trí nhớ... rồi hấn lại bị tự học những bài ca mới... Hiện tượng tẩy xóa cứ tiệm tiến như thế trong con người gã, cho đến lúc gã không còn dĩ vãng. Và đến khi gã đã hoàn toàn trắng tinh, hoàn toàn “sạch”, thành một con người mới, với bộ óc mới, không còn “đòi trụ”, hấn trở về ngõ hẻm cũ để trình làng bộ mặt mới toanh, tiếng kèn tự cải tạo của mình, thì:

“ Tất cả mọi người đều dồn mắt về phía gã và gã đã làm xong đầy đủ lệ bộ của mình: Cười thật tươi với hai hàm răng trong nhờn, rút chiếc khăn tay đen đưa ra lau mồ hôi ở trán, ở cổ rồi tới cây kèn đồng. Sau cùng gã cầm cây kèn đưa lên miệng. Gã trịnh trọng dồn hết làn hơi của mình để cất lên bản nhạc thứ nhất: Như có Bác Hồ trong ngày vui giải phóng. Tiếng kèn của gã vừa rúc lên một câu đầu thì cả một làn sóng ồn ào ở bốn phía bỗng nhiên ùa tới. Có tiếng huýt sáo. Có tiếng cười ồ lên chế nhạo. Có cả tiếng nguyện rửa bằng những lời lẽ thô tục. Gã như một con bò mộng giữa đấu trường đang tới tấp nhận lãnh đủ

loại dáo nhọn ném vào mình. Gã chưa kịp ngán lên theo đúng điều thì tiếng kèn đã đột nhiên tịt ngãng lại. ” (Tiếng Kèn, trang 18)

Như vậy tiếng kèn của gã mù hai lần tắt ngấm, trong hai cảnh huống đối lập nhau. Tiếng kèn ấy dạo lên tiếng kêu của con người trước hai bờ phân cực không sao cứu vãn được. Gã mù tiến không được và lui cũng không xong. Gã tịt ngãng. Không phải đi cải tạo, gã là kẻ đã ký giấy bán đứt dĩ vãng của mình, đoạn tuyệt với tư tưởng, với kỷ niệm, để hướng về tương lai, hướng về những hứa hẹn có-thể ngày mai sẽ sáng.

Nhưng bi kịch của gã mù là hắn đã trót ký tờ giấy xóa quá khứ, mà hắn chưa hề biết tương lai là một thực thể như thế nào, có tin được không? Tương lai, rồi sẽ có đấy, rồi sẽ đến đấy, nhưng tương lai chưa bao giờ là một cái gì có thể nuôi sống con người, dù chỉ trong những giấc mơ, bởi vì chưa ai biết tương lai mình nó sẽ như thế nào.

Gã mù đâu có ngờ cái tương lai gần nhất là lũ trẻ lại phỉ phui gã, gã đâu có ngờ cái tương lai tức thời là bị ăn đá, ăn đòn trong ngõ hẻm? Khi người ta đoạn tuyệt với quá khứ, thì người ta không còn điểm tựa để sống trong hiện tại và như thế khó có thể có một tương lai.

Tiếng kèn thổi lên, xoáy sâu vào những bờ vực không lối thoát của những con người bị tước đoạt quá khứ, của những người đi tước đoạt quá khứ. Cả hai đều tuyệt vọng như nhau, vì không thể có hy vọng sản xuất ra tương lai, nếu con người phủ nhận quá khứ của mình.

Paris 1987, 1998



THỤY KHUÊ

(Trích Sóng Từ Trường II, Văn Nghệ xuất bản / Tháng 3-2002)

Độc “Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác” Của NV Nhật Tiến

** Nguyễn Mạnh Trinh **

Nhà văn vẫn đứng ngoài nắng. Nhà văn Mai Thảo đã nhận định về một chân dung đã có tới hơn 60 năm cầm bút là nhà văn Nhật Tiến như vậy. Trước năm 1975, ông là một khuôn mặt văn học tiêu biểu của 20 năm văn học miền Nam và đã đoạt giải thưởng văn chương toàn quốc năm 1961. Ông là nhà văn của tuổi thơ, của những bức xúc về một cuộc chiến tranh và là một người lưu lạc suy ngẫm về thân phận của mình và của chung một thế hệ phải trải qua những ngày chiến tranh và những ngày hậu chiến tranh mà những bi thảm, những bất toàn của xã hội lại còn đáng sợ hơn thời còn khói lửa. Ông viết với tâm cảm mà những ý nghĩ trung thực được biểu lộ không e ngại và là tiếng nói được lắng nghe từ công luận. Sau năm 1975, ông lại là chứng nhân của những cuộc đổi thay nghiệt ngã và văn chương ông ghi chép lại những thực tế đáng buồn của một thời đại đảo điên bi thảm của dân tộc Việt Nam.

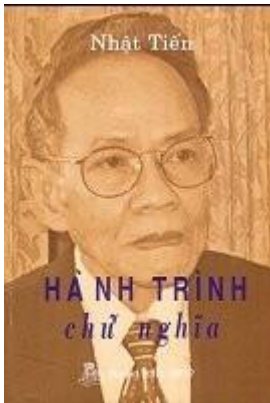
Có rất nhiều chân dung nhà văn Nhật Tiến: nhà văn của tuổi thơ bất hạnh, nhà văn của hiện thực xã hội, nhà văn của lưu lạc xứ người... Mà mỗi chân dung nào cũng đều có nhiều cá tính văn chương và trong mỗi dòng chữ, mỗi ý tưởng đều có những thông điệp trao gửi theo.. Trong con người của nhà văn Nhật Tiến, cá tính của hướng đạo sinh và đặc tính của một nhà giáo dục trọn lẫn để thành một tâm thức hướng thượng và nhiều lý tưởng. Những tác phẩm của ông biểu lộ điều đó từ lúc ở trong nước hay ra hải ngoại.

Là một nhà giáo dục, ông chú trọng nhiều đến tuổi học trò. Trong một cuộc phỏng vấn, nhà văn Nhật Tiến đã phát biểu rằng công việc ra một tờ báo dành cho thiếu nhi (trong khoảng từ 10 đến 15, 16 tuổi hay trình độ từ cuối bậc tiểu học đến hết bậc trung học phổ thông) là mơ ước của ông. Nhất là trong hoàn cảnh của đất nước chúng ta khi xã hội có nhiều hiện tượng băng hoại do văn hóa ngoại lai xâm nhập và cũng do ảnh hưởng chiến tranh. Mãi đến năm 1971 ông mới được sự tài trợ của nhà sách Khai Trí và ra mắt tờ tuần báo Thiếu Nhi vào ngày 15 tháng 8 năm 1971 và đều đặn hàng tuần đến ngày 30 tháng tư năm 1975 thì chấm dứt. Ngoài ra ông còn tổ chức nhiều sinh hoạt khác như tổ chức thư viện cho các em mượn sách về nhà đọc, tổ chức các Gia Đình Thiếu Nhi ở các tỉnh và các đô thị lớn có những buổi sinh hoạt tập thể ngoài trời, hay tổ chức các cuộc thi viết văn làm thơ cho thiếu nhi và có giải thưởng khá lớn. Nói chung là phối hợp giữa giải trí và giáo dục để các em có những sinh hoạt vui tươi và bổ ích.

Sau khi vượt biển sống ở hải ngoại, nhà văn Nhật Tiến cũng làm chủ bút tờ Tuổi Hoa của nhà văn Quyên Di một thời gian và lúc nào cũng chú tâm đến lớp tuổi măng non ở hải ngoại...

Là một nhà văn mà tính cách của lý tưởng hướng đạo sinh biểu lộ rõ ràng trong phong cách sống như những câu văn của tác giả Mai Thảo diễn tả: “Những trong nắng và những ngoài nắng ấy, Nhật Tiến đã thấy đã trải qua, đã viết ra, đã thuật lại. Gọi đó là nắng cáo trạng, nắng bạch thư, gọi đó là nắng Ko Kra, nắng Nhật Tiến. Trước cái khuynh hướng muôn thuở của con người là sự kiếm tìm những tàn cây đầy bóng mát cho tâm hồn và đời sống văn chương bây giờ của Nhật Tiến, những vận động, những lên tiếng không ngừng của Nhật Tiến cho thấy ông vẫn lựa chọn đứng ở đó. Ngoài nắng. Giữa nắng. Thái độ ấy có thể bị nhìn là khô cứng quá khích. Hoặc với những tâm hồn bóng rợp là một đọa đầy vô ích. Tôi chỉ nhìn thấy tự nhiên và bình thường nơi người nhà văn lưu đày ở Nhật Tiến một ý muốn. Cái ý muốn được đứng cùng, đứng mãi với vượt biển thâm như đứng với quê nhà, với Việt Nam”

Ngay lúc bây giờ, ở tuổi đã cao, ông đã vừa xuất bản hai tác phẩm và vẫn mang dấu ấn vừa kể.

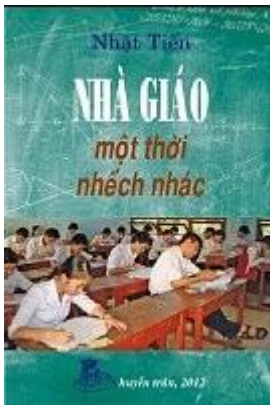


Một là tác phẩm “**Hành Trình Chữ Nghĩa**”, ([Toàn bộ PDF](#)) viết như một thôi thúc của một đời trôi nổi theo thời thế và buộc chặt với chữ nghĩa. 60 năm tuy dài đối với một đời người nhưng chỉ là một tích tắc của lịch sử hay văn học. Và mỗi tác giả nếu tạo được những dấu ấn sẽ không bao giờ mờ phai theo thời gian. Với tác giả Nhật Tiến, ông đã viết trong lời mở đầu:

“... Thông thường những dấu ấn trên đường đi ta vốn chỉ nên coi là những kỷ niệm. Mà kỷ niệm nào trong quá khứ dù vui hay buồn thì cũng chỉ nên ghi gó trong lòng. Cuộc hi trường trong đời một con người bất quá cũng chỉ kéo dài trong giới hạn dăm bảy chục năm, nhiều lắm là trăm năm. Rồi hai tay buông xuôi. Mọi thứ trên hình hài sẽ trở về với cát bụi. Nhưng hình hài thì trở về với cát bụi còn những dấu ấn để lại trong phạm vi tinh thần thì có sẽ phai mờ trong lớp bụi thời gian hay không? Tôi nghĩ là không. Vì nếu nó phai mờ trong trí nhớ để không còn được ai nhắc nhở thì lịch sử đâu còn lý do gì mà tồn tại? Cho nên trong sinh hoạt chữ nghĩa, đừng tưởng cứ hạ bút xuống rồi là phủ tay hết trách nhiệm. Rất có thể một vài năm sau có khi cả chục năm sau hay lâu lắt hơn nữa, ở những thế hệ kế tiếp

cũng vẫn có người lần mò vào thư viện tìm đọc lại những trang sách báo cũ để tìm hiểu về các lớp cha anh với những gì họ đã làm, đã đóng góp cho lịch sử và ngay cả về phương thức xử thế đạo đức nhân cách của họ nữa...”

Với cá tính và tinh thần của một người hướng đạo, nhà văn Nhật Tiến đã viết và không ngại những vấn đề tế nhị và nhạy cảm để nêu ra những vấn đề mà ông nghĩ rằng cần thiết để làm sáng tỏ trong mục đích phục vụ nhân sinh. Tác phẩm “Hành Trình Chữ Nghĩa” đã được viết với mục đích đó, ở một thời điểm gần như cuối đời nhìn lại một thời đã qua...



Hai là tác phẩm “**Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác**“, ([Toàn bộ PDF](#)) ghi chép của một nhà giáo dưới mái nhà trường Xã hội chủ nghĩa XHCN sau ngày 30 tháng tư năm 1975. Con người mô phạm đã có một dấu ấn rõ nét trong con người nhà văn bởi vì trước khi là nhà văn ông đã là một nhà giáo và hầu như suốt cuộc đời ở Việt Nam ông đã giảng dạy nhiều thế hệ học trò. Ngay cả việc ông chủ trương tuần báo Thiếu Nhi cũng với cung cách của một nhà giáo dục ý thức được rằng tuổi trẻ là tương lai của dân tộc.

Truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt Nam tưởng là một truyền thống bất diệt nhưng đến thời kỳ Cộng sản thì không còn nữa và sự phá sản giáo dục đã nhìn thấy rõ suốt hơn ba chục năm Cộng sản chiếm đoạt được cả nước và điều hành đất nước theo một chủ nghĩa không tưởng lai căng Mác-Lênin.

Nhà văn Nhật Tiến viết về thực trạng giáo dục khi ông còn ở Việt Nam và là một chứng nhân. Đó chỉ là khởi đầu của thảm trạng và đến nay có nhiều sự kiện thực tế không thể tưởng tượng nổi đã xảy ra. Vong bản, ảnh hưởng của Cộng sản Trung Hoa khi soạn chương trình học về lịch sử và ngôn ngữ. Thi cử thì gian lận có tổ chức. Bằng cấp giả mạo tràn lan. Đạo đức học đường bị suy vi trầm trọng, thầy mất tư cách, học trò hỗn láo như những trường hợp kể lại tràn lan trên báo chí. Thời Cộng sản là một thời đại tệ hại nhất của lịch sử Việt Nam. Ông viết: *“.. Khi thời thế thay đổi, nhất là sự thay đổi ý thức hệ này qua ý thức hệ khác, thì hầu như mọi vốn liếng tinh thần của nhà giáo tưởng sẽ tồn tại lâu dài với những chuẩn mực vốn đã trở thành truyền thống lâu đời, thì nay đã hoàn toàn đảo lộn, bị tróc gốc đến độ như tôi đã có cảm giác rằng mình kiêm nhiệm cùng một lúc cả hai vai trò: vừa là thầy giảng dạy, vừa là tên học trò cứ bị nhà trường uốn nắn thường xuyên từ tác phong, cử chỉ cho đến lời ăn tiếng nói...”*

Nhưng trải qua 4 năm trời trầy trật dưới một mái nhà trường XHCN tôi phát giác ra rằng ở đây người ta không những không trang bị điều gì tốt đẹp thêm cho cho nhận thức của nhà giáo mà tệ hơn lại còn không cho phép các thầy cô được làm trọn vẹn vai trò của một nhà giáo đúng nghĩa. Bởi vì, một nhà giáo đúng nghĩa thì không đối trá với học trò ngay trên bục giảng hay ngay trong bài giảng của mình. Nhà giáo đúng nghĩa cũng không thể tiếp tay với nhà trường để xô đẩy học sinh vào những vùng trời mê muội như lôi kéo, dụ dỗ, nhồi nhét vào đầu óc non nớt của chúng những thứ không nhằm phục vụ cho tương lai của chúng cũng như tương lai đất nước mà chỉ nhằm phục vụ cho những ý đồ đen tối của guồng máy đang cai trị. Nói một cách cụ thể nếu coi tâm hồn của những trẻ thơ như là một tờ giấy trắng thì cũng đã có một số người trong đám nhà giáo chúng tôi sau 30-4-1975 cũng đã từng bôi đen lên những tờ giấy trắng đó bằng những bài giảng phải tuân theo sát sạt những “pháp lệnh” của nhà nước...”

Mặc dù là một nhà văn nhưng ông là một nhà giáo dạy môn vật lý là một môn học thuộc khoa học tự nhiên nên cũng ít bị để ý soi mói hơn là những thầy cô dạy những môn học như triết, văn hoặc sinh ngữ... Bài giảng dạy học trò phải bị bắt buộc soạn sẵn thành một hồ sơ gọi là ” Giáo án” và đây chính là một dây cương tròng cổ mọi nhà giáo thời Cộng sản. Mỗi giáo viên đều phải có một cuốn sổ gọi là sổ giáo án để soạn bài và những bài soạn này phải được Ban Giám Hiệu kiểm tra đóng dấu rồi mới được đem dùng. Đã thế trong giờ học cuốn sổ này phải đặt ở bàn cuối lớp sát hành lang để bắt chợt Hiệu Trưởng hay Hiệu Phó đi kiểm tra xem thầy cô có dạy đúng như trong giáo án không. Bất cứ môn học nào, giáo án cũng được soạn theo một khuôn mẫu ấn định sẵn mà ở đó mục đích về chính trị bao giờ cũng quan trọng hơn hết và sự kiểm soát tư tưởng suy nghĩ của cả thầy cô và học trò cũng là phần hệ trọng. Chính vì thế, người giáo viên khi soạn giáo án phải lồng vào trong bài học những chủ đích của chế độ. Những môn học như toán, như vật lý, hóa học,... cũng phải cố gắng nhồi nhét vào những tư tưởng tuyên truyền cho chế độ Cộng sản và nêu ra những tính mà những người cầm quyền gọi là ưu việt. Và giáo án còn phải nêu ra những quan hệ bản thân và đó chính là một cách kiểm tra tư tưởng khiến cho cả thầy trò trong trường học của chế độ Cộng sản bị dắt đi vào những con đường định sẵn mà chính trị là mục tiêu chính của giáo dục XHCN.

Từ trường học với thầy cô, với đám học trò, tác giả Nhật Tiến ghi chép lại rộng rãi hơn đến những môi trường làm than của xã hội mà trong đó người dân bị lừa dối bởi những người cầm quyền vừa ngu dốt vừa hãnh tiến chủ trương tuyên truyền dối gạt để cai trị. Tất cả đều được ngụy trang bằng những chiêu bài thật tốt đẹp thật lý tưởng nhưng thực chất chỉ là cái bánh vẽ không tưởng. Ông kể lại

những sự thực đã trải qua, đã chứng kiến tận mắt. Giá trị của trường học tự nhiên bị hạ thấp một cách khó tưởng tượng. Thầy giáo cô giáo không được nể trọng như xưa nữa mà bị dòm ngó kiểm soát có khi còn hơn là những đứa học trò của mình nữa. Sống trong hoàn cảnh ấy, làm sao còn tâm trí để chú tâm vào công việc giảng dạy. Xã hội như vậy, giáo dục như vậy đã tạo thành những con người của XHCN chỉ biết chạy theo lợi nhuận với mục đích làm giàu mà quên đi những giá trị tinh thần cao quý của dân tộc.

Chân dung nhà giáo của một thời nhếch nhác ấy được phác họa từ những người trong ban giám hiệu đến những thầy cô với những nét đặc biệt. Như hình ảnh của một hiệu trưởng: *“Còn ông hiệu trưởng mới đổi về này không cần giới thiệu chúng tôi cũng biết ông ta là gốc bộ đội vừa được chuyển ngành. Bởi trong cương vị một Hiệu Trưởng một trường trung học ông ta vẫn bận bộ quần áo bộ đội tới trường để điều hành công việc. Hơn thế nữa bên hông ông ta lúc nào cũng kề kề một khẩu súng lục không biết để làm gì ngoài chuyện thị uy với đám giáo viên trong vùng mới “giải phóng”. Ấy vậy mà ông ta vẫn gọi chúng tôi là các “đồng chí”.*

– Các đồng chí cũng nên nhớ rằng nhà nước chuyên chính vô sản sẵn sàng đập tan mọi âm mưu bạo loạn của bọn phản động tàn dư của bọn tay sai nước ngoài để bảo vệ vững chắc nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chúng ta dân chủ với mọi đồng chí nhưng dứt khoát là phải chuyên chính với mọi tàn dư phản động.

– Các đồng chí nên nhớ dạy theo đúng sách giáo khoa với giáo án đi kèm chính là một Pháp lệnh. Ai không tuân theo Pháp lệnh là chống đối nhà nước là phản động là bán nước. Nói xong câu này ông ta còn đưa tay xốc cái thắt lưng quần khiến cho khẩu súng lục cứ bị đẩy lên chìa ra trước mặt mọi người...”

Trong hoàn cảnh ấy, nhà văn cũng nhìn lại chính chân dung mình trong đời sống đã thay đổi đến rùng mình đó. Ví dụ như một trường hợp đang giảng bài trong lớp thì nghe gọi tên mình trên loa phóng thanh lên văn phòng nhận nhu yếu phẩm. Mà nhu yếu phẩm là niềm vui hiếm hoi của thầy cô với đồng lương eo hẹp và cũng là một phần thưởng của chế độ cho công nhân viên chức. Một cô giáo cùng tổ đã mang phần cá được chia vào trong lớp học để trao cho ông một cách thật bình thường. Tự nhiên ông cảm thấy buồn và suy tư: *“Loay hoay với những ý nghĩ trong đầu rồi cuối cùng tôi cũng đành phải bước ra nhận xâu cá và cất lên một lời cảm ơn cô, nghe rất nhạt nhẽo. Chắc cô cũng đã thấy vẻ mặt khó đăm đăm của tôi lúc đó nên thấy xâu cá vào lòng bàn tay của tôi xong là cô quay ngoắt đi thẳng không bình luận thêm một lời về công khó của mình nữa. Khi cô giáo đi khỏi rồi tôi mệt mỏi tay cầm xâu cá chân bước lên bục giảng. Đột nhiên cả lũ học trò cùng phá lên cười, xen vào đó tôi còn nghe thấy cả những*

tiếng vỗ tay nữa. Tôi đột nhiên biến thành một thứ diễn viên hề đang ra mắt khán giả trên sân khấu. Vào cái giây phút này bài giảng Quang học về Thấu kính chẳng có liên hệ gì tới xâu cá tôi cầm trên tay. Tôi có cảm giác như mình vừa bị đẩy tuột từ vai trò một thầy giáo nghiêm chỉnh xuống vai trò của anh đứng bán xâu cá ngay ở giữa chợ trời! Còn bọn học trò thì chắc chẳng nghĩ ngợi gì xâu xa hay dè bieu gì về cái chuyện ấy đâu. Chắc chúng nó chỉ thấy vui vui khi thấy ông Thầy đang đứng trên bục mà tay lại cầm xâu cá, một hình ảnh trái khoáy so với dáng vẻ nghiêm chỉnh của thầy mọi ngày. Có lẽ trong cả cuộc đời lấm lem cùng bụi phấn cả Thầy lẫn trò chúng tôi chưa bao giờ lại bị nhập vai trong một pha như thế này trên bục giảng và trong lớp học. Thế rồi "Niềm vui" của lũ học trò bỗng đem lại cho tôi một ý nghĩ bất cần. Tôi chẳng còn ngần ngại hay giữ gìn ý tứ gì nữa. Cầm xâu cá trên tay tôi cũng giơ lên cao cho cả lớp nhìn thấy. Bây giờ thì tôi nhận ra đó là một xâu độ 4,5 con cá bạc má có vẻ còn tươi vì máu cá còn dính đỏ trên sợi lạt buộc. Qua sợi lạt buộc tôi cũng thấy cả gần trăm con mắt của lũ học trò đang đổ dồn vào xâu cá. Một đứa lên tiếng: "Cá còn tươi đó a thầy!" Một đứa khác ngồi ở cái bàn gần xé chỗ tôi đứng cũng lên tiếng: "Xâu cá này đem chiên giòn với mỡ thì phải biết! Hết cỡ!"

Đọc lại những trang sách của "Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác" tôi như mừng tượng lại một thời đã qua với những nét bôi đen lem luốc của lịch sử dân tộc. Đã hơn ba chục năm, và hình như ít nhà văn hay tác giả nào nhắc lại những chuyện thật xảy ra dưới mái trường được gọi là XHCN đó. Nhưng tấn thảm kịch của đất nước phải được nhìn lại để những kinh nghiệm sống như thế sẽ giúp ích cho những đời người sau. Thử tưởng tượng, mấy chục năm sau, những lớp hậu sinh sẽ giở lại những trang sách và họ sẽ hiểu được những nhọc nhằn của một thời kỳ mà tất cả đều phục vụ cho mục tiêu chính trị kể cả giáo dục.

Với những người tạm gọi là chứng nhân của một thời kỳ suy đồi nhất sau năm 1975, khi hồi tưởng lại là những cơn ác mộng. Lúc đó, mọi người trong xã hội phải bắt buộc diễn một vở kịch của giả trá, vẫn phải nói dối trong khi lương tâm dần vật vờ vì sự bắt buộc ấy. Sự thực không ai dám nói ra và tất cả hình như ở trong trạng thái lo sợ bị rình rập theo dõi. Chế độ công an trị làm mọi người không ai tin ai, và lúc nào cũng có cảm tưởng có những tên điếm chỉ sẵn sàng báo cáo tất cả những sinh hoạt cá nhân của mình. Ngay cả vấn đề tư tưởng, cũng bị theo dõi, uốn nắn, trừng phạt nếu có những suy tư đi ngược lại khuôn mẫu của chế độ đặt ra. Nền giáo dục của chế độ độc tài như vậy có ảnh hưởng rất lâu dài cho đến tận tương lai sau bởi vì những hệ quả của nó.

Viết một cuốn hồi ký ghi chép lại những sinh hoạt giữa thầy và trò sau tháng 4 năm 1975 dưới mái trường XHCN có thực sự cần thiết không?

Nhà văn Nhật Tiến trả lời thực sự rất cần. Ông viết: *“Bởi nó là cội nguồn cho những sự tróc gốc đạo đức sẽ diễn ra trong xã hội Việt Nam trong nhiều năm sau đó. Khi nền tảng của chính sách giáo dục dựa trên những điều giả trá, những mưu toan ngoài giáo dục, lại được điều hành bởi những đầu óc thiên cận hẹp hòi đầy tự kiêu tự mãn thì thành quả của giáo dục nó sẽ ra sao ai cũng có thể thấy trước. Thấy mà chẳng ai dám nói ra có khi còn góp phần phụ họa làm cho bộ mặt giáo dục ấy càng ngày càng thêm thâm hại mà chúng có cụ thể là sự tuột dốc về đạo đức xã hội ngày nay đã hiện ra rõ ràng rành rành. Bởi vì nó đã trở hoa kết trái và tiết ra nhiều độc tố hơn là hương thơm sau nhiều chục năm được vun trồng. Bởi chính nó, cái thành quả giáo dục ấy đã tạo nên tình trạng đạo lý suy đồi ở cả trong gia đình lẫn ngoài xã hội ngày nay. Các trang tin tức quốc nội bây giờ đã đăng lên không thiếu gì những câu chuyện khó tin mà có thật với nhan nhản những con người không còn mang tính người. Mấy chữ” mac ke no” tức “mặc kệ nó” nghe tưởng vô thường vô phạt nhưng đã hàm chứa một triết lý sống cực kỳ tồi tệ và bi đát của một xã hội vô cảm mà hàng ngàn năm qua ta chưa bao giờ thấy hiện diện một cách lan tràn trên đất nước. Và cũng bởi chính nó tức cái thành quả giáo dục ấy mà những điều kiện an toàn của xã hội đã bị đảo lộn như luật pháp không còn nghiêm minh, tiền bạc mua được công lý chức quyền có thể đổi trắng thay đen, tiếng kêu của dân oan từ nhiều năm qua vẫn còn vang lên từ khắp mọi miền đất nước...”*

Và, dù tuổi đã già, và trí nhớ một phần nào giảm sút, nhà văn Nhật Tiến vẫn viết để hoàn thành một tâm nguyện gần như cuối đời là tác phẩm ” Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác” một ghi chép chân thực về một thời đại đặc biệt của dân tộc gửi cho những thế hệ sau...



Nguyễn Mạnh Trinh

Vài Trang Bi Sử – Hành Trình Đi Tìm Tự Do Bằng Tàu Thuyền Qua Ngả Thái Lan

** Bút ký của NHẬT TIẾN **

Fluctuat Nec Mergitur

Trôi Nổi Nhưng Không Chìm

(Lời ghi trên phù hiệu của trại tỵ nạn Songkhla-Thái Lan)



Đào thoát khỏi quê hương đang bị Cộng sản cai trị để tìm về một xứ sở tự do, đó là điều mà hầu hết những người Việt Nam hiện nay đều mơ ước. Trước chúng tôi và cả sau chúng tôi nữa sẽ còn nhiều đoàn người tiến ra biển Đông, bằng tàu thuyền, đem chính mạng sống của mình thách đố với muôn vàn hiểm nguy một phần sống, chín phần chết.

Có những đoàn người đã thành công rực rỡ, nay đã sống yên ổn ở một đất nước tự do, nhưng cũng có không thiếu gì những đoàn người đã chết dững cảm trong âm thầm và tức tủi giữa sóng gió ngoài biển Đông. Chúng tôi đã tích lũy những kinh nghiệm sống của người đi trước để chuẩn bị cho chuyến đi của chính mình, và chúng tôi cũng mong mỗi rằng cuộc hành trình gian khổ của chúng tôi sẽ đem lại cho những người đi sau một số kinh nghiệm mới. Chính vì tinh thần liên đới đó mà chúng tôi tường thuật lại chuyến đi của mình, đồng thời chúng tôi cũng mong mỗi rằng những đau thương mà chúng tôi phải chịu đựng trên con đường đi tìm tự do sẽ góp phần làm rạn vỡ thêm ý nghĩa cao quý của hai chữ TỰ DO.

Đoàn chúng tôi gồm 81 người, bao gồm những nhóm nhỏ của nhiều gia đình chưa từng quen biết nhau, và chúng tôi chỉ thực sự gắn bó với nhau kể từ khi cùng nhau chia xẻ những biến cố đau thương mà chúng tôi đã trải qua trong

cuộc hành trình. Kiểm điểm lại, thành phần của chúng tôi khá phức tạp: Có những người thuộc giới văn nghệ sĩ như nhà văn, ký giả, phóng viên báo chí, đạo diễn ngành vô tuyến truyền hình, có những người thuộc giới khoa học kỹ thuật như giáo sư đại học, kỹ sư nông lâm, kỹ sư hóa học, chuyên viên ngành vô tuyến viễn thông, huấn luyện viên ngành sửa chữa cơ khí máy bay, cũng có cả thầy tu, ni cô, các sĩ quan từ cấp Úy đến cấp Tá đào thoát khỏi trại cải tạo của Cộng sản, nhưng thành phần đông nhất cũng vẫn là các anh chị em sinh viên thuộc đủ mọi phân khoa đại học Sài Gòn nằm trong hạn tuổi nghĩa vụ quân sự của nhà nước Cộng sản.

Chúng tôi rời Việt Nam vào ngày 19-10-1979 xuất phát từ Vũng Tàu, dự định tiến về hướng Mã Lai với hy vọng được tàu bè của các nước tự do cứu vớt. Nhưng chỉ mới ra khơi được gần một ngày thì biển động dữ dội. Tự liệu con thuyền mỏng manh 14 thước của chúng tôi không thể chịu nổi sóng gió to lớn, chúng tôi bắt buộc phải đổi hướng đi xuôi dọc theo bờ biển Việt Nam với chủ đích sẵn sàng chấp nhận số phận trở lại Việt Nam khi nào con thuyền không còn hy vọng đi xa. Quả nhiên, qua sang ngày thứ ba thì thuyền của chúng tôi bị chết máy, bình điện lại hư không thể cho máy nổ được trở lại. Thế là chúng tôi đành bó tay mặc cho sóng gió đưa đi qua mũi Cà Mau và sau đó đẩy chúng tôi ngày càng xa hải phận Việt Nam. Kể từ đó chúng tôi mất định hướng, không chắm nổi toạ độ con thuyền, đành phó mặc cho sóng gió đưa đi. Tám ngày lênh đênh trôi giạt, dù ở trên thuyền đói ăn, thiếu uống trầm trọng (có người phải đi tiểu rồi uống), nhưng chúng tôi vẫn phải duy trì nhiệm vụ chia phiên tát nước bằng lon hộp cầm tay, 24 giờ trên 24 giờ để đối phó với tình trạng nước vào thường xuyên trong các khoang thuyền. Đêm đêm, chúng tôi cũng còn chia phiên gác lửa đốt lên làm hiệu với hy vọng tàu bè lưu thông trên biển nhìn thấy mà cứu vớt. Tiếc thay chúng tôi đã gặp 7, 8 con tàu đi qua trước mắt, nhưng không một tàu nào quan tâm tới dấu hiệu báo nguy khẩn cấp của chúng tôi. Cho tới ngày thứ 10 của cuộc hành trình thì chúng tôi gặp một tàu đánh cá, khi đó chúng tôi mới biết là mình đã trôi giạt vào vịnh Thái Lan. Những ngư phủ trên tàu này đã mở một cuộc lục soát đầu tiên trên con tàu của chúng tôi, tịch thu tất cả đồ nữ trang, đồng hồ và một số quần áo mà họ ưng ý. Sau đó họ sửa chữa máy móc, cho mượn bình điện để nổ máy và chỉ toạ độ cho chúng tôi đi vào đất liền. Nghe tiếng máy nổ ròn rã trở lại trên thuyền, chúng tôi vô cùng phấn khởi và vui mừng. Nhưng niềm vui chẳng kéo dài được bao lâu, ngay 5 giờ chiều của ngày hôm sau chúng tôi lại bị hai tàu đánh cá khác kè sát, những ngư phủ lại nhảy qua lục soát chúng tôi thêm 2 lần nữa, đồ đạc quần áo còn lại đều bị tước đoạt. Tuy mất mát đủ thứ nhưng chúng tôi vẫn khắp khởi mừng thầm bởi vì cho tới khi đó những phụ nữ trên thuyền của chúng tôi chưa có ai bị xâm phạm. Hình như vì không cướp bóc

được vật gì quý giá, những ngư phủ trên một trong hai tàu đã tức giận muốn húc chìm con thuyền của chúng tôi. Toàn bộ phụ nữ và trẻ em trên thuyền phải kéo nhau lên hết trên mũi quỳ lạy họ liên hồi, do đó con thuyền mong manh của chúng tôi chỉ bị húc văng xuống biển nguyên một cái mái che ở trên cùng dùng làm chỗ cho tài công quan sát, đặt hải bàn để lèo lái con thuyền. Cuối cùng một chiếc tàu đánh cá bỏ đi, còn một cái nữa đã dùng giây qua thuyền của chúng tôi để kéo vào hoang đảo Kra (koh KRA) nơi cách địa phận quận Pakphanang thuộc tỉnh Nakornsri Thamaraj chừng 5, 6 giờ tàu chạy. Trời lúc đó đã tối hẳn, chủ tàu cho đốt đèn lên, lùa chúng tôi qua hết bên tàu của họ, rồi sau đó lại tuần tự kêu từng người trong nhóm chúng tôi ra để lục soát tỉ mỉ một lần nữa với mục đích tìm vàng hay dollars cất dấu. Mọi người sau khi bị khám xong được đưa trở lại thuyền cũ, cứ thế cho đến hết. Cuối cùng chúng tôi được họ kéo thuyền cho cập sát vào đảo để đổ bộ lên, còn con thuyền thì họ dùng qua một bãi khác để tháo máy móc mang đi.



Toàn thể chúng tôi ai nấy đều vui mừng khi được đặt chân lên đất liền dù chỉ là một cái đảo hoang. Con sợ hãi vì đấm thuyền giữa biển cả kéo dài từng giờ, từng phút triền miên trong tám ngày đêm liên tiếp bây giờ kể như đã chấm dứt. Chúng tôi nằm lăn trên bãi biển đầy sỏi đá san hô, lòng nhẹ nhàng như vừa cất được một gánh nặng, sau đó ai nấy đều ngủ được một giấc an lành nhất kể từ ngày ra đi.

Hai ngày sau đó chúng tôi tổ chức tạm thời đời sống ở trên đảo với một số thực phẩm mang được từ thuyền xuống. Nhờ một hang đá chật hẹp, chúng tôi đã có thể trú chân che mưa nắng cho phụ nữ và trẻ em. Chúng tôi cũng cho cắm một

lá cờ trắng sơn ba chữ S.O.S lên một mỏm đá cao với hy vọng mong manh rằng các tàu bè hay phi cơ qua lại sẽ nhìn thấy chúng tôi mà cứu vớt. Do thực phẩm ít ỏi, chúng tôi hạn chế mỗi bữa chỉ ăn mỗi người một chén cháo loãng cầm hơi. Nước ngọt có sẵn ở những hõm đá trên núi cao do nước mưa đọng lại. Những toán thanh niên khỏe mạnh hàng ngày thay phiên nhau mang bình nhựa leo lên những sườn núi thật dốc và trơn trượt để lấy nước mang về. Bụng đói chân rũ, nhiều người suýt mất mạng vì trượt té trong những lần đi lấy nước suốt thời kỳ chúng tôi còn sống trên đảo. May mắn thay, không có ai bỏ mạng trừ một trường hợp duy nhất bị té rách một mảng da đầu. Hai ngày đầu tiên trôi qua êm ả, chúng tôi có dịp đi quan sát một vòng quanh đảo. Chúng tôi phát hiện nhiều dấu tích của những toán người tỵ nạn Việt Nam đi trước chúng tôi cũng đã đặt chân trên đảo này. Có chỗ họ đã ghi lại kỷ niệm bằng sơn trắng trong vách đá, có chỗ họ đã dùng than củi ghi chép những kinh nghiệm sống trên đảo lên 4 bức tường vôi của một căn chòi xây bằng gạch, nơi chứa những bình gaz để thắp sáng một ngọn hải đăng duy nhất trên đỉnh núi. Dù thời gian có làm cho dấu than phai nhạt, chúng tôi cũng đã được truyền lại những kinh nghiệm hết sức hải hùng: Nào là đàn bà phụ nữ khi đặt chân lên đảo phải lập tức tìm cách trốn lên núi cao hay rừng sâu để khỏi bị hãm hiếp, nào là những ngư phủ Thái Lan ở quanh vùng đó hầu hết vừa đánh cá, vừa cướp biển. Họ có thể cho gạo, cho cá ban ngày, nhưng ban đêm thì kéo phụ nữ đi hành hạ tập thể. Để minh chứng cho những lời căn dặn này, rải rác ở trên đảo, chúng tôi đã gặp những đám tóc của phụ nữ đã bị cắt rời. Hẳn các phụ nữ trước đây đã phải cắt tóc giả trai để tránh cặp mắt của các ngư phủ Thái Lan. Những sự kiện đó bắt đầu nhen nhúm trong lòng chúng tôi một nỗi kinh hoàng, mỗi lúc một thêm sâu đậm như mây đen dần dần lan tới bầu trời sắp nổi cơn dông bão. Chúng tôi bắt đầu đặt vấn đề để thực hiện theo lời căn dặn của những người đi trước, nhưng nỗi lo xa đó chưa kịp thực hiện thì ngay trong buổi chiều của ngày thứ nhì chúng tôi đặt chân lên đảo, mọi người phát hiện có một tàu hải quân Thái Lan đang rẽ sóng tiến vào đảo. Ôi xiết bao là vui mừng. Chúng tôi tưởng như đã có phép lạ ban xuống cứu giúp chúng tôi ra khỏi cơn hải hùng mà đồng bào đi trước của chúng tôi đã phải chịu đựng. Mọi người trong chúng tôi đều kéo hết lên mỏm núi thì nhau vẫy gọi bằng cờ S.O.S, bằng quần áo, bằng khăn mặt. Cuối cùng, những người mặc sắc phục hải quân Thái Lan cũng neo tàu và đi xuống vào đảo. Họ yêu cầu gặp đại diện của chúng tôi để hỏi han và ghi chép vào biên bản những dữ kiện cần thiết. Họ cũng đi thăm nơi ăn chốn ở của chúng tôi. Sau đó họ rời đảo với một hứa hẹn đầy khích lệ: “Chúng tôi sẽ trở lại gặp các bạn sau.” Đối với chúng tôi, sự hiện diện của họ là một cứu tinh của chúng tôi về cả hai phương diện, một là chắc chắn không bao giờ chúng tôi bị bỏ rơi trên đảo hoang giữa biển cả mênh mông này, hai là kể từ giây phút đó, chúng tôi đã được đặt dưới quyền bảo trợ của chính phủ Thái

Lan, ít ra là cũng về mặt an ninh, không còn lo sợ cướp bóc hay hãm hiếp. Trong số chúng tôi đã có người lạc quan nói: “Bây giờ ai đụng đến chúng mình tức là đụng đến luật pháp của nhà nước Thái. Chẳng ngư phủ nào lại dại dột đi làm chuyện đó.” Trên căn bản lạc quan ấy, chúng tôi lại được sống qua một đêm an lành nữa, mọi người vui vẻ trò chuyện bên đống lửa đốt cao, có thể nói đó là đêm an lành cuối cùng mà chúng tôi được sống trong chuỗi ngày còn lại sau này ở trên đảo. Bởi vì sau đó mòn mỏi từng ngày, từng giờ, chúng tôi đồ mắt trông chờ chiếc tàu Hải quân mang số 15 quay trở lại như đã hứa nhưng họ vẫn biệt tăm.

Cho đến bây giờ chúng tôi cũng không thể hiểu nổi thái độ bỏ rơi một cách phũ phàng đó của họ. Làm sao có thể hiểu nổi khi chúng ta đang sống ở giữa thế kỷ 20 này trong một quốc gia có truyền thống tốt đẹp như quốc gia Thái. Nhưng thực sự là chúng tôi đã bị bỏ rơi. Nếu ngày nay chúng tôi còn sống sót đó là nhờ vị đại diện của cơ quan Cao Ủy Ty Nạn của Liên Hiệp Quốc ở Thái Lan đã tổ chức và sắp xếp đưa chúng tôi vào đất liền. Ngay buổi tối của ngày hôm sau chiếc tàu Hải quân đã bỏ đi, chúng tôi bắt đầu ném mùi của đêm kinh hoàng thứ nhất. Trời vừa chập choạng tối thì một toán ngư phủ Thái Lan vũ trang bằng súng trường, búa và dao găm đã đốt đuốc sáng rực ủa vào chỗ chúng tôi nằm. Họ bới tung khắp mọi chỗ, lục soát kỹ lưỡng từng người một, kiểm chác thêm một số quần áo nữa rồi bỏ đi. Toán này vừa ra, toán khác ủa vào, lại lục lọi, lại bới móc, cứ thế tiếp diễn đến quá nửa khuya, tổng cộng riêng trong tối hôm ấy chúng tôi bị ba toán cướp vào lục soát liên tục. Riêng toán cuối cùng sau khi moi móc đã dồn tất cả đàn ông, thanh niên vào hết trong hang đá rồi canh giữ bằng súng ở bên ngoài. Sau đó bọn chúng lùa đàn bà đi một chỗ xa để hãm hiếp. Trong đêm tối của bầu trời đầy sương đêm và gió lạnh chúng tôi chỉ nghe thấy tiếng của trẻ em la hét khi bị giật ra khỏi vòng tay người mẹ, tiếng kêu khóc van xin thảm thiết của những phụ nữ chân yếu tay mềm. Bọn đàn ông thanh niên chúng tôi chỉ đành cắn răng nghẹn ngào nuốt căm hờn và tủi nhục dưới họng súng để duy trì mạng sống cho tất cả mọi người. Cơn kinh hoàng tột độ đó kéo dài tới gần sáng mới chấm dứt. Những phụ nữ được kéo trở về nằm bết bát trên nền sỏi đá san hô. Nhiều người tím tím khóc. Nhiều người lả đi trong vòng tay nghẹn ngào tủi nhục của thân nhân. Kiểm điểm lại nhân số, chúng tôi phát hiện thiếu mất một người. Thế là chúng tôi phải cùng nhau đốt đuốc đi tìm. Tiếng la, tiếng gọi hú lên trong vách đá át cả tiếng sóng vỗ vào men bờ nghe hãi hùng và thê thảm đến rợn người. Cuối cùng chúng tôi đã tìm được người bị mất tích nằm bất tỉnh trên mỏm đá ngoài bờ biển, thì ra cô này lúc bị bọn cướp lôi đi đã vùng chạy lên bờ đá cao ở ven biển rồi lao mình xuống nước tự tử, rất may sóng xô mạnh đẩy dạt vào bờ, kẹt vào một hốc đá nằm bất tỉnh.

Sau đêm đau thương và kinh hoàng đó, chúng tôi bắt buộc phải tổ chức cho phụ nữ đi trốn theo lời căn dặn của những người Việt Nam tới trước. Có nhóm phụ nữ lên vào rừng sâu nằm yên chịu trận với mưa gió lạnh lẽo suốt ngày đêm giữa những bụi rậm um tùm đầy rần rết và bọ cạp, những con bọ cạp chỉ chích nhẹ một vòi là bắt thịt sưng vù lên và nhức buốt lên tới óc. Cũng có nhóm trèo lên núi cao chênh vênh, vách đá trơn trượt để chui vào những bụi cây um tùm, trong số này đã có những người bị trượt ngã xây xát khắp mình mẩy, nhưng rất may không có ai bị rớt xuống bãi biển qua vách đá dựng đứng ở cả hàng trăm thước bề sâu. Nhiều phụ nữ khác chui nhủi vào những mòm đá ngoài bờ biển ngâm chân suốt ngày đêm trong nước mặn, lúc nào lưng cũng phải khom xuống vì trần đá thấp. Cho đến nay, chúng tôi vẫn không thể hiểu được làm thế nào mà những phụ nữ yếu đuối như thế lại có thể chịu trận trong những điều kiện thảm thương đó trong suốt 18 ngày liền còn lại trên đảo. Chỉ biết tối hôm cuối cùng được cứu ra, hầu hết bị ngất xỉu và phải mất một thời gian khá lâu mới cử động lại được như bình thường. Nếu như thảm kịch đó kéo dài thêm một thời gian ngắn nữa, chắc chắn sẽ có người bại liệt.

Công việc tiếp tế cháo loãng (khẩu phần cho một người mỗi bữa là một chén nhỏ) cho đám phụ nữ đi trốn đều do đàn ông thanh niên phụ trách. Nhưng biện pháp đi trốn như vậy không phải là nơi nào cũng an toàn. Những ngư phủ Thái lan quanh vùng hầu như đều rất thông thạo địa thế ở trên đảo vì thế trong những ngày kế tiếp họ thi nhau đi lùng sục cả ban ngày lẫn ban đêm. Nhiều ổ trốn tránh đã bị phát hiện và những phụ nữ đã bị lôi ra đánh đập và chịu đựng những cuộc hãm hiếp tập thể có khi lên đến cả chục tên cùng một lúc. Nhiều tên có máu bạo dâm đã vừa hành lạc vừa đánh đập phụ nữ đến ngất xỉu, có người bị chúng đấm liên hồi vào bụng đến nỗi bây giờ hầy còn bị chấn thương. Trong tình cảnh hãi hùng đó, chúng tôi phải thay đổi chỗ ẩn núp cho phụ nữ luôn luôn bằng cách đưa họ vào rừng sâu hơn, leo trên núi cao hơn, công việc tiếp tế hàng ngày vì thế mỗi lúc một cam go hơn, có một chỗ xa nhất chúng tôi đã phải vừa đi vừa về mất hết nửa. Nhưng sự vất vả đó không thấm thía gì so với những nỗi gian truân mà các phụ nữ phải chịu đựng khi đi trốn. Đói, lạnh, mưa gió có khi rả rích suốt đêm, quần áo ướt đẫm hàng tuần lễ không một lúc nào khô ráo, đã thế nỗi lo sợ bị cướp phát hiện, nỗi kinh hoàng về đêm nghe tiếng sột soạt trong bụi, có thể rần, rết, cũng có thể là những đám chuột rừng đông nhưng nhúc nhưỡng hay bò ra từng đàn đi lục lọi đồ ăn ở khắp mọi nơi. Kinh khủng nhất là những con rết trên núi cao, con nào con nấy to gần bằng cái đũa cả để ghế cơm hàng ngày. Chỉ cần nghĩ đến thôi cũng đã đủ rợn người, vậy mà những phụ nữ của chúng tôi đã thực sự nằm giữa rừng sâu trong bóng tối âm thầm lạnh lẽo với đủ loại sinh vật kinh tởm bao quanh, sẵn sàng tấn công bất cứ lúc nào. Trong khi số

phận đàn bà phải chịu trăm cay nghìn đắng như thế thì đàn ông, con trai cũng không tránh được những nỗi hiểm nguy. Hàng đêm chúng tôi không bao giờ được ngủ yên một giấc cho tới sáng, có khi là trời thường xuyên đổ mưa 3, 4 trận, phải chạy đi tìm gốc cây ẩn núp (chúng tôi ngủ ngoài trời) nhưng điều đó không đáng kể bằng sự thường xuyên chúng tôi bị những toán cướp soi đèn vào mặt mấy lần mỗi đêm để lùng tìm phụ nữ. Có những người bị chúng lôi ra đánh đập để tra khảo bắt chỉ chỗ trốn của phụ nữ, cũng có người đã bị chúng xiết cổ bằng dây thừng đến rướm máu để bắt cung khai kẻ nào còn cất dấu vàng hay đô la. Thê thảm nhất là một trường hợp vì muốn bảo vệ tiết hạnh cho người thân, có người đã bị chúng dùng búa rìu bổ vào đầu đến bể trán rồi xô xuống vách đá ngoài bờ biển, nhưng rất may không chết. Một ông già mang mấy chiếc răng vàng ở hàm trên đã bị chúng dùng dao nạy ra lấy vàng, đau đớn đến ngất xỉu. Nói chung trong suốt khoảng thời gian còn lại sống trên đảo không một ngày nào chúng tôi không phải trải qua những cơn kinh sợ hãi hùng cả ngày lẫn đêm. Bởi vì tàu đánh cá thì đông, toán này đi toán khác tới, nhất là những hôm biển động họ đậu đen nghệt quanh lối vào bãi biển ở trên đảo. Có những lần chúng tôi đếm được trên dưới 40, 50 chiếc. Tất nhiên không phải là tàu nào cũng đưa ngư phủ vào đất liền quấy nhiễu. Nhưng chỉ cần một vài tàu thôi cũng đủ gieo rắc cho chúng tôi biết bao tủi nhục, kinh hoàng. Trong cơn tuyệt vọng cùng cực đó, chúng tôi chỉ còn biết cầu nguyện và chờ trông con tàu hải quân bữa trước trở lại cứu vớt chúng tôi ra khỏi địa ngục hãi hùng. Nhưng càng trông càng đỏ mắt, trong thâm tâm chúng tôi, nỗi tuyệt vọng bị bỏ rơi trên hoang đảo bắt đầu nhen nhúm và ngày càng trở nên rõ ràng sâu đậm hơn. Chúng tôi bắt đầu cảm thấy thấm thía cái ý nghĩa chua xót và hãi hùng của cuộc sống không có ngày mai với số lương thực ngày càng cạn dần và cơn mỏi mệt, rã rời vì vẫn phải thường trực đối phó với những sự sách nhiễu, lòng sực của các ngư phủ cả ngày lẫn đêm.

Ngày 8-11-79, thêm một tàu tị nạn nữa được ngư phủ Thái lan đưa vào đảo, tổng số 21 người, bị tàu Thái Lan quăng xuống biển chết đuối ngoài khơi một người, nên chỉ còn 20 người. Qua ngày hôm sau, 9-11, lại thêm một tàu 37 người Việt Nam được đưa vào bờ. Rồi tới ngày 15-11, một tàu tị nạn thứ tư tới hoang đảo với tổng số 34 người, vì bị tàu đánh cá xô họ xuống biển cách xa bờ một cây số nên có 16 người bị chết đuối, trong đó có 4 phụ nữ và 3 trẻ em. Số 18 người sống sót bơi được vào bờ chưa kịp nghỉ ngơi, phụ nữ đã bị lôi đi hành hạ ngay, thật dã man và mọi rợ không thể tưởng tượng được. Qua ngày 16 tháng 11 có một xác thanh niên 19 tuổi được sóng đánh xô vào vách đá, mọi người xúm lại vớt lên và làm một đám tang giản dị. Thi hài được bỏ vào một túi nylon duy nhất còn lại trên đảo và đặt trên một tấm ván có 4 người khiêng. Nhiều

người đi sau cầu kinh lâm râm. Một cái hố sẵn có ở gần đó được dùng làm huyết: Sau này, chúng tôi được biết ngay cái hố đó đã chôn 4 xác trẻ em từ những tàu thuyền tới trước. Xác chết được đưa xuống hố và được lấp kín bằng đá sỏi san hô. Đau thương đã cùng cực rồi nên không còn ai bật được ra tiếng khóc, chỉ thấy những giọt lệ nghẹn ngào rưng rưng qua khóe mắt. Vài hôm sau, mùi tử khí bốc lên qua khe đá sỏi đưa lên nồng nặc, khiến cho các phụ nữ trốn ở một bụi rậm gần đó phải đi tìm một địa điểm mới. Tình trạng này nếu kéo dài, bệnh tật chắc chắn sẽ lan tràn nhưng rất may cho đến khi đó, trong tổng số cả 4 tàu bị kéo vào đảo gồm tổng cộng 157 người, chưa có ai đau nặng, trừ một thiếu nữ ẩn núp trong bụi rậm bị ngư phủ tưới dầu đốt rụi nên cháy phồng lưng, một thanh niên leo vách đá bị té rách đầu, và một đàn ông bị ngư phủ Thái Lan chém bẻ trán và xô xuống vách đá xây sát hết mình mảy. Trong hoàn cảnh cực kỳ bi đát đó, chúng tôi không ngưng cầu mong cho số phận của mình không bị thế giới bên ngoài bỏ rơi, mặc dù trong thâm tâm sâu kín của từng người nỗi tuyệt vọng ngày một gia tăng. Điều lo ngại nhất là vấn đề lương thực. Chúng tôi đã bắt đầu ăn tới lá cây rừng phụ thêm vào một chén cháo không đủ no. Một vài người đào được củ nửa phải ngâm nước biển 4, 5 ngày cho ra hết chất nhớt, tuy vậy lúc luộc lên ăn vào, cổ và miệng vẫn ngứa như bị bào. Một vài người lo lắng mất ngủ có thể hái lá vông luộc ăn thay cho thuốc an thần. Có nhóm kiếm được lá bình bát đem luộc ăn thay cho rau cũng rất mát. Về loài vật thì ai may mắn bắt được sẽ có thể ăn đủ thứ. Chuột, dơi (loài dơi mình to như một con mèo nhỏ), hào và rết, những con rết dài trên 30 phân, đem nướng lên và được khen ngon như thịt gà. Có một lần anh em đi tắm biển phát giác được một con vịt (giống như con rùa biển) rất lớn, bèn xúm lại kéo lên bờ làm thịt. Xé ra cũng có trên dưới 100 ký thịt và hàng ngàn trái trứng. Thịt đem kho, trứng đem luộc, đó là lần may mắn duy nhất kiếm được thịt trong những ngày sống trên đảo.

Cũng trong ngày 15-11, chúng tôi phát hiện một trực thăng bay qua đảo. Mọi người xô ra vẫy gọi, nhưng tiếc thay họ đã bay xa. Tình thế tưởng như không còn hy vọng gì thì hai hôm sau họ trở lại, đổ xuống bãi biển cho chúng tôi gạo, cá khô và thuốc men. Chúng tôi mừng rỡ như những người được tái sinh. Thế giới bên ngoài đã biết đến chúng tôi. Chúng tôi đã không bị hoàn toàn bỏ rơi trong những nỗi gian khổ, nhục nhằn, kéo dài từng ngày, từng giờ, nhất là về phía các phụ nữ, chúng tôi thấy rõ họ đã kiệt sức sau bao nhiêu ngày đêm bị hành hạ và trốn chui trốn nhủi trong những điều kiện hết sức hãi hùng và thâm. Việc chúng tôi được tiếp tế, các ngư phủ Thái Lan đều nhìn thấy rõ. Chúng tôi hy vọng rằng họ đã biết chúng tôi được thế giới bên ngoài bảo trợ thì mọi hành động man rợ của họ sẽ chấm dứt. Nhưng đó chỉ là điều chúng tôi suy luận, trong thực tế thì trái lại, có những toán ngư phủ mới đến, lại sùng sục dữ

dần hơn bao giờ hết. Họ lục lọi để kiếm chác thêm ít quần áo đã xơ xác của chúng tôi, lấy đi từng cái áo mưa rách, từng cái áo len của trẻ con, và phụ nữ nào mệt mỏi quá không đủ sức đi trốn nữa phải bò về thì lại bị tiếp tục hăm hiếp. Có người bị cả ngày lẫn đêm. Nhưng địa ngục kinh hoàng đó chỉ kéo dài thêm đúng một ngày nữa là chấm dứt. Buổi chiều ngày 18-11 nhóm người tiếp tế cho chúng tôi bằng trực thăng hôm trước nay trở lại bằng một tàu tuần của Hải quân.

Chúng tôi được biết đó là cơ quan HCR của Liên Hiệp Quốc ở Thái Lan do ông Theodore G. Schweitzer III là đại diện. Ông Schweitzer cặp đảo của chúng tôi cùng với một bác sĩ mang theo dụng cụ y khoa và thuốc men. Trong lúc các người bệnh được đưa lại bằng bó, chích thuốc, thì chúng tôi đưa ông Schweitzer đi thăm một số địa điểm ẩn náu của phụ nữ, có người nghe tin được cứu đã tự động ra về. Có người trốn dưới hang sâu phải chờ chúng tôi tới kéo lên. Chính ông Theodore Schweitzer đã chứng kiến cảnh chúng tôi lôi từng phụ nữ từ khe đá lên mặt đất. Ai nấy nhìn thấy ánh sáng mặt trời đều ngất xỉu đến nỗi chính ông Theodore Schweitzer cũng phải xúc động quay đi không dám nhìn.



Ông kính máy ảnh của ông đã thu được nhiều tài liệu quý giá: Cảnh kéo phụ nữ từ dưới khe đá sâu, cảnh một nơi ẩn náu của phụ nữ giữa một bụi cây rậm rạp, giữa rừng sâu, cảnh một bụi cây bị ngư phủ Thái tưới dầu đốt cháy xém mà lần đó đã làm phỏng nửa mảng lưng của một thiếu nữ trong nhóm chúng tôi, cảnh

nắm mồ thô sơ phủ bằng đá san hô không có được một tấm mộ bia, và biết bao nhiêu khuôn mặt hốc hác, sợ hãi kinh hoàng khác đã được thu vào ống kính. Trước tình cảnh cùng cực của chúng tôi, ông Schweitzer đã an ủi, khích lệ chúng tôi rất nhiều, ông tuyên bố mọi sự hãi hùng từ nay sẽ chấm dứt.

Chúng tôi vô cùng xúc động và nhân đây, nhân danh nhóm tổng số 157 người của 4 tàu tỵ nạn được cứu khỏi đảo Kra ngày 18-11-1979 chúng tôi xin ngỏ lời tri ân ông Theodore Schweitzer và toàn thể nhân viên trong phái đoàn LHQ đã theo ông tới đảo. Sự tận tâm và sốt sắng của quý vị đã thể hiện một cách cao quý tinh thần của bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền của Liên Hiệp Quốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của quý vị, những việc mà quý vị đã làm được cho chúng tôi kể từ ngày mà chúng tôi được phát hiện, đã là những việc hữu hiệu, nhanh chóng và cần thiết nhất, chúng tôi nghĩ rằng dù có ai sốt sắng và tận tụy cách mấy cũng khó có thể hành động được hữu hiệu hơn như thế.

Hiện nay chúng tôi đang ở tại quận Pakpanang, chờ làm thủ tục trước khi được đưa về trại tỵ nạn Việt nam ở Songkhla. Trong thời gian chờ đợi này, chúng tôi không quản ngại bất cứ vì lý do gì, đã mạnh dạn lên tiếng tố cáo trước pháp luật của nhà nước Thái Lan, trước cơ quan HCR của Liên Hiệp Quốc về những sự chà đạp man rợ của một số ngư phủ Thái Lan đã dành cho chúng tôi, nhất là đối với các phụ nữ trong suốt 21 ngày chúng tôi sống trên đảo Kra. Đau thương nào rồi cũng trôi qua, thời gian sẽ là liều thuốc xoa dịu mọi nỗi tủ nhục và đau buồn.

Chúng tôi rất muốn áp dụng lời dạy của Phật Thích Ca là oán chỉ nên cời chứ không nên thắt. Nhưng ở đây vấn đề không phải thuộc khía cạnh của triết lý về đời sống mà là vấn đề an toàn của những người tỵ nạn Việt nam đi sau chúng tôi sẽ còn dịp trôi dạt theo lộ trình mà chúng tôi đã đi qua. Chúng tôi hy vọng rằng sự tố cáo của chúng tôi trước lương tâm và dư luận thế giới về chuyện đi hải hùng này sẽ làm cho chính phủ Thái Lan lưu tâm hơn nữa về tình trạng hăm hiếp và cướp bóc mà theo đồn đãi thì nhiều ngày nay đã xảy ra, nhưng bây giờ mới có nhân chứng cụ thể. Chúng tôi hy vọng rằng sự tố cáo của chúng tôi sẽ tạo cơ hội cho các cơ quan có thẩm quyền quốc tế như HCR của Liên Hiệp Quốc, Hội Hồng Thập Tự quốc tế, Hội Bảo Vệ Nhân Quyền quốc tế tìm được những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ nhân phẩm và tính mạng của những người tỵ nạn đi sau không còn bị rơi vào hoàn cảnh cực kỳ bi đát như chúng tôi nữa.

Và sau cùng, chúng tôi cũng hy vọng rằng sự tố cáo của chúng tôi sẽ tạo được dư luận ảnh hưởng đến bạn bè thân nhân còn ở Việt Nam hay đã ra ngoại quốc, để mọi người cùng bảo nhau thận trọng hơn nữa trong lộ trình đi tìm tự do qua

ngã Thái Lan, tốt hơn hết là nên tìm con đường khác và trong trường hợp không thể dừng thì không bao giờ nên mang theo phụ nữ.

Tự do là điều vô cùng cao quý. Cuộc hành trình tìm về tự do nào cũng phải trả giá. Chúng tôi mong mỏi với những kinh nghiệm bằng máu và nước mắt của chúng tôi khi được phổ biến tới những người đi sau thì cái giá nếu họ có phải trả cũng sẽ không phải là cái giá quá đắt.

Pakphanang ngày 24 tháng 11 năm 1979

NHẬT TIẾN

(trích trong cuốn Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan,
Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển, San Diego, 1981)

Để tưởng niệm Nhà Văn Nhật Tiến, một cây đại thụ trong làng văn học Việt Nam vừa từ trần. Xin mời quý vị theo dõi đoạn video clip trong chương trình Paris By Night 114 | 1975-2015 “Tôi Là Người Việt Nam”.

Nhà văn Nhật Tiến đã thay mặt **Trung Tâm Thúy Nga** và tất cả những thuyền nhân trên đảo Kra ngỏ lời tri ân đến ông Ted Schweitzer, người đã bất chấp những hiểm nguy để cứu vớt sinh mạng hàng ngàn thuyền nhân Việt Nam. (Nhà Văn Nhật Tiến xuất hiện ở phút [6:40](#))



VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC!

- Một nhà văn lớn
- Một nhà giáo dục gương mẫu
- Nhưng trên hết, một nhà xã hội đầy lòng nhân ái:

NHẬT TIẾN

Đã từ giã cõi trần ngày 14 tháng 9, 2020
(tức 27 tháng 7 năm Canh Tý),
tại thành phố Irvine, Nam California,
hương thọ 84 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia sẻ nỗi mất mát lớn lao này
với gia đình nhà văn Nhật Tiến.

Nguyện cầu xin Đức Phật A Di Đà
tiếp dẫn hương linh Anh sớm vãng sinh Cực Lạc Quốc

ỦY BAN BÁO NGUY GIÚP NGƯỜI VƯỢT BIỂN
(BOAT PEOPLE S.O.S. COMMITTEE)

GS. Nguyễn Hữu Xương NV. Phan Lạc Tiếp

BS. Đinh Xuân Anh Tuấn NV. Trương Anh Thụy

(Chi nhánh Hoa Thịnh Đốn)



ĐIỀU VĂN CỦA ỦY BAN BÁO NGUY GIÚP NGƯỜI VƯỢT BIỂN
(Boat People S.O.S. Committee)

Kính thưa anh Nhật Tiến,

Do một cơ duyên tiền định mà đã có một giai đoạn chúng ta được làm việc chung với nhau trong một tai họa nghiệt ngã đổ ập lên Quê Hương, Đất Nước chúng ta. Chính Anh là người đã gióng lên tiếng kêu cứu xé ruột từ đảo Kra, khi Anh ở đó hàng ngày chứng kiến những cảnh địa ngục trần gian xảy ra cho đồng bào mình do bọn hải tặc Thái Lan, mặt người dạ thú. Chúng tôi đã không thể ngồi yên làm ngơ trước nỗi khổ đau của đồng bào cũng như tấm lòng trắc ẩn của Anh, vì thế ngay lập tức chúng tôi đã thành lập được một Ủy Ban, lấy tên là “Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển” (Boat People S.O.S. Committee), trụ sở đặt tại San Diego, California. Nhờ vào những đồng tiền ơn nghĩa của đồng bào hải ngoại, tin tưởng ở việc làm đứng đắn của Ủy Ban mà nhiệt tình hỗ trợ, chúng ta đã làm được một số công việc cứu giúp đồng bào trên biển, trong trại tỵ nạn và cả đường bộ khá hữu hiệu.

Anh Nhật Tiến ơi!

Nay Anh đã ra đi, rũ sạch nợ trần, hãy nhìn lại đoạn đường dài Anh đã đi qua sẽ thấy Anh đã sống trọn vẹn với sự thẳng thắn, nổi trôi của đất nước... Anh đã sống trọn vẹn với gia đình và bè bạn. Về văn học, Anh đã để lại một gia tài đồ sộ với 100 tác phẩm rất giá trị cho hậu thế. Với xã hội, Anh có quyền tự hào là Anh đã không sống mảy may ích kỷ và là nhân tố tạo nên Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển. Cuối cùng, Anh đã để lại sự tiếc thương ngậm ngùi trong chúng tôi cho đến khi chúng ta cùng gặp nhau ở bên kia thế giới!

Xin vĩnh biệt Anh!

GS. Nguyễn Hữu Xương

NV. Phan Lạc Tiếp

Thay mặt ỦY BAN BÁO NGUY GIÚP NGƯỜI VƯỢT BIỂN

UNHCR



Thái Kỳ đến SỞ QUẢN LÝ, THÁI LAN - 1980



Nhật Tiến Nhà Văn, Nhà Giáo Và Một Sĩ Phu Yêu Nước Không Còn Nữa!

**** Triều Giang ****



Nhà văn Nhật Tiến tên thật là Bùi Nhật Tiến, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1936 tại Hà Nội, mất ngày 14 tháng 9, 2020 tại Santa Ana, California Hoa Kỳ. Hưởng thọ 84 tuổi. Với gần 70 năm cầm bút, 15 tuổi có bài đăng báo, 23 tuổi có sách xuất bản, 24 tuổi lãnh giải văn chương toàn quốc năm 1960-1961, ông để lại một gia tài văn chương đồ sộ với gần 100 tác phẩm đủ loại truyện dài, truyện ngắn, kịch bản, biên khảo, bút ký. Sách của ông đã được dịch ra trên 10 thứ tiếng và phát hành tại nhiều quốc gia. Thường thì một người giỏi về văn chương thì không giỏi về khoa học nhưng điều hiếm có ở nhà văn Nhật Tiến là, ông không chỉ sáng tác văn chương mà còn sống bằng nghề dạy môn khoa học Lý Hóa rất thành công. Là nhà văn, ông được độc giả yêu thương, mến mộ. Là nhà giáo, ông được học trò và đồng nghiệp nể nang, kính trọng.

Nhà văn thần tượng của tuổi thanh thiếu niên

Lứa tuổi 60, 70 hiện nay của người Nam Việt Nam, trong đó có tôi hầu hết đã lớn lên và hình thành nhân cách của mình cùng với những tác phẩm: Người Áo Trắng (1959), Những Vì Sao Lạc (1960), Chuyện Bé Phượng (1964), Chim Hót Trong Lồng (1966)... của nhà văn trẻ tuổi nhất nhưng tuổi nghề có lẽ dài nhất

trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn, nhà văn Nhật Tiến. Ông được xem là nhà văn kế tục sự nghiệp của Tự Lực Văn Đoàn. Ông được nhà văn Nhất Linh thu nhận từ năm 1958 và làm Phó chủ tịch văn đoàn này cho tới năm 1975. Những ngày ấy, ông như một thần tượng của tuổi đang lớn của chúng tôi.

Văn của ông bình dị, gãy gọn, súc tích, và linh động. Lời văn không chải chuốt văn hoa, nhưng nhẹ nhàng, có sức lôi cuốn và chuyển tải tài tình cảm xúc từ những nhân vật đến người đọc một cách tự nhiên, rất thật, rất gần gũi như hơi thở, như sự sống. Với khuynh hướng xã hội, nhân vật của nhà văn Nhật Tiến hầu hết là những nhân vật nghèo khó, hoặc trong những hoàn cảnh éo le, khó khăn, đáng thương, ông đã đứng vào hoàn cảnh của họ để cảm thông và bênh vực họ.

Chúng tôi đã từng thỏ thẻ đọc đi, đọc lại những giọng nhật ký của cô bé sống trong trại mồ côi mong mẹ đến thăm vào cuối tuần nhưng mẹ đã không đến của tác phẩm Chim Hót Trong Lòng:

“Chủ Nhật Ngày 16 tháng 11...

Má ơi,

Thế là hôm nay má không đến con rồi. Con bắt đèn má đấy. Cả buổi tối hôm qua con gập áo ở đầu giường, con đi ngủ rồi mà còn nghĩ đến má. Con cũng nằm mơ thấy má dẫn con đi nhặt lá đũa ở trên hồ, nhưng không phải là hồ Gươm đâu má ạ. Cái hồ này có khói mờ mờ trên mặt nước. Con thì mặc áo đầm xanh mà má mới mua cho con. Còn má thì mặc quần đen, áo đen. Má đánh môi son làm ai cũng nhìn. Con đang mơ thì Ma soeur Félicité đến đánh thức con dậy...”

Nguồn: <https://nhavannhattien.wordpress.com/truyen-dai-chim-hot-trong-long/>

Hay khổ đau ray rứt với tâm trạng hồi lỗi vì hành động nông nổi với Sơ bè trên đã đem lại cái chết đau thương của bà trong Chuyện Bé Phượng:

“ Sáng hôm qua hồi 9 giờ 15 phút, Mẹ giám đốc bé trên đã từ trần tại phòng thuốc Cô Nhi Viện. Bác sĩ nói rằng Mẹ đã chết vì bệnh đau tim. Nhưng chúng con thì quả quyết rằng Mẹ đã chết do bàn tay của chúng con nhúng vào. Ôi những bàn tay như nhuộm, những bàn tay ô uế và tội lỗi. Thật là kinh khủng và hãi hùng. Nếu chúng con biết rằng hậu quả có thể xảy đến tai hại như thế thì không bao giờ chúng con giám hành động một điều gì cả cho dù chúng con có phải tủi nhục và khốn khổ đến đâu. Đêm ngày chúng con vẫn thường cầu nguyện cùng Chúa và tự hỏi chúng con sẽ làm gì cho đúng ý Chúa. Những lời cầu xin của những kẻ tội lỗi không bao giờ thấu tới Đức tối cao. Chúng con sẽ bị hôn mê và hành động theo lời quỷ dữ. Chúng con đã đứt đứt sợi dây liên lạc giữa

chúng con và Mẹ bề hăng kính, hăng trọng. Công ơn của Mẹ bề trên đối với chúng con đầy như trời biển...”

Nguồn: <https://nhavannhattien.wordpress.com/truyen-dai-chuyen-be-phuong/>

Hoặc xót xa cho những xóm nghèo trong Thềm Hoang (1961) tác phẩm được giải văn chương toàn quốc năm 1960-1961:

“Trời đổ mưa dữ dội. Những giọt mưa đầu mùa sầm sập rơi như thác chảy. Xóm Cỏ chìm trong làn nước trắng xóa mù mịt. Nước xoáy miết vào những đồng tàn than và gạch vữa, bào lên từng mảng đất bờ, rồi cuốn trôi bằng bằng theo cùng rác rưởi. Dòng nước đen ngầu sùi bọt, ứ lên từ những chỗ trũng, trào lên lỏi qua những chiếc rui cột chống trơ rồi đổ ra đường cái. Gió thổi phàn phật vào những mái lều dựng tạm thời trên một khoảng đất mới dọn. Những cái cột mỏng manh nghiêng đi, vít từng sợi dây thừng căng ra nghiêng ken kết vào thớ gỗ. Nước quạt ào ào trên nóc lều, thổi tung từng cánh bạt, hất xiên vào quá nửa mé bên trong”

Nguồn: <https://nhavannhattien.wordpress.com/truyen-dai-them-hoang/them-hoang-chuong-cuoi/>

Rồi theo dõi những tác phẩm khác của ông lần lượt ra đời trước 1975: Những Người Áo Trắng (truyện dài 1959), Những Vì Sao Lạc (truyện dài 1960), Thềm Hoang (truyện dài 1961), Người Kéo Màn (tiểu thuyết kịch 1962), Mây Hoàng Hôn (truyện dài 1962), Ánh Sáng Công Viên (tập truyện 1963), Chuyện Bé Phương (truyện dài 1964), Vách Đá Cheo Leo (truyện dài 1965), Chim Hót Trong Lồng (bút ký 1966), Giọt Lệ Đen (tập truyện 1968), Tay Ngọc (bút ký 1968), Giấc Ngủ Chập Chờn (truyện dài 1969) Quê Nhà Yêu Dấu (1970), Theo Gió Ngàn Bay (Huyền Trân 1970), Tặng phẩm của dòng sông (tập truyện 1972), Thuở mơ làm văn sĩ (1974)... và một số truyện viết cho tuổi thiếu nhi như: Lá Chúc Thư, Đường lên Núi Thiên Mã...



Một nhà giáo đức độ và yêu nghề

Thật may mắn cho tôi, một độc giả trung thành của nhà văn Nhật Tiến, đã được quen biết và đồng hành với ông trong nhiều sinh hoạt. Năm 1971, khi tôi vào làm cho báo Sóng Thần, ngoài việc đi săn tin của một phóng viên, tôi còn được Tổng Thư Ký Uyên Thao và Chủ Nhiệm Trùng Dương giao cho việc phụ trách trang thiếu nhi có tên Khu Vườn Cửa Em và viết dưới bút hiệu Trâm Khanh, tôi được giới thiệu với hai nhà văn Nhật Tiến và Đỗ Phương Khanh lúc đó họ đang làm chủ bút cho tờ Thiếu Nhi do ông giám đốc nhà sách Khai Trí xuất bản.

Trang Khu Vườn Cửa Em rất đông độc giả, mỗi ngày Trâm Khanh nhận nhiều thư từ có khi phải đựng bằng bao lớn đưa lên bàn viết của tôi trên cái gác lửng của tòa soạn Sóng Thần tại số 33 đường Võ Tánh nay có tên là đường Nguyễn Trãi, gần nhà thờ Huyện Sĩ. Các em gửi thư hỏi thăm, gửi bài viết hoặc xin vấn đề về những khúc mắc của đời sống. Để gần gũi, gần bó và để giúp các em có những trải nghiệm thực tế, tôi xin phép anh Tổng Thư ký lâu lâu cho tôi tổ chức những buổi sinh hoạt gặp gỡ các em và đưa các em đi thăm nhiều cơ sở trong thành phố và vùng phụ cận như thăm phòng quay phim của đài Truyền hình quốc gia, Thư viện Đắc Lộ, cơ sở sản xuất thuốc lá Phillips, cô nhi viện... và nhiều lần chúng tôi cùng tổ chức với ông bà Nhật Tiến và Đỗ Phương Khanh cùng các em độc giả của tờ Thiếu Nhi. Chúng tôi thân nhau từ đó. Anh chị luôn coi tôi như là cô em nhỏ. Nhiều lần họ mời tôi đến căn nhà gần cổng xe lửa số 6 chất đầy sách vở và những đứa con xinh xắn, dễ thương luôn chạy tung tăng.

Gần gũi ông bà, tôi cảm phục sức làm việc không biết mệt và nghiêm túc của họ. Việc gì họ làm cũng được họ chăm chút từ li, từng tí mặc dù những năm tháng đó nhà văn Nhật Tiến vừa đi dạy học tại các trường Trung học, giảng viên tại Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị của Việt Nam Cộng Hòa, chủ nhiệm tuần báo Thiếu Nhi với sự tiếp tay của bà Đỗ Phương Khanh, điều hành nhà xuất bản Huyền Trân (từ năm 1959), sinh hoạt thường xuyên với phong trào Hướng Đạo. Điều đáng nể là tất cả những công việc của ông bà đều rất thành công.

Tiếp thay, sau 30 tháng 4, 1975, báo Sóng Thần cùng toàn thể báo chí, truyền thanh, truyền hình, cơ sở xuất bản đều bị đóng cửa, Khu Vườn Cửa Em và Tuần Báo Thiếu Nhi cùng chung một số phận. Bạn bè báo chí kẻ ở, người đi, gia đình, bạn bè ly tán. Mất việc làm báo, tôi trở lại trường Trung học Đức Minh Thủ Đức, ngôi trường tôi dạy học trước đây để xin dạy trở lại. May mắn là tên tôi vẫn nằm trong danh sách giáo sư (sau này nhà trường XHCN gọi là giáo viên), Linh Mục Hiệu trưởng Nguyễn Đức Chấn nhận tôi vào dạy trở lại. Cũng nhờ vậy mà mùa

hè 1976 trong khóa học được gọi là bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ tại trường Trung học Trưng Vương, ngôi trường tôi đã “mài đũa quần” trong những năm Trung học, tôi vô tình gặp lại nhà văn Nhật Tiến. Hai anh em tay bắt mặt mừng. bù gối kể cho nhau nghe về những bạn bè, người thân; kẻ ở, người đi, những người đang nằm trong tù và cả những người chết vào giờ thứ 25 của ngày 30 tháng 4, 1975, ngày đất nước hoàn toàn rơi vào tay cộng sản, như nhà văn Chu Tử, vị thầy dẫn dắt tôi vào nghề báo đã trúng đạn cộng sản trên chuyến tàu Việt Nam Thương Tín.

Chúng tôi cũng đã chia sẻ với nhau những nỗi nhức nhối, đau khổ đến ám ảnh của những cảnh oái oăm dở khóc, dở cười của nhà giáo trong nhà trường XHCN mà nhà văn Nhật Tiến sau này đã viết lại trong cuốn hồi ký của một nhà giáo, tác phẩm Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác (2012). Cuốn sách dày 285 trang đã lột tả đầy đủ đến từng chi tiết về chánh sách giáo dục vô nhân, dùng thầy cô giáo như dụng cụ tuyên truyền, đầu độc giới trẻ để các em trở thành những nô bộc mù quáng cho tham vọng chính trị của họ. Điều này đảng và nhà nước không cần giấu diếm, họ đã nói thẳng, nói huých toẹt vào mặt các nhà giáo rằng: “Nhà giáo là công cụ của đảng và nhà nước”. Ông viết:

“Nói tóm lại, cái thành quả giáo dục trong hơn nửa thế kỷ qua dưới mái nhà trường XHCN cộng với sự tiếp tay của rất nhiều thế hệ những ngòi bút vô lương tâm, chỉ biết tô son điểm phấn cho những sai lầm to tát của chế độ nên đã đem lại cho đất nước triền miên những mùa hoa trái ung thối, nhiễm độc, kể từ khi có những vụ Cải Cách Ruộng Đất, Nhân Văn Giai Phẩm... và cho đến tận ngày nay vẫn còn xảy ra những chuyện lạ lùng như bầy tỏ lòng yêu nước thì bị cấm đoán, triệt hạ, những người yêu nước thì lại bị bắt giữ, cầm tù”.

Và ông quyết tâm:

“Thành quả giáo dục đen tối như thế, chất chứa những nguyên nhân còn gây tác họa lâu dài như thế, vậy tại sao không ghi gọt lại để các thế hệ sau tìm đến như tìm những vết xe đổ cần tránh xa, để không lặp lại?”

(Trích “Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác”, trang 13)

Nguồn: <https://vietmessenger.com/books/?title=nha%20giao%20mot%20thoi%20nhech%20nhac>

Cám ơn nhà văn Nhật Tiến đã dùng ngòi bút sắc bén của mình để ghi lại tội ác của cộng sản trong ngành giáo dục Việt Nam.

Hơn một phần tư thế kỷ làm thầy giáo, dù trong tình huống nào, Thầy Nhật Tiến có hàng ngàn học sinh và hàng trăm đồng nghiệp, mọi người đều kính nể kiến

thức chuyên môn dày dặn của Thầy, và yêu quý sự tận tụy, nhân cách cao quý, và tinh thần yêu nghề, gần gũi với học sinh của Thầy.

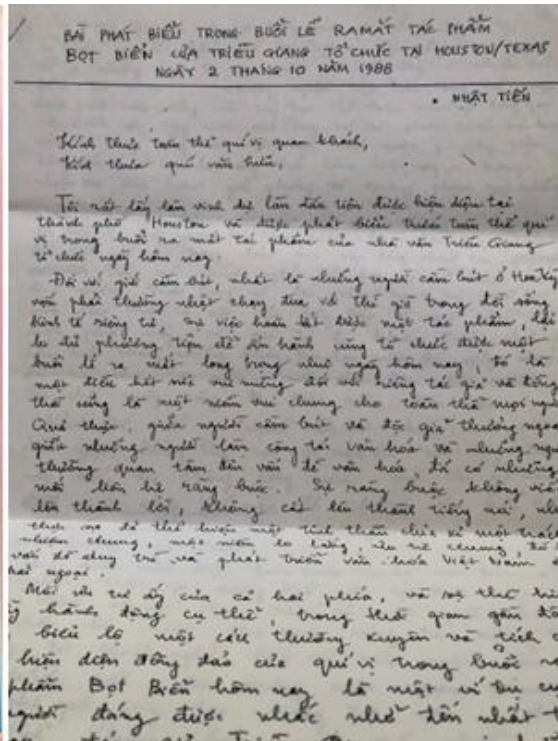
Nhà văn của Thuyền Nhân

Sau đó, anh em chúng tôi không có dịp gặp nhau nữa. Đầu năm 1979, khi đang dạy môn văn lớp 9 và lớp 10 tại Trung học Giồng Ông Tố, Thủ Đức, bây giờ là Quận 2, nhân dịp nghỉ Tết, tôi và một nhóm 22 người vượt biên. Chuyến đi dài 22 ngày đói khổ vì hết lương thực và những trận bão liên tiếp, bị hải tặc cướp nhiều lần nhưng may mắn chúng tôi không bị đánh đập nặng nề hay xâm phạm thân thể cho đến khi được một tàu cá vớt, chúng tôi được đưa vào trại tị nạn Songkhla, Thái Lan và ở đây cho tới tháng 8, 1979 thì được định cư tại Hoa Kỳ với sự bảo trợ của gia đình người chị ruột tại New Jersey. Mấy tháng sau, tôi được nghe tin nhà văn Nhật Tiến cùng gia đình vượt biên đến Songkhla.

Chuyến đi của gia đình ông thật truân chuyên vì nạn hải tặc ngày càng hoành hành hung ác. Nhà văn Nhật Tiến cùng với hai phóng viên Dương Phục và Thanh Thủy đi cùng chuyến tàu đã viết “Cáo Trạng Hải Tặc Thái Lan” tố cáo sự độc ác của bọn hải tặc cướp của, hiếp phụ nữ, giết người kể cả những em bé vô tội bị quăng xuống biển tạo thành một thảm trạng kinh hoàng của thuyền nhân trên biển Đông. Cáo trạng với hàng trăm nhân chứng sống đã được gửi lên Cao Ủy Liên Hiệp Quốc và báo chí khắp thế giới gây áp lực nặng nề cho chính quyền Thái Lan và đánh thức lương tâm toàn thế giới về thuyền nhân Việt Nam. Liên Hiệp Quốc được sự tài trợ của nhiều quốc gia đã đẩy mạnh chương trình chống hải tặc. Nhiều hải tặc bị bắt và bị án tù nên nạn hải tặc đã được cải tiến rất nhiều sau đó. Một lần nữa, nhà văn Nhật Tiến đã dùng ngòi bút của mình để đấu tranh cho những người thấp cổ, bé miệng trong cơn hoạn nạn khốn cùng.

Sau khi đến Hoa Kỳ và hoàn tất việc học tại New Jersey, gia đình chúng tôi dời về Houston vì không chịu nổi cái lạnh buốt xương của vùng đông bắc, tôi nhận làm Tổng Thư Ký, lo bài vở cho tờ báo Ngày Nay. Với công việc này, anh em chúng tôi lại có dịp liên lạc và làm việc với nhau thường xuyên. Ông gửi bài đều đặn cho tờ báo và chúng tôi thường gọi điện thoại cho nhau để bàn bạc mỗi khi có những vấn đề cần thiết, nhưng chúng tôi vẫn chưa có cơ hội gặp lại nhau. Mãi cho đến khi tôi cho in và phát hành truyện dài Bọt Biển (1988), tiểu thuyết lấy trại tị nạn Songkhla làm bối cảnh, nhân vật là hư cấu nhưng thân phận bọt bèo của họ được dựa trên những sự thật mà thuyền nhân Việt Nam phải trải qua, những cảnh chết chóc, nguy hiểm của họ khi bắt đầu bước chân lên thuyền, liều chết, bỏ gia đình, người thân, nhà cửa, tài sản để đi tìm tự do tại một

nơi gần như vô định. Rồi cảnh cực khổ, vất vả nhiều ngày tháng, có người nhiều năm tại trại tị nạn, và nhiều người không bao giờ tìm được tự do trước khi trút hơi thở cuối cùng. Nhà văn Nhật Tiến đã viết tựa cho tiểu thuyết Bọt Biển và khi cuốn sách được ra mắt tại Houston ngày 2 tháng 10 năm 1988, ông đã từ California sang để làm diễn giả giới thiệu Bọt Biển tới khán giả.



Bọt Biển, truyện dài của Triều Giang (1988) do Nhật Tiến viết Tựa và bên phải là di bút của nhà văn Nhật Tiến.

Vận hội không thành và nỗi buồn của một sĩ phu yêu nước

Mười hai năm gặp lại, nhà văn Nhật Tiến vẫn thế; miệng luôn nở nụ cười thân thiện, nhiệt thành, cười hết ga như không còn gì để giữ lại cho mình, và vẫn với tư thái của người hết lòng với bạn bè, người chung quanh. Ông luôn nhìn người khác ở cái mặt tốt của họ. Ông còn luôn bảo bọc, nâng đỡ những người gặp cảnh khó khăn theo tinh thần của một Hướng Đạo sinh mà ông đã nhiều năm sinh hoạt với cái tên là Én Nhanh Nhẹn. Người đời thường nói: “văn là người”, trường hợp của nhà văn Nhật Tiến có thể nói là đúng hoàn toàn, nên ông luôn

được mọi người quý mến. Phải nói rất khó để ghét nhà văn Nhật Tiến.

Trong câu chuyện hàn huyên, ông nói với tôi rất say sưa về những tác phẩm ông đang viết và những tác phẩm ông chuẩn bị viết. Đến Hoa Kỳ vào năm 1981 vừa phải đi học để trở thành chuyên viên ngành điện toán cùng với bà Đỗ Phương Khanh, để lo cuộc sống cho một gia đình với hai vợ chồng và 7 người con, nhà văn Nhật Tiến vẫn dành thì giờ để viết. Ngoài việc viết báo cho nhiều tờ báo tại hải ngoại, ông cũng lần lượt cho ra đời các tác phẩm: Tiếng kèn (1981), Hải tặc trong vịnh Thái Lan (viết chung với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy, (1981), Một thời đang qua (1985), Mồ hôi của đá (1988), Cánh cửa (1990), Quê nhà Quê người (viết chung với bào đệ, nhà văn Nhật Tuấn, ấn hành ở trong nước, 1994), Thân Phận Dư Thừa (2002), bản dịch cuốn The Unwanted của Kiên Nguyễn, Hành Trình Chữ Nghĩa (2012) – Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác (2012) – Sự Thật Không Thể Bị Chôn Vùi (2012) – Một Thời... Như Thế (2012)

Và lúc gặp tôi, nhà văn Nhật Tiến đang viết cuốn Cánh Cửa (1990). Tình hình thế giới lúc đó đã hoàn toàn đổi khác. Sự sụp đổ dây chuyền từ các nước cộng sản bắt đầu với phong trào Đoàn kết của Walesa tại Ba Lan rồi lan sang các nước Hungary, Đông Đức, Tiệp khắc, Bulgaria, Romania, Albania, Nam Tư...

Tại Liên Xô, cái đầu tàu của chủ nghĩa cộng sản bắt đầu lung lay cùng với những bước chân xiêu vẹo vì đói và quần áo rách tả tơi của đoàn quân xâm lăng tiến vào Afghanistan năm 1979. Trong nước, dân chúng Nga bất mãn vì đói khổ bắt đầu vùng lên khắp nơi nên chính quyền Liên Xô đã phải tự cứu bằng cách nói lỏng kinh tế và chính trị qua hai chương trình đổi mới perestroika và glasnost. Từ đó, nhiều cuộc cải cách liên tiếp để đưa Liên Xô ra khỏi quỹ đạo của chế độ cộng sản tàn bạo, đẩy một nước Nga từng là cường quốc đến bờ vực thẳm của nghèo đói và tha hóa. Ngày 25 tháng 12 năm 1991, Tổng thống Liên Xô Mikhail Gorbachev chính thức tuyên bố giải thể Liên bang Xô viết, 15 nước cộng hòa đã bị đảng Cộng sản Liên Xô thu tóm cho “giấc mơ thế giới đại đồng” giành được độc lập, và cuộc Chiến tranh Lạnh với Hoa Kỳ, chính thức chấm dứt. Các nước cộng sản khác trên thế giới trước đây vẫn nhận sự tài trợ của Liên Xô nay nguồn tài chánh này không còn nữa thêm vào những thất bại thảm hại của nền kinh tế cộng sản đưa họ đến đường cùng, trong đó có Việt Nam. Việt Nam còn bị nặng nề hơn vì đang gánh chịu hai cuộc chiến tranh; một tại biên giới Trung Việt với Trung Cộng, và thứ hai là cuộc xâm lăng Campuchia.

Trong nước, hai cuộc cải cách kinh tế 5 năm (1976-1980) và (1980-1985) thất bại ê chề. Việt Nam trong những năm 1983-1985 đã có nạn đói không được

công bố. Hàng vạn người chết vì thiếu ăn, khiến hai lực lượng có vũ trang là công an và quân đội đã chia mũi súng vào nhau quyết ăn thua đủ để dành quyền lợi. Tổng thư ký đảng cộng sản Nguyễn Văn Linh (1969-1991) đã phải tuyên bố “thay đổi hay là chết” và phong trào đổi mới Glasnot và Pedestroika bắt chước theo Liên xô được đưa vào Việt Nam qua việc công nhận một số quyền tự hữu và bỏ dần kinh tế hợp tác xã. Để xả bớt những uất ức các nhà văn, nhà báo cũng được sáng tác rộng rãi hơn; những tác phẩm nói lên đời sống cơ cực và tinh thần bị o ép của người dân dưới bàn tay sắt của cộng sản, những ác ôn của tầng lớp cai trị đã đẩy đất nước và người dân đến thống khổ tột cùng được đề cập tới; với sự tham gia nhiệt tình của các nhà văn Dương Thu Hương, Trần Dần, Nguyễn Huy Thiệp, Ma Văn Kháng, Trần Thị Hoài, Trần Mạnh Hào, Lưu Quang Vũ...



Cả thế giới rung chuyển khi bức tường ngăn cách Đông và Tây Đức kéo theo sự sụp đổ gây chuyển của chủ nghĩa cộng sản. Hình bởi Lear 21 tại Wikipedia Tiếng Anh, CC BY-SA 3.0

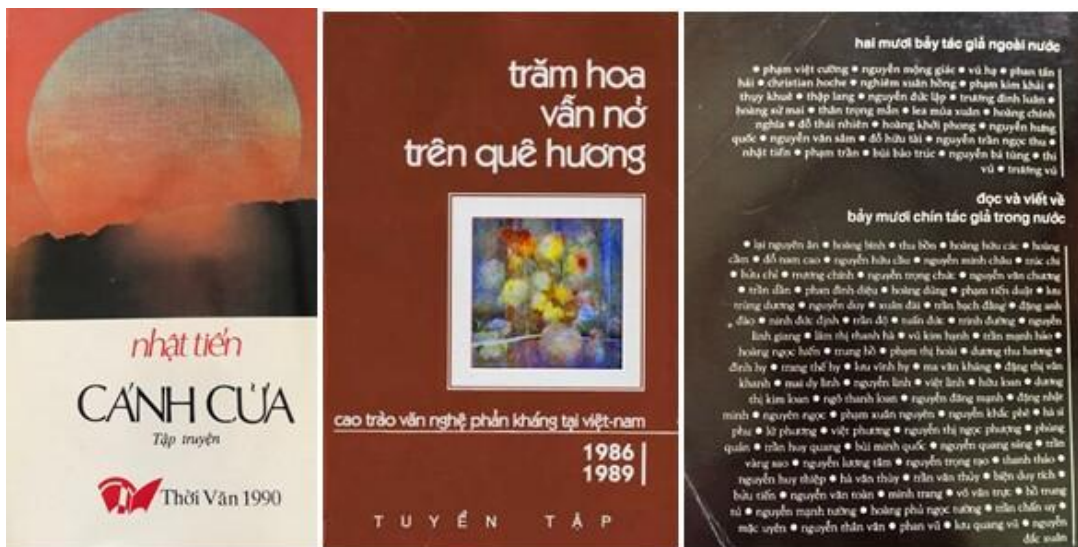
Nhà văn Nhật Tiến thật hứng khởi chia sẻ với tôi về điều mà ông gọi: đây là một vận hội của dân tộc và ông mong mỏi có một sự tập hợp giữa người Việt trong và ngoài nước, đặc biệt là những nhà văn, nhà báo những sĩ phu có ảnh hưởng đến quần chúng để chuẩn bị cho cuộc mai táng cho chế độ phi nhân cộng sản, để đất nước có cuộc thay da đổi thịt đem lại tự do, no ấm và tiến bộ cho dân tộc. Ông trải những suy nghĩ, ước mơ và hy vọng của ông trong những truyện ngắn

trong tập truyện Cánh Cửa và Quê Nhà Quê Người, tập truyện viết chung với nhà văn bào đệ Nhật Tuấn.

Sau đó, ông đứng chủ biên Tuyển tập Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương, tập hợp một số tác phẩm và những bài viết về Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng Tại Việt Nam 1986-1989; gồm 27 tác giả có tiếng tại hải ngoại như Nguyễn Mộng Giác, Nghiêm Xuân Hồng, Hoàng Khải Phong, Phan Tấn Hải, Thụy Khê, Nguyễn Đức Lập... Và 79 tác giả nổi tiếng trong nước như Dương Thu Hương, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Huy Thiệp, Hà Sĩ Phu, Phạm Thị Hoài... do nhà xuất bản Lê Trần tại California xuất bản năm 1990.

Trong Lời Nói Đầu, nhà xuất bản Lê Trần đã viết: “Đặt tựa đề “Trăm Hoa Đua Nở” cho Tuyển tập này chúng tôi muốn làm công việc tương tự công trình sưu tập văn liệu mà cụ Hoàng Văn Chí đã làm vào thập niên 50 với cuốn “ Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc “. Chúng tôi cũng muốn ghi lại những chứng tích của một cuộc đấu tranh cho Tự Do Dân chủ và Nhân quyền khởi đi từ những người trong nước hiện nay...”

Nguồn: <https://nhavannhattien.wordpress.com/tram-hoa-van-no-tren-que-huong/>



Hình bìa của hai tác phẩm gây nhiều tranh cãi

Cũng nên nhắc lại Tuyển tập Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc do Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm của những nhà văn, nhà báo, những người làm văn nghệ hưởng ứng chương trình sửa sai của chính sách cải cách ruộng đất đẫm máu người dân và những tàn bạo của giới thống trị tại miền Bắc vào những năm 1955-1958.

Cũng như “Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc”, ở trong nước, những người có mặt trong “Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương” đã bị trừ đập thẳng tay: tác phẩm của họ không được xuất bản, họ bị o ép, bị điều tra, bị mất việc, bị tù như nhà khoa học- nhà văn Hà Sĩ Phu, hay nhà văn Dương Thu Hương cuối cùng bà phải lưu vong vì không muốn bị bắt tù trở lại, hoặc cái chết đầy bí ẩn của vợ chồng nhà biên kịch Lưu Quang Vũ-Xuân Quỳnh (1988) và còn nhiều trường hợp khác.

Chỉ có một điều khác là “Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc” từ tác phẩm đến tác giả bị đảng và nhà nước CS vùi dập và trấn áp thẳng tay, thì “Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương” ngoài những trận đòn thù khốc liệt không kém trong nước, nó còn bị chối bỏ, vùi dập không nương tay tại hải ngoại, vùng đất mà quyền tự do phát biểu được tôn trọng gần như tuyệt đối. Và cánh chim đầu đàn là nhà văn Nhật Tiến bị đánh phá không nương tay. Có những người được gọi là nhà văn lớn viết bài chối bỏ “không hề có Phong Trào Văn Nghệ Phản Kháng trong nước”, họ lập luận: đó chỉ là phong trào phản kháng cuội do nhà nước CS lập nên để xoa dịu người dân. Họ nêu ra những lý do không căn cứ như những nhà văn, nhà báo trong phong trào này không ai bị đi tù (sic), nhà văn Nhật Tiến và nhà văn Nhật Tuấn là hai tay sai, đón gió của đảng và nhà nước CS, nhà văn Nhật Tiến là kẻ phản bội... Sau đó là những màn đấu tố trên báo chí với những lời thóa mạ bằng những loại văn chương phổ chợ.

Hy vọng của nhà văn Nhật Tiến về một vận hội cho quê hương đã hoàn toàn bị bóp chết!

Michael Bùi, giám đốc nhà xuất bản Huyền Trân, con trai út của nhà văn Nhật Tiến đã nhắc lại chuyện này trong bài “Bố Tôi” đăng trên FaceBook của anh để tiễn đưa cha mình như sau:

“...Với cả một công trình tim óc của cả trăm tác giả trong và ngoài nước như thế nhưng có một số người ở hải ngoại đã cắt xén những câu văn qua lời giới thiệu của Bố tôi để vu khống tập truyện “Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương”. Nào là công cụ của Đảng ta, nào là hòa hợp hòa giải với tà quyền, nào là bợ dít chế độ đương thời. Chưa thỏa mãn, họ còn đi vu cáo Bố tôi tiếp tay với nhà văn Bùi Nhật Tuấn để nhuộm đỏ hải ngoại, trong khi hỏi tới thì chính họ cũng chưa từng

đọc qua tập truyện đã được gom lại của cao trào phản kháng này, mặt mũi trang bìa ra sao, màu gì, họ cũng không hề biết. Qua danh nghĩa chống Cộng họ viết bài đánh phá Bồ tôi triền miên từ năm nay qua năm khác, cứ toác miệng ra vu khống chửi bới cho sướng cái mồm, khóc liệt đến nỗi chính những tác giả ở Hải Ngoại có bài trong “Trăm Hoa Vĩ Nở Trên Quê Hương” cũng phải e dè, không có một lời thanh minh thanh nga trong khi Bồ tôi đang bị đánh hội đồng...”

Trích

Nguồn: <https://www.facebook.com/michaeltrubui2/posts/10158453887488405>

Thật ra số người dám đứng ra nói lên lẽ công bằng có nhưng rất ít. Những năm đó tôi đã dọn nhà lên Austin, Ông chủ nhiệm Thanh Trúc đã giao tờ Ngày Nay cho nhà báo lão thành Nguyễn Ngọc Linh làm chủ nhiệm và nhà báo Trương Trọng Trác làm chủ bút, tôi chỉ còn là cộng tác viên, nhưng tôi và Trương Trọng Trác đã có những bài viết để nói lên lời công đạo cho Nhật Tiến và cho phong trào văn nghệ phản kháng trong nước. Nhưng không thấm vào đâu so với đám người đông đảo a dua trong những cuộc đấu tố bằng chữ nghĩa khóc liệt và dài nhiều năm khiến tinh thần của nhà văn Nhật Tiến mỗi mệt và buồn chán.

Ông chia sẻ với tôi: điều thất vọng nhất của ông là về thể thái nhân tình đổi trắng thay đen. Không cần phân biệt phải trái, không cần tìm hiểu sâu xa, ngọn nguồn, chỉ nghe chuyện đồn thổi, đọc những bài viết chụp mũ không căn cứ rồi người mới hôm qua đây còn ngồi trong nhà ông, ăn cùng bữa cơm, chia nhau từng tách cà phê, hôm sau đã có bài viết lên án, chửi rửa ông không tiếc lời. Rồi lại có những người bạn chủ báo, chủ bản tin từng là bạn cố tri, thân thiết với gia đình ông từ thửa còn ở Việt Nam cho đăng những bài viết đánh phá này mà chẳng màng gọi cho ông một cú điện thoại để kiểm chứng.

Có lẽ đối với họ lúc đó cái tin: “Nhật Tiến đã phản bội, Nhật Tiến bắt tay với cộng sản đâm sau lưng chiến sĩ...” là cái tin nóng, tin giật gân không thể bỏ qua, không thể không nói tới và họ không cần kiểm chứng, không cần phải nghe tiếng nói phía người bị kết tội. Nhất là sau chuyến viếng thăm Việt Nam vì người anh trai của ông lâm trọng bệnh vào năm 1991, trước và sau khi đi, ông không những bị chửi bới mà còn bị hăm dọa đến tánh mạng. Tất nhiên với tánh khí của ông, ông không hề khiếp sợ mà chỉ buồn phiền.

Những năm sau đó hầu như không muốn tiếp xúc nhiều với bên ngoài mà chỉ với một vài người bạn thân trong đó có tôi. Ông cũng ngưng sáng tác nhiều năm. Tới năm 2001 ông cộng tác với tờ Việt Tide do Mai Khanh, ái nữ của ông chủ

trương cho đến năm 2011. Sau đó ông trở lại viết biên khảo và dịch thuật cho đến khi về hưu vì sức yếu.

Nhà văn viết cho ai?

Tháng 10 năm 1992, ông được lãnh giải truyện ngắn quốc tế xuất sắc tại Đại Hội Các nhà văn Á Châu Thái Bình Dương tại Vancouver, Canada, tôi cũng được mời tham dự. Trong buổi nói chuyện với độc giả, gồm hầu hết là những nhà văn, nhà báo và sinh viên, một trong những câu hỏi khá thú vị dành cho các tác giả là “nhà văn viết cho ai?”. Những câu trả lời của 5 nhà văn được mời làm thuyết trình viên, trong đó có nhà văn Nhật Tiến cũng thú vị không kém. Người thì nói viết vì yêu văn chương, kẻ nói viết cho người yêu, có người thì nói rằng sự nghiệp văn chương của họ bắt đầu bằng thất tình, người trả lời rằng viết cho chính mình. Riêng nhà văn Nhật Tiến đã trả lời rằng ông viết cho những người khốn khổ, những mảnh đời rách nát, những người bị chèn ép ép, đối xử bất công, những người không tiếng nói với hy vọng thân phận của họ được quan tâm, tiếng nói của họ được lắng nghe để xã hội con người được tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Bài tường trình của tôi về Đại hội được chuyển tới nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, và anh rất tâm đắc. Anh cho đăng trên báo Người Việt Daily News, lúc đó anh đang làm Tổng Thư ký.



Hình trái: Nhà văn Nhật Tiến chụp hình với văn hữu tại Đại Hội Nhà Văn Á Châu và Thái Bình Dương tại Vancouver, Canada vào tháng 10, 1992. Giữa: Hình Triều Giang trong Đại hội. Hình phải Michael Bùi, giám đốc NXB Huyền Trân và những bức truyền thần do anh vẽ.

Hôm nay đây, mọi chuyện đã lắng xuống, nhà văn Nhật Tiến cũng đã vĩnh viễn ra đi, nhìn vào toàn bộ những tác phẩm của nhà văn Nhật Tiến viết trong gần 70 năm, mọi người hiểu được câu trả lời trên của ông rất chân thật, Ông cầm bút

không phải để mưu sinh, mặc dầu lượng và phẩm của các tác phẩm của ông đã tự nói lên ông là một nhà văn lớn và chuyên nghiệp. Nhưng vì “không phải qua sông, nên ông không phải lụy đời”. Ông không viết cho thị hiếu hoặc làm vừa lòng độc giả hay nhà xuất bản. Ông viết để thực thi một sứ mạng, sứ mạng tranh đấu cho người kém may mắn, cho người bị áp bức, cho công bằng xã hội, cho quê hương dân tộc đang bị tàn phá. Vì thế, nhận xét cho rằng nếu nhà văn Nhật Tiến không rời bỏ văn chương để làm chính trị, thì ông sẽ luôn là nhà văn đứng hàng đầu thì quả thực người nhận xét đã không hiểu văn chương của Nhật Tiến.

Những tác phẩm của ông đã được nhà xuất bản Huyền Trân cho in lại và đưa lên mạng internet toàn cầu. Số người tìm đọc vẫn không giảm. Thế hệ hôm nay và mai sau sẽ luôn có những trái tim thổn thức, rung động khi đọc văn của Nhật Tiến, và chính sự rung động đó sẽ xây dựng nên những con người với lòng nhân ái, biết yêu thương đồng loại, biết yêu chuộng cái hay, cái tốt mà phẫn nộ, đứng lên tranh đấu trước cái xấu, cái ác, cái hèn để xã hội mỗi ngày mỗi tốt đẹp và nhân bản hơn. Nhìn ở góc cạnh này thì nhà văn Nhật Tiến đã hoàn thành sứ mệnh của ông.

Và tôi tin chắc rằng nhà văn Nhật Tiến, chim én Nhanh Nhẹn của Hướng Đạo Sinh Việt Nam hôm nay đang bay lượn trên bầu trời tự do, ríu rít vui đùa bên cạnh người bạn đường yêu quý, nhà văn Đỗ Phương Khanh.

Hôm nhận được tin nhà văn Đỗ Phương Khanh từ trần, tôi gọi điện thoại tới nhà văn Nhật Tiến để chia buồn, ông rất yếu và chỉ nghe được tôi nói và trả lời rất yếu ớt, người chăm sóc cho ông phải nói lại cho tôi nghe và nhà văn Nhật Tiến đã nói với tôi: “Anh nghe Triều Giang nói đầy đủ. Anh cảm ơn rất nhiều!”. Tin ông từ trần hai tuần sau đó khiến tôi không ngạc nhiên nhưng cảm thấy như tôi vừa mất đi một điều gì đó rất gần gũi, rất quý giá của đời mình!

Vĩnh biệt nhà văn Nhật Tiến và nhà văn Đỗ Phương Khanh.



Người bạn nhỏ của anh chị.

Triều Giang (09/2020)

Vài Kỷ Niệm Với Nhà Văn Nhật Tiến

**** Hồ Thanh Nhã ****



Nhật Tiến 1998

Anh chỉ tay vào phòng ngủ và bảo; “Cậu vào lấy chiếc ghế gỗ đem ra đây rồi ngồi coi tôi làm!”. Tôi bước vào liếc sơ căn phòng và nói thảm: “Chà ông này bữa bãi dữ!”. Gối giường xô lệch, chỉ có cái bàn nhỏ, chắc để anh làm việc ban đêm. Đem cái ghế nhỏ đặt kế bên nhà văn, trước cái máy computer. Đưa cho anh mấy tấm ảnh của tôi để anh chọn. Hai bàn tay nhà văn cử động khó khăn vì bệnh thấp khớp. Anh chọn 2 tấm, đưa trả tôi các tấm còn lại và bắt đầu làm việc. Mũi tên đưa lên đưa xuống, ngang dọc, điều chỉnh độ sáng, màu sắc của bức ảnh. Anh mỉm cười hỏi tôi: “Cậu biết làm không?”. Tôi lắc đầu: “Em chỉ biết đánh bài và Email thôi, còn mấy chuyện này thì đành chào thua, phức tạp quá!” Anh gật gù tiếp: “Huy Trường còn làm hay hơn tôi nữa!” Huy Trường là nhân viên Đài Little Sài Gòn Radio. Nhà văn Nhật Tiến đang trình bày giúp tôi bìa sau tập thơ thứ hai của tôi, tập “Hương thơ đầu gió”. Bìa trước nhà văn đã làm xong tuần rồi. Bữa nay đem hình lại cho anh trình bày tiếp bìa sau. Lần nào trò chuyện với tôi nhà văn cũng gọi tôi là cậu và xưng tôi. Cách xưng hô thân tình nhiều năm nay.

Tôi nhìn anh làm việc say sưa, hai bàn tay thoăn thoắt trên computer như một nghệ nhân, quên hẳn có tôi ngồi bên cạnh. Đó là phong cách làm văn học của nhà văn Nhật Tiến. Niềm say mê này trải dài suốt sáu mươi năm, từ lúc anh mới 21 tuổi xuất bản lần đầu tác phẩm “Những người áo trắng” vào năm 1959. Cho đến nay bước vào lứa tuổi 80 nhà văn đã xuất bản hơn 30 tác phẩm. Thật là một hành trình dài đóng góp cho văn học miền Nam trước đây và văn học hải ngoại hôm nay. Thật là bá phúc cho cung cách làm văn học của nhà văn Nhật Tiến. Hình như làm văn học là lẽ sống của suốt cuộc đời nhà văn. Mặc cho những thay đổi của xã hội miền Nam, mặc cho những thăng trầm cuộc sống, từ khi còn ở trong nước đến khi ra hải ngoại, lúc nào anh cũng bền bỉ sáng tác. Nhà văn Nhật Tiến đúng là ngôi sao Bắc đẩu của văn học miền Nam hiện nay.

Sau chừng nửa giờ làm việc, nhà văn chỉ tay vào máy vi tính và gật gù bảo tôi: “Cậu thấy còn cần thêm bớt gì không?”. Tôi mỉm cười thán phục: “Quá đầy đủ rồi anh!”. Hai anh em bước ra bàn uống trà. Anh ký tặng tôi mấy cuốn sách vừa xuất bản. Nội trong hai năm 2015 và 2016 Anh sáng tác thêm 3 tác phẩm mới. Thật là một việc làm phi thường cho một người bước vào lứa tuổi 80 như anh vẫn còn minh mẫn và hăng say. Xem ra sáng tác văn học quả là lẽ sống của nhà văn Nhật Tiến nhìn từ mọi góc độ vậy.

Hoàn cảnh đưa đẩy tôi quen biết nhà văn Nhật Tiến cũng hơi lạ. Hồi còn đi học tôi có dịp đọc cộp tập truyện “Thềm hoang” của nhà văn. Truyện này đoạt giải văn chương toàn quốc năm 1962. Đọc thấy hay nhưng hồi đó chưa có ý niệm gì về văn học, cũng như chưa có dịp nào diện kiến với nhà văn. Thuở đó tôi cũng mới tập tễnh làm thơ, bài được đăng vài lần trên tuần báo Phụ nữ ngày mai và bích báo của trường. Sau này đi lính cũng có viết vài bài thơ trên báo Quân đội và đặc san Kỵ binh của binh chủng Thiết giáp.

Ra hải ngoại tôi bắt đầu gửi các bài thơ cho tuần báo Việt Tide ở Nam California. Lúc đó tôi chưa biết xử dụng máy vi tính, viết bài trên giấy trắng gửi cho tòa soạn bằng đường bưu điện. Cũng lạ là gửi bài thơ nào thì Việt Tide đều đăng bài đó. Bạn bè khuyến khích nên tôi sáng tác hàng tuần. Vài tháng sau tôi nhận được thư của một ông tên Bùi làm ở tòa soạn Việt Tide, bảo có bài thì gửi về nhà ông ở thành phố Garden Grove, Nam California. Lúc đó tôi cũng không biết ông Bùi

là ai, bảo gởi thì cứ gởi thôi và tuần sau thấy bài của mình cũng có đăng trên Việt Tide. Kéo dài cũng khoảng 2 năm.

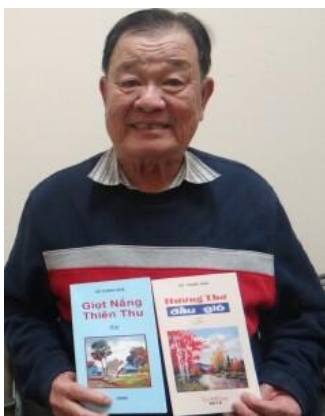
Một hôm nghỉ việc, tôi thử ghé tòa soạn Việt Tide và đài Little Sài Gòn Radio ở góc đường Brookhurst và Margo chơi cho biết. Gặp ông Vũ Quang Ninh và cô xưởng ngôn viên Nhã Lan thì mới biết Mr Bùi chính là nhà văn Nhật Tiến, Tổng thư ký tòa soạn. Lúc đó tôi mới rõ là suốt 2 năm qua mình đã giao thiệp hàng tuần với một cây cổ thụ của làng văn học Việt Nam. Thật là quá bất ngờ!

Tôi xin một cái hẹn gặp nhà văn tuần sau. Tới ngày hẹn, tôi ngồi đợi chừng 5 phút thì nhà văn vào. Ông siết chặt tay tôi và nói: “Tôi cũng mong biết mặt cậu đây!”. Chuyện trò giây lát tôi ngỏ ý muốn in tập thơ và đưa xấp bản thảo cho nhà văn. Anh sốt sắng nói ngay: “Tôi lay out giúp cậu, không tính tiền công đâu! Tôi thích thơ cậu lắm!”. Hầu hết các bài thơ này anh đều cho đăng trên tuần báo Việt Tide mấy năm qua. Sau đó, anh hỏi tôi định đặt tên tập thơ là gì? Tôi nghĩ đến tên một bài thơ nói về mối tình học trò của cậu học sinh tỉnh lẻ ở trọ đi học, làm quen với cô bé hàng xóm bằng cách hàng đêm gánh nước giùm cô ở vòi nước đầu hẻm. Tôi ngần ngừ: “Đặt tựa là ‘Vòi nước phong tên’ được không anh?”. Nhà văn Nhật Tiến nhíu mày. Cô xưởng ngôn viên Nhã Lan đứng gần bên ngắt ngang: “Đặt tên gì nghe gồ ghề thô kệch vậy chú Nhã!”. Nhà văn Nhật Tiến tiếp lời: “Bài thơ này thì hay thật nhưng tập thơ đầu tay thì cũng nên chải chuốt một chút.” Tôi chỉ vào một bài thơ khác viết về Mẹ: “Vậy đặt tên là ‘Giọt nắng thiên thu’ được không anh?”. Nhà văn gật đầu và vài ngày sau anh bắt đầu trình bày bìa trước bìa sau và lay out 42 bài thơ của tập thơ đầu tay này.

Sau này nhiều dịp đến nhà anh chơi, nhà văn cho tôi biết: “Cậu đã tạo cho mình một hướng đi vào văn học rất lạ. Đó là cách viết chuyện bằng thơ khiến đọc giả dễ chấp nhận. Tôi thích thơ cậu là vậy. Trước đây cậu gởi những bài thơ viết tay. Tôi sợ nhiều khi tôi không có mặt nhân viên tòa soạn nhận thư sẽ vứt vào sọt rác thì uổng. Bởi thế hồi đó tôi bảo cậu gởi về nhà tôi là vậy!”. Nhận được các bài thơ viết tay, anh mò mẫm đánh vào computer. Mấy ai làm được việc như anh. Thật là hành động đáng nể của một nhà văn lớn. Phải có lòng yêu văn học cao độ mới làm được việc như vậy trong suốt hai năm liền. Về sau tôi mua được máy computer nên việc giao thiệp với Việt Tide cũng dễ dàng hơn.

Sau này tuần báo Việt Tide đổi chủ, nhà văn Nhật Tiến nghỉ hưu, viết lách tại nhà. Tỉnh thoảng anh gọi tôi khuyến khích tiếp tục viết. Sau khi Ba tôi mất tôi buồn nên chẳng viết lách gì suốt mấy năm. Mãi đến vài tháng nay, đọc bài Thơ Xuân trên tường nhà dưỡng lão của tôi đăng trên báo Xuân Việt Stream năm 2016 nhà văn lại gọi tôi, thúc tôi viết thêm để ra tập thơ thứ hai. Thật là một nghĩa cử đáng khâm phục của một nhà văn lớn, khuyến khích người đi sau như tôi. Tôi trả lời anh: “Em mới viết có khoảng ba mươi bài mới, e rằng tập thơ còn mỏng quá!”. Anh bảo cứ gửi trước cho anh coi và hứa cũng lay out giùm như tập thơ trước. Thế là hết đường thoái thác, chần chờ gì được nữa. Nhờ có nhà văn khuyến khích tôi mới không lười nữa và tiếp tục viết thêm. Bài đã gửi cho anh rồi mà cứ chần chờ không viết tiếp thì cũng khó coi. Đó là phong cách làm văn học của nhà văn Nhật Tiến, lúc nào cũng thúc đẩy mọi người cùng sáng tạo. Thật đúng là bậc sư phụ của làng văn.

Nhà thơ Huy Trâm thỉnh thoảng rủ tôi đến nhà anh Nhật Tiến chơi. Lần nào chúng tôi đến anh cũng mừng, nói chuyện huyền thiên. Cả ba kéo ra cái bàn ngoài hiên uống trà. Nhà văn Nhật Tiến đã cai thuốc lá vài năm nay, chỉ có Huy Trâm và tôi còn hút lai rai. Khi ra về lúc nào anh cũng biếu chúng tôi mỗi người một hộp trà Thái Nguyên hộp thiếc hoặc vài cuốn sách mới in có đóng triện son cẩn thận.



Nhà văn nữ Nguyễn Thị Mát Nâu cũng tỏ ra hết sức kính trọng nhà văn Nhật Tiến. Chị cũng cho biết là nhà văn cũng giúp lay out hai cuốn sách của chị.

Nhân dịp Xuân về tôi cũng xin mạo muội viết lại vài kỷ niệm với nhà văn Nhật Tiến để tỏ lòng biết ơn một nhà văn lớn đã trọn đời cống hiến cho nền văn học Việt Nam trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm của xã hội Việt Nam trong nước và hải ngoại./.

Hồ Thanh Nhã

Một vài kỷ niệm với nhà văn Doãn Quốc Sỹ

**** Nhật Tiến ****

(Trích tạp chí Văn Học số 31 xuất bản tháng 08 năm 1988 tại Hoa Kỳ)

Mặc dù cùng là những cây bút xuất hiện ở miền nam sau 1954, tôi vẫn coi Doãn Quốc Sỹ như một bậc đàn anh. Trước hết về vấn đề tuổi tác. Trong khi anh Doãn Quốc Sỹ là sinh viên Văn Khoa ở Hà Nội, thì tôi vẫn còn là một học sinh bậc trung học. Mà học sinh bậc trung học thời đó (trước 1954), nhìn lên giới sinh viên thấy họ như ở một thế giới nào cao xa và cách biệt lắm. Sinh viên có hoạt động của sinh viên. Học sinh, nhất là học sinh Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Trưng Vương có những hoạt động riêng của họ. Sự hợp tác hoạt động trong lãnh vực văn hóa, xã hội của hai giới này hầu như chưa bao giờ đặt ra, vào thời điểm đó.

Sau nữa, trong khi anh Doãn Quốc Sỹ xuất hiện sôi nổi với tác phẩm Trái Cây Đau Khổ trên tạp chí Lửa Việt, diễn đàn của sinh viên Văn Khoa Hà Nội mới di cư vào nam, thì tôi vẫn loay hoay với những trang bản thảo chưa hề được đăng báo hay xuất bản của mình. Sinh hoạt văn học nghệ thuật ở miền nam 1954-1958, đối với tôi vẫn còn là miền đất xa lạ mà tôi chưa được hân hạnh bước chân vào mặc dù tôi vẫn đọc rất nhiều tác phẩm của những nhà văn, nhà thơ đang nổi tiếng ở thời kỳ đó, trong đó có cả anh Doãn Quốc Sỹ.

Thế mà năm năm sau, do một sự tình cờ, tôi lại được đứng chung cùng với anh trong danh sách tác giả trúng giải thưởng văn chương toàn quốc được tổ chức cứ hai năm một lần. Anh Doãn Quốc Sỹ được giải về truyện ngắn với tập Dòng Sông Định Mệnh cùng với Linh Bảo với tập truyện Tàu Ngựa Cũ, còn tôi thì về truyện dài với cuốn Thềm Hoang. Hôm tham dự lễ trao giải ở Câu Lạc Bộ Báo Chí, sau này đổi thành Phòng Thông Tin Đô Thành, tôi đã được tiếp xúc với anh lần đầu, mặc dù trước đó tôi đã gặp anh, biết anh nhưng chưa có dịp trò chuyện với anh!

Người anh cao và gầy, khuôn mặt xương xương, cử chỉ từ tốn, điềm đạm, anh đã cho tôi cái cảm giác giản dị, tin cậy, dễ hòa hợp và hết sức thoải mái khi trò chuyện. Ở nơi anh, đúng là có sự hòa hợp giữa hai con người: một nhà văn, một nhà giáo và anh đã giữ mãi sự hòa hợp này trong suốt hơn hai mươi năm tham gia trong cả hai lãnh vực giáo dục và văn hóa.

Sau lần tiếp xúc ngắn ngủi đó, chúng tôi chưa thể gọi là thực sự quen nhau, hay nói đúng hơn, giữa chúng tôi chưa có tình bạn, dù là bạn vong niên. Anh Doãn

Quốc Sỹ bận rộn với những công việc anh: vừa sáng tác, vừa dạy học. Anh đã viết rất nhiều, rất đều, kể cả sự xuất hiện trên những tạp chí văn học nổi tiếng thời đó lẫn việc ấn hành những tác phẩm mới. Kể từ ngày biết anh, không lần nào in sách anh lại không dành cho tủ sách gia đình của chúng tôi một ấn bản đặc biệt với lời đề tặng và chữ ký của tác giả. Như thế, dù ít có dịp được gặp gỡ anh để hàn huyên, hình như chúng tôi đối với nhau vẫn gần gũi, qua những hoạt động văn nghệ, qua những truyện ngắn đăng báo hoặc các tác phẩm đã in.

Năm 1971, do sự đề nghị của anh Nguyễn Hùng Trương tức giám đốc nhà sách Khai Trí, tôi nhận lãnh chức vụ chủ bút tuần báo Thiếu Nhi do anh Trương đứng chủ nhiệm. Đây là một việc làm cần thiết, đáp ứng nhu cầu sách báo thiếu nhi đứng đắn và hiem hoi vào thời kỳ đó. Qui tụ quanh tòa soạn của tờ báo này hầu hết những nhà giáo như anh Đặng Hoàng, anh Vũ Văn Kiệt (bút hiệu Vịt Mò), Lê Xuân Nho, Phạm Đức Huyền hay những cây bút trẻ như Phan Khương Thái, Trần Mai Hoạt, Vũ Thị Ca Dao...v.v.. Đối với những nhà văn cỡ lớn như các anh Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Ngu Í, Lê Tất Điều (tất cả vốn cùng là gốc nhà giáo cả), tòa soạn chúng tôi một phần biết các anh bận rộn, phần khác không biết là báo của mình sẽ lớn mạnh, vững vàng được đến đâu, nên chỉ thông báo công việc mình đang làm mà không dám chính thức mời cộng tác.

Ấy vậy mà một hôm rất đột nhiên, anh Doãn Quốc Sỹ tìm đến thăm tòa soạn Thiếu Nhi hồi đó đặt ở đường Thiệu Trị, một con phố nhỏ ở ngay kề cận cổng xe lửa số 6, đường Trương Minh Ký. Sự thăm viếng đột ngột của anh làm tòa soạn chúng tôi hết sức cảm động. Điều đó chứng tỏ dù bận rộn đến đâu, anh cũng vẫn quan tâm đến những nỗ lực của bạn bè trong những công tác giáo dục. Anh thăm hỏi về tình hình sinh hoạt tòa soạn, về số lượng ấn hành và số báo bán được. Rồi anh trao cho chúng tôi bản thảo một truyện ngắn viết riêng cho Thiếu Nhi. Điều mà chúng tôi hết sức mong mỏi nhưng không bao giờ dám gợi ý ra. Anh cũng không chỉ gởi bài cho chúng tôi riêng lần ấy mà liên tục sau này, anh còn gởi đăng nhiều truyện khác đặc biệt có màu sắc giáo dục thanh thiếu nhi. Sự quan tâm và lòng ưu ái của anh đối với tòa soạn đã khích lệ chúng tôi rất nhiều trong những năm sau này trông nom nội dung tờ Thiếu Nhi (từ năm 1971 cho đến khi miền nam sụp đổ)

Nhắc đến nhà văn Doãn Quốc Sỹ với tờ Thiếu Nhi, tôi không khỏi ngậm ngùi nghĩ đến anh Nguyễn Ngu Í, cũng với một tấm lòng thiết tha với tuổi trẻ như anh Sỹ. Tôi còn nhớ, khi tờ báo phát hành được 5 số thì một hôm tòa soạn nhận được một lá thư dài của anh Nguyễn Ngu Í, trong đó ngoài những lời khen ngợi thông thường, anh còn để một đoạn thật dài nhắc nhở chúng tôi về vấn đề chính

tả. Anh bảo báo chí dành cho giới trẻ thì tuyệt đối phải in đúng chính tả và phải hết sức thận trọng khi dùng từ ngữ.

Anh lấy ngay một thí dụ chình ình trên báo Thiếu Nhi: “Ra hàng tuần, ngày Chủ Nhật”. Anh chỉnh lại: “Báo ra hằng tuần, chứ không phải hàng tuần”. Những bài học của các bậc đàn anh như thế không bao giờ chúng tôi quên được, không chỉ ở một từ ngữ đơn lẻ nhưng là cả một thái độ thận trọng trong công việc viết lách, nhất là việc viết cho giới thiếu nhi.

Ngoài công việc sáng tác và dạy học, anh Doãn Quốc Sỹ còn nghiên cứu về Thiên. Khi anh cho xuất bản cuốn “Vào Thiên”, tôi hơi ngạc nhiên tự hỏi anh lấy thì giờ ở đâu để có thể đi sâu vào một lãnh vực cao siêu như thế. Nhưng quả thật tinh thần của Thiên đã ảnh hưởng sâu xa trong tư tưởng của anh và sau này hẳn đã giúp ích anh rất nhiều trong những năm dài tù tội.

Hồi đó anh Doãn Quốc Sỹ có một chiếc xe hơi loại Daihatsu dùng để chuyên chở nhẹ. Anh hay dùng chiếc xe này để chở sách đi phát hành. Quản lý của tờ Thiếu Nhi khi đó là Đỗ Phương Khanh thường hay gặp anh ở nhà phát hành. Một lần không thấy anh chở sách bằng xe hơi mà bằng xe gắn máy. Đỗ Phương Khanh hỏi: - Chiếc xe mọi khi của anh đâu rồi?

Anh mỉm cười, giọng nhẹ nhàng thản nhiên: - Bị lấy trộm mất rồi!

Anh có mỗi một chiếc xe, phải kể như một tài sản quý hồi đó. Thế mà mất xe, anh không hề tỏ vẻ bức bối hay oán trách. Đỗ Phương Khanh rất cảm phục anh ở thái độ này và thấy rõ anh đã thấm nhuần sâu xa tinh thần hỉ xả của Thiên.

Sau năm 1975, chúng tôi đến thăm anh ở căn nhà trong khu ngõ đường Thành Thái. Lần cuối cùng chúng tôi thăm anh vào thời gian trước khi anh bị bắt một tuần lễ. Và thời điểm đó, tin tức lọt ra từ Hội Văn Nghệ Thành Phố về danh sách những nhà văn sắp sửa bị bắt đã loan truyền rộng rãi trong giới văn nghệ. Trong danh sách này có tên anh Doãn Quốc Sỹ. Vì thế, chúng tôi đến thăm anh với tất cả mọi sự bồn chồn lo lắng và ngao ngán, cái ngao ngán chung của những người cùng một giới đang bị bao phủ bởi một bầu không khí nghiêm trọng nặng nề.

Tuy nhiên, lúc gặp anh, chúng tôi vẫn thấy anh điềm nhiên, vui vẻ. Vẫn dáng dấp điềm đạm, đôi mắt sáng, hiền từ, nụ cười thản nhiên, đôn hậu. Anh chuyện trò với chúng tôi một lát thì tiến lại cái dương cầm màu nâu nhỏ kê ở ngay ngoài

phòng khách. Anh dạo cho chúng tôi nghe một bản nhạc cổ điển Tây phương. Qua những âm thanh thánh thót, tôi thấy cả tâm trạng bình thản của anh lúc đó. Lúc chia tay, chúng tôi không nói được gì nhiều với nhau. Chẳng ai muốn nói gì nhiều với nhau lúc đó. Chúng tôi chỉ nắm chặt lấy bàn tay nhau và truyền cho nhau những ý nghĩ an ủi, cảm thông.

Một tuần sau, chúng tôi được tin anh bị bắt. Rồi những tin tức từ trong tù truyền ra, chúng tôi được biết dù đã bị chịu rất nhiều đắng cay, tủi cực nhưng anh vẫn luôn luôn bình thản. Anh là một trong những người tù đã khiến cho ngay đến cả những quản giáo cũng phải cảm phục.

Một người như anh, một người cha gương mẫu trong gia đình, một nhà giáo đầy tài năng và tận tụy, một nhà văn chững mực chỉ viết ra những điều làm đẹp con người, làm đẹp xã hội, và một con người đầy nhân cách, giàu lòng vị tha, tôi tự hỏi một con người như thế lại bị gạt ra ngoài xã hội và phải chịu nằm tù rông rã trong bao nhiêu năm trời, thì chế độ Cộng Sản là cái thứ gì?



Nguyễn Chí Thiện – Nhật Tiến 2012

Hoàn cảnh của anh khiến tôi so sánh với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện gần cả một đời người ra tù vào khám ở miền Bắc. Ước mơ của Nguyễn Chí Thiện thể hiện qua thi ca cũng chỉ là những ước mơ được sống trong một xã hội bình an, với một đời sống bình dị mỗi khi chiều xuống được nghe tiếng sáo diều vọng lại từ những cánh đồng êm ả, được ăn no, mỗi mùa có đủ áo ấm, lạnh lặn để mặc.

Vậy mà những ước mơ ấy không bao giờ thành, dưới chế độ vẫn thường vỗ ngực tự hào là một chế độ ưu việt.

Vì không có khả năng thực hiện được những mộng ước rất bình thường của những con người rất bình thường, nên chế độ đã phải bỏ tù những kẻ sĩ đã dám nói lên những sự thực xót xa ấy.

Nhưng càng giam giữ những con người như Doãn Quốc Sỹ, như Nguyễn Chí Thiện và hàng trăm văn nghệ sĩ khác nữa ở cả miền Nam lẫn miền Bắc, chế độ hiện tại ở Việt Nam chỉ biểu lộ sự yếu kém và phi chính nghĩa của mình.

Đối với chúng tôi, những người may mắn hơn anh Doãn Quốc Sỹ, anh Nguyễn Chí Thiện, tuy không phải chịu đựng những năm tháng nhục nhằn trong ngục tù cộng sản, chúng tôi vẫn luôn luôn nhìn về các anh như những biểu tượng sáng chói của lý tưởng đấu tranh cho tự do và quyền làm người.

Nhật Tiến / Tháng 5- 1988



Doãn Quốc Sỹ – Nhật Tiến 2012

“Mồ hôi của đá” của Nhật Tiến

**** Thế Uyên ****

(Mồ hôi của đá, truyện dài của Nhật Tiến, Tủ Sách Cảnh Nam xuất bản tại Arlington, Virginia, năm 1988, bìa và phụ bản của Trương Anh Thụy)



Nếu bảo rằng đa số những người cầm bút ra hải ngoại đều hay bóp méo sự thực khi cầm bút viết về Việt Nam thì là điều quá đáng, nhưng nếu bảo rằng ai cũng trung thực với sự thực của lịch sử, lại là điều hoàn toàn không đúng. Trong những người cầm bút có can đảm tả đúng những gì đã xảy ra trước và sau 1975 tại Việt Nam, chúng ta có không nhiều, và đương nhiên trong thành phần nhà văn trung thực này có mặt Nhật Tiến.

Đọc Mồ hôi của đá, độc giả không thấy những huyền thoại kiểu: cả trăm ngàn quân nhân tự sát vì không chịu buông súng, giáo chức thì bỏ dạy để phản đối chính quyền cộng sản, các mật khu kháng chiến mọc ra như nấm, đánh cộng sản tươi bởi hoa lá,.. v.v... Nhật Tiến đã có can trường tả đúng những gì xảy ra tại miền Nam sau tháng 4-1975, và nhất là tại Sài Gòn. Ông đã, qua những nhân

vật Nguyệt, Vũ, Toàn, ông Hồng Phát . . miêu tả rõ tâm trạng thực sự của dân miền Nam những năm đầu. Đó là thứ tâm trạng thoả hiệp với chính quyền mới.

Chính quyền cũ và quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã tan rã, nay có muốn chống đối tiếp cũng không thể nổi. Dân thời này hay nói với nhau: Lúc còn cả triệu quân có súng còn chẳng đánh nổi cộng sản nữa là bây giờ. Thứ tâm trạng cầu an này không có gì để ngạc nhiên vì đó là thứ tâm trạng phổ biến trong nhiều thời đại tại các không gian khác nhau. Điểm đặc biệt Nhật Tiến đã nêu lên được là sự quyến rũ đầu tiên của “chính nghĩa cách mạng” do đảng cộng sản đưa ra. Từ bộ đội miền Bắc đến bộ đội của Nguyễn Hữu Thọ, từ quân sự đến dân sự, đều lớn tiếng nhấn mạnh đến công cuộc cách mạng của họ, không phải chỉ có một, mà tới “ba dòng thác cách mạng”. Không phải nhắc ngày nhắc đêm, mà bắt toàn dân miền Nam đều phải học tập cho hiểu và cho nhớ. Và đương nhiên đa số dân đều bị tác động, chỉ có điều tin nhiều hay ít hay bán tín bán nghi, thì tùy từng người mà thôi. Nhật Tiến đã tả đúng thứ tâm trạng này trong đoạn văn sau: *Mỗi người vì mọi người. Mọi người vì mỗi người. Một xã hội như thế ai mà không mơ ước! Phải chăng, mấy trăm ngàn sĩ quan các cấp thuộc quân lực cũ sẵn sàng đi trình diện học tập trong khi guồng máy công an, cảnh sát của chế độ mới hãy còn ở giai đoạn phôi thai chưa đủ khả năng ruồng bắt, tóm gọn, ấy cũng là vì xuất phát từ một tấm lòng tha thiết muốn được góp phần vào công cuộc xây dựng lại quê hương sau bao nhiêu năm hoang tàn vì chiến tranh (trang 55)*

Đối với những người lớn tuổi, kể cả thành phần quân cán chính của chế độ cũ, đa số đều bán tín bán nghi: Họ (cộng sản Việt Nam) nói họ làm cách mạng xã hội để xây dựng một xã hội lý tưởng, hay hơn, công bằng dân chủ hơn chế độ Việt Nam Cộng Hòa, vậy thì ta “hãy cứ chống mắt” lên xem họ làm. Còn đối với lớp trẻ, thì chính nghĩa cách mạng cộng sản quyến rũ hơn nhiều. Thí dụ như nhân vật chính Nguyệt. Là nữ sinh Nguyễn Bá Tòng mới trở thành sinh viên Đại học Văn Khoa chưa được bao lâu, Nguyệt đã nhiệt thành tin tưởng ở chính nghĩa vô sản, do đó đã trở thành Bí thư Chi đoàn trong nhà in Hồng Phát nơi cô đang làm việc. Với chế độ xã hội chủ nghĩa, kể như Nguyệt trở thành general manager, cô giám đốc có toàn quyền sinh sát đối với toàn thể công nhân, kể cả ông chủ nhà in thực sự là ông Hồng Phát.

Nguyệt có hai người yêu. Người đầu là Vũ, sinh viên y khoa năm thứ ba bỏ ra bụng theo mặt trận Nguyễn Hữu Thọ. Người yêu thứ hai là Toàn, cựu sinh viên Luật, động viên thành thiếu úy, bị thương giải ngũ nên không phải đi cải tạo năm 1975. Ba người này tượng trưng cho giới trí thức trẻ của miền Nam.

Về phía cộng sản đang nắm quyền, có hai nhân vật xuất hiện. Một là ông Sáu Thu theo đảng từ mấy chục năm nhưng trong thâm tâm đã mất lòng tin ở chủ nghĩa Mác-Lê. Bây giờ ông chỉ lo giữ ghế và hưởng thụ tối đa những gì miền Nam có thể mang lại.

“ Như ông Sáu Thu là một trường hợp điển hình. Ông đã miệt mài đấu tranh để loại bỏ một giai cấp, nhưng ông lại đang ở trên đà trở thành kẻ thay thế lớp người cũng ở giai cấp đó. Nói khác đi, cách mạng đâu có xóa bỏ nổi giai cấp áp bức, bóc lột. Nó chỉ thay thế lớp người làm công cuộc áp bức, bóc lột đó mà thôi.”
(trang 65)

Ông Năm Tỏa thì trái lại. Ông thuộc thành phần cán bộ miền Nam, theo đảng vì tưởng đảng mang lại cho dân một chế độ tốt hơn hẳn chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà ông biết trước đây. Bây giờ cách mạng thành công rồi, đất nước đã thống nhất, ông mới chua xót nhận ra là chế độ xã hội chủ nghĩa nhập cảng từ lục địa phương Bắc, là một chế độ tồi tệ đến độ ông thường cay đắng than: *“Cả cuộc đời tôi đi làm cách mạng đâu phải để thể hiện một cái xã hội như thế này.”*

Nhận định này biểu lộ tâm trạng chung của những người đảng viên cộng sản đổi mới bất cứ ở đâu, từ Hungary, Ba Lan tới Liên bang Xô Viết. Chính cái ông cộng sản có tâm thức glasnost, đổi mới này đã khuyên Nguyệt như sau: *“ Thôi Nguyệt ạ, đừng loay hoay làm gì cho mất công. Cái đời chó đẻ này, ở đâu cũng thế. Lý thuyết một đảng, thực hành lại đi một đảng khác. Như tôi, đấu tranh gần cả một đời, gian nan nào cũng vượt, khó khăn nào cũng qua, ấy thế mà, lúc cầm được vinh quang trong tay lại là lúc chao đảo niềm tin một cách náo nức nhất. Chẳng phải chỉ có một mình Sáu Thu đâu, chúng nó mất phẩm chất la liệt. Trước thì còn nghĩ được rằng đó chỉ là hiện tượng nhưng rồi không thể chối cãi được rằng hiện tượng đó đã trở thành bản chất mất rồi !”* (trang 69)

Trong những năm đầu sau tháng 4-75, dân miền Nam có thói quen coi bất cứ ai đội nón cối đi dép râu đều là “cán bộ và bộ đội cộng sản”. Nhưng rồi với thời gian, dân miền Nam dần dần hiểu ra rằng ngoài Bắc cũng có hai thành phần dứt khoát: thành phần thống trị là đảng, và thành phần bị trị là dân – và dân thì đối khổ vô cùng tận. Kể từ đó dân bị trị hai miền thông cảm với nhau hơn, cùng ngấm ngấm ghét cay ghét đắng “tụi nó” (từ thông dụng mà dân Bắc hay dân Nam cùng dùng mỗi khi nói tới đảng và công an). Làm sao dân miền Nam không chằm dứt hiện tượng vợ đũa cả nắm dân miền Bắc khi chính một người miền Bắc đã nói với bà con miền Nam như sau:

”Đừng tin những gì chúng nó nói, cháu ơi. Xã hội miền Bắc sau gần 30 năm tiến hành xây dựng xã hội chủ nghĩa, đời sống vật chất càng ngày càng nghèo đi, mà đời sống tinh thần cũng theo đó mà suy sụp theo nữa. Con người không còn tâm trí nào khác hơn là chỉ lo toan đến những nhu cầu vật chất tối thiểu. Như một đàn cừu dưới làn roi vọt, con thì được chia nhiều cỏ hơn, con thì được ít hơn. Nhưng chung quy vẫn chỉ là những con cừu thụ động đi theo sự hướng dẫn của đảng và nhà nước. (trang 82)

Đó là nói về quảng đại quần chúng miền Bắc. Vậy còn giới trí thức mà mọi người nội địa hay gọi đùa là “giới sĩ phu Bắc hà” thì sao? Giới này vẫn còn tồn tại nhưng nín khe sau vụ Nhân Văn – Giai Phẩm. Đa số những người này suy nghĩ như nhân vật nhà văn miền Bắc tên Hoàng: “*Từ khước phương tiện văn chương chỉ là một thái độ tiêu cực. Điều đó có nghĩa là phó mặc mọi việc nước cho một thiểu số mặc sức tung hoành. Kết quả, kẻ đứng ngoài cũng vẫn chịu ảnh hưởng đến đời sống của mình chứ không phải vì thế mà tránh thoát. Cho nên hãy cứ xông vào, chấp nhận qui luật của chế độ mới để tạo một đất đứng cho mình. Dần dà, số người tham gia sẽ trở thành những nhân số tích cực, ảnh hưởng vào cơ chế mới, khiến cho nó thay đổi. Nhân số tích cực càng nhiều, thời gian thay đổi càng rút ngắn. Đó là quan điểm phổ biến của nhiều người cầm bút miền Bắc . . . (trang 89)*

Chính nhà văn miền Bắc này đã nhận định: “*Miền Bắc, sau gần 30 năm kì mị kẹp, không trông mong gì được về một phong trào chống đối nào. Mọi người đã kiệt quệ, mòn mỏi. Tuổi trẻ thì khi sinh ra đã ở trong lòng chế độ. Họ hoàn toàn*

xa lạ với những tin tức bên ngoài và những tư tưởng tự do. Họ không đủ yếu tố để trở thành hạt nhân của sự suy nghĩ mới. Xã hội bế tắc nhưng vẫn cứ tồn tại. Tồn tại trong những điều kiện thấp kém nhất của nhu cầu tối thiểu làm người. Hoàng hướng về quần chúng miền Nam với một ước vọng thầm kín. Lịch sử không thể tái diễn đối với phần đất đã từng có hơn 30 năm tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Đảng và nhà nước có trấn áp, có tiêu diệt, có áp dụng triệt để bạo lực cách mạng thì những gì đã xảy ra ở miền Bắc vẫn không thể xảy ra trọn vẹn ở miền Nam.” (trang 93)

Chính với một ý hướng như thế, Hoàng đã gặp những Nguyệt, những Toàn của miền Nam để phổ biến bản tuyên ngôn của “Nhóm Văn Nghệ Chân Đất”, hoạt động bí mật trong giới cầm bút gốc miền Bắc, trong có đoạn như sau: “*Chúng tôi, những con người vốn sinh ra như con người dưới mặt trời muôn thuở, kêu gọi tất cả mọi sáng tác phẩm được viết phải dành cho mọi trái tim yêu thương chứ không dạy mọi người phải căm thù và chuyên chính ! Với bộ ngực trần, chúng tôi tuyên chiến với mọi thứ văn hóa bịp bợm, lối bịch đang ngày đêm làm bầu không khí xung quanh chúng ta. Hãy chống mọi thứ ô nhiễm đang đầu độc nền văn hiến 4.000 năm. . . . (trang 159)*

“Mồ hôi của đá” được xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1988, nghĩa là Nhật Tiến đã hoàn tất cuốn truyện trước đó. Vào thời điểm ấy, sự hiện diện và nỗ lực của Nhóm Chân Đất kể như không mấy ai chú ý. Nhưng những năm về sau, thực tế đã trả lời là họ có thật và làm được thật. Những Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Nhật Tuấn, Nguyễn Duy . . . đã xuất hiện thật mạnh mẽ với nhiều tác phẩm có giá trị về tư tưởng cũng như nghệ thuật.

Nhưng đó chỉ là trong địa hạt văn nghệ và vận động tư tưởng quần chúng cho một sự đổi thay lớn lao cho một tương lai chưa tới. Về thực tế, cụ thể, trong cuộc sống chính trị xã hội kinh tế hàng ngày thì sao? Câu trả lời khá giản dị: Đổi Mới đã có, đã xảy ra và đang diễn tiến, dù con đường dẫn tới một “C.I C Việt Nam” thay cho Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa vẫn còn dài. (nhà văn Thế Uyên không ghi chú 3 chữ tắt này nên không rõ ông ngụ ý gì, ghi chú của người đăng bài)

Dù là đi “chân đất, ngực trần” như nhân vật Hoàng trong truyện, hay “ngồi bệt xuống cỏ” mà nói lên tiếng nói của lương tri như Dương Thu Hương, người trí thức, người nhà văn dẫn thân của Việt Nam cũng đã hoàn tất đáng khen thiên chức của mình.

Nhật Tiến đã kết thúc tác phẩm của mình bằng cách cho Nguyệt bị ông Sáu Thu (vẫn mê nàng một cách rất xác thịt từ lần đầu gặp gỡ) lừa cho uống thuốc mê để phá trinh nàng. Sự kiện này là giọt nước làm tràn cái ly: Nguyệt đi tới chỗ không còn tin tưởng ở “cách mạng nói chung” nữa. Nhưng Nguyệt biết làm gì bây giờ, một khi nàng từ khước giải pháp bỏ cuộc, quay lưng lại với nỗi khổ khổ của dân tộc, vượt biên ra đi đến Canada hay Mỹ để làm lại cuộc đời nhỏ bé của mình trong bình yên ?

Nguyệt không còn tin ở phe chiến thắng cũng như phe chiến bại bởi vì những người : ” . . . như Sáu Thu, như Vũ, và những cán bộ được chuyển từ miền Bắc vào. Họ luôn luôn tự mãn với thành quả chiến thắng vừa đạt được. Họ làm như đã đạt tới tột đỉnh của vinh quang và không bao giờ muốn đổi thay nó. Nghĩ tới đổi thay bây giờ là đụng chạm tới hủ ký” . . . “Còn cái vỏ thứ hai thì dành cho những kẻ như Toàn. Chàng tiếc nuối quá khứ và do sự tiếc nuối này, chàng không chấp nhận bất cứ cái gì không thuộc về quá khứ. Thật ra có ích gì đâu khi đứng bên lề cuộc sống và gặm nhấm tất cả những nỗi buồn tủi, ê chề, thiếu thốn do chính cuộc sống đem lại mỗi ngày . . . “ (trang 162)

Phe chiến thắng không còn tin được, phe chiến bại cũng không xài vào việc gì, vậy giải pháp nào đây cho toàn dân Việt Nam? Nhật Tiến đưa ra giải pháp “Năm Tòa”, kể ngay từ lúc xuất hiện trong truyện đã nổi danh vì câu: Tôi đi làm cách mạng, hy sinh cả một đời, đâu có phải để thực hiện một xã hội như thế này!

“ Hẳn lòng ông mang đầy mặc cảm tội lỗi. Nhiều đảng viên, đoàn viên, cán bộ chắc cũng đã mang mặc cảm tội lỗi như thế, nhất là những thành phần trong đám đã từng tham gia Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, không vì xã hội chủ nghĩa mà vì lòng yêu nước. Nhưng ông Năm Tòa đã hơn hẳn nhiều người có cùng một tâm sự như ông. Ở chỗ ông không dừng lại. Dừng lại là phủ nhận lý tưởng của mình, là tiếp tay cho bạo lực, là có tội chứ không có công với tổ quốc, với đồng

*bào. Ông đã lẳng lặng tiếp tục bước đi nữa trên con đường chông gai của mình.
(trang 165-166)*

Khi thấy Nguyệt (và khối người như Nguyệt thật là đồng đảo) lâm vào bế tắc, ông Năm Tỏa đề nghị mời Nguyệt tham gia vào mật khu mới của phe ông: *“ Cô sẽ không thấy một chiến khu rầm rộ súng ống và những chiến sĩ thao dượt ngày đêm như cái danh từ vốn mang đầy đủ hình ảnh đẹp đẽ ấy . . . anh em chúng tôi ở đây quan niệm rằng súng ống của chúng tôi là súng ống mà chính quyền hiện đang có, quân đội của chúng tôi là quân đội đang phục vụ chế độ ở dưới cờ. Tất cả những phương tiện đó sẽ là của chúng ta nếu chúng ta thành công trong công cuộc thay đổi não trạng của tất cả mọi người. Chúng ta sẽ nhóm lên những ngọn lửa và trông chờ nó lan thành những cơn bão lớn, chứ không phải trông chờ ở những ai bật đèn xanh, đèn đỏ gì hết. (trang 170)*

Những điều ông Năm Tỏa nói trên, vào thời điểm những năm 1987-88, còn mang tính cách dự tri, hơi nặng phần văn chương khoa học giả tưởng. Nhưng thực tế của những năm sau đó đã chứng tỏ sự thay đổi não trạng của những lãnh tụ và đảng viên cộng sản đã xảy ra thật.

Bắt đầu từ Ba Lan, lan dần khắp Đông Âu. Để rồi tận cùng, tại Liên bang Sô Viết, nơi phát sinh ra các chế độ xã hội chủ nghĩa trên thế gian, chính những người đảng viên cộng sản cao cấp như Gorbachev, Yeltsin . . . đã đứng lên giải tán các đảng cộng sản, để mặc dân đập tan các thần tượng và tượng thật của những thánh tổ đỏ xưa kia như Mác, Lê-nin.

Tại Việt Nam, những ông Năm Tỏa đã xuất hiện và đã đổi mới được một phần nào chế độ. Nhưng với Nhật Tiến thì không phải chỉ có những ông Năm Tỏa mà thôi. Trong đoạn chót của Mồ hôi của đá, Nhật Tiến đã cho nhân vật chính Nguyệt gặp gỡ trong mật khu kiểu mới của Năm Tỏa một đại úy của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Đó là một hình ảnh tượng trưng cho giải pháp mơ ước của Nhật Tiến: *“ Những người cộng sản trong sạch và biết nhận ra sai lầm trong quá khứ sẽ hợp tác với những người tốt của Việt Nam Cộng Hòa xưa kia, kể cả các sĩ quan cải tạo để cùng làm một cuộc cách mạng mới hay một công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.”*

Nếu có một vấn nạn nào có thể nêu ra để kết thúc bài này, thì đó sẽ là: Vào thời điểm Nhật Tiến viết Mồ hôi của đá, chưa hề có chương trình H.O. cho phép các sĩ quan cải tạo mang vợ con đến Mỹ làm lại cuộc đời trong khiêm tốn nhưng an bình. Bây giờ các sĩ quan ấy đã, đang và sẽ còn ra đi đều đặn . . . đến độ những người đọc đến trang chót Mồ hôi của đá có thể tự hỏi: Đến cái ngày mà những người trong nước, chủ yếu là các đảng viên cộng sản đổi mới, viết lại một lần nữa hiến pháp, xóa bỏ chủ nghĩa Mác-Lê và chuyên chính vô sản, thì liệu có còn một sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa nào nữa không, để đứng cạnh những cô Nguyệt, những ông Năm Tỏa của Việt Nam?



Thê Uyên

(Văn Học- tháng 7-1992)

Nhà văn **NHẬT TIẾN**

(1936 - 2020)



**COTHOM FOUNDATION THÀNH KÍNH PHÂN ƯU
CÙNG TOÀN TANG QUYẾN**



Biên soạn: **Phan Anh Dũng** (Rockville, Maryland USA)

Thực hiện: tháng 9, 2020 – Hiệu đính: tháng 9, 2021